

diễn đàn

Số 100/10.2000

ISSN 1164-2378

F O R U M



tranh KHANH TRUONG

Những người thợ xé

phim truyện của **Vương Đức**

(nói tiếng Việt, phụ đề tiếng Pháp,

Hãng phim truyện Việt Nam sản xuất năm 1998, 80')

chuyển thể từ truyện ngắn cùng tên và một phần từ truyện

Con gái Thủy thần của Nguyễn Huy Thiệp

dự thi *Festival des 3 Continents* (Nantes tháng 11.1999)

sẽ ra mắt công chúng Paris kể từ

ngày **thứ tư 11 tháng 10.2000**

tại một số rạp ở Paris (trong đó có **Espace St Michel**,
place St-Michel, Paris 5è)

Diễn viên : Quốc Trị (vai *Bường*), Lê Vũ Long (*Ngọc*), Thu Hà (*Phượng*), Minh Tâm (*Quy*), Vũ Đình Thân (*Thuyết*), Ngọc Bích (*Thục*). Kịch bản : Sơn Trang. Quay phim : Vũ Quốc Tuấn.

Festival d'Automne Paris 2000

La Compagnie Mua
présente une création de

Emmanuelle Huỳnh Thanh Loan

au **Centre Pompidou** (Paris)
du 7 au 10 décembre 2000

MUSIQUE / INSTALLATION : Christian MARCLAY
DANSEURS : Yves-Noël GENOD, Emmanuelle HUYNH,
Julie NIOCHE, Elise OLANDÉGUY, Rachid OURAMDANE,
Christian RIZZO

Vở múa mới

REQUIEM / NGUYỆN CẦU

của đoàn *Ea Sola*

(do *Ea Sola* sáng tác, biên đạo, dựa trên bộ gõ và hò Huế)
sau khi ra mắt lần đầu tiên tại triển lãm Quốc tế
HANNOVER 2000

sẽ lưu diễn mùa **Xuân 2001** tại châu Âu :

STRASBOURG (*Le Maillon*, 6-7 avril)

BRUXELLES (*Palais des Beaux-Arts*, 21 avril, có thể)

ROTTERDAM (*Rotterdamse Schouwburg*, 2-3 mai)

AMSTERDAM (*Stadsschouwburg*, 2-3 mai, có thể)

PARIS (*Théâtre de la Ville*, 9-10-11-12 mai)

AMIENS (*Maison de la Culture*, 15 mai)

BERLIN (*F. der Kontinente, Hebbel Theater*, 8-9-10 juin)

Cũng trong mùa xuân 2001, vở múa **Voilà Voilà**
còn được trình diễn tại Pháp : LE CREUSOT (31 mars)
và FOIX (18 mai)

Bạn đọc và Diễn Đàn

Ngon ngữ *Ea Sola* trong vở múa *Requiem*

Nỗi khổ đau đó là ngôn ngữ múa của *Ea Sola*, không lần đi đâu được các bước chân trần, những bước chân thoãn thoắt mở đầu cho những tạm kết thúc rồi lại thoãn thoắt bắt đầu cho những vũ điệu mới, vũ điệu của và từ cái chết. Hay đó chỉ là vũ điệu của nỗi thống khổ hãi hùng trước cái chết và phải chằng rùng rợn hơn là nỗi ám ảnh triền miên về những mất mát, thiệt thòi, về nỗi nhục nhã của những con người chưa bao giờ được sống ? Vũ điệu ? Nghe chữ vũ điệu, có ai liên tưởng tới ballet, hay múa dân gian, hay... Vũ điệu thì phải đẹp mà cái chết trần trụi có đẹp không ? Cái chết khốc liệt hình tượng hoá có thể đẹp, những nạn nhân chiến tranh có thể đẹp, nỗi đau họ có đẹp ? Vậy mà vũ điệu, đúng hơn, ngôn ngữ múa của *Ea Sola* thì không lần đi đâu được, là hoá thân biểu hiện của nỗi đau trần trụi đó lên sân khấu và người xem nhận biết ngay. Nó không phải là cái đẹp *athletic* hay cái đẹp mỹ quan. Không, cái đẹp đó đi vào chiều sâu, có âm hưởng của những tiếng rú vang vọng rừng xanh, có sự cuồng nộ về nỗi bất lực của con người trước định mệnh, oán khí bực tận trời, có hơi hướm của những cơn động kinh hay những bước chân tật nguyên... Đó là *Ea Sola*. Đó là Việt Nam nỗi đau chiến tranh và hậu chiến tranh, là *Kriegstrauma* (hội chứng chiến tranh). Cái mà nạn nhân và thủ phạm đều cố tình muốn quên cho nhanh (nhanh ? 30, 40 năm ?). Đúng là nên quên, nhưng mà làm sao lại phải quên khi xã hội và con người chỉ muốn quên một cách vô tình, không phải quên kiểu *Kriegstraumabewältigung* (vượt qua hội chứng chiến tranh). Nguyễn câu thì phải siêu sinh, e rằng *Trilogie* (tác phẩm bộ ba : *Hạn hán và cơn mưa*, *Thế đấy*, *Nguyễn câu*) của *Sola* còn nhiều hiện tại khổ đau, còn quá nặng với vết thương dĩ vãng. Kết thúc vậy là hay, rất hay ! “ *Từ lâu tôi đã yêu người, không bao giờ tôi sẽ quên người* ”. Bạn đọc câu này một lần, mười, mười lăm lần và bạn hãy tưởng tượng là đọc theo dạng *Kanon* (hát đuổi). Hoá ra *Ea Sola* cũng là một *Meisterin* (bậc thầy) về *Polyphonie* (đa âm đa nghĩa), theo cái nghĩa *Polyphonie* của tiếng động, âm thanh, bố cục hình khối, nhịp điệu gõ và cái đạt nhất là ánh sáng, từ siêu mờ cho tới cực mờ còn là một khoảng cách khá lớn !!!)

Tiếng trống sấm sập giữ cái hồn của vũ điệu, có lúc cả 8, 9 cái (nhưng vẫn chưa đủ độ lớn như đôi lúc cần có những khoảnh khắc của *fortississimo, ffff*), có lúc cũng chỉ sử dụng một hai cái, muốn *ppp* (lúc này thì mới lỗi cái sở đoán là đồ nghề không đạt, mà tài nghệ cũng thường thường bậc trung).

Sola là *Meisterin* của cách sử dụng các giác quan vi tế, là người phù thủy xinh đẹp phối âm điều khí tổng hợp âm thanh, tiếng

Tin buồn

Chúng tôi được tin

cụ bà **Trần Thị Ngọc**

đã từ trần ngày 10 tháng 9 năm 2000 tại Mannheim (Đức),
thọ 72 tuổi. Tang lễ đã cử hành ngày 15.9.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị
Nguyễn Tường Bách, Đỗ Thị Vinh và toàn thể tang quyến.

ôn, ánh sáng, trang phục, đường nét thiết kế sân khấu... với những chất liệu đơn sơ mà gây ấn tượng rất đậm. So với năm ngoái, bộ gõ đã nâng lên được một ít về ngoại hình, nhưng về chất lượng thì mới tạm đủ. Sử dụng mấy cây đàn nhị với *motif* cây trúc xinh, giấc mơ dân dã về nỗi hạnh phúc ngàn đời, là dạng cách điệu khá đắt. Khác giấc mơ với cây *cello* trong *Voilà Voilà* năm ngoái, cây trúc xinh được đánh hai lần, lần đầu yếu điệu thẩm thiết, lần sau có thêm hai cây nhị phụ đệm và sử dụng những hợp âm chói tai (*Dissonanz*). Làm sao ? Em xinh em đứng một mình, và nay em không đẹp nữa ??? Thực tế nghĩa đen không phải vậy ! Chắc chắn phải là một ẩn dụ gì khác. Sola một mỗi rồi chăng ? Cái gì sẽ tới sau khi kết thúc *Trilogie* này ? Xem xong, vì lý do kỹ thuật cũng không kịp chúc mừng Sola nên về lại Berlin vẫn còn nhiều thắc mắc. Thí dụ, hai người hò Huế là ai mà hay quá vậy ? Chỉ cần nghe vài phút đó (nhưng thực ra là toàn bộ 83 phút, phòng khoảng 600 chỗ hầu như ngồi đầy hết) là đủ làm hài lòng người thích hò Huế, đủ để đền bù cho bao nhiêu thất vọng về Expo 2000...

LeDong (Berlin, Đức)

Nhân dịp Diễn Đàn bước vào năm thứ 10

Thấm thoát thế mà đã 9 năm trôi qua kể từ ngày *Diễn Đàn* ra đời, “ *Chín năm làm một Điện Biên...*”, không hiểu sao câu thơ của một thời oanh liệt lại loé lên tức thì trong óc khi vừa nghĩ đến hai chữ “ chín năm ”, có thể do quán tính tư duy, mà cũng có thể là mảnh lối mào đầu bằng cách trích thơ lãnh đạo để hy vọng khỏi bị truy chụp là “ *có thâm thù tận trong máu* ” ! Thôi thì thầy kệ, cứ để nó nằm đó, biết đâu từ ấy lại chẳng nảy ra ý này, ý nọ cho một người vốn lười và không có khả năng viết lách...

Ừ, như vậy là đã chín năm, chín năm với nhiều biến động đổi thay... Và Điện Biên đâu chẳng thấy, chỉ thấy Côte du Rhône, Bourgogne, Bordeaux, Châteauneuf... bị đánh ngã dài dài từng chai, từng chai mỗi lần ban biên tập lên khuôn một số báo, theo đúng thể điệu “gô-loa phá-lang-xa”...

Là một độc giả tâm đắc, tâm giao của *Diễn Đàn* từ số báo đầu tiên đến nay, nên không thể thờ ơ với số báo thứ 100 của các bạn được, do đó ráng gắng gượng, mạo muội viết vài chữ nhận xét về tờ báo đã trở thành quen thuộc trong giới trí thức ở Tây Âu (kể cả Đông Âu !). Thú thật là đến nay tôi cũng chưa xác định được là tờ *Diễn Đàn* của các bạn “ hay ” hay “ dở ” (“ Rằng hay cũng lắm bài hay ! ”), nhưng có điều chắc chắn là nếu thiếu tờ *Diễn Đàn* vào mỗi dịp đầu tháng thì sẽ buồn lắm, sẽ nhớ như nhớ cô người yêu, như nhớ giọng hát tuyệt vời và chiếc răng khểnh của Hồng Nhung, như nhớ ly cà-phê, nhớ

tô phở hương vị ngào ngạt... mỗi buổi sáng hoặc mỗi khi trời trở lạnh.

Tôi nghĩ, về phía người làm báo chắc các bạn cũng rất muốn biết người đọc, nghĩ gì về *Diễn Đàn* phải không ? Tôi xin có một vài nhận xét vừa cá nhân vừa là của một số bạn bè về tờ báo như sau :

* Trước nhất tôi nghĩ các bạn có quyền vui vẻ, lạc quan, hài lòng là đã giữ và nuôi được tờ báo 9 năm ròng rã bằng tiền mua của bạn đọc, bằng công sức các bạn bỏ ra để nói lên được một số điều tâm huyết của người trí thức (không hẳn chỉ ở hải ngoại) là mong muốn có một nước VN hoà bình ổn định, có luật lệ, pháp chế rõ ràng, phân minh, có tự do, dân chủ để xây dựng, phát triển đất nước một cách nghiêm chỉnh (tôi nhấn mạnh chữ nghiêm chỉnh), chứ không phải lối làm ăn xối hoặc hoạt đầu, Ba Giai - Tú Xuất.

* Điều thứ hai khiến các bạn nên vui vẻ là được người trong

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức

là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ;

Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, gửi cho P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W. Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum) *đồng thời* gửi photocopy phiếu chuyển tiền về Mrs. LEDUC, 03-914 warszawa, Ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBERG, Konto : N□ 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

DIỄN ĐÀN FORUM

—
Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
 Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
 Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
 Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
 Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
 Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý,
 Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,
 Hải Văn, Hoà Văn

nước quan tâm, tán thành, ủng hộ thái độ nghiêm chỉnh, thiết tha của tờ báo. Và dĩ nhiên cũng có kiểu quan tâm Công an Nhân dân – đã “ đánh giá cao ” *Diễn Đàn*, bằng cách truy chụp các bạn có ý đồ đòi lật đổ, thay đổi chế độ – điều này sao tôi chưa hề đọc được trên trang báo *Diễn Đàn* từ nhiều năm nay, cho dù giữa các dòng chữ !! – và đã trực tiếp đối thoại, dù là cách đối thoại hơi thiếu học vấn và sặc mùi Hồng vệ binh của Mao chủ tịch, ở thời điểm hiện tại. Thật đáng buồn ! (Riêng về lối hành văn, dùng chữ của tờ CAND, các bạn có thể tìm đọc trong quyển *Đêm giữa ban ngày* của Vũ Thư Hiên, đoạn Nguyễn Tuân bình luận về “ văn chương ” của mấy ông “ phó tóm ” (trang 243), thiết xác đáng và thú vị !)

* Một số người thì lại cho rằng *Diễn Đàn* là tờ báo chung chung, ồm ồm, không dám nói mạnh mẽ, quyết liệt, rằng tờ *Diễn Đàn* nó làm sao ấy !? Theo ý kiến cá nhân tôi thì chủ trương và cách viết của *Diễn Đàn* là hợp tình hợp lý, các bạn không theo và cũng không chống ai, thấy đúng nói đúng, sai nói sai, cần thì phê phán, tranh luận, không vơ đũa cả nắm, một thái độ “ liberal - tự do ” cần thiết, nghiêm chỉnh, có óc khoa học (chỉ tiếc là chính quyền VN chưa chịu chính thức đối thoại, thảo luận với các bạn hoặc / và với những người khác chính kiến với họ). Tôi biết có nhiều người trong nước cũng nghĩ như chúng ta, họ rất tán thành chủ trương và cách viết, cách đặt vấn đề của *Diễn Đàn*. Tôi nghĩ rằng không nhất thiết chính sách gì, việc làm gì của trong nước, của chính quyền, của đảng cầm quyền cũng đều dở, xấu, mà thực ra cũng đã có những cải cách hay, hợp lòng dân, nhưng chưa nhất quán, chưa toàn diện. Công tâm mà nói thì trong nước cũng còn có những người cán bộ, đảng viên tốt, còn lý tưởng, trung thực và trong sạch (như cựu thiếu tướng Trần Độ, ông Nguyễn Trung Thành ...) vẫn luôn muốn xây dựng đất nước tốt đẹp hơn, cho người dân được sung sướng hơn, đừng phải chịu khổ, tủi nhục khi nhìn các nước khác.

Do đó đòi hỏi phải tích cực cải tiến, đổi mới hơn nữa cho phù hợp với xu hướng phát triển trên thế giới là hợp lý, hợp lô-gic. Thay đổi chính quyền chưa hẳn rồi sẽ có một chính quyền khác tốt đẹp hơn, hay hơn, thậm chí có khi còn tệ hại hơn là khác.

* Có một nhận xét cho rằng báo *Diễn Đàn* thỉnh thoảng có giọng điệu hơi kiêu căng, có vẻ dạy đời (ở số mấy, bài nào, đoạn nào, tôi cũng không rõ lắm, tuy nhiên có thể hỏi lại người bạn đã nêu ý trên !).

* Có số thì thấy tờ *Diễn Đàn* có vẻ hơi ngắn, hơi mỏng, mới đọc một thoáng đã hết tron. Và cũng có số sao mà... đọc hoài vẫn không chịu hết !

* Mục đích tin thì rõ ràng rất nhà nghề, điều luyện. Mấy trang lược tin của *Diễn Đàn* quả là cô đọng nhưng rất đầy đủ, súc tích. Chỉ cần đọc vài trang A4 mà vẫn có thể nắm được khá rõ tình hình, diễn biến (“ hòa bình ”) ở VN trong cả tháng trước. Về điểm này thì *Diễn Đàn* hơn hẳn những tờ báo khác.

* Những bài viết về các chính sách giáo dục, y tế, kinh tế, khoa học rất có trình độ, rất nhà nghề. Những bài bình luận về văn chương, nghệ thuật (hội họa, kiến trúc...) rất bổ ích, bản lĩnh cao, nội công thâm hậu.

* “ Last but not least ” là giá tiền báo khá cao, tôi nghĩ có nhiều người không mua *Diễn Đàn* rất có thể vì lý do tài chánh, nhất là đối với người Việt ở Đông Âu. Nếu giá mỗi năm chỉ khoảng 150 F hay 40 - 50 DM, chắc sẽ có nhiều người mua hơn.

Tóm lại theo tôi nghĩ, một tờ báo đứng đắn, có trình độ, tiêu biểu cho tiếng nói của trí thức thật là cần thiết, nếu chúng ta không hoặc chưa làm được gì cụ thể hơn, nhiều hơn, thì việc giữ vững tiếng nói lương tâm là quan trọng. Lịch sử văn hoá, khoa học trên thế giới há đã từng chứng minh rất rõ rằng xã hội tiến bộ chỉ có thể phát triển tốt đẹp trên cơ sở thảo luận, tranh luận để đạt đến chân lý. Không ai có thể tự hào rằng chỉ có mình là đúng hoặc luôn luôn đúng, có chăng chỉ là những kẻ độc tài, độc đoán, hoặc những kẻ ngu muội không hiểu biết gì về phương pháp khoa học. Hậu quả của sự phủ nhận, chối bỏ hoặc kềm hãm tranh luận, là làm thui chột khả năng tư duy, óc phán đoán, trí sáng tạo của con người. Và con người hơn con vật chính ở “ khả năng tư duy ”.

Trong thế giới phát triển vũ bão hiện nay, quốc gia nào biết sử dụng tối ưu tiềm năng trí tuệ của con người, chấp nhận những ý kiến khác mình, chấp nhận đối thoại, tranh luận trên tinh thần khoa học, tôn trọng lẫn nhau (và thậm chí cũng có những cuộc tranh luận mang nặng cảm tính... cũng vẫn cần thiết...), quốc gia đó sẽ tiến bộ, phát triển cả về vật chất lẫn văn hoá.

Phải ngẩng đầu lên nhìn thiên hạ phát triển, phải nhanh chóng thành tâm học hỏi thiên hạ, chứ đừng tự phụ, tự cao, tự đại cho rằng chỉ có ta đây là “ nhất thiên hạ ”, là “ tinh hoa của nhân loại ”, chỉ có ta đây là “ ưu việt ”. Trí tuệ của loài người là vô biên, như năng lượng mặt trời, hãy tận dụng nó. Đừng nhìn ngọn đèn dầu trong đêm đen để rồi chỉ thấy ánh lửa ấy là vĩ đại. Hãy đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, lợi ích phe nhóm mình. Chỉ có qua đó con người mới tìm được chân lý hạnh phúc đích thực.

Trong tinh thần đó, tôi thân ái chúc các bạn luôn dồi dào sức khoẻ và niềm vui để tiếp tục “ ăn cơm nhà, làm báo chùa ” thêm nhiều năm nữa. Tôi tin rằng bạn bè bốn phương sẽ luôn ủng hộ những việc làm tuy nhỏ nhưng rất có ý nghĩa của các bạn.

Trần Cung (*Sulzbach-Rosenberg*, Đức)

Tường lửa hay tường chặn lửa ?

Bạn đọc vẫn thường xem *Diễn Đàn* là một trong những tờ báo Việt ngữ dùng từ Việt Nam rất chuẩn, đúng cả văn phạm lẫn chính tả. Nhưng trong phần LTS của bài *Tác nghệ trong nhận và gửi e-mail quốc tế* (ĐĐ số 99), đọc đến chữ **tường lửa**, tôi bỗng chói mắt vì thấy toàn là... lửa.

Từ này, từ chữ **firewall** tiếng Anh mà ra, dùng để chỉ những bức tường chắn lửa. Trong tin học, những bức tường này không được xây bằng gạch hay sắt, có nhiệm vụ ngăn chặn những gì lạ đột nhập vào để phá nhiều mạng. Cho nên tôi nghĩ dịch ra thành **tường chắn** (hay **chặn**) **lửa** đúng hơn là **tường lửa**.

Trừ phi trong bài kể trên, ĐĐ có ngụ ý chính trị là : sau khi **tường sắt** bị sụp đổ, giờ đến **tường lửa** được dựng lên nên mới dịch một cách cô đọng và cho có cân đối ?

T.H. Liem (*Toulouse*, Pháp)

☑️ Tường lửa là thuật ngữ quen dùng trong giới tin học Việt Nam. Đúng như bạn nói, nó là tường chặn lửa, chứ không phải là tường bằng lửa. Cũng như chữ Anh firewall, cấu trúc tạo từ này có logic ngầm, chứ không theo logic thẳng tuột của một câu. Như khi nói cứu hỏa / chữa cháy, ta không muốn cứu ngọn lửa mà cứu người cứu của khỏi sự tàn phá của lửa. Đưa một tí nhè : cụ Nguyễn Du, hai trăm năm trước, đã chẳng tiên tri bằng câu Kiều nổi tiếng “đâu **tường lửa** lựu lập loè đăm bông” đó sao ?

Tin Tức

Ngập lụt ở ĐBSCL tiếp tục nghiêm trọng

Trong những ngày số báo này lên khuôn, lũ ở sông Cửu Long vẫn lên và ở mức rất cao. Mực nước lúc 7 giờ ngày 20-9, trên sông Tiền tại Tân Châu (An Giang) là 5,02 m, trên báo động 3 gần 1m, tương đương đỉnh lũ năm 1961 (5,12 m). Trên sông Hậu tại Châu Đốc nước lên tới 4,82 m, cũng xấp xỉ đỉnh lũ năm 1961 (4,89 m). Tại các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Long An, nước lũ đã cao hơn mức nước lụt các năm 1978, 1996. Mực nước ở vùng Đồng Tháp Mười tại Hưng Thạnh là 3,41 m, tại Mộc Hóa là 3,07 m, tại Cao Lãnh là 2,47 m, đều cao hơn đỉnh lũ năm 1996 từ 0,2 đến 0,3 m ; ở vùng tứ giác Long Xuyên mực nước cũng lên cao hơn đỉnh lũ năm 1996 từ 0,12 đến 0,35 m. Nước lũ đã tràn vào các thị xã Long Xuyên, Châu Đốc, Cao Lãnh, Sa Đéc, Tân An... Hệ thống giao thông bộ hầu như hoàn toàn tê liệt.

Tính đến ngày 19.9, đã có 31 người chết (An Giang : 11; Long An : 7; Đồng Tháp : 13). Khoảng 406 000 nhà dân bị ngập, chỉ mới 20 149 hộ được tổ chức di dời dù được hàng ngàn binh sĩ và lực lượng tình nguyện nỗ lực cấp cứu. Đặc biệt ở Đồng Tháp đã có 182 nhà sập, 874 nhà hư hỏng nặng, 120.507 hộ cần di dời khẩn cấp. Có 55 000 ha lúa hè thu và lúa vụ 3 bị ngập, nâng tổng số thiệt hại đến 370,355 tỉ đồng. Hiện 3 tỉnh có 17 655 hộ đói, đã cứu trợ được 6 084 hộ.

Tổng mức thiệt hại ở 3 tỉnh Long An, An Giang, Đồng Tháp đã lên đến 389,749 tỉ đồng. 739 trường học bị ngập khiến 364 091 học sinh phải nghỉ học, trong đó học sinh Đồng Tháp đã nghỉ học hoàn toàn (trừ các lớp cuối cấp).

Hồng Thập Tự Quốc Tế kêu gọi giúp nạn nhân lũ lụt

Giữa tháng 9, Hồng Thập Tự Quốc Tế đã liên tiếp nhiều lần kêu gọi giúp đỡ khẩn cấp cho các nạn nhân lũ lụt của 3 quốc gia Lào, Cam-Bốt và Việt Nam. Ngày 12.9, cơ quan này cho hay họ cần khoảng 1,9 triệu đô la để giúp đỡ khẩn cấp cho khoảng 600 000 nạn nhân đã mất hết ruộng vườn nhà cửa cho trận lụt lớn nhất 40 năm qua đang xảy đến cho 3 nước Đông Dương. Thứ sáu 15, HTTQT lại kêu gọi thêm 1,5 triệu đô la để cứu trợ Việt Nam.

Ở cả 3 nước, trận lụt đã làm cho 800 000 ha đất đai trồng cấy và nhà cửa bị thiệt hại nên hàng triệu người lâm vào cảnh không nhà và không có cái ăn.

Ông John Geoghegan, giám đốc HTT quốc tế tại Việt Nam, nhắc lại là 300 000 mỹ kim đã được đem giúp các nạn nhân của trận bão số 4 thổi vào miền Trung mới đây. Theo ông, lần này việc chuẩn bị chống lũ đã tốt hơn năm 1996, năm

lũ lụt đã làm cho hơn 200 người thiệt mạng. Các con đê được đắp kiên cố hơn trước, và hệ thống kinh đào cũng tốt hơn. Tuy nhiên với mực nước nay đã cao hơn mực nước lũ năm 1996, nhiều khúc đê với dân lánh nạn sống chen chúc bên trên đã bắt đầu muốn sụp xuống vì bị nước soi mòn. Nhiều gia đình đã mất hết mùa màng, thực phẩm và phải di tản có khi xa tới 25 km, chờ được cứu trợ. Tình hình này có thể kéo dài đến tháng 11 khi nước rút xuống đến mức bình thường.

Cam-Bốt bị lụt nặng, ít nhất 94 người thiệt mạng, khoảng 600 000 người phải rời nhà cửa. Mực nước sông Mê Kông ngang Phnompnh lên đến mức cao nhất từ 70 năm nay và người ta chờ đợi còn lên nữa (khoảng 11m,3) . Thủ tướng Hun Sen trong chuyến đi thăm nạn nhân lụt đã cảnh cáo những con buôn thừa dịp tăng giá.

Ở Việt Nam thiệt hại về lúa gạo ít hơn do vụ gặt tại vùng châu thổ xong sớm. Theo HTTQT thì nạn nhân lụt phần đông nằm trong diện những nông dân nghèo nhất.

Bộ Y tế chi viện thuốc và áo phao cứu nạn cho ĐBSCL

100 áo phao, 5.400 túi thuốc gia đình, 100 cơ số thuốc, 90 triệu đồng từ nguồn ngân sách Bộ Y tế và 5.000 túi thuốc, 300 cơ số thuốc do Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc hỗ trợ đã được chi viện khẩn cấp cho các tỉnh ĐBSCL. Theo tin từ Bộ Y tế ngày 18.9, Bộ đang đóng thêm 1.000 áo phao cứu nạn để cung cấp cho các tỉnh khu vực ĐBSCL bị lũ lụt nặng. Dự kiến, số hàng trên sẽ tới các tỉnh trên trước ngày 25.9. Bộ cũng đã cấp cho quân y Quân khu 9 gồm 20 cơ số thuốc, 100 áo phao, 1 cơ số thuốc tả, 1 cơ số thuốc thương hàn để giúp các tỉnh. Ngoài ra, Bộ còn chi viện khẩn cấp cho các tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình, Hà Tĩnh bị lũ lụt do hậu quả của cơn bão số 4, mỗi tỉnh 20 cơ số thuốc và 20 triệu đồng.

* Sứ quán Úc đã thông báo sẽ hỗ trợ 250 000 đôla Úc (2 tỉ đồng) thông qua Hội Chữ thập Đỏ Úc để giúp đỡ các nạn nhân vùng bị lũ lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trước đó, Toà lãnh sự Úc ở T.P. Hồ Chí Minh đã giúp 34 000 đô la cho tỉnh Đồng Tháp để mua một tàu trạm y tế. Con tàu, 40 ngàn tấn, gồm 6 phòng khám bệnh sẽ được dùng để phục vụ đồng bào những vùng bị lụt.

Bill Clinton sẽ chính thức đi thăm Việt Nam

Tổng thống Hoa Kỳ, Bill Clinton sẽ đi dự hội nghị thượng đỉnh của APEC (Asia Pacific Economic Cooperation — Diễn đàn hợp tác kinh tế vùng Châu Á Thái Bình Dương) họp vào những ngày 15-16 tháng 11 tại Bandar Seri Begawan, Brunei. Hội nghị thường niên này tập hợp các nhà lãnh đạo của 21 nước thuộc APEC. Sau hội nghị APEC, tổng thống Clinton sẽ đi thăm Việt Nam theo lời mời của chủ tịch Trần Đức Lương. Hai ông đã trực tiếp đối thoại trong một buổi gặp ngắn ngày 6.9, bên lề “ cuộc họp thiên niên kỷ ” của các vị nguyên thủ các nước thành viên Liên hiệp quốc.

Từ 1975 đến nay đây là lần đầu tiên một vị tổng thống Hoa Kỳ đi thăm Việt Nam. Ông Joe Lockhart, phát ngôn viên Toà Nhà Trắng đã phát biểu : “ Tôi nghĩ rằng nhiều việc cụ thể sẽ được hoàn thành khi chúng tôi đến Việt Nam. Người ta không thể không nghĩ đến tính chất tượng trưng của chuyến đi, khi

sau chừng đó thời gian mới lại có một vị tổng thống Hoa Kỳ đi viếng Việt Nam để cố gắng giúp tăng cường quan hệ giữa hai nước”.

Cùng đi trong đoàn của tổng thống Mỹ sẽ có những nhà lập pháp đã ra sức xây dựng quan hệ giữa hai nước và một số nhà kinh doanh. Về quan hệ Việt Mỹ, xin xem thêm bình luận của Phong Quang trong số này.

Việt Nam và Nga ký thỏa ước về trang trải nợ

Theo TTXVN ngày 14 tháng 9, trong chuyến đi thăm Nga của thủ tướng Phan Văn Khải, hai bộ trưởng tài chính Việt Nam và Nga đã ký kết một thỏa ước ngày 13.9 về cách trang trải món nợ của Việt Nam đối với các nước Liên Xô cũ.

Theo thỏa ước, Nga nhận giảm cho Việt Nam 85 % món nợ này. Phần còn lại sẽ được trả trong vòng 23 năm. Tuy TTXVN không nhắc lại con số, người ta còn nhớ là món nợ lên đến khoảng 10 tỷ đồng rúp cũ, và cho tới nay hai bên vẫn bất đồng về việc chuyển đổi nó theo hối suất nào. Phải chăng, việc Nga nhận bớt 85 % món nợ là để đổi lại Việt Nam nhận hối suất 1 rúp Liên Xô = 1 đôla Mỹ ? Nếu vậy, Việt Nam sẽ còn phải trả Nga khoảng 1,5 tỷ đôla.

Mặt khác, gần 90 % của số tiền Việt Nam nhận trả cũng sẽ được Nga sử dụng để đầu tư hoặc mua hàng hoá và dịch vụ tại Việt Nam và có thể được trao đổi với những món nợ khác theo cách thức buôn bán quốc tế. Ngoài ra, Nga cũng đồng ý dùng 0,25 % số lãi hàng năm của món nợ cho quỹ viện trợ không hoàn lại để huấn luyện sinh viên Việt Nam thực tập tại Nga.

Mặt khác, cũng trong chuyến đi của ông Khải, công ty khổng lồ Nga Gazprom cho biết đã ký với công ty dầu khí quốc doanh Việt Nam Petrovietnam một hợp đồng cùng nhau phát triển khai thác khí đốt ngoài khơi bờ biển Việt Nam. Theo ước lượng của Petrovietnam và Gazprom thì trữ lượng của những mỏ khí ở vịnh Bắc Bộ lên đến một nghìn tỷ mét khối.

Sau Nga, ông Khải sẽ đi thăm nước Belarus. (Reuters 12.9 và 14.9.2000)

Việt kiều đầu tư : khi nào mới được đối xử như người trong nước ?

Theo thông tư liên bộ số 10 có hiệu lực từ ngày 31.8 vừa qua, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài thường trú ở Việt Nam được đăng ký thành lập doanh nghiệp để thực hiện dự án đầu tư theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước. Đồng thời, họ được mua đất đai, hàng hoá và dịch vụ — trong đó có dịch vụ hàng không — với giá áp dụng cho người trong nước. Tuy nhiên, sau hơn một tuần thông tư có hiệu lực, các cơ quan hành chính vẫn chưa in và cấp thẻ chứng nhận chế độ một giá cho doanh nhân Việt kiều.

Thông tư số 10 còn cho phép Việt kiều được hợp thức hoá những dự án đầu tư mà trước đây họ nhờ người trong nước đứng tên họ để hoạt động kinh doanh ở Việt Nam. Song bản thông tư cũng xác định rằng chế độ một giá chỉ áp dụng cho doanh nhân Việt kiều đầu tư theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước.

Ngoài ra, thông báo số 110, ngày 24.8, cho biết chính phủ đã nhận ‘ nguyên tắc ’ cho phép Việt kiều đầu tư mua và bán

nhà ở trong nước. Trước mắt, chính phủ cho Thành phố Hồ Chí làm thí điểm, với điều kiện là ‘ không để xảy ra hiện tượng đầu cơ, làm xáo trộn thị trường địa ốc ’.

Theo một bài báo Lao Động, hơn 2,5 triệu người VN ở nước ngoài hàng năm chuyển về nước lượng kiều hối trung bình từ 2,5 tỉ đến 3 tỉ USD. Nhưng số vốn chính thức đi qua kênh ngân hàng chỉ chiếm khoảng 30 - 40%, và cũng mới có một phần rất nhỏ kiều hối (khoảng trên dưới 10%) được đầu tư (ĐT) vào lĩnh vực sản xuất. Thống kê của Bộ Kế hoạch - đầu tư cho biết, trong giai đoạn 1996 - 1999 có 350 doanh nghiệp trên cả nước có vốn đầu tư của Việt kiều, với tổng vốn đăng ký 400 tỉ đồng (chủ yếu cũng vẫn là ở TPHCM). Trong đó khoảng 60% hoạt động có hiệu quả. (Tuổi Trẻ 8.9 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 31.8 ; Lao Động 29.8 và 4.9.2000)

Internet : nửa mở, nửa khép..

Theo những thống kê của tổng cục bưu điện, sau 32 tháng thực hiện kết nối Internet quốc tế, Việt Nam chỉ mới có 70 000 thuê bao đăng ký chính thức và khoảng 20 000 người sử dụng không chính thức, so với 800 000 máy tính hiện có trong nước thì tỉ lệ mới chỉ đạt 10%. Trong khi đó, theo dự báo chính thức, năm 2000 số thuê bao Internet phải lên đến 200 000, và năm 2005 con số sẽ tương đương với 1% dân số. Một mục tiêu khó lòng đạt đến.

Nguyên nhân đầu tiên, như ông Phạm Hồng Hải, phó vụ trưởng chính sách của tổng cục bưu điện, thừa nhận là chính sách quản lý Internet đã được đưa ra năm 1997 “ trong sợ hãi ” và “ chỉ cho phép người dân được tiếp xúc với những thông tin mà nhà nước có thể kiểm soát được ”. Nghị định 21 của chính phủ cấm tất cả các máy tính, các mạng máy tính thông qua mạng điện thoại công cộng để kết nối Internet. Cho đến nay, các công ty cung cấp dịch vụ Internet (ISP) không được kết nối trực tiếp vào trực Internet mà phải đi qua cổng của công ty điện toán và truyền số VDC thuộc Tổng công ty bưu chính viễn thông. Và chính sách kiểm duyệt thư điện tử không xa lạ gì với hiện trạng nhận thư không được, gửi thư không xong đã trở nên trầm trọng từ nhiều tháng nay.

Ngoài yếu tố chính trị trên đây, các chuyên gia còn nhấn mạnh đến thế độc quyền của tổng công ty bưu chính viễn thông và những hậu quả của nó :

Giá cước điện thoại cũng như cước sử dụng hiện nay được ấn định quá cao so với thu nhập của người dân, bình quân là 4,5% thu nhập đầu người, trong khi ở Mỹ hay ở Úc là 1,2%. Đối với các ISP, giá thuê bao một đường truyền (64Kb/giây) là 2500 USD/tháng, đắt gấp 2,5 lần giá trung bình ở các nước khác trong khu vực. Ông Hải đổ lỗi giá cước cao cũng cho chính sách : “ trước đây, các cơ quan nhà nước lo sợ rằng đưa ra giá cước thấp sẽ làm bùng nổ Internet và gây ra những cú sốc có thể làm mất ổn định xã hội ”.

Tốc độ truy nhập qua cổng quốc tế của VDC ngày càng chậm, vì dung lượng đường truyền quốc tế (10 MB) không đủ đáp ứng nhu cầu, gây ra một tình trạng tắc cổ chai. Nhiều ISP cho rằng VDC không chịu tăng dung lượng đường truyền quốc tế bởi vì khách hàng càng chờ lâu thì tiền nối mạng càng nhiều.

Tổng cục bưu điện chỉ cho các ISP khai thác bốn loại dịch vụ (thư điện tử, trang web, truyền và nhận file, truy cập máy chủ từ xa) và cấm những dịch vụ khác (như gửi fax và điện thoại qua Internet, thiết lập mạng ảo, tổ chức hội thảo qua mạng...) chính thức là vì lý do an ninh, nhưng cũng là để bảo vệ nguồn thu cho tổng cục bưu chính viễn thông. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 7.9 ; Tuổi Trẻ 8.9.2000)

50% thức ăn đường phố bị nhiễm vi sinh vật

Tại một cuộc hội thảo do bộ y tế tổ chức ngày 8.9 tại HN, thứ trưởng Lê Văn Truyền cho biết kết quả điều tra về thức ăn đường phố ở các thành phố lớn : tỉ lệ bún và phở bị nhiễm vi sinh vật là 50%, giò chả 60%, nem chua 70%, nem chạo 90%..., các loại thức ăn khác bị nhiễm ở tỉ lệ 50%. Những thực phẩm chế biến sẵn như Lạp xưởng, xúc xích, jambon, tương ớt... có tỉ lệ dùng những phẩm màu không được phép sử dụng lên đến 90%. Tỉ lệ bát đĩa bẩn tới 30%.

Tại Việt Nam, mỗi năm xảy ra từ 300 đến 400 vụ ngộ độc có nguồn gốc thực phẩm, với số nạn nhân từ 7 000 đến 8 000 người, trong đó có gần 30 vụ ngộ độc tập thể với trên 100 nạn nhân mỗi vụ. (Tuổi Trẻ 9 và 12.9.2000)

Một cán bộ công an bị án 5 năm tù vì tội gián điệp

Hà Nội 8.9 (AFP). Theo tường thuật của báo Tuổi Trẻ, ông Vũ Đình Thục 59 tuổi, cán bộ công an làm việc tại bộ nội vụ bị tòa xử năm năm tù vì tội làm gián điệp cho một nước láng giềng. Ông Thục bị buộc tội đã bán những tài liệu mật của đảng và nhà nước cho một nước láng giềng từ năm 1989. Sau khi đi ngoại quốc nhiều lần để kiếm hợp đồng cho văn phòng của ông, ông Thục đã nhận 15 000 yuan tiền Trung Quốc (1800 \$) và bị bắt ở Móng Cái, tại biên giới với Trung Quốc.

Ngoài ra ông Thục cũng bị tòa phạt quản thúc năm năm sau khi ông ra tù và trả một số tiền phạt tương đương với 1 800 đô la. Cảnh sát và nhà chức trách ở Hà Nội từ chối xác nhận nước mua tài liệu mật có phải là Trung Quốc hay không.

Nhạc trong nước xáo trộn thị trường âm nhạc Việt Nam tại Mỹ

Âm nhạc quốc nội hiện đang xáo trộn thị trường âm nhạc Việt Nam tại Mỹ, làm nhiều hãng phát hành âm nhạc Việt Nam tại California xiết liếng và chia rẽ giới thưởng thức nhạc. Giới trẻ thích nhạc mới thực hiện tại Việt Nam, ngược với cha mẹ họ còn lưu luyến với nhạc miền nam trước 75.

Năm 1995 người ta kiểm thấy ít nhất có 30 hãng phát hành âm nhạc của người Việt Nam được mở ra tại Wesminster và Garden Grove (Orange County), và khoảng 25 nghệ sĩ, phần lớn đã nổi tiếng tại Sài Gòn trước 1975, đi trình diễn cho những cộng đồng người Việt khắp thế giới, Paris, London, Melbourne, Moscow v.v.

Những tiệm bán nhạc trước đây chỉ bán băng và đĩa hát phát hành ở nước ngoài, bây giờ bày trên quầy hàng những đĩa hát trong nước, với giá 2 \$, so với giá từ 8 đến 12 \$ của những CD phát hành tại Mỹ. Theo một điều tra trên 25 hãng bán đĩa thì số lượng CD phát hành tại Mỹ bán được đã sụt từ 30 đến 70% so với đỉnh cao năm 1995.

Nhưng không phải chỉ có yếu tố kinh tế khiến cho các CD trong nước bán chạy hơn nhạc hải ngoại. Ở Little Saigon, mà có lúc người ta ví là Nashville của âm nhạc di tản, những người kinh doanh trong âm nhạc công nhận rằng nhạc trong nước nhiều sáng tạo hơn, hiện là mối đe dọa cho nền âm nhạc của họ. TP Hồ Chí Minh với hàng trăm nhạc sĩ, đang bùng lên viết nhạc sau thời gian bị kềm chế. Sức sáng tạo được bung ra đã làm cho thành phố trở nên một trung tâm hiện đại cho một loại âm nhạc Việt Nam hợp với thời trang của thế giới hơn. Đón đảo nghệ sĩ đi hát từ phòng trà này đến nhà hàng kia tạo nên một sức sống mới cho âm nhạc.

Những người kinh doanh Việt Nam ở nước ngoài cũng đi lùng kiếm những nghệ sĩ có tiềm năng để đưa tiếng hát ra nước ngoài. Trong số những đĩa hát được bán chạy nhất, người ta để ý đến Phương Thanh hát nhạc loại rock và jazz, một nghệ sĩ diễn đạt sâu sắc, có giọng hát thanh lịch làm người ta nghĩ đến Sade nữ ca sĩ pop của Anh.

Ông Chung Tu Lưu, một cựu ca sĩ hiện là chủ một tiệm phát hành âm nhạc nói : “ Họ chẳng có gì giống những ca sĩ cộng sản hồi xưa cả, họ trẻ, họ đẹp, họ hát những bài hát mới ”. Và giới mộ điệu trẻ đồng ý. Nguyễn Huy, một thanh niên ở Irvine nói trong lúc tìm đĩa hát trên quầy : “ Nghệ sĩ trong nước có giọng hát tốt hơn, lời hay hơn và nhạc mới hơn, còn những nghệ sĩ ở đây cứ một bài hát đi hát lại mãi ”.

Mối chia rẽ về sở thích đã bắt đầu trở thành chính trị. Thành phần chống lại nhạc trong nước cho rằng đây là tuyên truyền của cộng sản. Trong một cuộc biểu tình kỷ niệm 25 năm ngày Sài Gòn thất thủ, những người biểu tình đã giẫm nát một số CD trong nước. Vài nghệ sĩ định cư tại Mỹ về Việt Nam trình diễn, như Elvis Phương hoặc Trizzie Phương Trinh, cũng bị tẩy chay và dọa nạt khi trở về Mỹ. (Phỏng theo bài của Richard Marosi, Los Angeles Times August 8, 2000).

Việt Nam sẽ hạ giá điện thoại ra ngoại quốc khoảng 10 — 15 %

Hà Nội 11 tháng 9 (Reuters) — Theo tờ Thời báo Tài chính, Chính phủ Việt Nam đã chỉ thị cho Tổng cục bưu điện - viễn thông hạ giá điện thoại ra ngoại quốc khoảng 10-15 %. Cũng theo tờ báo, thì giá điện thoại mới sẽ đưa vào áp dụng trong năm nay, nhưng không nói rõ lúc nào. Một quan chức của tổng cục từ chối bình luận về tin này.

Theo tờ Hà Nội Mới ngày 11.9, trong vòng 8 tháng đầu năm nay, lượng điện thoại ra nước ngoài tăng 18 % so với cùng thời gian năm ngoái, và số tiền thu của Tổng công ty bưu chính - viễn thông (VNPT) tăng 14 %, lên đến 7 ngàn tỷ đồng (496 triệu đô la).

Công ty viễn thông điện tử của quân đội Viettel vừa được chính phủ cho phép cung cấp cho tư nhân dịch vụ viễn thông và trở nên công ty cạnh tranh đầu tiên của VNPT. Đại diện Viettel cho biết công ty sẽ mở điện thoại đường xa qua mạng (Voice Over Internet Protocol - VOIP) tháng này và hy vọng được phép mở những đường điện thoại quốc tế với VOIP. Viettel cho biết sẽ thuê của VNPT một đường dây đặc biệt để cung cấp dịch vụ và kỹ thuật. VOIP sẽ hạ chi phí điện thoại xuống khoảng 30-50 %.

Mặt khác sau khi hiệp ước thương mại Mỹ-Việt được ký kết, người ta cũng chờ đợi những công ty viễn thông lớn của Mỹ sẽ nhảy vào khu vực hiện đang phát triển rất mau này.

Hàng không Việt Nam mở thêm một số đường bay quốc tế

Cuối tháng 11 tới, Hàng không Việt Nam sẽ mở lại đường bay Hà Nội - Seoul và mở thêm hai đường bay quốc tế khác. Công ty có kế hoạch mướn hoặc mua thêm máy bay cho cuối năm nay, tăng khả năng chuyên chở lên 30 %.

Đường bay trực tiếp Hà Nội - Seoul được mở lại với ba chuyến mỗi tuần, cộng thêm với ba chuyến TP Hồ Chí Minh - Seoul mỗi tuần đã có hiện nay.

Đường bay trực tiếp TP Hồ Chí Minh - Tokyo sẽ được tăng lên bốn chuyến mỗi tuần. Thêm vào đó, Hàng không Việt Nam sẽ mở đường bay nối TP Hồ Chí Minh với thành phố Nhật Bản Osaka và một đường khác nối TP Hồ Chí Minh với thành phố Úc Melbourne.

Đường bay xuyên Đông Dương, nối liền Hà Nội, Vientiane, Phnom Penh và TP Hồ Chí Minh cũng sẽ tăng lên ba chuyến mỗi tuần. (VNA 12 tháng 9)

Còn ít học sinh mua bảo hiểm y tế

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT), năm học 2000-2001, toàn quốc có 22.584.800 học sinh bước vào năm học mới. Học sinh trung học chuyên nghiệp tăng gần 86 nghìn, dần dần khẳng định vai trò tất yếu của bậc học này. Số học sinh 5 tuổi đến lớp đạt gần 1,4 triệu (khoảng 76 % trẻ trong độ tuổi). Số sinh viên đại học, cao đẳng năm học 2000 - 2001 tuyển mới là 237 nghìn.

Theo một bài báo Lao Động (5.9), bảo hiểm y tế VN đã có “*thâm niên*” 5 năm (1994-2000) nhưng hiện nay mới có 20% số học sinh trong cả nước tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) học sinh. Trong khi số học sinh mua bảo hiểm tai nạn học sinh và bảo hiểm toàn diện học sinh của Bảo Việt đang chiếm số đông (khoảng 80%). Lý do rất đơn giản là người bệnh được chi trả trực tiếp mà không phải chi phí quản lý. Năm học 1998 - 1999 BHYT đã thu hút được 3,3 triệu học sinh tham gia, đến năm học 1999-2000 giảm xuống còn 2,9 triệu học sinh.

Theo ông Trần Văn Tiến, tổng giám đốc BHYT VN, từ khi có BHYT học sinh, 35 % tổng số thu bảo hiểm được để phục vụ cho công tác y tế nhà trường : mua thuốc, dụng cụ y tế thông thường và chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ làm công tác y tế trường học để chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho học sinh ngay tại nhà trường. Nếu như trước đây việc khám sức khỏe định kỳ cho học sinh của các trường chỉ đạt khoảng 4 % thì nay nhờ mạng lưới y tế nhà trường đã tăng lên 21 %.

Tuy nhiên, câu hỏi học sinh sẽ được gì khi tham gia BHYT vẫn đang có nhiều ý kiến khác nhau. Lấy ví dụ một trường học có đông học sinh mua BHYT (khoảng 500 học sinh) thì trường đó có 3,5 triệu đồng/năm để hoạt động y tế nhà trường. Với số tiền này nhà trường phải “*nuôi*” một bác sĩ hoặc 1 y sĩ, phải có một phòng y tế riêng, có tủ thuốc cấp cứu, có giường, có dụng cụ y tế... có lẽ thật khó có thể trang trải đủ. Theo khảo sát tại 47 trường ở Ninh Bình, Thái Nguyên, TP. Hồ Chí Minh

thì mới có 85 % số trường có phòng y tế riêng, 64 % số trường có các dụng cụ y tế thiết yếu... Hà Nội mới có 58% trường có cán bộ y tế, Nghệ An : 4,8 %, Đồng Tháp: 18 %... Một hoạt động khác rất quan trọng là giáo dục sức khỏe cho học sinh thì hầu như bị bỏ trống. Tại những trường có số học sinh tham gia BHYT ít thì nguồn kinh phí để lại nhà trường không đủ cho hoạt động của y tế nhà trường và càng chưa đủ để chi lương hoặc phụ cấp cho cán bộ y tế. Đến khi cần khám chữa bệnh thì tấm thẻ BHYT học sinh lại không được coi trọng. Đây chính là trở ngại lớn nhất làm cho BHYT học sinh chậm phát triển.

TIN NGẮN

* Theo Văn phòng Chính phủ, số tiền gửi vào các tổ chức tín dụng đến hết tháng 8 ước tăng 18,7% so với cuối năm 1999, trong đó tiền gửi bằng đồng Việt Nam tăng 10,2%, tiền gửi bằng ngoại tệ tăng 34,8%. Cùng thời gian này, dư nợ toàn nền kinh tế ước tăng 14,8%, trong đó vay bằng tiền Việt Nam

Dù 50 năm, 100 năm hay lâu hơn nữa...

Ngày 21-9 tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã phát biểu ý kiến “*quan trọng*” trong Hội thảo quốc tế “*Việt Nam trong thế kỷ 20*” do đảng CS VN tổ chức tại Hà Nội. Báo chúng tôi ít chỗ, không khỏi áy náy, nhưng cũng xin trích đăng lại vài đoạn để bạn đọc tham khảo :

“*Dù có những khuyết điểm, vấp vấp khó tránh khỏi trong quá trình trưởng thành, chế độ xã hội chủ nghĩa, trên vùng đất bằng 1/6 địa cầu đã cơ bản xóa bỏ nạn người bóc lột người, dân tộc lớn áp bức dân tộc nhỏ, tư liệu sản xuất, cơ sở vật chất để làm ra của cải xã hội nuôi sống con người không còn nằm trong tay giai cấp bóc lột mà đã thuộc về nhân dân lao động.*”

Suốt mấy thiên niên kỷ từ khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp, chưa từng có điều ấy. Đó là cái mới nhất, cái lớn lao nhất của thế kỷ XX mà ở các thế kỷ trước chỉ là mơ ước. Chính sự kiện ấy quyết định chiều hướng phát triển của lịch sử. (...)

Thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam đã đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn đất nước, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Thế kỷ XXI, chúng tôi quyết bảo vệ vững chắc nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc, mutu cầu hạnh phúc cho nhân dân, tiếp tục đi theo con đường đã chọn, dù 50 năm, 100 năm hay lâu hơn nữa, chúng tôi cũng không bao giờ nao núng, chủ nghĩa xã hội nhất định thành công.”

Nghe lời dạy, đã nghĩ tới cái nổi “*đường xa, sau này*” của cô Kiều đêm ấy, song lại chợt nhớ một chuyện cũ khác. Trong những năm 1970, một người nữ biệt động Sài Gòn, chị Võ Thị Thắng, bị giặc bắt và đem ra xử. Khi nghe chánh án tuyên án chị 20 năm tù, Võ Thị Thắng nhoèn một nụ cười tuyệt đẹp mà ống kính của một phóng viên quốc tế hôm đó đã truyền đi khắp thế giới.

Người còn đó, chẳng biết năm nay nụ cười hôm ấy phiêu dạt nơi đâu ? Nghe đâu có người nói “*An Nam ta cái gì cũng cười*”. Theo thiên ý thì hình như còn quá ít, những nụ cười Võ Thị Thắng ?

H.V.

tăng tới 20 %, cho vay bằng ngoại tệ chỉ tăng 6,7 %. Như vậy, đối với tiền Việt Nam, tốc độ cho vay tăng cao gần gấp đôi tốc độ huy động tiền gửi. Điều này cho thấy khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế ngày càng tốt hơn, đồng thời cũng cho thấy chủ trương mở rộng đối tượng cho vay bằng ngoại tệ thực hiện chưa có hiệu quả. (Thanh Niên- 8/9/2000)

* Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập các đoàn công tác liên ngành để kiểm tra, đôn đốc, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phức tạp tồn đọng tại một số địa phương từ ngày 11/9 đến ngày 11/10/2000. Trưởng đoàn công tác liên ngành có quyền hạn và trách nhiệm tham gia ý kiến về các biện pháp giải quyết với cấp uỷ để yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố giải quyết theo quy định của pháp luật những vụ việc khiếu nại, tố cáo tập trung đông người, tồn đọng, gay gắt, kéo dài, kiến nghị với trung ương những chủ trương, biện pháp giải quyết cơ bản khiếu nại, tố cáo vượt cấp.

* Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp đã đề nghị Thủ tướng Chính phủ thực hiện cơ chế xử lý cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước (DNNN) theo kết quả sản xuất kinh doanh. Cụ thể là : DN kinh doanh thua lỗ 1 năm, giám đốc phải báo cáo, giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Nếu DN tiếp tục thua lỗ 2 năm liền do các yếu tố chủ quan thì giám đốc, phó giám đốc và kế toán trưởng sẽ bị miễn nhiệm và phải chịu trách nhiệm về vật chất và pháp luật khi đưa ra những quyết định sai trái gây tổn thất tài sản nhà nước tại DN.

* Chủ tịch UBND Tp.HCM, ông Võ Viết Thanh vừa có chỉ đạo rời trường đua Phú Thọ ra ngoại thành. Địa điểm trường đua mới sẽ chọn ở các quận 2, 9 và Bình Chánh. Kiến trúc sư

trường thành phố được giao trách nhiệm chủ trì việc quy hoạch Trường đua Phú Thọ cũ. Theo đó, không bố trí khu trung tâm thông tin triển lãm và lập dự án cụm Liên hợp thể dục-thể thao chỉ khoảng 20 ha, phần còn lại quy hoạch khu dân cư, cây xanh, kết hợp với đường giao thông khu vực.

* Cục tài chính doanh nghiệp (Bộ tài chính) cho biết trong năm 2000 sẽ sắp xếp lại khoảng 1 063 doanh nghiệp. Trong đó : thực hiện cổ phần hoá, giao, bán, khoán, cho thuê 692 doanh nghiệp ; sáp nhập, hợp nhất 179 doanh nghiệp... theo phương án sắp xếp DN của các bộ, ngành, địa phương thì đến cuối năm 2005, số lượng DNNN chỉ còn 40% so với đầu năm 2000 (5 500 DN). Như vậy, trong 5 năm từ 2001 đến 2005 cả nước sẽ sắp xếp lại 2 622 DN. Dự kiến sẽ có 1 319 DN cổ phần hoá ; 562 DN bán, khoán, cho thuê kinh doanh; sáp nhập, hợp nhất 351 DN ; giải thể, phá sản 368 DN...

* Công ty chè Tâm Châu ở Bảo Lộc, tỉnh Lâm đồng cho biết : nhờ đầu tư công nghệ chế biến chè theo tiêu chuẩn thực phẩm khách hàng yêu cầu, sản phẩm chè xanh chế biến tại nhà máy được Công ty Sumitomo của Nhật Bản thỏa thuận bao tiêu từ 15/5/2000. Hiện nay công ty Tâm Châu xuất khẩu mỗi tháng 4 container chè xanh với giá 25 000 USD/container. Nguồn nguyên liệu được mua tại địa phương theo tiêu chuẩn 1 búp chè chỉ 2 lá giá 3 600 đ/kg trong khi giá đại trà chỉ 2000 đ/kg.

* Lần đầu tiên ra mắt người tiêu dùng Việt Nam, sữa gấu trúc Panda là một sản phẩm đặc biệt của Công ty Zhe jiang Panda Dairy Products (Trung Quốc). Tham gia Hội chợ tại Hà Nội, ngoài mục đích thăm dò, tiếp thị, Công ty còn có mong muốn được hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm.

Độc báo trong nước

“ Chế độ ”

Chẳng biết từ khi nào, những người tổ chức hội nghị, hội thảo, tức là tất cả những gì có liên quan đến hợp hành, thậm chí còn là những lễ kỷ niệm, đã nghĩ ra cái từ “ chế độ ” cho cái bao thư gửi tặng đại biểu dự họp. Thôi thì thượng vàng hạ cám, ban tổ chức rủng rỉnh thì bao thư 50 000 đồng, 100 000 đồng, mà nếu nghèo nghèo chút thì một hai chục, không thì cũng chục quà cáp sản phẩm địa phương, sản phẩm ngành, mà tốt nhất là cái bao thư dán kín cho đẹp lòng người đến dự. Thế nhưng, cũng bởi cái tiền lệ “ chế độ ” này mà bao nhiêu chuyện đã xảy ra : đầu tiên là với những đại biểu đến muộn, người phát “ chế độ ” đã đi làm việc khác thì đại biểu cứ bồn chồn lo lắng ngóng ra chiếc bàn yêu quý, chả còn đầu óc đâu mà dự họp. Những nhà báo phải theo dõi viết bài cũng chẳng thể theo dõi kỹ càng được nữa. Rồi có những đại biểu cứ lĩnh xong “ chế độ ” là... về, khiến nhiều ban tổ chức đã phải buộc đại biểu ngồi lại bằng cách phát “ chế độ ” khi đã sắp văn cuộc ; hoặc là đợi cho những đại biểu yên vị, chủ toạ nói cứ nói, người phát “ chế độ ” cứ đi lại như con thoi mà thì thầm hỏi, mà ghi chép, mà ký, cứ rối như canh hẹ, khiến cho những người đã được phát và những người sắp được phát cứ hồi hộp, chả biết trên kia ai nói và sắp nói gì.

Ở Hà Nội, nhiều người đã tùm tùm cười mà bảo nhau rằng, cái phần “ chế độ ” ấy là phần “ tài liệu mật ”. Mật thì mật nhưng phải nửa kín nửa hở, để người được nhận thấy ngay, chứ bạn cứ đến thử một cuộc họp mà xem, ngay sau phần lĩnh tài liệu là có những vị cứ dáo dác giở tung cả cặp để tìm cái phần “ mật ” ấy. [...]

Ngay mới đây thôi, những đại biểu dự lễ trao giải Vừ A Dính cho các em học sinh dân tộc không biết có nghĩ gì không, khi đại biểu nhiều hơn các em, khi mỗi người đến dự được nhận “ chế độ ” đến 50 000 đồng, trong khi có em nhỏ người Thái đã phải đi bằng thuyền, đi bằng ngựa, bằng đủ thứ phương tiện mới tới được Hà Nội chỉ để nhận 400 000 đồng cho bao nhiêu thứ thành tích : học tập, công tác đoàn thể, và phải là nhà nghèo.

Trước đây, người ta dùng từ “ chế độ ” để chỉ những người già, được về hưu sau nhiều năm cống hiến, gọi là “ nghỉ chế độ ”. Giờ đây, từ “ chế độ ” lại có thêm một nghĩa nữa : lĩnh tiền đi họp. Và các ban tổ chức, sau khi méo mặt lo tiếp đón đại biểu, lo ăn trưa, lo khách sạn, là phải lo “ chế độ ”.

Ôi, đi họp thời “ chế độ ” !

Lan Anh

Tuổi Trẻ 12.9 2000

Vài ý kiến tản mạn về bão lụt ở Việt Nam

KTS Nguyễn Đạt

I. Tản mạn:

Chỉ còn gần 2 tháng nữa là nhân loại sẽ đón chào năm 2000 với những lễ hội tung bừng nhất mà bao nhiêu người đang rộn rịp chuẩn bị tổ chức quy mô to lớn chưa từng thấy. Thế mà ở Việt Nam quê tôi lại chìm trong bão lụt lớn nhất thế kỷ với những mất mát ngày càng tăng lên cho người dân nghèo ở miền Trung Việt Nam. Mới 2 năm trước đây, vào đêm 2 rạng sáng 3/11/97, cơn bão số 5 (còn mang tên Linda) đã ập vào tàn phá các tỉnh ven biển Nam Việt và cực Nam Trung Việt, khiến 445 người chết, 3.406 người mất tích, 857 người bị thương, thiệt hại vật chất lên trên 5569 tỉ đồng Việt Nam (theo thống kê chính thức của Nhà Nước). Bão lụt năm nay (tính đến ngày 7/11/99) đã gây thiệt hại trên 718 tỷ đồng Việt Nam, 522 người chết, 95 người mất tích, 18 người bị thương, 604.204 nhà đổ trôi, 5723 lớp học và 1746 bệnh xá hư sập, 63.226 ha ruộng lúa ngập úng, 115 cầu cống sập trôi, v.v... (báo Thanh Niên, 7/11/99).

Mọi người, trong lẫn ngoài nước, đổ xô quyên góp cứu trợ trong tinh thần "Lá lành đùm lá rách" khẩn cấp thật đáng khen và cảm động. Một bạn trẻ chợt hỏi tôi: "Tại sao năm nào nước mình cũng bị bão lụt vậy hả anh? Có cách nào ngăn ngừa hay hạn chế tác hại về người và tài sản do bão lụt gây ra không?" Câu hỏi của bạn đó khiến tôi suy nghĩ thật nhiều. Tôi cũng muốn cầu Trời Phật sao cho người Việt Nam chúng tôi tìm ra lời giải để thay vì cứ đi quyên góp cứu trợ thì chúng tôi có thể làm cách nào đó để dự phòng và hạn chế tối đa tác hại của những thiên tai này. Việt Nam đã có biết bao chuyên viên tài giỏi, lưng danh, tốt nghiệp từ nhiều trường đại học nổi tiếng của thế giới nhưng sao không có ai nghĩ đến vấn đề này nhỉ? Có lẽ vì không đem lại nhiều tiền bạc, danh lợi... nên chưa có ai chịu quan tâm nghiên cứu chăng? Có lẽ vì có nhiều đề tài "vĩ đại" hơn nên các nhà bác học Việt Nam không thêm đôiái hoài đến vấn đề này chăng? Hay vì Việt Nam không có khả năng chuyên môn trong lãnh vực này, không đủ khả năng tài chánh, phương tiện lẫn kinh nghiệm xử lý (?) trên phạm vi vĩ mô lẫn vĩ mô? Thế là đồng bào của chúng ta cứ phải ngâm ngùi hát mãi điệp khúc: "Trời hành cơn lụt mỗi năm..."

Trong phạm vi hiểu biết rất hạn hẹp của mình, tôi xin phép được trình bày đôi điều với người bạn trẻ về chuyện bão lụt ở nước ta.

Xét về vị trí địa lý thì Việt Nam nằm trong vùng áp thấp nhiệt đới nên bên cạnh lượng mưa lớn hàng năm, nước ta còn nhận thêm rất nhiều nước từ những cơn bão nhiệt đới mà trung tâm bão (còn gọi là "mắt bão") thường nằm trong vùng biển Phi Luật Tân. Hình thể nước ta tuy trải dài trên nhiều vĩ độ nhưng rất hẹp về bề ngang (nhất là vùng Trung Việt) với đôi núi có độ dốc cao nên nước sẽ trút thẳng xuống vùng đồng

bằng ven biển, dễ tạo ra lũ lụt lớn với những trận cuồng lưu khủng khiếp tàn phá dữ dội hơn nếu như đôi núi trơ trụi, không còn rừng cây kềm hãm sức nước, hay không có kênh đào thoát lũ. Chính nạn phá rừng bừa bãi đã góp phần tăng thêm tác hại của bão lụt. Bao nhiêu kênh đào từ những công tác thủy lợi không được nghiên cứu kỹ lưỡng, tùy tiện, vô tổ chức trong những năm đầu sau 30/4/75 cũng góp phần hỗ trợ thêm cho lũ lụt, ngập mặn và phá hoại môi sinh. Là một nước nghèo, dân đông mà lãnh đạo lại thiếu sáng suốt thì hậu quả của thiên tai không những không được dự phòng nhằm hạn chế tác hại mà còn gia trọng thêm nhiều hơn khi các quan chức địa phương lẫn trung ương hết sức vô trách nhiệm, coi thường mạng sống nhân dân và tài sản của họ, thậm chí "thừa nước đục thả câu" nhằm tự tư tự lợi chứ không tận tâm tận sức cứu dân.

Tháng 11/97, tôi có mặt tại Việt Nam sau cơn bão số 5. Những nhóm cứu trợ tự nguyện của bà con trong nước đã tỏ ra hết sức sốt sắng, năng động, có hiệu quả hơn là những tổ chức chính quyền hay quốc tế (cụ thể là Hội Hồng Thập Tự). Họ là những thanh niên, sinh viên, học sinh, công nhân, giáo chức...; già, trẻ, nam, nữ...; thuộc nhiều tôn giáo khác nhau nhưng cùng cật lực làm việc từ thiện, có mặt tức thời, bất kể gian nan, nguy hiểm, đến với nạn nhân bằng tấm lòng và chỉ có "cho" chứ không đòi hỏi hay mưu đồ gì cả. Tôi thật sự khâm phục họ từ những ngày tháng đó. Tôi cũng đã nghe một anh bạn KTS thao thao về những mô hình trường học và nhà dân dựng thiết kế nhằm hạn chế tác hại của bão từ kinh nghiệm một vài nước ở Châu khác và cả miền Nam Việt Nam trước đây. Tôi có hỏi anh: Tại sao anh không viết và trình bày lại cho chính quyền biết để dân được nhờ? Anh cười mà lắc đầu nguây nguậy. Từ đó, tôi trở về tìm tài liệu tham khảo trong các thư viện, tìm tài liệu trên mạng (*search* trên *net*) và hình thành một số khái niệm bước đầu cho đề tài này. Tuy nhiên tôi cần được góp ý, sửa chữa, bổ túc thêm từ những người có kinh nghiệm và hiểu biết hơn trong lãnh vực này. Xin được trình bày hôm nay như là phác thảo cho việc quy hoạch và thiết kế nhà & trường học ở vùng thường bị bão như Việt Nam chúng ta.

Trước hết phải tìm hiểu nguyên nhân và tầm hoạt động của bão vì có hiểu rõ bão thì mới có thể dự phòng hữu hiệu và có thể giảm tối đa tác hại do bão gây ra. Trách nhiệm nghiên cứu đó thuộc về Trung tâm Khí Tượng & Thủy Văn nhưng rõ ràng là khả năng thông tin về việc phòng bão của Việt Nam hãy còn quá kém hiệu quả, nếu không muốn nói là từ trên xuống dưới đều coi thường công tác thông tin & dự báo khí tượng - thủy văn - phòng bão lụt. Đây là vấn đề cần cải thiện trước nhất. Dân Việt Nam sống trong bão lụt bấy lâu nay nhưng kinh nghiệm đã không được rút tỉa thành bài học để ứng dụng trong công tác phòng bão lụt và cấp cứu sao cho kịp thời, hiệu quả và cũng không hề thấy ai nghiên cứu để đề ra biện pháp nào khả dĩ khá hơn nhằm tránh bớt đi việc lập đi lập lại mãi một thảm kịch bi đát diễn ra hàng năm như vậy. Ngay như các nhà địa lý địa chất đã vẽ được watershed và đường nước tràn (kể cả cuồng lưu) từ trên núi đổ xuống nhưng không thấy ứng dụng vào việc quy hoạch sao cho cư dân những địa phương đó tránh được lũ lụt? Lý thuyết đã không được ứng dụng hữu hiệu vào đời sống dù nhà trường luôn kêu gọi học sinh rằng "học phải đi đôi với hành" (!?). Không thể đổ thừa cho việc

thiếu hụt ngân sách mãi được khi mà số tiền dùng vào cứu trợ và những thiệt hại nhân mạng lẫn tài sản hàng năm đã lên quá cao. Đã đến lúc nghiêm chỉnh rút tĩa kinh nghiệm, nghiên cứu thật khoa học vấn đề đề phòng bão lụt như một quốc sách và kịp thời phổ biến rộng rãi để giáo dục dân chúng. Chuyện dung túng cho bọn phá rừng buôn gỗ lậu đã quá rõ ràng nên chính những người lãnh đạo cấp cao nhất phải có câu trả lời ổn thỏa cho những gia đình nạn nhân bão lụt, cụ thể là những chính sách triệt để và nhất quán trong việc bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng nguyên sinh, bảo vệ môi sinh và thảm thực vật hiện hữu. Không thể vì dân nghèo đói mà làm ngơ cho những kẻ làm bậy cứ tái phạm chính sách về rừng. Việc phủ xanh kín mặt đất nhằm chống xói mòn (erosion control) vẫn chưa được quan tâm đúng mức, nhất là vùng đồi núi, ven biển, dọc theo các quốc lộ nên nhiều địa phương vẫn coi chuyện đất trượt (land slides), đất lở, đất sụp... vẫn là " chuyện không có gì âm ỉ " để phải trồng cây cỏ phủ xanh mặt đất, nhất là những nơi dốc đứng (2:1 hay 1:1) ; chỉ đến khi nước chảy tràn cuộn cuộn gây ra thảm họa thì lại la làng để xin cứu trợ ! Từ đó phải nêu câu hỏi: *vai trò và trách nhiệm của trí thức, các chuyên viên KHKT Việt Nam trong vấn đề này. Họ đã làm gì ? đã nghiên cứu và rút ra kinh nghiệm gì để cứu dân ?* Họ không thể cứ khoanh tay đổ tội cho Thiên Tai hay nước nghèo, không phương tiện và kinh nghiệm xử lý đúng mức. Chính quyền nên chấm dứt ngay lối " quản lý " hết sức ồm đồm, bao biện trong việc thu gom, phân phát các phẩm vật cứu trợ, nhất là phải xử lý kỷ luật nghiêm khắc việc một số " sâu mọt " cố tình " ăn bản " và cả một số quan chức địa phương cố tình cản trở, gây khó khăn cho các đoàn cứu trợ trong thời điểm khẩn cấp. Hãy huy động sức dân để cứu dân !

Vấn đề phòng bão lụt và cứu cấp phải là chuyện chung của nhiều cơ quan kết hợp đồng bộ thì khả năng hoạt động mới có thể hữu hiệu. Cho nên cần có Ban Chỉ Đạo Trung Ương hoạt động có kế hoạch, tổ chức chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng, theo dõi sát sao mọi diễn biến phức tạp chứ không thể để mặc địa phương tùy tiện, linh động ứng phó. Chính từ sự kiện bão số 5/ Linda năm 97, tôi cứ nghĩ Việt Nam đã rút được những bài học quý giá nhưng trong cơn " hồng thủy thế kỷ " năm nay, dường như vẫn chưa khá hơn là bao ? Với thiên tai như bão lụt, cái *approach* thích hợp nhất là đề ra những biện pháp để " đối phó " và " dự phòng " kịp thời, không phải là " chống " vì không có cách nào để chống lại thiên tai cả ! (dù cho là Mỹ, Nga, Nhật, Tàu... cũng đành bó tay chịu trận thôi !) Mục đích của các biện pháp này chính là để giảm thiểu thiệt hại về sinh mạng và tài sản, dự phòng những biện pháp cứu trợ sau đó cho hữu hiệu, cấp thời. Có nhiều biện pháp từ dễ đến khó, từ ít tốn kém đến tốn kém rất nhiều nhưng với miền Trung Việt thì ít ra cũng phải bao gồm những điểm như sau :

Thiết lập một Trung Tâm Tiên Đoán Bão Lụt (nơi thích hợp nhất có lẽ là Đà Nẵng) với dụng cụ thích hợp để có thể tối thiểu theo dõi và thông báo kịp thời đường di chuyển, cường độ bão, và ước tính lượng nước mưa (nếu ước tính được mực nước lụt thì càng hay). Đòi hỏi phương tiện, trang thiết bị hiện đại và chuyên viên được tu nghiệp hàng năm.

Thiết lập những Trung Tâm Tạm Trú An Toàn, nhất là ở các tỉnh miền Trung, đương nhiên là ở chỗ cao và chắc chắn,

để khi được thông báo, đồng bào có thể tập trung đến những địa điểm đó. Những Trung Tâm này phải có đủ phương tiện (thực phẩm, nước uống, thuốc men, vệ sinh,...) để phục vụ cho đồng bào trong một thời gian ấn định. Đòi hỏi khả năng tài chánh, phương tiện và quản lý tốt (tổ chức chặt chẽ, cán bộ không tham nhũng, có lòng vì dân).

Thiết lập một kế hoạch khẩn cấp (emergency plan) để có thể kịp thời thông báo cho đồng bào vùng bị bão lụt đe dọa, cung cấp phương tiện chuyên chở đồng bào đến các Trung Tâm Tạm Trú An Toàn, và cấp cứu đồng bào còn kẹt lại trong các vùng bị thiên tai. Đòi hỏi sự kết hợp với quân đội, công an và bộ giao thông vận tải cùng nhiều cơ quan khác hỗ trợ.

Thúc đẩy việc xây cất nhà trong vùng thường bị bão lụt có sức chịu đựng cao qua việc khuyến khích hoặc ấn định các quy cách về xây cất (building codes) và dùng vật liệu nặng như bê tông, ngói móc, v.v... (xin xem phần 2 : quy hoạch & xây dựng vùng bão).

Quy hoạch việc sử dụng đất đai (land uses), ấn định các vùng lụt (floodplains) và giảm thiểu việc xây cất khu gia cư và những khu kỹ nghệ có giá trị cao trong những vùng dễ bị lụt lội. (xin xem phần 2 : quy hoạch & xây dựng vùng bão).

Nghiên cứu thủy học của lưu vực (công việc này là của chuyên viên thủy học (hydrologist) chứ không phải của các nhà địa lý địa chất). Ban hành các biện pháp căn bản như bảo vệ rừng và phủ xanh mặt đất. Nếu có thể được, xây đập đa dụng mà kiểm soát và điều hòa lụt là mục đích chính. Nếu cần, xây các hệ thống đê và đường thoát nước.

II. Về Quy Hoạch & Xây Dựng cho vùng bị bão thường xuyên :

Tụ trung vào 3 điểm chính là :

Phải lưu ý đến vị trí địa lý, địa hình và các yếu tố thực địa (site analysis), chẳng hạn: nhận dạng đầy đủ địa hình địa phương (độ cao, độ dốc của đồi núi, khoảng cách tới biển / sông, nơi nào có thể trú bão tránh lụt khi hữu sự, etc.). Các nhà quy hoạch & xây dựng của chính quyền không thể không nghĩ đến việc phải chọn vị trí tránh bão lụt tốt nhất khi quy hoạch các khu dân cư (residential), khu hành chánh (civic center), v.v... và lượng định khả năng ảnh hưởng tới công trình (địa hình ảnh hưởng như thế nào và ngược lại, độ cao ngập lụt/ mức nước tối đa có thể dâng lên, những cây cối quanh vùng sẽ tăng trưởng và ảnh hưởng ra sao đến công trình và ngược lại ; không thể quên micro-turbulence với tác động của gió và lụt nếu gần sông hay đồng trống, etc...) ra sao trước khi cấp phép xây dựng. Ngay cả kiến trúc cảnh quan (landscape architecture) cũng là yếu tố quan trọng : chọn lựa cây trồng có sức chịu đựng cao (không dễ gãy đổ), nên tỉa (trimming) cây lớn trước mùa mưa bão, nghiên cứu địa hình để có thể tạo dáng (xây ụ đất và tường chắn/ retaining wall hay soundwall, trồng cây cỏ, làm hệ thống thoát nước / drainage system...) sao cho vừa hạn chế xói lở mặt đất, vừa hạn chế gió bão, vừa thoát nước dễ dàng, vừa tạo thêm nơi tránh bão lụt lại vừa làm đẹp thêm cảnh quan.

Phải thiết kế & kết cấu vật liệu xây cất sao cho phù hợp nhất, nhất là tường và mái chừ móng (footings & foundation) phụ thuộc vào cấu tạo địa chất (soil) của khu vực, chưa kể nhà nghèo thì lại càng đơn giản. Theo tôi, nên thiết kế và kết cấu

đơn giản tối đa, vừa phù hợp tổng thể (integrity), vừa an toàn. Cần lưu ý 4 điểm chính sau đây:

Xem xét kỹ những kiểu dáng nhà nào có thể chấp nhận cho vùng bão lụt thường xuyên? Thiết kế mặt cắt (section) sao cho lực phân bố đều trên toàn bộ mái, hạn chế ảnh hưởng của micro-turbulence hầu tránh gây tai nạn khi bão lụt, gió lớn. Tính cho kỹ các cột chống, các nhịp lớn & các phân công xôn, khoảng cách (span) giữa kèo, cột, xà trên mái (span càng gần nhau càng vững chắc). Vật liệu phải được chọn lựa kỹ để vừa chịu ẩm, chống thấm thấu, vừa chịu tác động của gạch vỡ, cây ngã... Mái và tường là phần đáng lưu ý nhất, nhất là những nơi chịu áp lực cao. Loại shear wall ở Mỹ có thể dùng cho Việt Nam. Chủ yếu là giằng sao cho tường, trần, mái và vách ngăn đủ chịu sức gió cao, nước đổ xối xả liên tục... là bài toán khó cho nhà nghèo!

Nền móng & cốt sàn (footing, foundation & framing) là việc khởi đầu cho xây cất nên phải bắt tay trước vào việc nghiên cứu địa hình & địa chất (soil test/ geotechnical services), xác định loại đất hiện hữu để nếu cần thì phải nén đất (compaction) và xử lý thích hợp qua erosion control chẳng hạn. Tìm hiểu lịch sử ngập lụt để chọn cốt (cốt 1,2,3 hay hơn nữa, tùy mức độ ngập lụt từng nơi để tính mức ngập cho cốt sàn, sức gió & động đất sao cho phù hợp hơn với thiết kế & kết cấu). Không thể quên là đất sét dãn nở (expansive clay) sẽ gây họa khi lũ lụt nếu móng không làm đúng; hay như việc tính toán hệ thống kết cấu cột & dầm lưới để tạo độ cứng cần thiết cho các công trình vùng gió bão, lũ lụt. Đừng quên tay nghề thợ và lương tâm nhà thầu là những điều không thể coi thường khi thi công.

Tổng thể phải được sắp xếp hợp lý sao cho gió thông thoáng chứ không nhất thiết phải "gia cố kết cấu" (structural reinforcement) nhưng cốt lõi là tăng an toàn nên mọi sắp xếp không gian bên trong phải phù hợp kết cấu và ngược lại. Ví dụ, tường lửng (không lên tới trần/ ceiling, mái/ roof) nên đủ cứng để chịu lực chứ không chỉ để trang trí hay là vách ngăn mà thôi. Các khoảng mở (openings) như cửa sổ, cửa đi phải được chọn lựa về kích thước, trọng tải và thiết kế (loại cửa, khung và mối liên kết với tường) sao cho phù hợp với từng vùng (gần biển hay trên núi cao có nhiều gió lớn, mưa nhiều), chẳng hạn: cửa sổ mở lớn để ngắm cảnh (view points) và lấy ánh sáng là tốt nhưng khi gió bão thì phải giải quyết thế nào cho an toàn? Có nên dùng cửa chớp hay lại cửa truyền thống xưa nay vẫn dùng? Thảm mỹ nhưng phải an toàn. Đừng quên chi phí phải thật thấp vì Việt Nam là một nước nghèo, dân không đủ ăn thì đừng tính toán qua xa vời!

Quy cách (Building codes, specifications & standards, city ordinances, etc...): Chính quyền (Bộ xây dựng, công chánh và các hội kỹ sư, kiến trúc sư) phải cập nhật hóa (updating) tất cả quy cách xây dựng một cách chi tiết, cụ thể tất cả quy định, quy cách xây dựng cho dân dụng lẫn công cộng thật chặt chẽ để buộc tất cả mọi người (nhất là thầu & thợ xây) phải theo đúng quy cách, quy định nhằm bảo đảm an toàn tối thiểu cho mọi người. Tất cả văn bản, tài liệu hướng dẫn cần phổ biến rộng rãi (thư viện, trường học, hệ thống truyền thông báo chí...), giải thích rõ ràng, cặn kẽ để mọi người am tường và tuân hành triệt để. Xử lý nghiêm ngặt mọi sai phạm do cố tình nhưng cũng phải nghiêm chỉnh học hỏi kinh nghiệm từ những

bài học quý giá này để tránh tái phạm. Kiểm tra xây cất là một công việc không thể qua loa, từ các mối nối (connection) với đủ loại đinh, vít, bù lon, keo dán..., sử dụng vật liệu nào là đúng, độ dày và độ dốc nào chấp nhận được? Danh mục kiểm tra phải được soạn thảo và in đầy đủ cho thanh tra (inspector) để bảo đảm việc thi công đúng những quy định cần thiết mà không phải Mỹ mới làm được mà nước nghèo như Việt Nam thì cứ...qua loa!

Phải lưu ý đến erosion control ở những khu vực đồi núi, ven biển (nhất là khu dốc cao, dựng đứng, trơ trụi, đất sét dãn nở cao/ expansive clay); cố gắng phủ kín mặt đất bằng các loại thảm thực vật, thậm chí dùng bã thực vật (mulch-không phải compost), trải đá (rock blanket), hay cứ để hoa cỏ dại thì tốt hơn phủ kín mặt đất. Cần khuyến khích việc đắp bờ bao, trồng dừa, phi lao, dương liễu... ven biển, cần khuyến khích việc xây tường chắn (retaining wall, soundwall...) khi khả năng tài chính cho phép. Tất cả phải được quy hoạch và thiết kế đúng quy cách, tiêu chuẩn, phải giới thiệu rộng rãi cho dân biết các phương thức phòng bão lụt sao cho kịp thời và hữu hiệu bằng mọi hình thức thông tin tuyên truyền. Khó khăn nhất là quy hoạch sao cho dân tránh được phần nào tác hại của bão lụt mà không ảnh hưởng đến phát triển chung và sự ổn định của người dân địa phương chứ thiết kế không phải là khó. Do đó, không thể coi nhẹ công tác quy hoạch, nhất là những vùng bị bão lụt thường xuyên như miền Trung.

Việc giảm thiểu thiệt hại về nhà cửa và các kiến trúc khác do lụt gây ra thì không đơn giản như bão. Cho dù có xây cất kiên cố đến đâu thì sức nước cũng có thể tàn phá. Cho nên, cách tốt nhất là dùng quy hoạch sử dụng đất để hạn chế đến mức tối đa việc xây cất trong các vùng lụt (floodplains). Nếu không, thì cần phải có một hệ thống hồ chứa nước và đê điều thật kiên cố để bảo vệ. Ở đây, tỷ suất lời lãi/giá thành là yếu tố quyết định, và đương nhiên phải tính cả phần lợi thấy được và vô hình (*tangible and intangible benefits*).

Xin lưu ý bài viết này chỉ có tính cách gợi ý, chưa hẳn là giải pháp tốt nhất hay khả thi nhất vì chính người địa phương mới am tường đầy đủ những điều kiện, yếu tố & nhân tố khách quan ảnh hưởng đến quy hoạch, kiến trúc, xây dựng... Ao ước lớn nhất của tôi là phổ thông hóa mọi phương thức xây cất, cấp cứu và các biện pháp phòng bão lụt căn bản nhất đến mọi người dân, nhất là vùng bị bão lụt thường xuyên để họ có thể tự cứu giúp chính họ khi nguy biến - như là những kiến thức khoa học thường thức cơ bản. Cứu trợ là giải pháp cấp thời nhằm xoa dịu những mất mát do thiên tai nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm biện pháp hạn chế tác hại, như cha ông ta đã khổ công đắp đê dọc sông Hồng chống lũ lụt khi xưa. Đó là chuyện mà chính quyền phải làm. Từ những kinh nghiệm đau thương bấy lâu nay dân ta vẫn chịu, hy vọng chúng ta sẽ tìm được biện pháp khắc phục có tính cách lâu dài hơn để đồng bào mình đỡ khổ và tránh được những mất mát to lớn. Trách nhiệm của chính quyền và trí thức Việt Nam là sớm có câu trả lời cho vấn đề phòng bão lụt sao cho hữu hiệu hơn chứ không chỉ là cứu trợ!

KTS. Nguyễn Đạt (11/99)

Nhân chuyến đi thăm Việt Nam
của tổng thống Clinton

QUAN HỆ VIỆT-MỸ

Phong Quang

Thế là trung tuần tháng 11 sắp tới – nếu không có sự cố bất ngờ – ông William J. Clinton sẽ chính thức viếng thăm Việt Nam.

Đây không phải lần đầu một tổng thống đương nhiệm của Hoa Kỳ đặt chân tới đất nước ta. Năm 1966, Lyndon B. Johnson, rồi năm 1969, Richard M. Nixon cũng đã tới, nhưng với tư cách tổng tư lệnh của một quân đội viễn chính, lần đầu hùng hùng hổ hổ, lần sau vừa lên gân vừa bắt đầu rút quân. Phải đợi 4 năm sau, sau một chuỗi dài tội ác và tang thương, đạo quân ấy mới rút hết, và hai năm sau nữa, lá cờ sao và sọc ấy mới được cạo sạch “ngài đại sứ toàn quyền” bay đi trong tiếng gầm rú của đoàn trực thăng tán loạn.

Đây là lần đầu tiên tổng thống Mỹ đến Việt Nam như một quốc khách, năm năm sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, vài tháng sau ngày ký kết hiệp định thương mại song phương.

Trong một ý nghĩa nào đó, chuyến đi của ông “Bill” Clinton có tính chất kết thúc hơn là khai nguyên. Clinton là tổng thống đương nhiệm đó, nhưng mười ngày trước, cử tri Mỹ đã bầu ra một tổng thống mới – Al Gore (đang ở thế thượng phong) hay George W. Bush *con* – ông chỉ còn làm tổng thống thêm hai tháng nữa, ngôn ngữ chính trị Mỹ gọi là *vịt què* (*lameduck*). Chuyến đi này, trong ý nghĩa đó, kết thúc sự nghiệp chính trị (hay ít nhất một phần chủ yếu) của một chính khách. Một chính khách mà tuổi thanh niên đã được đánh dấu bằng một quyết định quan trọng : không tham gia chiến tranh Việt Nam. Dũng cảm hay trốn tránh, điều ấy dư luận công chúng Mỹ vẫn còn phân vân. Người duy nhất có thể trả lời là ông Clinton thì vẫn giữ im lặng. Một phần tư thế kỷ đã trôi qua, nhưng nước Mỹ chưa sẵn sàng nhìn lại quá khứ một cách tỉnh táo, cũng dễ hiểu là các nhà chính trị còn phải đắn đo lời nói theo sự gợi ý của các chuyên gia về “truyền thông” (nôm na là tuyên truyền). Dẫu sao, có một điều chắc chắn đã được công luận thừa nhận : bằng những cố gắng liên tục, tổng thống Clinton đã góp phần quyết định vào việc bình thường hoá quan hệ với Việt Nam. Việc làm này của ông đã phần nào giảm bớt trách nhiệm nặng nề của Đảng dân chủ trong chính sách đối với Việt Nam qua các triều đại tổng thống, từ Truman, Kennedy, Johnson tới Carter.



Sự xuất hiện của tổng thống Mỹ ở thủ đô Hà Nội một ngày mùa thu năm 2000 (bảy năm sau tổng thống Pháp) cũng khép lại một chương dài trong lịch sử hai thế kỷ bang giao (không bình thường) giữa hai nước Việt Nam và Mỹ.

Thật vậy, ngay từ tháng 7 năm 1787, tác giả bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ (mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn mở đầu Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam), ông Thomas Jefferson, lúc đó là Công sứ Hoa Kỳ ở Paris, đã chú ý đến 6 giống lúa ở Việt Nam (Đàng Trong), “*trắng đẹp, ăn ngon và năng suất cao*” (1). Một năm sau, gặp phái bộ Pigneau de Béhaine ở cung Versailles, ông được hoàng tử Cảnh hứa sẽ gửi những mẫu lúa – đây có lẽ là cuộc tiếp xúc Mỹ-Việt đầu tiên. Việc không thành, Jefferson vẫn kiên trì tìm xin. Ba mươi năm sau, một thương nhân Mỹ mới cập bến Việt Nam, mua một ít lúa, đường và một thuyền gạo... nhưng trên đường về “*chẳng may gạo bị mọt và các loại sâu bọ ngũ cốc ăn hỏng cả*” (2).

Cuộc tiếp xúc thứ nhì cũng không sáng sủa gì hơn. Đó là phái bộ Edmund Roberts đến Đà Nẵng đầu năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), mang theo quốc thư của tổng thống Andrew Jackson đề nghị ký thương ước (bản thảo gồm 8 điều, dài hai trang viết tay (2), ngắn hơn hiệp định thương mại 150 trang đánh máy ký kết 178 năm sau). Cuộc thương lượng không thành, đúng hơn : vì những lý do lẽ tằn, phong tục bất đồng, nó chưa bao giờ bắt đầu. Sau hơn một tháng gặp phái đoàn Nguyễn Tri Phương & Lý Văn Phúc, Roberts nản chí nhờ neo (3), để được tiếp đón linh đình ở triều đình Vọng Các (Bangkok). Điều đáng chú ý là : nguyên nhân sự thất bại này không xuất phát từ một chính sách bế quan toả cảng của nhà Nguyễn. Ngược lại, ở thời điểm đó, Minh Mệnh cũng có chính sách “*mở cửa*” và “*hội nhập quốc tế*” của ông. Sử còn ghi Minh Mệnh “*dụ cho các quan Nội các*” rằng :

“*Chúng nó từ xa tìm tới, bản ý là cung thuận. Triều đình ta với tình thân mềm dẻo quý mến người phương xa, không tiếc gì mà không dung nạp họ. Tuy nhiên, họ mới tới lần đầu ; các chi tiết lễ nghi về ngoại giao thông hiểu chưa được am tường ; có thể sai quan Thương Bạc viết tư văn thông báo cho nước họ biết, nếu muốn thông thương mậu dịch với nước ta, ta cũng không cự tuyệt, nhưng phải tuân theo những hiến định đã có từ trước tới nay. Từ nay nếu có thương thuyền tới, thì cho phép được ghé vào cửa Đà Nẵng, Trà Sơn Úc, bỏ neo tại đó, chứ không được tự ý lên bộ. Đó là ý cảnh giác phòng gian nằm trong chính sách ngoại giao mềm dẻo của ta vậy*” (4).

[Ngôn từ bản dịch của Nhà xuất bản Thuận Hoá quá “hiện

100

Với số 100 này, *Diễn Đàn* bước sang năm thứ mười. Mùa thu 1991, khi chúng tôi chuẩn bị ra số 1, trong ban biên tập chúng tôi, không ai nghĩ tờ báo khiêm tốn này có thể trụ được đến ngày viết thêm hai con số 0 tiếp theo số 1, mặc dầu phần đông đều muốn gắng sức tới cùng, còn những người khác thì *lấy tình bạn thay nhiệt tình*. Nhìn lại, điều lạ không phải là ban biên tập đã trụ đến năm thứ 10, mà là : bạn đọc và bầu bạn bốn phương đã muốn cho tờ báo sống bằng cách mua dài hạn (nguồn tài chính duy nhất của *Diễn Đàn*) và đóng góp bằng bài vở, ý kiến.

Để cảm ơn tất cả, chúng tôi xin gửi tới bạn đọc số báo đặc biệt này. Dày gấp đôi và đẹp gấp bội, chủ yếu do bạn bè xa gần làm ra, nên ban biên tập nhàn hạ hơn mọi khi. Để dành sức làm số 101, 110... Và biết đâu... 1001 !

đại ” càng gây cho người đọc cảm tưởng mình cầm trong tay một văn kiện “ nội bộ ” mùa thu 1999 của Ban thường vụ Bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam khẳng định “ quyết tâm đổi mới ” và chỉ thị cho Thủ tướng Phan Văn Khải không ký hiệp ước thương mại Việt-Mỹ].

Và cứ như thế, quan hệ Việt-Mỹ là một chuỗi dài những cơ hội bỏ lỡ, những ngộ nhận, sai lầm... 1873 : Bùi Viện sang Mỹ cầu viện. 1919 tại Versailles : thay mặt Nhóm người An Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc trao Yêu sách 8 điểm cho phái đoàn của tổng thống Wilson... “ Quyền dân tộc tự quyết ” do tổng thống Mỹ đề xướng sau Thế chiến thứ nhất dường như chỉ để quét sạch ảnh hưởng của đế chế Tây Ban Nha ở Châu Mỹ Latinh, dọn chỗ cho ảnh hưởng Hoa Kỳ.

Đến cuối Thế chiến thứ nhì, Roosevelt có lúc muốn hăm nóng khẩu hiệu này ở Đông Dương, nhằm chuẩn bị cuộc đổ bộ ở Philippin. Nhưng ngay khi Mỹ chuyển hướng chiến lược, đánh thẳng vào Nhật, thì chính Roosevelt trước khi chết (chứ không phải Truman như nhiều người tưởng ⁽⁵⁾) đã chấp nhận đề nghị của Bộ ngoại giao Mỹ và thủ tướng Anh Churchill, để Pháp trở lại Đông Dương. Việc giao hảo khá tốt đẹp giữa Việt Minh và phái bộ OSS từ cuối năm 1944 đến cuối năm 1945, cũng cần phải nhấn mạnh, là kết quả cuộc vận động tài tình của lãnh tụ Hồ Chí Minh và tư tưởng khá thức thời cũng như tinh thần bất tuân thượng lệnh của những người Mỹ như Thomas, Patti... (về sau, nhất là trong thời McCarthy, họ đã phải trả giá khá đắt). Điều này giải thích tại sao, những điện văn của chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà gửi chính phủ Hoa Kỳ năm 1945, 1946... đã được cất kỹ dưới đáy tủ ở Washington...

1946 là năm sinh của William Jefferson Clinton. Một năm sau, do cuộc vận động của đại sứ Mỹ tại Pháp Bullitt, Mỹ ủng hộ “ lá bài Bảo Đại ” của Pháp, quyết định viện trợ cho quân đội viễn chinh Pháp. 1947 cũng là năm chiến tranh lạnh thực sự bắt đầu ở châu Âu. Rồi Mao Trạch Đông thành lập Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, nước Mỹ đảo điên vì “ mất đại lục Trung Hoa ”. 1950 : Stalin và Mao làm sức ép lên Hồ Chí Minh, buộc “ cải cách thổ địa ” ; chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Thế là cuộc chiến tranh giải phóng Việt Nam từ đó bị kẹt trong thế cờ quốc tế của một cuộc đụng đầu giữa hai phe. Từ chỗ không biết Việt Nam ở chỗ nào trên bản đồ, giới cầm quyền Mỹ đã đi từ ngộ nhận này đến ngộ nhận khác, đem tiềm lực khổng lồ chống lại ý chí độc lập của cả một dân tộc, mà cứ tưởng có thể ngăn chặn “ đế quốc Nga-Hoa ”... Lịch sử chuỗi dài sai lầm ấy, ông Robert S. McNamara đã thành khẩn “ nhìn lại ” trong cuốn *In Retrospect*, tưởng cũng không cần nói thêm...



Nếu có một cái gì chung giữa Mỹ và Việt Nam thì đó là cái mà người Mỹ gọi là *Vietnam Syndrom*, Hội chứng Việt Nam. Nước Mỹ, một phần tư thế kỉ đã trôi qua, vẫn chưa vượt qua được hội chứng ấy. Nhưng tiềm lực của Mỹ quá lớn, những vấn đề của Mỹ quá đa dạng, nước Mỹ có thể “ quên ” Việt Nam để đối phó với tình hình quốc tế hoàn toàn mới sau sự sụp đổ của Liên Xô. Việt Nam, cũng dễ hiểu, càng khó

khắc phục những hậu quả của cuộc chiến tranh, càng khó hơn, khi sự sụp đổ của khối Liên Xô, sau sự thù địch của Trung Quốc, đẩy Việt Nam vào cái thế bơ vơ chưa từng có. Càng bơ vơ hơn nữa khi các nhà lãnh đạo Đảng cộng sản không có tầm nhìn và bản lĩnh của người đi trước, chỉ còn giữ lại một “ tinh thần cảnh giác cao độ ”. Chính cái tinh thần cảnh giác ấy, đi kèm sự thiếu thông tin và hiểu biết về tình hình thế giới (chúng ta hãy nhớ lại sự cảnh giác của Minh Mệnh) giải thích cuộc trì kéo một năm dài trước khi ký hiệp định thương mại Việt-Mỹ, và cho ta hiểu tại sao mấy tuần sau khi ký, các doanh nhân, các đại biểu quốc hội (chưa nói tới mọi công dân Việt Nam) vẫn không được quyền đọc văn bản hiệp định... mà cả thế giới có thể đọc toàn văn trên mạng internet. Cảnh giác một thời là sự cần thiết có tính sống còn trong chiến tranh, đã trở thành vôi nước tưới ướt từ đầu xuống chân người làm vườn.

Đằng sau căn bệnh cố hữu ấy, có một cái gì nghiêm trọng hơn : khả năng biết người biết ta. Ta là ai ? Một thiểu số nắm trong tay những đặc quyền đặc lợi (mà trị giá tỉ lệ nghịch với chính nghĩa cứ teo dần, teo dần), không còn những giá trị tinh thần tối thiểu, hay một dân tộc với tất cả sở trường, sở đoản, mà bất cứ chính quyền nào muốn tồn tại cũng phải biết liên đới, tôn trọng (trong hành động, nghĩa là trong luật pháp, cơ chế chính trị) ? Người là ai ? Người có còn nằm trong logic địch-ta của thời chiến, của thế giới lưỡng cực, hay người là một tập hợp những đối tác với những cấp độ khác nhau về khả năng cạnh tranh, liên kết, hợp tác, đối địch ?



Cuộc đi thăm Việt Nam của tổng thống Clinton, như đã nói ở trên, khép lại một chương dài lịch sử. Nó có mở đầu cho một trang mới trong quan hệ giữa hai nước không ? Hay sẽ chỉ là dịp để trao đổi những bài diễn văn khẩu Phật tâm xà, điểm xuyết bằng một vài cử chỉ tượng trưng ? Có lẽ không phải là thiếu khiêm tốn nếu nói rằng : điều đó tùy thuộc phần lớn ở phía Việt Nam, ở phía chính quyền Việt Nam. Vượt qua sự miễn cưỡng, đưa tầm nhìn lên khỏi cấp độ những mưu chước vặt vãnh của sách lược, thoát ra khỏi cái vòng luẩn quẩn những dao động sớm nắng chiều mưa, vạch ra một quan niệm ngoại giao nhất quán của một nước độc lập ở Đông Nam Á, đó là điều kiện tiên quyết để Việt Nam xử trí tình hình quốc tế mới, nhằm vượt qua cuộc khủng hoảng để từng bước phát triển.

Phong Quang

(1) *The Papers of Thomas Jefferson*, Princeton, N.J. : Princeton University Press, 1958, vol 12-13-14.

(2) Robert Hopkins Miller, *The United States and Vietnam 1787-1941*, National Defense University Press, Washington DC, 1990.

(3) Edmund Roberts, *Embassy to the Eastern Courts of Cochinchina, Siam and Muscat... during the Years 1832-3-4*, New York : Harper & Brothers, 1837, dẫn theo (2).

(4) Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, tập III, Nhà xuất bản Thuận Hoá, 1994.

(5) Chúng tôi cảm ơn nhà sử học Richard E. Ward đã cung cấp những tư liệu thuộc Thư khố Bộ ngoại giao Mỹ liên quan tới thời kỳ này.

Gà, lợn BỈ và chất Da cam tại Việt Nam

Tính độc của Dioxine và trách nhiệm của con người

LTS. Hè vừa qua, tài liệu quân sự Mỹ được giải mật cho biết trong một tai nạn ở căn cứ không quân Biên Hoà vào cuối thập kỷ 1960, khoảng 20 000 lít chất diệt cỏ Da cam đã chảy vào lòng đất. Sau khi sự kiện này được biết, một đoàn các nhà khoa học Mỹ-Việt đã phân tích mẫu máu ở những người dân 20 làng chung quanh căn cứ. Trong 19 trên số 20 mẫu đó, tỷ lệ dioxine cao hơn hẳn tỷ lệ trung bình, chứng minh độ bền rất cao của chất độc này, và do những hậu quả lâu dài mà nó gây ra, một lần nữa đòi hỏi tiến hành những nghiên cứu nghiêm chỉnh để có thể cứu trợ có hiệu quả hàng chục ngàn nạn nhân còn sống sót của chất Da cam và con em của họ.

Ý thức về tác hại của chất Da cam không phải là được chia sẻ rộng rãi. Những cơ quan nghiên cứu khoa học thường nhận được khuyến cáo để tránh nói công khai một số điều... Trong trường hợp chất dioxine, tạp chí *Actualité Chimique*, số tháng 12.1999, đã đăng một bài viết của giáo sư Phạm Quang Thọ nhân vài tin thời sự lúc đó. Tác giả đã vui lòng lược dịch bài viết cho ĐĐ.

Tháng 2/99, gà BỈ bị nhiễm dioxin pyralène (thứ dioxin dùng trong máy biến thế) cũ, lão hoá, giàu các hoá chất PCB (polychlorobiphényle) và PCDD (polychloro dibenzo dioxine, nói tắt là dioxine). Tháng 6/99, lợn BỈ bị nhiễm dioxine từ bột ăn gốc động vật sản xuất tại Đức. Mức trầm trọng của hai cuộc khủng hoảng này buộc chính phủ Bỉ phải ra lệnh - ngày 30/7/99 - huỷ tất cả các khối gà và lợn bị nhiễm đã đông lạnh.

Tháng 5/1998, Tổ chức Y tế quốc tế (OMS) khuyến không nên hấp thụ quá từ 1 tới 4 pg⁽¹⁾/kg trọng lượng thân thể. Nhưng, ra quy định mức chuẩn mới là bước đầu, bắt công nghiệp, thương mại tôn trọng mức chuẩn rất khó khăn về mặt kinh tế : phân tích xác định lượng dioxine mất khoảng 5 000 FF một mẫu (năm 1995 giá đó đạt tới 12 000 FF).

Dioxine - nguồn gốc và tác hại, lừa gạt và sự thật

Thuốc trừ cỏ - rụng lá như chất Da cam (Agent Orange) sản xuất trong công nghiệp có từ 0,1 tới 60 phần triệu (ppm, partie par million) dioxine. Trong cuộc chiến tranh Việt - Mỹ, từ 1962 tới 1971, dưới các chính quyền J.F. Kennedy, L.B. Johnson với bộ trưởng quốc phòng R.S. McNamara (tới 1968), quân đội Mỹ đã dùng chất rụng lá Da cam rất hiệu lực này. Thật ra, ngay từ năm 1950, ở xí nghiệp Boehringer (Hambourg, Đức), một bác sĩ khoa da đã nhận thấy tính độc của dioxine trên thân thể một vài công nhân bị sưng phồng kinh niên. Tuy vậy, tới 1979, ở Đức cũng như ở Mỹ, tính độc của dioxine bị giữ kín, vì vậy công nhân, nghiên cứu gia cũng như những người có trách nhiệm chính trị không ai được biết là công nghiệp hoá vẫn tiếp tục sản xuất chất này. Chỉ tới năm 1983, thuốc trừ cỏ - rụng lá loại Da cam mới bị cấm sản xuất. Độ bền của dioxine rất cao, chỉ bị huỷ khi nhiệt độ lên quá 800°C (vì vậy, đốt rác nội trợ, rác bệnh viện và rác hoá rất nguy hiểm), chỉ tan trong mỡ. Dioxine có khả năng nhập vào

thân thể qua da, và nhất là qua dây chuyền thực phẩm (trên 95 % qua thịt, cá, sữa, v.v.). Ngay với nồng độ rất nhỏ, hiệu ứng tích lũy của dioxine tác động như chất độc lị (poison dormant). Chính vì tính chất tan trong mỡ, dioxine không bị tự nhiên thải ra nên nó tích tụ trong mô mỡ phụ nữ, trung bình thân thể nữ giàu mô mỡ 20 % hơn nam giới. Cũng vì vậy, dioxine nhập vào thai.

Mặc dầu nhiều công trình nghiên cứu về dịch tễ trong khoảng hai năm 1993-1994 đã chứng minh rõ ràng khả năng gây ung thư của dioxine, bản báo cáo năm 1994 của Ủy ban nghiên cứu áp dụng của Viện hàn lâm khoa học Pháp vẫn khẳng định rằng “ hiện nay không có một bằng chứng nào cho phép ta coi dioxine là một hợp chất nguy hiểm cho sức khoẻ của quần chúng ”. Nhẹ dạ và/hay thiếu khả năng ? Hay tệ hơn nữa, thiếu trung thực và theo đuôi Mỹ (quan điểm Mỹ trước 1991). Thật tội nghiệp cho Hàn lâm viện ! Sự việc này giống như cách phát ngôn cho dân chúng yên tâm của g.s. Pellerin sau tai nạn Tchernobyl (26/4/1986) : mây phóng xạ (bị cản tại biên giới nên) không ô nhiễm đất Pháp !

Da cam, tác chiến “ Công nhân nông nghiệp ” tại Việt Nam và cựu chiến binh Mỹ

Trong chiến tranh Mỹ-Việt, cuộc rải chất Da cam bằng máy bay có mật danh quân sự Operation Ranch Hand (Công nhân nông nghiệp), được J.F. Kennedy phê chuẩn năm 1962. Mục tiêu chính nhưng không độc nhất - cả mùa màng cũng bị phá huỷ - là diệt hết cây cỏ cản trở các cuộc thả bom đánh phá đường Hồ Chí Minh. Chất Da cam (mang tên mã này vì màu băng sơn bao quanh thùng đựng) hiệu lực nhất trong số 15 chất diệt cỏ - rụng lá quân Mỹ đã dùng. Các chất khác mang tên những màu tía, xanh lá cây, hồng..., toàn màu sắc đẹp của cầu vồng.

Từ 1962 tới 1971, máy bay cánh quạt Fairchild C-123 của Ranch Hand, của đội bay biệt kích thứ 12 đã rải hơn 72 triệu lít thuốc diệt cỏ gồm 42 triệu lít Da cam, không kể khối lượng rải bằng máy bay trực thăng, xe vận tải, thuyền chiến... Theo nồng độ dioxine của Da cam, Mỹ đã rải khoảng 170 kg dioxine nguyên chất trên 20% diện tích miền Nam.

Tuy năm 1969, Viện y tế quốc gia Mỹ (National Institute of Health) đã phát hiện nhiều dị tật trên thân thể chuột thí nghiệm, năm 1971 tác chiến Ranch Hand mới bị ngừng.

Tổng cộng 9,1 triệu binh sĩ Mỹ đã tham chiến tại bán đảo Đông Dương, trong số đó 2,6 triệu có khả năng bị nhiễm dioxine, chưa kể lính Nam Triều Tiên, Thái, Philipin, Úc, Canada...

Da cam, Viện hàn lâm và Phòng bảo vệ môi trường Mỹ

Theo kết luận của công trình nghiên cứu giao cho một nhóm “ độc lập ” (dấu ngoặc kép của một chuyên gia Mỹ) trong hai năm, năm 1974 Viện hàn lâm Mỹ (NAS) đã bác bỏ mọi hậu quả tai hại của chất diệt cỏ cho môi trường và con người. Bác sĩ G. Kistiakowsky, phó chủ tịch NAS, cựu cố vấn của tổng thống Eisenhower, là nhân vật duy nhất đã công khai phản đối kết luận này (trong một bài báo đăng trên tờ Washington Post). Năm 1991, Phòng bảo vệ môi trường Mỹ (EPA) công nhận là 10 năm trước đã đánh giá quá thấp mức độ tai hại của dioxine...

Trên thực tế, nhiều điểm đã rõ :

- ♦ Tỷ lệ chết vì ung thư phổi, ung thư hệ thống bạch huyết rất cao trong lính thủy đánh bộ Mỹ từng tham chiến ở VN.
- ♦ Kết quả nghiên cứu trong công nghiệp Mỹ và châu Âu cho thấy khả năng gây ung thư của *dioxine*.
- ♦ Tháng 5.1984, bảy nhà sản xuất thuốc diệt cỏ - Dow Chemical, Monsanto, Uniroyal, Hercules, Diamond Shamrock, Thompson Chemical, và T.H. Agriculture - đã phải trả 180 triệu USD bồi thường cho các cựu chiến binh Mỹ bị nhiễm độc (riêng nhóm luật sư đã bỏ túi 100 triệu USD tiền thù lao !)

Từ 1996, Ủy ban xét lại hậu quả của chất Da cam đối với cựu chiến binh, thuộc Viện Y khoa Mỹ (IoM) đã kết luận là bằng chứng thực nghiệm đã đủ để xác định vai trò của *dioxine* gây ra một số bệnh ung thư như sácôm mô mềm, lymphôm (ung thư mô tạo bạch huyết), ung thư gan, hệ thống hô hấp⁽²⁾..., dù thời gian ẩn của những bệnh này dài hơn 20 năm.

Năm 1996, bộ Cựu chiến binh Mỹ (DVA) đã bồi thường cho 3 678 cựu binh, trên tổng số 75 084 hồ sơ khiếu nại về hậu quả của chất Da cam. DVA ước tính khoảng 3 000 con cái của những cựu binh Mỹ đã bị chứng dị tật bẩm sinh *spina bifida* (nứt cột sống, thoát vị màng não và đôi khi thoát vị tuỷ sống).

Theo bác sĩ A. Schechter, chuyên gia y tế tại Trung tâm Y học của đại học quốc gia New York, còn cần nhiều thời gian và tiền bạc để chứng minh quan hệ nhân quả giữa *dioxine* và những dị tật bẩm sinh - *spina bifida*, biến dạng cơ quan sinh dục, dị hình bẩm sinh... Vì vậy, năm 1998, EPA đã cấp kinh phí cho Trung tâm Y học của đại học Texas - Houston để nghiên cứu về những hậu quả lâu dài của chất *dioxine* đối với con cái của các cựu chiến binh. Đây cũng là những nghiên cứu đầu tiên tập trung vào những nữ binh (khoảng 7500 người), vì nữ giới tích lũy *dioxine* trong mô mỡ nhiều hơn nam.

Da cam và Việt Nam sau hoà bình

Tháng 11. 1983, tại Hà Nội, bộ Y tế Việt Nam đã tổ chức hội nghị quốc tế lần thứ hai về *Chất diệt cỏ dùng trong chiến tranh Việt - Mỹ : ảnh hưởng lâu dài đến con người và môi trường*. Hội nghị đã quy tụ một số lớn chuyên gia nghiên cứu về chất Da cam. Vì những hiệu ứng tồn dư (rémanent) và lâu dài, thông qua môi trường và dây chuyền thực phẩm, có thể đợi hơn 20 năm sau mới xuất hiện, những người dân sống trong các vùng bị rải chất làm rụng lá đã tiêu thụ thực phẩm bị nhiễm độc trong rất nhiều năm trời mà không biết. Vì vậy, mức tích lũy *dioxine* tại đây cao hơn nhiều so với mức hấp thụ ngắn hạn của cựu chiến binh Mỹ.

Kết quả phân tích tháng 5.1995 cho biết tỷ lệ *dioxine* trong thân thể của những người sống trong các vùng bị rải thuốc Da cam cao hơn gấp 900 lần tỷ lệ tìm thấy trong những người dân miền bắc. Theo các giáo sư Hoàng Đình Cầu và Lê Cao Đài, có khoảng 70 000 người lớn và từ 200 đến 300 ngàn trẻ em Việt Nam là nạn nhân của những hiệu ứng lâu dài của chất Da cam. Tại nhà hộ sinh bệnh viện sản phụ Từ Dũ (TPHCM), bác sĩ Nguyễn Ngọc Phượng, trưởng khoa phụ, nhận thấy có hơn 2 % trẻ sơ sinh bị dị tật, và rất ít sống sót. Cũng tại đây, tỷ lệ trẻ đẻ non lên đến 18 % hơn gấp đôi trung bình cả nước (8%). Bệnh viện đã đón nhiều khách Mỹ tới thăm, nhận nhiều lời hứa giúp đỡ nhưng rất ít trợ cứu. Dưới các chính quyền Ford, Carter, Reagan, Bush, đây là những rào cản chính trị khó vượt.

Đây là vài con số trích trong bản báo cáo của tỉnh Học Môn gửi bộ Lao động, Thương binh và Xã hội vào tháng 7.1999 : trong số 1070 trẻ có dị tật bẩm sinh, 177 đã chết, 148 dị dạng, 243 liệt và 192 bị bệnh tâm thần...

Bác sĩ A. Schechter, đã qua Việt Nam 14 lần, nhận thấy trong sữa mẹ Việt Nam tỷ lệ *dioxine* lên đến 1800 ppt (partie par trillion - một phần tỷ), bằng 450 lần tỷ lệ đo trong sữa mẹ và máu Mỹ. Tuy vậy, ông cho rằng các số liệu tại VN thiếu tính chính xác để gán một cách dứt khoát cho *dioxine* trách nhiệm gây ra các dị tật bẩm sinh.

Ngày 27.7.1999, bộ Cựu chiến binh Mỹ thông báo rằng những nữ binh Mỹ từng tham chiến tại Việt Nam, có con bị dị tật sẽ được chính phủ bồi thường...

Trong chuyến đi thăm Làng Hữu nghị Văn Canh (huyện Hoài Đức, Hà Tây) tháng 1 năm 1999, ông Th. Corey, phó chủ tịch hội cựu binh Mỹ trong chiến tranh Việt Nam, đã thông báo là chính phủ Mỹ sẽ mở ra một ngân quỹ 1,5 triệu đôla (thật quá hà tiện) để đóng góp vào nghiên cứu các hậu quả lâu dài của *dioxine*.

Còn thảm họa môi trường ở các vùng nam trung bộ, Huế và miền nam ? Bom đạn và thuốc trừ lá đã phá hủy hơn 2 triệu hecta rừng, gây sỏi mòn và khô cằn đất, diệt chủng nhiều loại muông thú và cây cỏ. Chương trình phục hồi môi sinh do giáo sư Võ Quy đưa ra năm 1985 đã cho phép trồng lại từ 120 tới 200 ngàn hecta rừng mỗi năm. Những người tình nguyện được nhà nước cấp từ 20 tới 50 hecta đất trống để trồng lại rừng. Sinh viên nông nghiệp, quân đội được huy động để trồng lại các đồi trống và rừng sú vẹt bị trụi. Với chương trình này, Việt Nam hy vọng tới đầu thế kỷ 21 sẽ phục hồi được khoảng 50 % rừng bị phá hủy. Một dấu hiệu tốt là tại vài khu bảo tồn, chim di trú đã trở lại...

Suốt 20 năm, để khỏi phải bồi thường những cựu chiến binh bị bệnh tật và/hoặc có con cái bị dị tật bẩm sinh *spina bifida*, một số quan chức cao cấp Mỹ đã - tuân lệnh trên - giấu giếm hoặc xuyên tạc những bản báo cáo khoa học cảnh báo về tính độc lâu dài của *dioxine*. Và mặc dầu chính đô đốc Zumwalt⁽³⁾, người trực tiếp trách nhiệm các cuộc rải thuốc rụng lá ở miền nam, và Hội cựu chiến binh Mỹ đều nhất trí là phải cấp tốc tiến hành nghiên cứu hậu quả lâu dài của *dioxine* - ngay tại Việt Nam, với sự cộng tác của các nhà khoa học Việt Nam -, cho tới nay chính quyền Mỹ vẫn chưa đáp ứng gì...

Tất nhiên, tại châu Âu, với những vi vết *dioxine* trong thịt lợn, gà, tình trạng đầu có tới mức nghiêm trọng như trên. Nhưng ta không nên quên hiệu ứng tích và li ẩn của chất độc ghê gớm này. Không nên lo sợ quá đáng, nhưng cũng không nên tự dối mình bằng những lời lẽ trấn an xuẩn ngốc... vì *dioxine* không làm cho người ta chết ngay, nhưng 20, 30 năm sau...! !

Phạm Quang Thọ
Giám đốc nghiên cứu CNRS

Chú thích :

- 1/ 1 pg (picogramme) = 10⁻¹²g.
- 2/ Ung thư và viêm gan vì nhiễm *dioxine* vừa được chính phủ Mỹ công nhận (tháng 5.2000)
- 3/ Con trai ông, cựu thiếu tá hải quân trong chiến tranh Việt Nam đã chết vì ung thư do nhiễm chất Da cam, cháu nội bị dị tật bẩm sinh.

Có thể nào đón đầu phát triển kinh tế tri thức bằng công nghệ thông tin ?

Phân tích kinh nghiệm kinh tế Mỹ

Vũ Quang Việt
10/08/2000

Kinh tế tri thức, kinh tế mới, kinh tế thông tin đang là ngôn ngữ thời thượng hiện nay, không phải chỉ ở các nước phát triển mà ở cả các nước chậm phát triển. Nhiều nhà kinh doanh tiền tệ, báo chí thương mại nói rất nhiều, khoa trống inh ỏi, làm như chuyện kinh thiên động địa đang xảy ra trên mặt địa cầu. Các nhà kinh tế chuyên về năng suất thì vẫn còn tranh luận là kỹ thuật mới có thực sự làm tăng năng suất đáng kể không. Ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là máy tính vào nền kinh tế cũng xảy từ lâu rồi. Dĩ nhiên là ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng ở mức cao hơn trước. Điều đó là chuyện đương nhiên của phát triển, có gì là lạ. Vấn đề là cũng có chuyện lạ : đó là GDP và năng suất lao động ở Mỹ tăng đột biến từ năm 1996 đến nay, dường như trở lại thời huy hoàng của những năm 60. Nhiều người đã vội vã kết luận công nghệ thông tin trải qua nhiều năm đi vào thực tế bây giờ là lúc hái quả và do đó các nước đang phát triển phải nhanh chóng nhảy vào đón đầu nếu không thì chậm mất, làm như công nghệ thông tin là cơ sở để giải quyết tình trạng chậm phát triển. Phát triển kinh tế đâu có dễ thế. Một người chưa học hết tiểu học làm sao có thể nhảy thẳng vào đại học. Bài viết này nhằm tìm hiểu về tình hình phát triển của kinh tế Mỹ những năm qua hầu rút ra một số kết luận “ hợp lý ” để nhận diện vai trò của công nghệ thông tin và ý nghĩa của nó đối với các nước phát triển và đang phát triển.

Kinh tế Mỹ đại diện của kinh tế mới

Kinh tế Mỹ phát triển huy hoàng nhất là vào thập niên 60, tăng trung bình năm là 4,2%. Vào thập niên 70 và 80 tốc độ phát triển trung bình năm chỉ còn 3,2%. Năm năm đầu của thập niên 90 chỉ còn 2,4%. Nhưng bắt đầu từ năm 1996 thì khác. Tốc độ tăng là 3,6% (1996), 4,4% (1997), 4,4% (1998), 4,2% (1999). Những chỉ tiêu thống kê mới này dựa vào phương pháp mới do cơ quan chính thức của chính phủ Mỹ là Phòng Phân tích Kinh tế Mỹ (US Bureau of Economic Analysis) xuất bản vào tháng 9 năm 1999. Nguyên tắc mới này dựa trên Hệ thống Tài khoản Quốc gia của Liên Hợp Quốc sửa đổi năm 1993 trong đó có một số điểm khác trước khi tính GDP : (a) chỉ tiêu về phần mềm và một số chi phí của nhà nước cho trường học, đường sá nếu có thể sử dụng cho cả quân sự và dân sự thì được coi là bộ phận của tích lũy thay vì là chi phí sản xuất như trước ; (b) tính chỉ số giá có tính liên hoàn và phản ảnh chất lượng. Do sự thay đổi cách tính, GDP cao hơn trước và tốc độ phát triển của Mỹ cũng cao hơn cách tính trước đây (như thập niên 70 và 80 là 3,2% thay vì 2,85% và 2,65%). Tốc độ phát triển trung bình năm trong thời gian 25 năm từ 1970-1995 theo phương

pháp mới cao hơn phương pháp cũ là 0,3%, tăng từ 2,73% lên 3,03%. Tốc độ phát triển tăng chủ yếu là do phương pháp tính giá và ảnh hưởng những năm trong quá khứ nhiều hơn những năm sau này. Tuy nhiên nó cho ta cái nhìn “ hồng ” hơn về kinh tế Mỹ.

Kinh tế Mỹ trong 3 năm qua (97-99) và hai quý đầu năm 2000 có tốc độ phát triển trên 4%, có thể nói là khá cao trong lịch sử của nó. Thời gian phát triển vừa qua lại kéo dài 8 năm liền kể từ năm 1990 mà không có suy thoái, một hiện tượng chưa từng xảy ra. Kinh tế Mỹ được coi là đại diện của “ kinh tế mới ”, đi đầu về tri thức và công nghệ thông tin, đặc biệt là việc sử dụng máy tính, phần mềm và Internet. Chính vì vậy chúng ta cần tìm hiểu sự phát triển này để xem xét đâu là lý do của thành quả này. Phải chăng nó có thể giải thích bằng sự phát triển đột biến với sự ra đời của internet ?

Phải chăng công nghệ thông tin đã tạo chuyển hướng trong cơ cấu kinh tế ?

Tri thức là động lực đẩy mạnh phát triển kinh tế đã xảy ra từ khi cuộc cách mạng động lực ra đời, tạo ra thời kỳ được gọi chung là thời kỳ công nghiệp hoá, dựa chủ yếu vào máy nổ. Thời kỳ công nghiệp hoá này phản ánh rõ qua thay đổi cơ cấu kinh tế của các nước đã công nghiệp hoá. Nông nghiệp đóng góp vào cơ cấu GDP ngày càng nhỏ lại, và công nghiệp chế biến đóng góp vào cơ cấu GDP ngày càng lớn lên. Ở Mỹ nông nghiệp hiện nay chỉ làm nên 1,4% GDP, công nghiệp lúc cao điểm là 29,6% GDP vào năm 1953, hiện nay chỉ còn 16,3% GDP. Đối với hầu hết các nước phát triển cao, cơ cấu công nghiệp chế biến trong GDP giảm từ đầu những năm 1970 (coi bảng 1 và 2).

Bảng 1: Công nghiệp chế biến trong cơ cấu GDP ở các nước phát triển

	<u>Mới đây</u>	<u>Lúc cao nhất</u>
Đức	38,4% (1970)	23,8% (1997)
Pháp	27,5% (1970)	19,3% (1997)
Ý	29,5% (1976)	20,0% (1997)
Hoà Lan	25,2% (1970)	17,0% (1997)
Anh	28,8% (1970)	18,0% (1997)
Mỹ	29,6% (1953)	16,3% (1998)

Nguồn: Thống kê Liên Hợp Quốc.

Bảng 2. Cơ cấu đóng góp vào GDP của các hoạt động kinh tế ở Mỹ, 1953-1998

	<u>1953</u>	<u>1987</u>	<u>1998</u>
Nông nghiệp	5,6	1,9	1,4
Hầm mỏ	2,9	1,9	1,2
CN chế biến	29,6	18,7	16,3
Dịch vụ	61,9	77,5	81,1
Xây dựng	4,6	4,6	4,3
Vận tải	5,3	3,3	3,2
Viễn thông	1,5	2,3	2,3
Y tế	1,6	4,9	5,7
Giải trí	0,7	0,8	1,1
Địa ốc	8,0	11,2	11,0

Nguồn: US Bureau of Economic Analysis.

Như vậy công nghiệp chế biến đã giảm vị trí trong nền kinh tế từ những năm 1950 ở Mỹ và từ những năm 70 ở các nước phát triển cao khác. Sự thay đổi cơ cấu này để chuyển hướng vào dịch vụ không phải là kết quả của công nghệ thông tin.

Phải chăng công nghệ thông tin đã tạo chuyển hướng trong năng suất ?

Năng suất là một tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá vai trò của công nghệ thông tin trong nền kinh tế. Công nghệ thông tin (gồm cả viễn thông, tin học gồm cả phần mềm và máy tính) hiện nay chỉ tạo ra khoảng 4,6% GDP (coi bảng 3). Điều này có thể nói trong một thời gian dài nữa tình hình cũng sẽ không khác lắm vì số lượng tăng nhưng giá cả lại ngày càng rẻ. Dịch vụ viễn thông sau 45 năm (1953-1998) chỉ tăng tỷ lệ đóng góp vào GDP từ 1,5% lên 2,3% và đang có chiều hướng đi xuống vì giá ngày càng rẻ. Dịch vụ phần mềm (tự viết và phần mềm đi mua) cũng chỉ tạo ra 1,8% GDP. Tuy vậy cần phải thấy là vai trò của công nghệ thông tin không phải là khả năng trực tiếp tạo GDP mà là khả năng đóng góp gián tiếp của nó vào tăng năng suất của cả nền kinh tế. Ta hãy thử tìm hiểu vấn đề này.

Bảng 3. Tỷ lệ đóng góp vào GDP của công nghệ thông tin, 1998

Máy tính và dụng cụ văn phòng	0.2%
Dụng cụ viễn thông	0.4%
Dịch vụ viễn thông	2.3%
Dịch vụ viết phần mềm	1.8%
Tổng số	4.6%

Nguồn : Tính dựa trên số liệu của US Bureau of Economic Analysis

Phải chăng công nghệ thông tin tạo đột biến về năng suất lao động trong thời gian qua ?

Kinh tế có thể có tốc độ tăng nếu như nền kinh tế tăng số người lao động, thời gian lao động hoặc phương tiện sản xuất (tức là tài sản cố định). Liên Xô trước kia có tốc độ tăng GDP nhanh nhưng chủ yếu là dựa vào tăng tài sản cố định, nhện tiêu dùng để tích lũy. Việt Nam trước đổi mới theo thống kê cũng tăng 5-6% một năm cũng chủ yếu là như thế. Năng suất, chất lượng có thể giảm nhưng nền kinh tế vẫn tăng trưởng. Chính vì thế khi phân tích phát triển, ta cần phân tích năng suất đa yếu tố (multi-factor productivity), tức là tốc độ tăng năng suất sau khi đã loại trừ yếu tố tăng lao động và phương tiện sản xuất. Năng suất theo giờ lao động trong bảng 4 cho thấy yếu tố tăng giờ lao động đã bị loại trừ. Năng suất đa yếu tố cho thấy yếu tố tăng phương tiện sản xuất đã bị loại trừ. Cách tính này thường đòi hỏi số liệu chi tiết và cho rất nhiều năm nhằm tính tổng giá trị tài sản cố định và hao mòn, lao động và thời giờ lao động, chỉ số giá liên hoàn phản ánh chất lượng từng sản phẩm do đó cho đến nay cơ quan thống kê Mỹ chỉ có thể tính cho đến năm 1997 (coi bảng 4). Các tính toán khác trên báo chí sau năm 1997 chỉ có tính đại khái, không chính xác, dựa vào số lao động hơn là giờ lao động. Một số nhà kinh tế dùng phương pháp đơn giản là hệ thống kết toán phát triển (growth accounting framework) để thực hiện hơn phương pháp trên thường đưa tới năng suất tăng nhanh hơn (coi Economic Report of the President, Feb. 2000) nhưng bị phê phán về phương pháp luận, chẳng hạn việc dùng máy tính tăng do giá giảm, nâng GDP vì

nó là một phần của tích lũy nằm trong GDP chỉ là tăng đầu vào chứ không phải năng suất (lập luận của Dave W. Jorgenson và Kevin J. Stiroh).(*)

Theo Phòng Thống kê Lao động Mỹ (US Bureau of Labor Statistics), năng suất theo giờ lao động có tăng lên, đặc biệt là năm 1996, đạt tới 2,5% nhưng sau đó lại giảm xuống. Năng suất tính kiểu này dễ dàng thay đổi, nhất là trong trường hợp nền kinh tế ở mức gần toàn dụng như hiện nay với chỉ số sử dụng tài sản cố định cao. Điều này cũng đã xảy ra những năm 73, 74 nhưng không lâu bền. Hơn nữa tốc độ tăng năng suất hàng năm còn thua xa thời kỳ 1960-70 hoặc 1970-80, đặc biệt là theo năng suất đa yếu tố. Năng suất đa yếu tố trong năm 1996 là 1,5% giảm xuống 0,4% năm 1997, thấp hơn rất nhiều mức tăng tốc bình quân năm thập kỷ 60 là 4,3%. Theo tính toán của Jorgenson & Stiroh năng suất thời kỳ 1991-95 là 0,19% và thời kỳ 1996-1999 là 0,49%. Gordon thì vẫn chưa thấy năng suất tăng. Ông ta cho rằng không thể dùng GDP mà phải trừ đi khấu hao ; khấu hao tăng nhanh, hơn 0,4% so với trước đây, do máy móc bị loại trừ nhanh vì tiến bộ kỹ thuật. Như vậy có thể kết luận là có dấu hiệu năng suất đa yếu tố tăng nhưng vẫn chưa đáng kể và một số nhà kinh tế cảnh giác về cách diễn giải (coi tham khảo 5).

Vấn đề năng suất đa yếu tố tăng gộp chung các yếu tố không đo được như ảnh hưởng của kỹ thuật và chất lượng lao động. Ảnh hưởng của kỹ thuật như công nghệ thông tin nếu có phải phản ánh trong tăng năng suất đa yếu tố trên. Nhưng công nghệ thông tin không phải là tất cả, còn các yếu tố khác như chất lượng lao động. Chất lượng lao động ở Mỹ cũng rõ ràng là tăng đáng kể, phản ánh qua tỷ lệ số lao động đã học xong đại học tăng từ 14% lên 26% lực lượng lao động trong khoảng thời gian 1970-1999 (US Bureau of the Census). Năng suất tăng do công nghệ thông tin như vậy sẽ thấp hơn con số trong bảng 4.

Bảng 4. Tăng năng suất bình quân năm 1979-1997

	Năng suất giờ lao động	Năng suất đa yếu tố
1960-70	3,3	4,3
1970-80	1,8	3,5
1979-84	1,2	0,3
1984-89	1,0	0,1
1990-96	1,2	0,4
1994-95	0,6	0,3
1995-96	2,5	1,5
1996-97	1,2	0,4

Nguồn: US Bureau of Labor Statistic

Tại sao nền kinh tế Mỹ tăng liên tục và cao đột biến từ năm 1997 ?

Chúng ta đã loại trừ lý do tăng năng suất do công nghệ thông tin khiến nền kinh tế Mỹ tăng liên tục. Như vậy thì lý do gì làm nền kinh tế tăng ? Có nhiều lý do, như việc xoá bỏ độc quyền một số hoạt động quan trọng như viễn thông, vận tải, chính sách tài chính và tiền tệ làm giảm lạm phát có hiệu quả từ năm 1983 trở đi và nhiều lý do khác. Ở đây tôi chỉ nêu lên một lý do rất quan trọng trong thời gian qua là nguồn vốn đầu tư nước ngoài ngày càng đổ nhiều vào nước Mỹ do nền kinh tế

(*) Có thể coi phương pháp tính và tính phức tạp của phương pháp tính cũng như vấn đề số liệu hiện nay ở các tham khảo 2, 8, 9, 14.

Mỹ ổn định, lạm phát và thất nghiệp thấp, trong khi đó kinh tế khối xã hội chủ nghĩa tan rã và kinh tế Á châu gặp khủng hoảng còn kinh tế Âu châu trì trệ. Vào thập niên 60, tư bản Mỹ chủ yếu chảy ra nước ngoài. Vào thập niên 70, cộng chung lại, dòng chảy tư bản không đổi (có năm vào và có năm ra). Từ năm 1983, nguồn vốn thuần chảy vào nước Mỹ là chủ yếu và ngày càng tăng đặc biệt là khoảng 1984-1989 và nhất là từ 1993-2000. Luồng tư bản nước ngoài (trực tiếp, trái phiếu và cổ phiếu) chảy vào Mỹ cao chưa từng có trong lịch sử. Năm 1983, tư bản thuần (chảy vào trừ đi chảy ra) là 39 tỷ, năm 1987 tăng lên 163 tỷ. Nguồn này chỉ xuống rất thấp năm 1991 do suy thoái kinh tế, sau đó lại tăng dần lên 339 tỷ năm 1999, tức là bằng 4% GDP, và 20% tổng để dành của nước Mỹ. Dòng chảy thuần này năm 1995 chỉ bằng 9% để dành của Mỹ và 2% GDP. Riêng quý 1 năm 2000 luồng tư bản thuần vào Mỹ nếu tính cho cả năm lên tới 416 tỷ. Tổng nợ thuần nước ngoài (vay trừ đi cho vay) năm 1999 nay lên đến 1.500 tỷ khoảng 17% GDP, một con số nhỏ nhưng đáng kể. Nước Mỹ chỉ có khả năng tiếp tục chiêu hướng này khoảng 5-6 năm nữa, lúc đó nợ thuần nước ngoài có thể lên đến 30-40% GDP.

Năm 1999, đầu tư trực tiếp nước ngoài chảy vào Mỹ là 283 tỷ và đầu tư vào thị trường chứng khoán là 326 tỷ và các khoản khác cộng chung là 751 tỷ. Thị trường chứng khoán Mỹ lên giá rất cao, đặc biệt là từ 1995 đến nay, tăng bình quân năm là 20,7% theo chỉ số NYSE (coi bảng 6). Điều gì sẽ xảy ra trên thị trường chứng khoán Mỹ? Liệu tư bản có tiếp tục đổ vào Mỹ không, đặc biệt quan trọng là từ Âu châu?

Phải chăng thị trường chứng khoán đánh giá đúng đóng góp của công nghệ mới?

Chỉ số NASDAQ phản ánh lên giá cổ phiếu bình quân năm của các công ty mới với kỹ thuật mới, nhiều rủi ro. Chỉ số NYSE phản ánh giá cổ phiếu của các công ty lớn đã đứng vững trên thị trường. Nói chung hiện tượng cổ phiếu lên giá từ năm 1990 như trên vượt ngoài sự giải thích của các mô hình kinh tế thông thường. Các nhà buôn bán cổ phiếu và kinh doanh tiền tệ thì cho rằng giá lên như vậy là phản ánh nền kinh tế mới, với năng suất tăng đột biến do công nghệ thông tin đưa lại trong tương lai (đĩ nhiên là không phải bây giờ vì năng suất đó chưa ai tìm thấy). Đánh trống, khua mõ quá đáng về công nghệ mới chính là chỗ này.

Bảng 5. Tăng bình quân năm, chỉ số giá góp, thị trường chứng khoán

	NYSE	NASDAQ
1970-80	4,3%	
1980-90	4,1%	
1990-99	10,4%	
1995-99	20,7%	30%

Nguồn: New York Stock Exchange và NASDAQ.

Phân tích kinh tế thông thường về mặt lý thuyết và trên đường dài cho thấy lãi suất = tốc độ phát triển kinh tế + lạm phát. Lãi suất khác nhau tùy theo độ rủi ro của hoạt động kinh tế. Chính trên cơ sở này ta thấy trong mấy chục năm qua tỷ lệ phân chia lợi tức giữa người lao động và người nắm vốn gần như không thay đổi (tỷ lệ 70/30). Lãi khi đầu tư vào cổ phiếu (do lên giá + cổ tức), dù cao hơn vì rủi ro cao hơn, cũng phải phản

ánh lãi suất nói chung hay tốc độ phát triển kinh tế. Lãi cổ phiếu hiện nay chưa thực vì thị trường còn sẵn sàng mua vào hơn là bán ra. Với tình trạng lên giá như trên nền kinh tế phải phát triển khoảng 8% mới có đủ để tạo thu nhập trả cho người đầu tư vào cổ phiếu với giá như hiện nay.

Từ đầu năm 2000, giá nhiều cổ phiếu các công ty dot.com trên thị trường NASDAQ giảm đáng kể phải chăng bắt đầu phản ánh hiện thực nền kinh tế. Chẳng hạn công ty Amazon.com, chủ yếu bán sách thông qua internet, lỗ liên tục từ khi thành lập, có doanh thu năm 1999 là 1,6 tỷ nhưng lỗ trên 600 triệu, năm 2000 doanh thu có thể lên gần 2 tỷ nhưng có thể lỗ 1,5 tỷ. Công ty này có lúc có giá trị một cổ phiếu là 133 mới đây xuống 30. Lúc giá cổ phiếu cao nhất là 133, tổng giá trị công ty là 45 tỷ, gần bằng công ty GM. Một công ty có doanh thu lớn nhất Mỹ là 176 tỷ và lợi nhuận là 9 tỷ năm 1999. Chính hiện tượng tăng giá cổ phiếu của công ty Amazon.com và các công ty tương tự cho thấy đánh giá của giới chuyên nghiệp trên thị trường chứng khoán cần được đặt thành vấn đề. Nếu công ty Cisco, chuyên lắp đặt hệ thống mạng, có nhu cầu đang tăng, lên giá là chuyện dễ hiểu vì doanh thu tăng nhanh và có lãi. Các công ty bán lẻ kiểu Amazon.com này phản ánh trường hợp “phi lý” của thị trường. Chúng chủ yếu bán hàng qua việc nhận lệnh mua trên internet và từ kho chứa gửi thẳng đến người tiêu thụ. Bản thân hoạt động này cùng lắm là thay thế việc bán hàng ở tiệm mà thôi. Nó sẽ thành công nếu như chi phí bán (nhận và thực hành lệnh, đóng gói và gửi đến người mua) rẻ đi nhiều do đó giá bán cũng thấp đi so với mua từ tiệm. Việc in ấn sách và sản xuất hàng vẫn phải thực hiện như thường. Và người mua qua internet lại mất đi cơ hội đọc qua quyển sách hoặc xem hàng trong tiệm trước khi mua. Vấn đề bán hàng thẳng cho người tiêu dùng qua internet sẽ thay thế bán hàng qua tiệm chiếm lĩnh thị trường đến đâu vẫn còn là dấu hỏi. Và dĩ nhiên nó chỉ là cách làm dịch vụ bán lẻ mới nhằm chu chuyển các loại hàng quá cũ mà thôi. Theo đánh giá của Hội đồng Cố vấn Tổng thống Mỹ, bán lẻ trên internet khoảng 15 tỷ năm 1998 (coi tham khảo 4, trang 116). Khả năng đóng góp vào GDP không quá 4 tỷ, không thấm gì với con số doanh thu của cả nước Mỹ là 17 000 tỷ và GDP là 9 000 tỷ.

Bán hàng giữa công ty với nhau (B2B) qua internet theo cùng nguồn trên hiện nay khoảng 105 tỷ năm 1999, có thể là mới trên cơ sở tìm thông tin về giá với một lượng trao đổi lớn và do đó có khả năng giảm chi phí trao đổi nhiều so với hiện nay. Theo nghiên cứu mới nhất của hãng Goldman Sachs (coi tham khảo 3) phân tích dựa trên bảng I/O, bán hàng như trên chỉ thực hiện được trên 32% tổng giá trị sản lượng (doanh thu), và 24% GDP của Mỹ. Ảnh hưởng do giảm chi phí sẽ tăng GDP lúc thực hiện toàn diện nhất là 5% (chỉ một lần rồi thôi) và phải cần 10 năm hoàn thành quá trình và 10 năm nữa để đạt năng suất tối đa, như vậy khả năng tăng GDP trong 20 năm tới nếu so với trường hợp không thực hiện, hay nói khác đi là tăng năng suất đa yếu tố, sẽ là 0,25% một năm. Ảnh hưởng như thế là quan trọng, nhưng không thể nói là công nghệ thông tin tạo đột biến về tốc độ phát triển kinh tế.

Vai trò của công nghệ thông tin đối với xã hội và phát triển kinh tế Mỹ

Có thể nói công nghệ thông tin, đặc biệt là truyền thông qua e-mail và internet, đã thay đổi một cách sâu rộng và trực diện

nhất thông tin về mọi vấn đề, hay có thể nói có sự đột biến về cung cấp và tìm kiếm thông tin. Chưa bao giờ ta có thể dễ dàng lấy thông tin hàng ngày trên thế giới như hiện nay. Chính quyền các nước gần như bó tay trong việc kiểm soát thông tin khi internet được mở rộng. Thông tin về thương mại và kinh tế cũng thế. Thông tin về kinh tế Việt Nam được nhà nước giữ bí mật, nhưng vẫn phải nộp cho IMF. IMF đã bị áp lực của công luận phải công bố sau khủng hoảng á châu, do đó thông tin trên mạng của IMF còn đầy đủ hơn thông tin do Việt Nam công bố. Ai cũng có thể dễ dàng tìm đọc thông tin về từng công ty có cổ phiếu bán trên thị trường chứng khoán (dĩ nhiên tôi đang nói về công ty Mỹ) trên Yahoo.com, MSN.com. Chúng ta có thể lấy thông tin chi tiết trên mạng về báo cáo tài chính từng năm, từng quý trong nhiều năm của một công ty nếu như bạn có mở tài khoản với công ty mua bán cổ phiếu như Etrade, Ameritrade. Sách vở kinh điển, đã hết thời hạn được bảo vệ tác quyền nhưng cần cho nghiên cứu, hầu như đều có thể tìm trên hệ thống mạng internet thông qua địa chỉ của một cơ sở vô vị lợi như trường đại học hoặc thư viện. Việc nghiên cứu và tìm tài liệu cực kỳ dễ dàng so với trước đây. Có thể vì vậy mà nhiều người cho rằng công nghệ thông tin đã trực tiếp và nhanh chóng thay đổi cơ cấu sản xuất, tạo ra hàng mới, và nhanh chóng đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế.

Công nghệ thông tin ngoài việc phục vụ nhu cầu học, tìm hiểu, giải trí truyền thông thông tin của cá nhân, nó là công cụ tổ chức, phân tích, tạo mới, vận dụng, truyền thông tin để làm quyết định và điều hành sản xuất và thương mại. Nó sẽ ảnh hưởng đến mọi mặt hoạt động sản xuất và quản lý. Công cụ thông tin trở nên vô nghĩa về mặt kinh tế nếu người lao động không đủ tri thức để tổ chức, phân tích, xử lý thông tin trong sản xuất và thương mại. Vấn đề khó khăn của các nước chậm phát triển là ở chỗ đó, đặc biệt là ở những nước hạn chế thông tin hay độc quyền thông tin hay độc quyền phương tiện thông tin. Điều này tôi đã trình bày chi tiết trong một bài viết trước đây.^(**) Có thể nói chữ “ kinh tế thông tin ” phản ánh rõ hơn vai trò của thông tin và công cụ thông tin trong giai đoạn hiện nay và sắp tới.

Tuy nhiên cần phải thấy là bản thân hoạt động của công nghệ thông tin không tạo ra nhiều công ăn việc làm, hoặc GDP tức là thu nhập của nền kinh tế. Bảng 3 cho thấy vào năm 1998 ở Mỹ nó chỉ tạo ra 4,6% GDP, còn phần mềm thì chỉ có 1,8% và không tăng nhiều trong vài chục năm qua. Và nó không thể thay thế các sản phẩm cũ mềm của nền kinh tế cũ mềm là thực phẩm, quần áo, nhà ở, phương tiện đi lại, dịch vụ y tế, giáo dục và giải trí. Quan trọng nhất nó đang là phương tiện làm giảm chi phí dịch vụ để đưa các sản phẩm này đến tay người sử dụng cuối cùng là dân chúng. Chẳng hạn thực phẩm chỉ tạo ra 1,4% GDP nhưng dân chúng chi phí cho thực phẩm lên tới 11% tổng chi tiêu của họ, bằng 7,4% GDP. Sự khác biệt rất lớn trên là chi phí cho dịch vụ trung gian của thương nghiệp và vận tải. Vấn đề chính của phát triển vẫn là phải tạo ra các sản phẩm “ cũ mềm ” cần cho cuộc sống kia. Công nghệ thông tin sẽ giúp giảm chi phí trung gian như thông tin, thương nghiệp, tiếp thị và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất.

(**) “ Công nghiệp hoá và kinh tế thông tin : con đường của Việt Nam ”, trong Vũ Quang Việt, Kinh Tế Việt Nam Trên Đường Phát Triển, Nhà Xuất Bản Thành Phố Hồ Chí Minh, 1997.

Bảng 6. Chi tiêu của hộ gia đình Mỹ, 1970-1995

	Tỷ lệ cơ cấu chi tiêu				
	1970	1974	1984	1995	Thay đổi 1995/1970
Thực phẩm	19%	18%	14%	11%	-8%
Quần áo giày dép	8%	8%	6%	6%	-2%
Sức khỏe	10%	11%	14%	18%	9%
Giáo dục	2%	2%	2%	2%	0%
Nhà ở	15%	16%	15%	16%	1%
Giải trí	7%	7%	7%	8%	2%
Đi lại và điện thoại	15%	16%	16%	14%	-1%
Hàng không bền	30%	30%	26%	21%	-9%
Hàng lâu bền	26%	25%	23%	21%	-4%

Ta có thể thấy những biến động sau trong nền kinh tế Mỹ :

- * Nền kinh tế mới dựa ngày càng nhiều vào hệ thống thông tin tin học và sinh học nhằm vào chặng cuối cùng là tạo ra hàng hoá và dịch vụ dùng trong đời sống của người tiêu thụ cuối cùng tức là của dân chúng. Quá trình sản xuất là những chuỗi ngắn nhứt rất nhiều chặng trung gian, sản xuất hàng hoá và dịch vụ trung gian nhằm phục vụ lẫn nhau (B2B) nhưng rồi để tới một đích cuối cùng là tiêu dùng cuối cùng của người tiêu thụ. Do đó về dài lâu, khả năng phát triển của nó tùy thuộc vào khả năng tiêu dùng cuối cùng này và khả năng có thu nhập để tiêu dùng.
 - * Nếu nhìn vào sự thay đổi trong cơ cấu tiêu dùng của người Mỹ trong thời gian 1970-1995 ở bảng 6, ta thấy là tỷ lệ chi tiêu vào hàng không bền và hàng lâu bền giảm mạnh (-13%), trong đó hàng không bền như thực phẩm, quần áo giảm mạnh hơn (-9%). Chi tiêu vào dịch vụ tăng mạnh (14%). Trong dịch vụ thì chủ yếu là cho sức khỏe (tăng 9%), giải trí (2%), nhà ở (1%). Chính 3 dịch vụ này lấy đi phần giảm của hàng hóa.
 - * Nhìn vào quá trình sản xuất, công nghiệp năm 1970 chiếm 26% cơ cấu GDP, năm 1998 chỉ còn 16%. Cơ cấu ngành giao thông, bưu điện, điện thoại có thay đổi nhưng không đáng kể do năng suất ở những ngành này tăng nhanh. Thay đổi lớn nhất là dịch vụ ngân hàng, tài chính, địa ốc, dịch vụ phục vụ kinh doanh, những ngành có năng suất thấp và chuyển biến năng suất rất chậm.
- Trên cơ sở thống kê trên ta có thể rút ra ý nghĩa mới cho nền kinh tế mới của Mỹ như sau :
- * Nền kinh tế mới do sự chuyển biến trong công cụ sản xuất (tin học, thông tin, sinh học) cùng với sự kết hợp của tri thức cho phép tạo ra ngày càng nhiều hàng hoá lâu bền và không lâu bền với giá ngày càng rẻ, do đó tạo ra thay đổi cơ bản về cơ cấu chi tiêu của hộ gia đình : Người dân ngày càng chi tiêu nhiều hơn cho sức khỏe và có thể sắp tới ngày càng nhiều hơn cho du lịch và giải trí. Dấu hiệu tăng cho hai dịch vụ này là có nhưng chưa rõ ràng.
 - * Con người ngày càng sống lâu hơn do sự phát triển của dịch vụ y tế, và do đó lại càng phải chi nhiều hơn cho y tế và các dịch vụ phục vụ người già. Tỷ lệ người già trong dân số tăng lên do đó đòi hỏi nhóm người trẻ ngày càng nhỏ đi về cơ cấu dân số làm việc để nuôi dưỡng họ với nhu cầu ngày càng lớn sức khỏe yếu kém đi nhưng lại sống ngày càng lâu.

* Những nước phát triển cao là những nước phải đối phó với những vấn đề do khuynh hướng lão hoá tạo ra.

Điều phân tích cho thấy nền kinh tế Mỹ và các nước phát triển cao trong tương lai không toàn là màu hồng.

Ý nghĩa của công nghệ thông tin với Việt Nam

Phân tích nền kinh tế Mỹ cho thấy là quá trình phát triển dựa vào nhiều công nghệ khác nhau, hỗ trợ lẫn nhau, trong đó công nghệ thông tin đã kéo dài trong gần 40 năm. Công nghệ sinh học và công nghệ động lực cũ đã đưa nông nghiệp lên với năng suất hết sức cao, giải quyết cơ bản vấn đề lương thực. Công nghiệp cơ khí và động lực giải quyết vấn đề sản xuất hàng hoá tiêu dùng khác. Vấn đề trước mắt là giải quyết chi phí rất cao về dịch vụ trung gian phục vụ sản xuất và đưa hàng hoá đến tay người tiêu thụ. Vấn đề tương lai lâu dài là lo sức khỏe của các bộ lão với đời sống ngày càng kéo dài ra.

Nhiệm vụ cơ bản của bất cứ một nền kinh tế nào là ngày càng tạo ra nhiều hàng hoá và dịch vụ nhằm đích cuối cùng là con người. Dù dùng công cụ sản xuất và tri thức mới (tin học/thông tin và sinh học) hay công cụ cũ thì nhiệm vụ cũng chỉ có thể. Cho nên khi nói đến việc đưa công cụ của nền kinh tế mới vào Việt Nam cũng là để phục vụ nhiệm vụ trung tâm nói trên. Cụ thể là Việt Nam có 75% dân số là nông dân, đại bộ phận sử dụng những công cụ cũ mèm cho nên công cụ sản xuất và tri thức mới (tin học/thông tin và đặc biệt là sinh học) phải tập trung vào đó nhằm đổi mới công nghệ. Như thế, một chính sách tập trung ưu tiên phát triển công cụ mới chung chung hoặc coi tin học/thông tin là ngành “ mũi nhọn ” nhằm “ đi trước đón đầu ”, tạo ra bước “ đại nhảy vọt ” trong phát triển là ảo tưởng. Hãy lấy thí dụ Ấn Độ mà quá nhiều người nói tới. Nước này trong năm 1999 có doanh thu về phần mềm là US 3,8 tỷ, tạo ra khoảng 0,3% GDP và xuất khẩu 2,6 tỷ, tương đương với 0,6% GDP (coi tham khảo 13). Đó là họ đã trải qua 10 năm phát triển phần mềm, dựa vào lực lượng người và công ty đồng hương rất đông hoạt động thành công ở nước Mỹ. Họ lại là những người nói tiếng Anh giỏi vì tiếng Anh là ngôn ngữ chính trong giáo dục. Trong giá trị xuất khẩu thì có đến 25% là đưa người ra làm thuê ở nước ngoài. Hoạt động phần mềm này cho thấy Ấn Độ đã biết để tự do phát triển chất xám của họ trong lãnh vực này, tạo ra một số người giàu có, nhưng so với một nền kinh tế to lớn như Ấn Độ thì đóng góp và ảnh hưởng của nó trong việc phát triển nền kinh tế Ấn Độ có thể coi là không đáng kể, không thể trở thành đầu tàu phát triển nền kinh tế. Nó chỉ là ốc đảo, không gắn liền với phát triển kinh tế của nước Ấn Độ mà GDP bình quân đầu người không hơn Việt Nam hiện nay.

Công nghệ thông tin không phải là kinh tế tri thức mà nó là công cụ chuyển tải tri thức. Tri thức nhằm giúp vận dụng phương tiện sản xuất trong mọi hoạt động kinh tế, nhằm trên hết là tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm cần cho đời sống với giá ngày càng rẻ. Rất may dự thảo báo cáo Chính Trị Đại hội 9 sắp tới đã đặt đúng hướng “ vẫn coi công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn là một trọng điểm cần tập trung sự chỉ đạo các nguồn lực cần thiết. Công nghiệp vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa áp dụng công nghệ tiến bộ, đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. ”

Và để kết luận có thể nói giáo dục là quan trọng hơn cả nhằm đặt nền móng cho tri thức và phát triển. Đây là một nhiệm

vụ quan trọng hàng đầu, dài lâu, khó khăn và tốn kém của nhà nước. Chỉ có tri thức mới tạo ra thông tin và biết sử dụng thông tin. Mạng viễn thông cũng như các hạ tầng cơ sở khác cần cho hoạt động kinh tế do đó cần có đầu tư của nhà nước. Các hoạt động dịch vụ về công nghệ thông tin như phần mềm là hoạt động thương mại, hãy để thị trường giải quyết. Không nên tạo ra những ảo tưởng nhằm phí phạm ngân sách của nhà nước.

Tài liệu tham khảo

1. Carrado, Carol and Lawrence Slifman : “ *The Reliability of Aggregate Statistics : Decomposition of Productivity and Unit Costs*,” American Economic Review, Vol 89, No.2, May 1999.
2. Landefeld, J. Steven and Barbara M. Fraumeni : “ *Measuring the New Economy* ”, May 5, 2000. Bureau of Economic Analysis, Advisory Committee Meeting.
3. Brookes, Martin and Zaki Wahhaj : “ *The Shoking Economic Effect of B2B* ”, Economics Paper No. 37, Feb. 2000. Goldman Sachs.
4. *Economic Report of the President*, Feb. 2000, US Government Printing Office.
5. Feldstein M., Janet L. Yellen, Joel L. Prakken, Allen Sinai : “ *Is America’s Productivity Uptick the Real Thing ?* ” The International Economy, Sep/Oct 1999.
6. Jorgenson, Dale W. and Kevin J. Stiroh : “ *Raising the Speed Limit : U.S. Economic Growth in the Information Age* ”, May 2000. Bureau of Economic Analysis, Advisory Committee Meeting.
7. Gordon, Robert J. : “ *Has the ‘New Economy’ Rendered the Productivity Slowdown Obsolete ?* ” Revised Version, June 12, 1999.
8. Gullickson, Willam and Michael J. Harper : “ *Possible Measurement Bias in Aggregate Productivity Growth* ”. Monthly Labor Review, Feb. 1999. U.S. Department of Labor.
9. Monthly Labor Review, *Special Issue on Productivity Measurement and Trends*, July 1995, U.S. Department of Labor, p. 53.
10. Prakken, Joel L. : “ *Potential Productivity and the Stock Market of the ‘New’ U.S. Economy* ”, Business Economics, April 2000.
11. Triplett, Jack E. : “ *The Solow Productivity Paradox: What Do Computers do to Productivity ?* ” May 20, 1998. Brookings Institutions.
12. Triplett, Jack E. : “ *Economic Statistics, the New Economy, and the Productivity Slowdown* ”, April 1999. Brookings Institutions.
13. Hà Dương Tuấn : “ *Toàn cầu hoá Công Nghệ Thông Tin và Xuất khẩu Phần mềm* ”, Hội Thảo 2000 New York, <http://www.wright.edu/~tdung/newyork00.htm>. GDP Ấn Độ năm 1999 là US 414 tỷ.
14. Vu Quang Viet : “ *The Measurement of Fixed Capital Stock and Consumption of Fixed Capital* ”, Links Between Business Accounting and National Accounting, Studies in Methods, Series F, No. 76. The United Nations, 2000.

Vũ Quang Việt

Thảo luận

ĐD : Tác giả Vũ Quang Việt đã gửi trước bài này tới một số đồng nghiệp, và nhận được nhiều bình luận. Được mọi người đồng ý, chúng tôi xin đăng sau đây một số thư góp ý và trả lời của anh Việt, xin mạn phép lược bớt những lá thư điện tử bàn về các vấn đề quá chuyên môn trong ngành kinh tế thống kê.

Bình luận 1.

Bài này rất hay, cách đặt vấn đề rất hữu ích. Tôi xin góp vài ý kiến sơ bộ như sau :

1) Hình như anh đánh giá thấp vai trò của công nghệ thông tin (CNTT) trong nền kinh tế Mỹ. Tôi nghĩ cần một phương pháp luận hoàn chỉnh hơn để đánh giá đúng vai trò này. Có lẽ có hai điểm cần bổ sung :

a) Khảo sát cơ cấu công nghiệp, ta thấy CNTT chiếm 4,6% (bảng 3), nhưng đây chỉ là những ngành trực tiếp. Còn những ngành khác, tuy không được phân loại là CNTT nhưng trong quá trình sản xuất, càng ngày càng sản xuất và tiêu thụ nhiều thông tin. Ngành xe hơi chẳng hạn, theo truyền thống được coi là nặng về tư bản (*capital intensive*), nhưng ngày nay càng ngày càng có hàm lượng thông tin (*information intensity*) cao ; ngành may mặc tại các nước đang phát triển là nặng về lao động (*labor-intensive*), nhưng tại những nước như Mỹ có lẽ ngày càng nặng về xử lý thông tin (*information intensive*) ; đã có nhiều ý kiến cho rằng cần thay đổi cách phân loại các ngành công nghiệp vì cách truyền thống không còn phù hợp với thực tế. Nếu xét hết các yếu tố này, có lẽ CNTT đóng vai trò cao hơn là kết quả trong bài viết của anh.

Cần thêm một điểm nữa là sở dĩ tỉ lệ của CNTT trong GDP của Mỹ quá thấp vì các công ty đa quốc gia Mỹ ngày càng chuyển các cơ sở sản xuất sang các nước châu Á. Hiện nay (năm 1997) tỉ lệ tương ứng tại 4 nước ASEAN (Thái, Ma-lai-xia, Phi-li-pin và In-dô-nê-xia) tính chung lại là gần 9%, và 4 nước NIEs là 12%, lớn hơn tỉ lệ của Mỹ rất nhiều lần. (Theo tư liệu trong Ajia Keizai 2000 của Tổng cục kinh tế kế hoạch Nhật).

b) Anh đã bỏ sót điểm này bằng việc khảo sát năng suất đa yếu tố (multi-factor productivity), hay năng suất tổng thể (total factor productivity, TFP). Điểm này có sức thuyết phục hơn. Tuy nhiên TFP cũng không giải thích hết vai trò của cải tiến công nghệ trong cách mạng tin học. Đã có nhiều nghiên cứu cho thấy công nghệ được cải tiến có thể (và phần rất lớn) được thể hiện (embodied) trong tài sản cố định (capital), do đó, về thống kê khó tách công nghệ (technology) ra khỏi tư bản (capital). Cũng vì thế nếu chỉ khảo sát dữ liệu về tư bản và TFP không thể đánh giá hết vai trò của tiến bộ kỹ thuật, công nghệ.

Dĩ nhiên hai vấn đề tôi vừa trình bày đòi hỏi nhiều thời gian nghiên cứu, không thể thực hiện trong một bài viết ngắn. Tuy nhiên nếu nghiên cứu đầy đủ các điểm nói trên, ta có thể hy vọng CNTT đóng vai trò lớn hơn trong nền kinh tế Mỹ trong thập niên qua...

2. Tuy vậy (dù vai trò của CNTT có quan trọng hơn trong nền kinh tế Mỹ), tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của anh về hàm ý (implications) đối với kinh tế Việt Nam. Tôi vừa viết cho Thời

Báo Kinh Tế SaiGon một bài về “ FDI và nguy cơ tụt hậu ” với phần kết luận cũng có quan điểm tương tự.

Trần Văn Thọ,
Đại học Waseda, Nhật Bản

NIE : Những nước mới phát triển ; FDI : đầu tư nước ngoài trực tiếp (chú thích của Diễn Đàn)

Bình luận 2.

....Tôi nghĩ có lẽ phải có cách tính lại sâu sắc hơn về các đóng góp của cái gọi là CNTT.

Tôi đề nghị các anh chị kinh tế cho thí dụ cụ thể... bởi vì tôi cho trong các điểm nói “ mạnh mẽ ” về CNTT có sự kế toán đôi nhiều lần (*multiple double accounting*) (ta không đôi điểm này trong các kỹ thuật cơ giới hoá, mechanization-intensive ???).

Ví dụ trong ngành may mặc, ngày nào còn kim suốt chỉ thì ngày đó dùng tin học là chỉ để thay thế cho những thứ đã cơ giới hoá ngày trước, bớt trả công cắt mẫu (design), giá thành rẻ hơn kỹ thuật cơ giới, và uyển chuyển hơn kỹ thuật cơ giới vì phần mềm tin học (software) có thể đổi mẫu trong khi cơ giới đã bị khoá chặt (locked-in) vào thiết bị (hardware)... Do đó chưa có biến chuyển nhiều về năng suất lao động. Chỉ có biến chuyển một tí nhưng không cơ bản (cơ bản vẫn là kim suốt chỉ).

Làm trong CNTT nghe các anh Kinh Tế đánh giá về đóng góp của CNTT... làm tôi hoàn toàn... buồn buồn...

Ngô Thanh Nhân,
Đại Học New York, Mỹ

Bình luận 3.

... Trong các nghiên cứu gần đây về “ tự do hoá kinh doanh dịch vụ ” (trade liberalisation in services), người ta để ý đến vai trò của các ngành gọi là “ dịch vụ ”, thí dụ viễn thông, ngân hàng, v.v. , là những ngành sử dụng nhiều CNTT như một dịch vụ cho sản xuất (producer service).

Trước đây không lâu tôi có làm việc với trung tâm GTAP, ở đó có đề ra một dự án nhằm thay đổi và triển khai thêm việc phân loại các ngành dịch vụ để làm rõ hơn vai trò của chúng... Nhưng có lẽ để trả lời thực sự được câu hỏi bài này đặt ra cần phải có hai việc :

1) Thu thập dữ kiện (data) chính xác để biết CNTT dùng vào những ngành sản xuất dịch vụ và hàng tiêu dùng như thế nào,

2) Làm một mô hình định lượng để nghiên cứu về vai trò trực tiếp lẫn gián tiếp của CNTT.

Trong khi chờ đợi chúng ta chỉ có thể ước lượng phỏng chừng (guesstimate) như tác giả đã làm, những người khác có thể ước lượng thấp hơn hoặc cao hơn...

Trương Phước Trường,
Đại học New South Wales, Úc

Bình luận 4.

1.... Theo tôi, ảnh hưởng lớn và lâu dài của CNTT là tạo cơ sở khả thi, và gây áp lực, thay đổi cách tổ chức, kinh doanh của các doanh nghiệp để ngày càng hữu hiệu hơn. Vì thế, tác động của CNTT đối với xã hội và nền kinh tế rộng rãi và sâu sắc hơn chỉ là tỷ số sản phẩm CNTT/GDP. Điều này đúng cho Mỹ, châu Âu, mà cũng đúng cho các nước đang phát triển như Ấn Độ.

2. Số liệu thống kê vi mô về tăng năng suất không phản ảnh kịp thời và trung thực sự tiến bộ về hiệu năng sản xuất của các doanh nghiệp, mà các nhà nghiên cứu *bottom up* đã phân tích ngày càng phong phú. Về số liệu năng xuất của Mỹ, có mấy

điểm cần chú ý :

a) Năng xuất lao động tăng nhanh trong 4 năm gần đây, sau một thời gian dài “ tiêu hoá ” nhưng đầu tư CNTT (Quý 2.2000 tăng 5,3%, sau 112 tháng tăng trưởng, đây là một hiện tượng chưa từng xảy ra).

b) Năng xuất lao động trong công nghiệp chế biến (manufacturing) đã tăng rất nhanh và sớm hơn công xuất chung (non-farm labor productivity) ; chưa thấy sự tăng trưởng năng xuất trong lãnh vực dịch vụ, nhưng đây là do nhiều nguyên nhân khác, chủ yếu là do sự bành trướng dịch vụ thu hút rất nhiều nhân công.

c) Vì vậy, với suất thất nghiệp 4%, năng xuất vẫn tăng trưởng cao (cũng là hiện tượng chưa xảy ra trong lịch sử kinh tế Mỹ từ trước tới nay, tăng trưởng kinh tế càng lâu dài, suất thất nghiệp càng giảm thì suất tăng trưởng năng xuất cũng giảm vì hiện tượng thu dụng nhân công không lạnh nghề).

3. Nói tóm lại, đóng góp của CNTT đối với Mỹ là giúp hình thành một nền kinh tế năng động, uyển chuyển, có hiệu năng cao và tạo ra nhiều công việc làm cho người lao động. Nhưng sở dĩ CNTT có thể làm được như thế cho nền kinh tế Mỹ, chính vì có môi trường kinh doanh, cạnh tranh, định chế, xã hội v.v. thích hợp và tạo điều kiện.

4. Đối với CNTT và VN, vì thế có hai loại vấn đề : đầu tư vào phân cứng, phần mềm, đào tạo chuyên viên v.v. ; và môi trường thích hợp. Nếu chỉ chú ý vào việc đầu tư vào CNTT thôi, thì chỉ tạo ra ốc đảo CNTT chứ không giúp phát triển toàn bộ nền kinh tế.

Trần Quốc Hùng,
Rabo-Bank, Anh

Trả lời của Vũ Quang Việt

Không phải tôi chủ ý muốn đánh giá thấp CNTT. Tôi chỉ muốn đặt vấn đề cho đúng chỗ của nó. Vai trò quan trọng của nó ai cũng thấy, và ảnh hưởng tương lai của nó không lường được. Vấn đề cần nhìn nhận là công nghệ nào, dù mới, để có hiệu quả cũng là tạo sự tổng hợp của tất cả các công nghệ trong các ngành nghề khác nhau cũng như môi trường (hệ thống pháp lý tạo cạnh tranh, mở rộng thị trường) cho nó hoạt động, và thời gian. Ở mỗi thời điểm của mỗi nước, mỗi công nghệ lại có vị trí khác nhau. Ở Việt Nam, vấn đề cơ bản nhất và lớn nhất hiện nay và trong tương lai gần vẫn là ăn, mặc và nhà ở. Câu thì đã quá rõ. Nhưng cần tạo môi trường đẩy mạnh cung. Ngược lại phần mềm thì câu ít, cho nên đẩy cung sẽ không hiệu quả. Vấn đề ở đó là tạo cầu. Các công nghệ cần phù hợp để đẩy mạnh các hoạt động sản xuất trên cho có hiệu quả. Nếu CNTT tạo thông tin tốt về thị trường giống cây trồng, súc vật, về phương pháp tạo giống mới, để đẩy mạnh sản xuất thì quá tốt. Nhìn không đúng vấn đề, sẽ tạo ra cuộc chạy đua trong sinh viên không theo học ngành nông nghiệp, sinh học, kỹ sư máy móc, mà chỉ chạy theo học tiếng Anh, kinh tế, và nhất là phần mềm, thì hậu quả không có gì là phấn khởi.

Vấn đề tôi nhìn nước Mỹ là có phải CNTT đã tạo ra sự phát triển vượt bậc vừa qua hay là cái gì khác ? Như vốn nước ngoài chuyển vào Mỹ ? Một nội dung CNTT nhiều nhất là ngân hàng (tôi không bàn đến trong bài vì sợ quá dài), nhưng phân tích số liệu thống kê từ 1987-1997, năng xuất ngành này vẫn giảm. CNTT tạo ra tiện lợi. Mọi người phải chạy theo cung cấp tiện lợi, nhưng tạo ra thêm của cải thì lại là chuyện khác u

* Ngày 8.9, Việt Nam và Trung Quốc đã bắt đầu một đợt thương lượng mới ở cấp chuyên gia, về đường ranh giới biển trên vịnh Bắc Bộ. Đợt thương lượng này sẽ kéo dài khoảng một tuần. Hai bên đã nhiều lần tuyên bố sẽ cố gắng hoàn thành cuộc thương lượng này trước cuối năm nay.

* Kể từ ngày 20.8, chính phủ cho giảm thuế suất nhập khẩu xăng dầu xuống từ 20% xuống 10%. Riêng với dầu diesel thì thuế 5% được bãi bỏ luôn. Trước mắt, chính phủ quyết định chưa cho tăng giá xăng dầu và chỉ thị cho các bộ không để xảy ra đột biến về giá.

* Tháng 9 vừa qua, uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội cho biết sẵn sàng trả lại cho “ vua lớp ” Nguyễn Văn Chấn số tiền 800 triệu đồng. Quyết định này có hiệu lực “ ngay sau khi ông Chấn cam kết kết thúc khiếu kiện ”.

* Rút cục, đoàn Việt Nam tham dự thế vận hội 2000 ở Sydney (Úc) gồm bảy vận động viên. Ngoài 6 người đã được tuyển đầu tháng 8 (xem ĐĐ số trước) - Vũ Bích Hương, Lương Tích Thiện (điền kinh) ; Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Thị Hương (bơi lội) ; Nguyễn Thị Xuân Mai, Trần Hiếu Ngân (taekwondo) - chỉ có thêm Nguyễn Trung Hiếu (bắn súng).

* Cũng tại Sydney, có 3 vận động viên người Mỹ gốc Việt tham gia thi đấu môn bóng bàn : Michelle Đỗ Lan Anh, Tawny Bành Ái Thu và Nguyễn Đình Khoa. Cả 3 sinh sống ở bang California, và người trẻ nhất, cô Lan Anh, mới 17 tuổi.

* Tại Cúp cờ vua thế giới 2000 (nữ) diễn ra trong tháng 9 ở Thẩm Dương (Trung Quốc), kỳ thủ Việt Nam Hoàng Thanh Trang đã vào vòng tứ kết sau khi thắng đương kim vô địch thế giới Tạ Quân, người Trung Quốc. Sau kỳ công này, Thanh Trang đã từ hạng 12 nhảy lên hạng 8 thế giới.

* Chính phủ Đan Mạch giúp 23 triệu đô la để thực hiện và nâng cấp 14 chiếc phà trong vùng châu thổ sông Mê Công. Những chiếc phà có khả năng từ 25 đến 100 tấn sẽ giúp chuyên chở tại các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng và Bến Tre.

* Vùng Nord - Pas de Calais của Pháp giúp 2 triệu quan Pháp (268 000 đô la) để thanh lọc hồ Tịnh Tâm ở Huế. Phương án dự định sẽ đắp lại bờ, vét bùn và thanh lọc nước. Vùng cũng đã đầu tư 912 000 quan (122 208 đô la) vào một số công trình xây dựng trong thành phố Huế.

* 20 được sĩ VN đã bắt đầu khoá học thực hành đầu tiên về tiêu chuẩn của Thông lệ sản xuất hàng hoá tại VN (GMP), sau khi một khu giảng dạy mới, đạt tiêu chuẩn quốc tế, của trường Đại học Dược Hà Nội được khánh thành ngày 19.9. Khu giảng dạy được sự hỗ trợ về trang thiết bị trị giá 700.000 đô la Úc (5,78 tỉ đồng) từ Dự án Phòng chống sốt rét Việt - Úc. Mục tiêu là, thông qua đào tạo được sĩ, đến năm 2005 tất cả các loại thuốc sản xuất ở VN đều đạt tiêu chuẩn GMP.

* Theo AP, Brazil (nước sản xuất nhiều cà phê nhất thế giới) đã quyết định nhập hơn 5 ngàn tấn cà phê hạt (loại Robusta) của VN để chế biến thành cà phê hoà tan. Lý do nhập: cà phê Robusta VN vừa đạt chất lượng, vừa rẻ hơn cà phê cùng loại sản xuất tại Brazil đến một nửa giá. Theo Hiệp hội Công nghiệp chế biến cà phê hoà tan Brazil, việc nhập khẩu này có thể giúp họ cạnh tranh mặt hàng cà phê hoà tan với các nước khác.

BÙI TRỌNG LIỄU

Nhân đọc Hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Mấy tập hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp được xuất bản trong những năm gần đây :

[1] *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, xuất bản năm 2000, vào dịp kỷ niệm 25 năm chấm dứt chiến tranh (nxb Chính trị quốc gia, 374 trang, khổ 15x22 : viết về giai đoạn từ tháng 12/1972 đến mùa Xuân 1975) ,

[2] *Điện Biên phủ, điểm hẹn lịch sử*, cũng xuất bản năm 2000, (nxb Quân đội nhân dân, 475 trang, khổ 14,5x20,5 : viết về giai đoạn từ cuối tháng 5/1953 đến ngày tiếp quản thủ đô Hà Nội),

[3] *Đường tới Điện Biên phủ*, xuất bản năm 1999 (nxb Quân đội nhân dân, 475 trang, khổ 14,5x20,5, viết về giai đoạn 1950-1953),

[4] *Chiến đấu trong vòng vây*, xuất bản năm 1995 (nxb Quân đội nhân dân-nxb Thanh niên, 435 trang, khổ 14,5x20,5, viết về giai đoạn 1946-1950).

Và cũng xin nhắc đến cuốn hồi ức trước đó của ông :

[5] *Những chặng đường lịch sử*, xuất bản năm 1994, nxb Chính trị quốc gia, 557 trang, khổ 15x22, thật ra là sự tái bản của 2 tập hồi ức *Từ nhân dân mà ra* (giai đoạn từ chuẩn bị Tổng khởi nghĩa đến Tháng 8/1945) và *Những năm tháng không thể nào quên* (giai đoạn 2/9/1945-19/12/1946).

Là người trực tiếp cầm quân trong cuộc kháng chiến kéo dài 30 năm, cuộc kháng chiến chống ngoại xâm dài nhất, gian khổ nhất trong Lịch sử Việt Nam, tác giả tất nhiên là chứng nhân số một của các sự kiện quân sự đã xảy ra. Bấy nhiêu trang sách cỡ nhỏ để nói về một cuộc chiến đấu dài hơn 30 năm là tương đối ít (trừ quãng 1955-1972 mà các cuốn hồi ức không đề cập tới) nhưng tác giả đã giải thích trong lời đầu cuốn [4] qua câu : “ Thời gian không có nhiều, tôi đặt cho mình một yêu cầu chừng mực : cố gắng nói được những điều thật cần nói ”. Và thật ra, những điều cần nói đó, đã giúp cho người đọc hiểu kỹ thêm một số lý do và sự việc có khi chưa biết.

Tất nhiên, các cuốn hồi ức này chủ yếu đề cập đến những vấn đề lớn về quân sự, những thành tích và chiến công của các chiến trường. Nhưng không chỉ có vậy.

Thuở xưa, đã có nhiều cuộc kháng chiến thành công của người Việt Nam chống xâm lược : Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Quang Trung,... nhưng thuở đó (trừ trường hợp đặc biệt của Ngô Quyền dựng nền tự chủ, của Lê Lợi phải 10 năm chiến đấu khôi phục lại nước đã mất,...), tổ tiên ta đã có Nhà nước, có quân đội, ... ; đối phương chỉ có một kẻ xâm lăng ; sự chênh lệch về vũ khí, nếu có, cũng không lớn. Trong cuộc kháng chiến 30 năm vừa qua, tình hình quốc tế phức tạp ; đối

phương không chỉ có một ; lại tình thế đẩy đưa, muốn hoà mà phải chiến ; lại ý thức hệ ; những khó khăn gian khổ gặp phải không phải chỉ hoàn toàn là do thiếu thốn của mình, do kẻ địch gây ra, mà còn do quan hệ rất phức tạp với phía “ bạn ” nữa.

Người đọc sách đôi khi hiểu theo ý riêng của mình, chưa chắc đã là ý của tác giả muốn nói. Tôi không có khả năng và tham vọng viết một bài tổng quan, mà chỉ “ nhân dịp đọc ”, muốn lưu ý đến một vài khía cạnh của quan hệ quốc tế. Và để cố giữ được một sự khách quan tương đối, xin trích vài đoạn dưới đây.

Trong cuốn [4], ông Giáp viết :

Đầu năm 1950, Bác [cụ Hồ] ra nước ngoài. [...]. Bác đã đến Bắc Kinh, rồi đi luôn sang Mátxcova. [...]. Qua Liên Xô, Bác gặp đồng chí Xtalin. [...]. Khi trở về nước...] Buổi tối, khi xung quanh đã yên tĩnh, Bác ngồi trầm ngâm rồi nói với chúng tôi :

- Liên Xô phê bình ta chậm làm cách mạng thổ địa. Đồng chí Xtalin trở hai chiếc ghế rồi hỏi mình : “ Ghế này là ghế của nông dân, ghế này là của địa chủ, người cách mạng Việt Nam ngồi ghế nào ? ”. Tới đây, chúng ta phải làm cách mạng ruộng đất. [...].

Rồi Bác kể thêm, trong một buổi làm việc, thấy có cuốn họa báo Liên Xô đặt trên bàn, Bác cầm đưa Xtalin, đề nghị ký một chữ làm kỷ niệm, Xtalin vui vẻ ký rồi chuyển cho các đồng chí Môlôtop, Kazanovich ngồi bên ký tiếp. Bác mang tờ báo về nhà khách. Nhưng hôm sau, không còn thấy tờ báo. Bác không bình luận gì về những chuyện này. Liên Xô đã công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nhưng có thể còn đang cân nhắc mức độ công khai hoá mối quan hệ mật thiết với ta.

Đọc tới đây, tôi liên tưởng tới bài báo viết về những cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa Việt Nam và Liên Xô (1947-1948) (*Những cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa Việt Nam và Liên Xô*, trong *Xưa và Nay* số 73, tháng 3/2000, dịch bài của Benoit de Tréglodé trong *Approche-Asie* số 16/1999) với “ ý chí chủ nghĩa ” trong đường lối của Liên Xô trong khi phía Việt Nam chưa muốn “ ý thức hệ hóa ” cuộc chiến tranh còn đang trong “ đường lối trung lập công khai ” trên chính trường thế giới ; và rớt cục vào thời điểm đó, với sự đánh giá “ những người cách mạng Việt Nam thiếu tầm nhìn chính trị ”, Liên Xô đã lựa chọn sự tăng cường đường lối chính trị của mình ở châu Á “ thông qua ” những người cộng sản Trung Hoa. Thuở ấy, chưa một nước nào công nhận Việt Nam. Theo tôi hiểu khi đọc cuốn [3], cho đến đầu 1950, mặc dù có sự hết sức cố gắng chế tạo vũ khí tự túc (badôka 60 ; mìn lôm badômin ; súng cối 187mm làm bằng vỏ bình ôxy, đạn 30kg ; súng SKZ 60, đạn lôm 9kg có khả năng xuyên bê tông 60cm, vv.), mặc dù chiến lợi phẩm thu được, vũ khí vẫn không đủ, bộ đội đánh công kiên còn chưa có bộc phá, ngay những chiến sĩ các trung đoàn chủ lực còn phải dùng cây mác xung kích. Cần có sự viện trợ vũ khí để tiếp tục kháng chiến.

Trong cuốn [3], tác giả viết :

Tôi muốn trở lại chuyến đi thăm Trung Quốc và Liên Xô hồi đầu năm (1950) của Bác. [...]. Trong một buổi làm việc ở

Mátxcova cùng với Xtalin, có cả Mao Trạch Đông, Bác đề nghị Liên Xô giúp trang bị cho 10 đại đoàn bộ binh và 1 trung đoàn cao xạ. Xtalin nói : “ Yêu cầu của Việt Nam không lớn. Nên có sự phân công giữa Trung Quốc và Liên Xô. Liên Xô hiện đang phải lo nhiều cho các nước Đông Âu. Trung Quốc sẽ giúp Việt Nam những thứ đang cần. Những thứ gì Trung Quốc chưa có, thì hãy lấy trong số hàng Liên Xô đã viện trợ cho Trung Quốc chuyển cho Việt Nam, và sẽ được Liên Xô hoàn trả”. Xtalin nói vui : “ Trung Quốc sẽ không thiệt vì trao cho Việt Nam những thứ đã dùng rồi, sẽ nhận lại ở Liên Xô những thứ mới. Trong quan hệ quốc tế phải có đi có lại. Liên Xô viện trợ Trung Quốc một xe tăng, Trung Quốc trả lại một con gà, một khẩu pháo, trả một quả trứng. Việt Nam trả Trung Quốc thế nào, thì tùy...”. Mao Trạch Đông nói : “ Việt Nam cần trang bị 10 đại đoàn để đánh thắng Pháp, trước mắt hãy trang bị cho 6 đại đoàn có mặt ở miền Bắc... ”.

[...] Những đơn vị (bộ đội Việt Nam sang Trung Quốc nhận vũ khí), ngoài việc trang bị lại vũ khí còn được bạn huấn luyện thêm về chiến thuật công kiên [...]. Nhiều đồng chí Trung Quốc rất ngạc nhiên khi thấy bộ đội ta, từ cán bộ tới chiến sĩ, nghe giảng bài đều ghi chép rất nhanh, tỏ vẻ nghi ngại là trong quân đội Việt Nam có quá nhiều phân tử trí thức ! Ta phải cố gắng làm cho bạn hiểu số đông cán bộ ta là học sinh, còn hầu hết chiến sĩ là thanh niên nông thôn, nhiều người chỉ bắt đầu học chữ sau khi vào bộ đội.

Nhận viện trợ thì tất phải chấp nhận sự có mặt của cố vấn. Trong cuốn [3], khi ông kể về chuyến kín đáo đi thăm Trung Quốc và Liên Xô của Hồ Chủ tịch năm 1950 :

Những ngày ở Nam Ninh, Bác gặp đồng chí Trần Canh, Phó tư lệnh Đại quân khu Tây Nam, Tư lệnh Quân khu Vân Nam, đi công tác qua đây. Bác biết Trần Canh từ cuối năm 1924, khi [Bác] làm phiên dịch cho phái đoàn cố vấn của Chính phủ Liên Xô, do M.M. Bôrôđin dẫn đầu, đến giúp chính phủ Quốc dân đảng Trung Quốc. Ngày đó, Trần Canh còn là một học viên trẻ tại trường Hoàng Phố ở Quảng Châu. Trần Canh rất xúc động, không ngờ đồng chí Vương thời đó lại là Hồ Chủ tịch. Trần Canh rất quyến luyến, gợi ý Bác đề nghị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cho mình sang Việt Nam làm cố vấn quân sự. [...]. [Khi ở Liên Xô trở về Bắc Kinh...], Bác gợi ý bạn cử đồng chí Trần Canh [làm cố vấn]. Phía Trung Quốc trả lời đồng chí Trần đã được bố trí công tác rồi, và đưa ra danh sách gồm 4 người : La Quý Ba, Trung ương ủy viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, trưởng đoàn cố vấn, Vi Quốc Thanh, trưởng đoàn cố vấn về quân sự, Mai Gia Sinh, cố vấn về công tác tham mưu, Mã Tây Phu, cố vấn về công tác hậu cần.

Ông kể tiếp là trong chiến dịch giải phóng biên giới tháng 9/1950, Trần Canh sang Việt Nam với tư cách là khách mời của Hồ Chủ tịch, chức vị của ông ta cao hơn Vi Quốc Thanh, nên “ đồng chí Vi dành quyền phát biểu cho đồng chí Trần Canh ”. Cố vấn của cố vấn, nhưng không phải là cố sự đồng ý về cách đánh. Lúc đó, sau trận Đông Khê đã toàn thắng, chiến dịch vẫn tiếp tục :

Đồng chí Trần Canh nói với tôi :

- Võ Tổng thấy thế nào ? Hay thu quân thôi ! Viện binh địch không lên. Quân địch ở Thất Khê đã tăng lên 4 tiểu đoàn.

Bộ đội Việt Nam đánh công kiên quá kém. Không thể đánh Thất Khê. Cũng không thể đánh Cao Bằng. Muốn đánh Cao Bằng phải xây dựng một trận địa chiến hào như Giải phóng quân đánh Hoàng Hải !

Tôi nói :

- Trận Đông Khê ta sử dụng nhiều binh lực, nhưng chọn hướng đột phá chưa đúng, các mũi phối hợp kém nên đánh kéo dài. Hồi tháng năm, chỉ một mình trung đoàn 174 đã nhanh chóng diệt gọn Đông Khê, tổn thất rất ít. Tôi thấy nên kiên trì chờ [đánh diệt] viện, đồng thời chuẩn bị tiêu diệt Thất Khê theo như kế hoạch.

Sau đó chiến dịch tiếp tục và đã toàn thắng. Nhưng “ Võ Tổng ” vẫn giữ được quan hệ tốt với cố vấn :

Sau đó Trần Canh sang chiến đấu ở Triều Tiên với cương vị Phó tư lệnh Chí nguyện quân Trung Quốc. Khá lâu, đồng chí Trần mới trở lại Việt Nam, đến Hà Nội với những vết bỏng napan trên mặt. Mỗi lần có dịp qua Trung Quốc, tôi thường tới thăm gia đình đồng chí Trần. Đồng chí để lại cho tôi ấn tượng đẹp về một soái tướng trong quân đội cách mạng “ trí dũng song toàn ”, giàu tinh thần quốc tế và luôn luôn lạc quan, yêu đời.

Trong cuốn [3], ông viết :

[1951]... Anh Thanh [tướng Nguyễn Chí Thanh] có nhận xét mấy chiến dịch gần đây, trong chiến sĩ ngày càng xuất hiện nhiều gương chiến đấu anh dũng [...]. Nhưng ở một số cán bộ đã có những dấu hiệu dao động, điều tra địch không đến nơi, bỏ bộ đội khi chiến đấu, tư tưởng ngại gian khổ, ác liệt khá phổ biến. Anh Thanh cho rằng phần lớn cán bộ sơ cấp, trung cấp của ta xuất thân từ tầng lớp tiểu tư sản học sinh, chỉ mới giác ngộ về dân tộc, còn ít giác ngộ giai cấp nên thiếu kiên định. Trọng tâm đột chính huấn này, nên nhắm vào cán bộ. [...].

Chính huấn mùa Hè năm 1951 đánh dấu một mốc biến chuyển về nhận thức, tư tưởng bộ đội.[...]. Sự tự giác trình bày khuyết điểm trên cơ sở một nhận thức đúng đắn bao giờ cũng được hoan nghênh. Coi nhận thức là một quá trình, chúng ta biết chờ đợi, không ép buộc. Có điều nên nói là trong chính huấn chúng ta đã tiếp nhận từ những cố vấn về giáo dục chính trị một cách làm khác : coi kiểm điểm tư tưởng là cuộc đấu tranh không khoan nhượng với mọi sai lầm ; những ai không nêu được sai lầm nghiêm trọng sau học tập đều coi như thiếu thành khẩn, và bản tự kiểm điểm không được tập thể thông qua. Những buổi kiểm điểm thường diễn ra căng thẳng với những lời phê phán “ đao to búa lớn ”, nhiều khi gò ép. Có người sợ bị coi là thiếu thành khẩn đã tự nhận những tội lỗi mà mình không hề mắc. Sự động viên, kêu gọi, biểu dương những gương gọi là “ thành khẩn ” một cách quá đáng trong học tập, đã dẫn tới những hiện tượng kỳ lạ. Ở đại đoàn X, một cán bộ tiểu đoàn rất anh dũng trong chiến đấu, tự nhận mình là gián điệp của địch ! Khi bị truy hỏi, anh khai ra một loạt sự việc có liên quan tới những cán bộ khác. Tổ chức mất rất nhiều thì giờ mới xác định được những điều anh “ phản tỉnh ” đều là do óc tưởng tượng của một học sinh trước kia đã đọc qua nhiều những truyện trinh thám ! Chính huấn chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn. Nhận thức mới về cách mạng còn đơn giản làm sao có thể thay đổi hoàn toàn tư tưởng con

người ? Cách học tập này tuy mang lại kết quả trước mắt nhưng sẽ gây những ảnh hưởng xấu trong cuộc vận động chính đốn tổ chức sau này.

Về Đông-Xuân 1951-1952, ông viết :

Tôi trao đổi với đồng chí Vi Quốc Thanh [cố vấn quân sự Trung Quốc] về phương hướng mở chiến dịch Đông Xuân. Anh Vi nói trong đoàn cố vấn đã bàn bạc nhiều [...]. Ở Triều Tiên, quân đội Triều Tiên và Chí nguyện quân Trung Quốc có cả máy bay Liên Xô trợ lực, nhưng chủ yếu vẫn thắng địch bằng số đông. Việt Nam không có máy bay cũng chưa có vũ khí phòng không, đánh địch ở đồng bằng khó đối với phi, pháo. Và khó khăn lớn nhất vẫn là Việt Nam ít quân !

Tôi nói :

- Vừa qua ta đã mở những chiến dịch nhỏ cỡ đại đoàn để buộc địch phải phân tán đối phó, hạn chế sức mạnh của máy bay và pháo địch, nhưng ít kết quả. Việt Nam đã có một khối chủ lực 6 đại đoàn, không thể chỉ đánh nhỏ. Đánh nhỏ bộ đội ít tiêu hao, nhưng không tạo được tình hình biến chuyển trong giai đoạn mới.

Ít lâu sau ngày đồng chí Vi về Bắc Kinh, Trung ương Đảng ta nhận được thư của đồng chí La Quý Ba [trưởng đoàn cố vấn Trung Quốc]. Trong thư đồng chí La viết với tình hình hiện nay, tốt nhất là Việt Nam nên quay về chiến tranh du kích, tiến hành chiến tranh nhân dân thật rộng rãi để hạn chế những chỗ mạnh của địch. [...]

Có thể các đồng chí Trung Quốc e ngại sẽ tái diễn ở Việt Nam một tình hình giống như ở Triều Tiên, trong lúc Trung Quốc còn chưa sẵn sàng.

Tôi nghĩ nhiệm vụ của bộ đội chủ lực lúc này là phải chứng minh được : chúng ta có thể chiến thắng trong vận động đánh lớn, cũng như đã từng chiến thắng trong vận động đánh nhỏ, với một kẻ địch bao giờ cũng mạnh hơn ta về trang bị, kỹ thuật.

Trong cuốn [2], ngoài “ quyết định khó khăn nhất ” của ông, chuyển cách “ đánh nhanh thắng nhanh ” thành “ đánh chắc tiến chắc ” v.v., người đọc còn thấy mấy dòng này :

Đầu tháng 7 năm 1954, đồng chí Chu Ân Lai từ Giơnevơ trở về Trung Quốc, đề nghị gặp Bác ở Liễu Châu, thuộc tỉnh Quảng Tây, không xa biên giới nước ta. Bộ Chính trị cử tôi cùng đi với Bác. [...]. Buổi làm việc đầu tiên, theo ý của Bác, tôi trình bày tình hình quân sự lúc này trên bản đồ. Ở cả miền Bắc và miền Trung Việt Nam hầu như toàn màu đỏ, màu của vùng đất tự do và giải phóng. [...]. Tại Nam Bộ, những khu căn cứ của ta được củng cố và mở rộng. [...].

Hai buổi tiếp theo, đồng chí Chu Ân Lai trình bày về tình hình diễn biến tại Hội nghị Giơnevơ, [...]. Cuối cùng, đồng chí nói trước đây Plêven khẳng định đòi lấy vĩ tuyến 18 làm ranh giới tạm thời, nhưng trước sự đấu tranh kiên quyết của ta, Măngđét Phrăng và Anh, Mỹ đã đồng ý rút xuống vĩ tuyến 17.

Bác và chúng tôi đều ngỡ ngàng. Phải chăm chú tìm trên bản đồ mới thấy dòng sông nhỏ Bến Hải ở phía Bắc tỉnh Quảng Trị.

Bác nói với so sánh lực lượng trên thực tế chiến trường hiện nay, ta đề ra vĩ tuyến 13 là hợp lý, vĩ tuyến 17 đối với ta

là không thể chấp nhận, chí ít cũng phải giành được vĩ tuyến 16. [...].

Thế nhưng ...

Và tôi liên tưởng tới mấy câu ông viết trong cuốn hồi ức Từ nhân dân mà ra, kể lại những ngày gần Tổng khởi nghĩa 1945, vào một đêm trong rừng, cụ Hồ sốt nặng, e mình không qua khỏi, dặn ông : “ Thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập ”. Cái giá phải trả để giành lại được độc lập thống nhất đất là thế.

Đọc hồi ức này, điều ngạc nhiên cũng là được biết viện trợ của “ bạn ” không phải là dồi dào vô tận . Trong cuốn [2], ông viết :

Nhân đây cũng nói thêm, một số nhà nghiên cứu phương Tây đã quá cường điệu số đạn pháo của ta tại Điện Biên phủ [...]. Trong thực tế, về đạn [pháo binh] 105, ta chỉ có tổng số 20 000 viên, gồm 11 000 viên chiến lợi phẩm [lấy được của Pháp] của chiến dịch Biên Giới, 3 600 viên do Trung Quốc viện trợ kèm theo pháo, 440 viên chiến lợi phẩm ở mặt trận Trung Lào, và khoảng 5 000 viên thu được của địch thả dù tiếp tế. Sau chiến tranh Triều Tiên, đạn pháo 105 ở Trung Quốc cũng rất khan hiếm. Trước nhu cầu cấp thiết của chiến dịch, bạn đã vét đạn 105 từ các kho chuyển cho ta, nhưng 7 400 viên tháng 5 năm 1954 mới tới, khi trận đánh đã kết thúc.

Trong cuốn [1], ông viết :

Việc nghiên cứu chuẩn bị kế hoạch đánh B52 được triển khai gấp rút và đã căn bản hoàn thành vào đầu tháng 9-1972. [...]. Cũng cần nói thêm rằng, mặc dầu sự giúp đỡ của Liên Xô về vũ khí, kỹ thuật là quý báu và có hiệu quả, nhưng từ năm 1969, bạn không viện trợ thêm một quả đạn tên lửa nào. Các bộ khí tài tên lửa, radar cũng dần dần xuống cấp. Điều đó đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ ta phải ra sức phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, nâng cao hiệu suất chiến đấu của vũ khí, khí tài có trong tay.

Để rồi có được cái gọi là “ Điện Biên phủ trên không ”.

Cũng trong cuốn sách đó, trong phần cuối, ông viết :

Năm 1971, tôi sang Liên Xô khẳng định quyết tâm đánh Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn và đề nghị bạn có sự giúp đỡ đặc biệt. Tại cuộc họp với các đồng chí trong Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng chí Côxưghin hỏi : “ Tôi xin hỏi đồng chí Giáp. Đồng chí nói đánh thắng Mỹ. Tôi muốn biết các đồng chí có bao nhiêu sư đoàn bộ binh cơ giới và Mỹ có bao nhiêu ? Xe tăng, pháo hạng nặng, máy bay chiến đấu..., các đồng chí có bao nhiêu và Mỹ có bao nhiêu ? Khả năng về phòng không, về tên lửa, về thông tin, radar của các đồng chí như thế nào ? Xin đồng chí nói qua cho tôi biết ”. Tôi trả lời : “ Tôi hiểu câu hỏi của đồng chí. Đồng chí muốn biết về vấn đề so sánh lực lượng giữa chúng tôi với Mỹ. Theo học thuyết quân sự Xôviết là như vậy. Học thuyết quân sự Xôviết là hết sức ưu việt, đã chiến thắng phát xít Đức. Điều đó rất rõ ràng. Nhưng, tôi xin nói nếu chúng tôi đánh theo cách đánh của các đồng chí thì chúng tôi không đứng nổi được hai tiếng đồng hồ. Chúng tôi đánh theo cách đánh khác, cách đánh của Việt Nam, và chúng tôi sẽ thắng ”. Sau ngày toàn thắng, có dịp trở

lại Liên Xô, gặp lại đồng chí Còxutghin, tôi cảm ơn Liên Xô đã nhiệt tình giúp đỡ Việt Nam đánh Mỹ. Đồng chí vui vẻ nói : “ Việt Nam thắng to quá, như thế tốt quá ! Xin chúc mừng các đồng chí ! ”.

Đọc những đoạn đó rồi, người đọc lại càng thấm thía với những gian khổ đã phải vượt qua, và càng hiểu hơn sự hy sinh của những chiến sĩ, cũng như đánh giá cao hơn những chiến thắng đã đạt được.

Mấy cuốn hồi ức không chỉ nói đến các vấn đề thuần túy quân sự, vì trong các giai đoạn trải qua, các vấn đề quân, dân, chính, đều có liên quan, và cũng vì những chức vụ của tác giả. Trong cuốn [4], ông có nhắc lại lời Hồ Chủ tịch chiều 20/2/1947 ở Rừng Thông trong chuyến thăm Thanh Hóa : phải “ làm cho người nghèo thì đủ ăn ; người đủ ăn thì khá, giàu ; người khá, giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ. Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước ”.

Khi viết hồi ức, hầu như Đại tướng Giáp không quên ai : công lao của ai, ý kiến của ai thì nói là của người đó ; phần nào của mình, phần nào của người khác, xem ra đều rạch ròi.

Các cuốn sách hầu như không đề cập đến việc riêng tư. Nếu có, cũng là hiếm. Đối với ông Duẩn, trong cuốn [3], ông Giáp kể (lúc đó vào tháng 2/1951):

Anh Lê Duẩn cùng hoạt động với chị Nguyễn Thị Minh Khai ở Nam Kỳ. Chị Minh Khai và chị Quang Thái [chú thích : bà Thái là vợ trước của ông Giáp ; bà mất trong nhà tù Hòa Lò năm 1943] là hai chị em ruột. Anh Duẩn kể với tôi một câu chuyện về chị Thái. Trước ngày chính quyền thực dân Pháp xét xử những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, chị Thái từ Hà Nội vào thăm chị Minh Khai (thời gian này tôi đã qua Trung Quốc). Chị Thái gặp chị Minh Khai và anh Lê Duẩn ở phiên tòa đại hình. Trong khi nói chuyện, chị Minh Khai ném cho anh Duẩn một lá thư gấp nhỏ. Đúng lúc đó viên cảnh sát quay lại. Chị Thái lập tức cúi xuống nhặt mẩu giấy bỏ vào mồm nhai và nuốt luôn. Viên cảnh sát đành chịu. Sau đó, chị Minh Khai bị kết án tử hình. Anh Duẩn nói : “ Nếu bữa đó chị Thái không nhanh trí thì tôi khó gặp anh hôm nay ”. Sau này cùng làm việc với nhau nhiều năm, anh Lê Duẩn vẫn còn nhắc lại với tôi và một số đồng chí khác chuyện này.

Như đã viết trên đây, tôi không phải là người có khả năng hay thẩm quyền để mà viết một bài tổng quan, phân tích hay tóm tắt mấy cuốn hồi ức này mà dư luận chung đánh giá là “ trung thực, công bằng và độ lượng ”. Ai muốn tìm hiểu thêm giai đoạn lịch sử vừa qua, nên tìm đọc. Có điều lạ là số lượng các bản in khá ít (3 nghìn bản cuốn [1], 7 nghìn bản cuốn [3], 8 nghìn bản cho các cuốn [2] và [4]). Không hiểu tìm mua có dễ không. May mắn được tác giả gửi cho và để tặng, tôi đã đọc với cảm tình riêng nên muốn để vài dòng viết về ông.

Vừa qua, Báo *Tiền Phong* (số 12-17, Xuân 2000) có đăng bài của một phóng viên với đầu đề *Tổng tư lệnh biết quý từng giọt máu của chiến binh*. Phóng viên đó ghi lại lời thương tướng Trần Văn Trà cách đây 8 năm (4 năm trước khi ông mất), với lời căn dặn chỉ đăng vào thời điểm nào thích hợp. Ông Trà đã nêu 5 “ điều lớn ” về ông Giáp. Trong điều thứ ba, ông Trà nói : “ Suốt hai cuộc kháng chiến, tôi chưa hề thấy Bí

thư Quân ủy Trung ương kiêm Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp mắc một sai lầm nào về chiến lược và chiến thuật quân sự ; tôi chỉ thấy anh Văn [bí danh của ông Giáp] đi những nước cờ bậc thầy vây hãm và tiến công quân địch ”. Trong điều thứ tư, theo ông Trà : “ Có những trường hợp, chiến thắng tuy lớn hoặc rất lớn nhưng xương máu bộ đội bị mất mát quá nhiều. Những trường hợp này, nếu thực hiện cách đánh thận trọng hơn theo quan điểm của anh Văn thì chắc chắn số lượng thương binh và tử sĩ sẽ ít hơn, và vì thế, chiến thắng sẽ lớn hơn nữa ”. Trong điều thứ năm, theo ông Trà : “ Trong những giai đoạn quyết liệt bậc nhất của cuộc chống Mỹ, Bí thư Quân ủy Trung ương kiêm Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp bao giờ cũng đứng vững ở quan điểm cốt tử nói trên. Nhưng buồn bực biết bao, vì những lý do nào đó, sự kiên định và sáng suốt này đã bị một vài người hiểu lầm là đồng nghĩa với sự nhút nhát và thiếu tinh thần cách mạng tiến công (!?). Tuy nhiên điều đáng kính phục nơi anh Văn là trong quan hệ với những người hiểu lầm mình, anh vẫn tiếp tục cư xử một cách nhã nhặn và bình thân ! ”.

Lại nhắc ngày 20/1/1948, trong rừng Việt Bắc, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh phong quân hàm tướng tá đầu tiên cho một số cán bộ quân đội. Ông Giáp được trao quân hàm Đại tướng. Lúc đó một phóng viên phương Tây hỏi Hồ Chủ tịch việc phong cấp này được tiến hành dựa theo những tiêu chuẩn nào. Hồ Chủ tịch trả lời giản dị và đích đáng : “ Đánh thắng đại tá phong đại tá ; đánh thắng thiếu tướng phong thiếu tướng ; thắng trung tướng phong trung tướng ; thắng đại tướng phong đại tướng ”.

Về quân sự, những người dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, cũng như không ít nhân vật đối phương, đã đánh giá ông một cách trân trọng. Nếu tôi có muốn tán dương cá nhân cũng không làm ông thêm vinh ; cho nên tôi chỉ xin được ghi lại đây 6 trong 8 câu thơ về thành quả, đã tặng ông cách đây mấy năm nhân ngày kỷ niệm thành lập Quân đội Việt Nam :

*Trời Nam đâu được mấy ai,
Thư sinh mà lại sẵn tài lược thao !
Ra quân dưới ngọn cờ đào,
Điện Biên sấm sét thuở nào còn vang.
Sao vàng chói lọi hào quang,
Mùa Xuân toàn thắng Sĩ vàng ghi công.*

.....

2/9/2000

Bùi Trọng Liễu

(*) Đọc đến đây, tôi không khỏi liên tưởng đến quan hệ Việt-Mỹ lúc ban đầu tương đối khả quan : trước Tổng khởi nghĩa 1945 Mỹ coi Việt Minh là một tổ chức chính trị có thể lực gồm những người có tinh thần dân tộc ; một số phi công Đồng Minh sang đánh Nhật bị nạn được Việt Minh cứu thoát ; Đồng Minh thả dù một số vũ khí xuống Khu giải phóng ; bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam 2-9-1945 dẫn bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ 1776 ; cảm tình của viên sĩ quan Mỹ Patti ; sự có mặt của tướng Mỹ Gallagher đại diện Đồng minh trong những ngày đầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... Cũng liên tưởng đến những gì đã đẩy đưa đến “ cây muốn lặng mà gió chẳng dừng ”, và liên tưởng đến quan hệ ngày nay mà đa số đều mong cho tốt đẹp.

điểm sách

Lep TRÔTSKI, Văn học và Cách mạng

Tủ sách Nghiên cứu Paris, (BP 246, 75224 Paris Cedex 11), 2000, 484 tr, 20 MK.

Trong những người lãnh đạo đảng cộng sản Liên Xô, Lep Trôtski là một trong số rất ít người có quan điểm tương đối đảng hoàng về văn học. Một phần vì ông là người có văn hoá và say mê văn nghệ. Tất nhiên nhiều quan niệm của ông về văn nghệ cũng như về chính trị ngày nay chỉ có giá trị lịch sử. Bản dịch trôi chảy, trình bày trang nhã. Cũng trong Tủ sách Nghiên cứu, có thể tìm đọc hai tập tự truyện *Đời tôi* của cùng tác giả.

Le contact colonial franco-vietnamien / Le premier demi-siècle (1858-1911), Charles Fourniau và Trịnh Văn Thảo chủ biên

Publications de l'Université de Provence, 1999, 290 tr.

Với sự tham gia của 4 tác giả khác (Gilles de Gantès, Philippe Le Failler, Jean-Marie Mancini, Gilles Raffi), giáo trình này có mục đích cụ thể : cung cấp cho nghiên cứu sinh các nguồn tư liệu (sách, báo, thư khố) về thời kì 1858-1911, và liệt kê các công trình nghiên cứu sử học trên các đề tài liên quan đến nửa thế kỉ này, từ đó, mở ra những hướng nghiên cứu mới. Tóm lại, đây là sách quý cho những ai muốn bước vào nghề, hay muốn theo dõi tình hình nghiên cứu sử học Việt Nam.

Yveline FERAY, Monsieur le Paresseux

Robert Laffont, Paris, 2000, 298 tr, 139F.

Sau tiểu thuyết dài *Dix mille printemps* (Julliard 1989, Picquier poche, 1996) lấy Nguyễn Trãi làm nhân vật trung tâm (bản dịch tiếng Việt : *Vạn Xuân*, Văn Học, Hà Nội 1997), bà Yveline Feray đưa chúng ta đi theo lộ trình của Hải Thượng Lãn Ông, từ nơi ẩn dật ở Hương Sơn lên kinh thành Thăng Long. Cũng là một lộ trình qua những năm tháng cuối thế kỉ 18, khi Lê đã mất, Trịnh sắp tàn. Mặc dầu có một vài sai lầm chi tiết, đây là cuốn tiểu thuyết hay, nhất là phân hư cấu quan hệ giữa Lãn Ông và ấu chúa Trịnh Cán.

Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối nhà Nguyễn, 3 tập

Văn Hoá, Houston (Hoa Kỳ), 1999-2000.

Tác phẩm gồm 2 phần, in thành 3 tập : Phần I. Đại Nam mất tự chủ (1858-1884) [tập 1], Phần II. Thiên mệnh Đại Pháp (1884-1945) [tập 2 và 3], tổng cộng 1152 trang. Đây chưa phải là một công trình sử học hoàn chỉnh, nhưng là một tài liệu bổ ích, ít nhất vì tác giả đã công bố nhiều tư liệu tìm thấy ở thư khố Aix-en-Provence, Paris (Bộ ngoại giao Pháp), Vincennes (quân đội). Không kể cái hình cờ quẻ ly in trên bìa tập 2 và 3 ít thấy trong các tài liệu về Việt Nam.

Pierre BROCHEUX, Ho Chi Minh, Presses de Sciences Po, Paris 2000, 239 tr.

Tác phẩm mới của nhà sử học Pierre Brocheux không chứa đựng một “ tiết lộ ” (giật gân hay không) nào cả về cuộc đời ba chìm bảy nổi của nhân vật vĩ đại mà cuốn sách mang tên. Đó không phải là mục đích của tác giả. Nằm trong tủ sách Références/Facettes, *Ho Chi Minh* của PB có nhiệm vụ trình bày tổng hợp một nhân vật qua những sách báo đã xuất bản. Phải nói PB đã thành công quá mức chờ đợi. Qua 200 trang sách nhỏ, độc giả (không chỉ sinh viên trẻ) nắm bắt được chân dung Hồ Chí Minh từ nhiều góc cạnh : dưới ngòi bút của chính đương sự (với bút hiệu Trần Dân Tiên, T. Lan), của đồng chí và bạn bè, của địch thủ, của những nhà sử học (Georges Boudarel, Daniel Hémerly, William Duiker – WD là tác giả một tác phẩm đồ sộ về Hồ Chí Minh sẽ phát hành tháng 11 tới đây). Phân tích khách quan, nhận định công bằng, PB đã vạch ra một Hồ Chí Minh “ người của một tình thế : tình thế của nước Việt Nam thuộc địa, của cuộc đấu tranh giành lại độc lập, trong cuộc đấu tranh đó, ông đã hiện ra như một lãnh tụ chân chính ”.

Giới hạn của cuốn sách cũng là giới hạn của những công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh từ trước đến nay : người ta còn biết rất ít về giai đoạn 1933-1938 (ở Liên Xô, bị ra rìa), cũng như về vai trò cá nhân của Hồ Chí Minh trong từng thời kỳ của các thập niên 50, 60.

Nhiều tác giả, Thực chất của “ Đối thoại sử học ”, Thế Giới, Hà Nội, 2000, 418 tr.

Trong mấy số trước, chúng tôi đã nói sơ tới cuốn “ *Đối thoại sử học* ” của nhiều tác giả (nhà xuất bản Thanh Niên), mà tác giả chủ chốt là Bùi Thiết, một cán bộ của Bộ văn hoá. *Thực chất của “ Đối thoại sử học ”* gồm 29 bài (trong đó có bài của Vũ Minh Giang đã đăng trên Diễn đàn), trực tiếp trả lời những luận điểm và luận điệu trong “ *Đối thoại sử học* ”. Những ai đã đọc cuốn này nên đọc cuốn *Thực chất...* để thấy sự khác biệt giữa nghiên cứu và nói nhảm. Hiện tượng “ *Đối thoại sử học* ” đứng về mặt xã hội học là một việc đáng suy ngẫm : nó phản ánh tình trạng xuống cấp tinh thần và đạo lý trong khoa học xã hội và ngành xuất bản Việt Nam. Tại sao một cuốn sách như vậy đã được nhà xuất bản Thanh Niên đứng tên xuất bản ? Nhà xuất bản chủ động biên tập và bỏ vốn hay một đầu nậu đứng ra đánh quả như phân đông sách in hiện nay ở trong nước ? Và tại sao nó đã tạo ra cảm tưởng cho một số người đọc (trong đó có nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân) là nó mang lại một “ luồng gió mới ” trong học thuật ? Nếu có một nhà xã hội học chịu khó nghiên cứu hiện tượng này (cũng như hiện tượng “ *Chân dung và đối thoại* ” của Trần Đăng Khoa) chắc sẽ đóng góp cho sự hiểu biết về thực trạng xã hội Việt Nam hiện nay.

Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập I Từ khởi nguyên đến thời Lý Nam đế

Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế 1999, 838 trang.

Sau *Phật giáo nam lai khảo* (khuyết danh, 1928), *Le Bouddhisme en Annam des origines au XIIIe siècle* (Trần Văn Giáp, 1932) và *Việt Nam Phật giáo sử lược* (Mật Thế, 1943), đây là

công trình nghiên cứu đồ sộ và nghiêm túc về lịch sử Phật giáo Việt Nam, dựa trên những phát hiện của chính tác giả và của giới sử học trong 60 năm qua. Khởi biên từ 1972, hoàn thành năm 1999. Lẽ ra sách ra sớm hơn nữa, nếu tác giả không bị cầm tù và kết án nhiều năm. Thôi, muộn còn hơn không.

Kiến Văn

Mông Phụ, *Un village du delta du Fleuve rouge (Việt Nam)*, édité par Nguyễn Tùng

L'Harmattan, 1999, 338 p.

Cái tên ít quen thuộc với những “ kẻ ngoại đạo ” hay người không chuyên ngành lại là một nơi có “ bề dày lịch sử ”, vì Mông Phụ hiện thuộc xã Đường Lâm, cách thị xã Sơn Tây 4 cây số, nằm giữa giải Sông Hồng và dãy núi Ba Vì, là “ đất hai vua ” : Phùng Hưng (Bố Cái đại vương, 751-798) và Ngô Quyền (897-944). Mông Phụ có gì đặc biệt so các làng thôn khác ở đồng bằng Bắc Bộ ? Khó mà trả lời câu hỏi này được vì đây không phải là mục đích của tập đoàn tác giả gồm có Nguyễn Tùng - chủ biên - (*Lãnh thổ và bản sắc, Tổ chức chính trị và xã hội, Tổ chức không gian và Những biến đổi về mặt kinh tế*) ; Nelly Krowolski (*Cưới hỏi, Gia đình, Cái ăn*) ; và Nguyễn Xuân Linh, (*Kiến trúc*) ; cả ba thuộc đơn vị LASEMA tại Paris của Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học (Pháp), tức CNRS, và một số chuyên gia trong nước như Bế Viết Đăng¹ (*Những biến đổi về mặt kinh tế*) ; Diệp Đình Hoa (*Di sản văn hóa và con người*) ; Nguyễn Dương Bình (*Tổ chức chính trị và xã hội*) ; Trần Văn Hà (*Những biến đổi về mặt kinh tế*) ; và Võ Thị Thường (*Môi trường thực vật*). Đây cũng là kết quả của sự hợp tác trong lãnh vực khoa học xã hội và nhân văn giữa hai nước Pháp và Việt Nam. Dự án của chương trình hợp tác song phương này nhằm triển khai và đi sâu hơn những chặng đường mà mỗi cá nhân đã tự bỏ công nghiên cứu từ trước, và đồng thời tìm hiểu mối quan hệ giữa Mông Phụ và các làng lân cận trong xã.

Một vài nét chính về Đường Lâm : xã gồm 8 thôn, có chùa Mía (Sùng Nghiêm Tự), và chợ Mía nổi tiếng khắp vùng. Ngoài các ngôi đình làng², chùa, đền và nhà thờ họ ra trong xã còn có 21 tấm bia (tấm sớm nhất được dựng năm 1390 nói về Phùng Hưng và Ngô Quyền), một số gia phả của các dòng họ Đỗ, Giang, Hà, Nguyễn, Phan. Còn các sắc phong hoặc thần tích thì được lưu trữ trong Viện Hán-Nôm. Đất Đường Lâm cũng còn là quê quán của 4 tiến sĩ trong số đó có Giang Văn Minh (1573-1638) và Kiều Oánh Mậu (1854-1912). Gần với chúng ta hơn thì có hai *cố bộ trưởng* Phan Kế Toại và Hà Kế Tấn. Chính nhờ bộ trưởng Bộ Thủy Lục Hà Kế Tấn mà Đường Lâm đã có điện ngay từ năm 1964, thật là “ một người làm quan cả xã được nhờ ”.

Trong phần mở đầu ngoài sự tổng hợp các hiểu biết về quá trình hình thành xã Đường Lâm và các biến chuyển của thời thế, tác giả ở đây – Nguyễn Tùng – có ý định góp ý vào những vấn đề chưa được sáng tỏ như “ giáp ”. Tác giả bất đồng ý kiến với nhà dân tộc học quá cố Nguyễn Từ Chi về các lớp tuổi trong “ giáp ”, vì theo tác giả thì điều mà hầu như không có lễ kết nạp (*Rites d'initiation*) chứng tỏ rằng trong “ giáp ” không có các lớp tuổi. Cách lập luận hơi vội vã này khó thuyết phục được người đọc. Về “ giáp ” thì phải nói là từ trước đến giờ

chưa ai bỏ công nghiên cứu kỹ như Nguyễn Từ Chi, tuy thế nhà dân tộc học này vẫn khiêm tốn coi các công trình của mình chỉ là những “ giả thuyết làm việc ”³. Cũng như khi Nguyễn Tùng dựa vào nhà sử học F. Braudel và viết rằng : “ *C'est l'absence d'un véritable réseau de bourgs et de villes qui explique la stagnation économique et sociale du Viet Nam traditionnel.* ” Xin tạm dịch là : “ Chính vì không có một mạng lưới thị xã và thành thị hoàn chỉnh mà kinh tế và xã hội Việt Nam cổ truyền bị ứ đọng ”. Đây là nguyên nhân hay là hậu quả ? Nếu người ta đặt ngược lại câu hỏi “ Tại sao không có mạng lưới thị xã và thành thị ” thì sao ? Đây là một trong những vấn đề nan giải chưa có công trình nào đề cập đến một cách nghiêm chỉnh, và nó có tầm quan trọng không kém một vài câu hỏi đã ám ảnh Nguyễn Từ Chi đến cuối đời ông như : “ Tại sao Việt Nam là một nước ven biển, từng có hàng hải mà không có ngoại thương ? Tại sao người Việt ven biển không ra khơi đi tới các vùng đất xa lạ như người Mã Lai, chẳng hạn, mà chỉ quanh quẩn đánh cá ven biển thôi ? ”

Trong phần cuối, cuốn sách đề cập đến những biến chuyển kinh tế trong giai đoạn 1945-1991, các tác giả có nói đến sự hình thành và vai trò của các hợp tác xã, tưởng cũng nên nhắc lại những câu về bất tử do dân gian để lại nói về người chủ nhiệm hợp tác xã như :

*Mỗi người làm việc bằng năm
Để cho chủ nhiệm vừa nằm vừa ăn.*

Cũng như về khoán 10 đã được khởi xướng và thi hành ngay từ cuối thập kỷ 60 nhờ sự xung phong của tỉnh uỷ tỉnh Vĩnh Phú, nhưng phải đợi đến sau Đổi mới mô hình sản xuất nông nghiệp này mới được Đảng và nhà nước cho áp dụng trên toàn quốc, ở đây cũng xin nhắc lại cái “ tội ” của bí thư tỉnh uỷ tỉnh Vĩnh Phú là đã “ đúng quá sớm ” (avoir raison trop tôt) nên đã được Trung Ương để ý và cho về hưu ngay.

Còn về phần cấu trúc, nếu mà trong một vài chương cho xuất hiện được những bình diện khác nhau (như trong nhiếp ảnh) thì các thông tin sẽ được đón tiếp xứng đáng hơn, vì quá nhiều thông tin chồng chất lên nhau nên người ta không biết phải chú ý vào bình diện nào. Trên đây người đọc chỉ gợi ý với các tác giả một vài vấn đề, ngoài ra thì cuốn sách mang lại nhiều hình ảnh sống động như sự biến chuyển của y phục cưới, của kiến trúc, cho độc giả chạm trán với các âu lo ở nông thôn như vấn đề thiếu công ăn việc làm. Dù sao đi nữa thì nông thôn Việt Nam vẫn là một bài tính nhiều ẩn số khó giải.

Nguyễn Văn Kỳ

(1) GS Bế Viết Đăng, cố viện trưởng Viện Dân tộc học, đã từ trần năm 1998.

(2) Cũng ở vùng này trong huyện Ba Vì có đình Tây Đằng (thế kỷ XVII), một trong vài ngôi đình cổ niên đại sớm nhất còn tồn tại. Từ nhiều năm nay đình Tây Đằng có nguy cơ sụp đổ và mục nát nếu không được trùng tu cấp bách. Tuy thế chẳng có ai trong số những người có nhiệm vụ bảo tồn di tích lịch sử văn hoá thêm đoái hoài tới tình trạng này, người ta cũng còn phải công nhận là đình Tây Đằng không phải là một trường hợp đặc biệt.

(3) Trần Từ, *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, NXB KHXH, Hà Nội, 1984, tr. 6, (Trần Từ là bút hiệu của Nguyễn Từ Chi).

Thống nhất chữ Việt trên máy tính theo chuẩn quốc tế Unicode

Đỗ Bá Phước
2000/06/17

Diễn Đàn : Từ tháng 9. 2000, các trang trên trạm nhện (Web site) của Diễn Đàn (<http://perso.wanadoo.fr/diendan>) được dùng chuẩn Unicode thay vì TCVN như trước đây. Ban kỹ thuật đã cẩn thận thông báo trên mạng lý do cũng như các bước bạn đọc nên chuẩn bị để việc chuyển đổi này được “thuận buồm xuôi gió”. Hè đã qua, báo tháng 9 lên mạng, bạn đọc không than phiền. Chúng tôi thở phào nhưng vẫn lo : không có sự cố thật hay bạn đọc ngại hỏi ? Dưới đây chúng tôi xin đăng bài giới thiệu Unicode của anh Đỗ Bá Phước, một trong những người đã làm việc nhiều cho chuẩn này, và bản trả lời những câu thường hỏi, của ban Kỹ Thuật Diễn Đàn.

Do đầu óc sáng tạo và tính độc lập của người Việt Nam, cho đến nay có trên dưới 43 bộ mã chữ Việt dùng cho máy tính các loại. Tuy nhiên, chỉ có vài bộ mã được dùng phổ biến nhất : TCVN 5712, VNI, VISCI. Tình trạng này xảy ra chủ yếu là vì khi máy tính được chế ra, mục đích chính là để xử lý chữ Anh (với bộ mã 7-bit), sau đó các loại chữ Tây Âu (với bộ mã 8-bit). Xử lý các loại chữ viết khác đòi hỏi những trò tiểu xảo với các hệ điều hành máy, có khi vi phạm nguyên tắc thiết kế (dẫn đến việc không hiện ký tự với TCVN 5712, và ẽ với VISCI), nhưng mỗi giải pháp vẫn chỉ đáp ứng được một khía cạnh nào đó của việc xử lý chữ viết. Cách thực hiện TCVN 5712 và VISCI đòi hỏi bộ font thường và hoa ; còn cách thiết kế VNI không phù hợp với nguyên tắc của ngôn ngữ học, gây phức tạp khi xử lý, và cách trình bày theo font VNI không được chính xác. Vấn đề chế bản là phạm vi áp dụng chính của TCVN 5712, VNI, và VISCI.

Lẽ ra thì người dùng máy tính không cần biết đến những chi tiết kỹ thuật hỗ trợ cho việc xử lý chữ Việt, nhưng với tình trạng như hiện nay, cũng nên phân biệt khái niệm bộ mã với khái niệm cách thực hiện các bộ mã. Bộ mã định nghĩa từng ký tự với một mã số nào đó. Cách thực hiện gồm phương tiện đưa dữ kiện [input] vào máy (như bộ gõ chữ VietKey, áp dụng cho nhiều bộ mã khác nhau), xử lý [processing], và trình bày [output] trên màn ảnh hoặc máy in (như bộ font ABC cho TCVN 5712). Sự lầm lẫn giữa những khái niệm này vẫn còn tồn tại, kể cả trong giới công nghệ thông tin.

Khi máy tính còn là những công cụ tách biệt nhau, tình trạng nhiều bộ mã không tương thích là một khó khăn lớn với người dùng. Nhưng khi đã bước qua thời kỳ Internet, tình trạng đa mã là một trở ngại lớn lao trong việc trao đổi thông tin, văn hoá, và thương mại. Tình trạng này áp dụng không những cho chữ Việt, mà cho các ngôn ngữ khác trên thế giới nữa. Chính vì vậy mà chỉ trong những năm gần đây mà bộ mã chuẩn quốc tế

Unicode ngày càng quan trọng và được sử dụng phổ biến, tuy rằng Unicode là một công trình kéo dài hơn mười năm nay.

Bộ mã Unicode đa ngôn ngữ bảo đảm sự trao đổi thông tin thông suốt toàn cầu, vì lý do cơ bản là Unicode đặt cho mỗi ký tự trong các chữ viết trên thế giới một mã số 16-bit duy nhất. Như vậy, khi dữ kiện được trao đổi qua máy tính, sẽ tránh khỏi sự trùng lặp giữa hai ký tự khác nhau – một việc sẽ xảy ra nếu dùng bộ font chữ để phân biệt các ký tự khác nhau nhưng cùng mã số trong các bộ mã 8-bit khác nhau. Ký tự *ư* của TCVN 5712 (và *ẽ* của VISCI) chỉ là ví dụ điển hình nhất của tình trạng này. Dữ kiện là dữ kiện (ký tự), không phụ thuộc vào cách trình bày (font).

Từ đầu, chữ quốc ngữ đã có mặt đầy đủ trong Unicode, kể cả ký tự *đ* [đồng]. Chữ Nôm (5065 chữ có mã số, 4234 chữ thuần Nôm đợi mã số, và khoảng 1000 chữ nữa), chữ Chăm, và chữ Thái của Việt Nam vẫn được tiếp tục đưa vào Unicode.

Do đòi hỏi mở rộng thị trường công nghệ thông tin ngoài Bắc Mỹ và châu Âu sang những nước lớn như Trung quốc và ấn độ, những công ty lớn như Microsoft, IBM, Apple, Oracle, ... đã đẩy mạnh việc thực hiện Unicode trong sản phẩm của mình. Như vậy, khả năng xử lý chữ Việt có sẵn trong các phần mềm này. Một ví dụ là Microsoft cho không những bộ font Unicode, trong đó có toàn bộ các ký tự Việt Nam, và các hệ điều hành Windows 98, NT và 2000 và bộ Office 2000 xử lý triệt để Unicode.

Người dùng máy tính nên chuyển về Unicode càng sớm càng tốt vì :

1. tất cả những bộ phận cần thiết đã được dựng sẵn trong Windows 98, NT, và 2000 – mà không cần phải cài đặt những loại phần mềm khác. Tuy nhiên, để gõ chữ Việt cho tiện lợi, theo thói quen của từng người, phần mềm duy nhất cần cài thêm là VietKey.
2. khi soạn văn bản, không cần chuyển font hoa/thường, mà cũng không phân biệt font Việt hay không.
3. chữ Việt sẽ hiện lên màn ảnh rất đẹp và chính xác, không cần đợi download font mỗi khi đọc trang web Việt, và sẽ không thiếu ký tự nào.
4. sẽ dùng được các loại chữ Việt với mọi ngôn ngữ khác, mà không ngại màu thuẫn nào khi soạn và trao đổi văn kiện.

Nhà công nghệ thông tin cần chuyển về Unicode càng sớm càng tốt vì :

1. Unicode là một chuẩn quốc tế, được Nhà nước Việt Nam công nhận.
2. Unicode là một phần cơ bản của : a) Windows 98, NT, 2000, CE (PocketPC), Mac OS X, b) ngôn ngữ phổ biến nhất là Java, c) ngôn ngữ XML dùng trong phạm vi Web, và là cơ sở của trao đổi thông tin, thương mại điện tử.
3. hiểu và ứng dụng được Unicode sẽ nói rộng thị trường của mình, trong lĩnh vực quốc tế hoá [internationalization (i18n)] và bản địa hoá [localization (l10n)].
4. có thể xử lý chữ Việt như bất cứ ngôn ngữ nào trong Unicode.
5. có thể nói rộng phạm vi xử lý chữ Việt đến những công cụ cầm tay như điện thoại di động, một thị trường đang bùng nổ khắp thế giới.

Với những điểm trên, câu hỏi cấp bách cần đặt ra là liệu giới công nghệ thông tin Việt Nam có đủ sáng suốt để nhìn thấy lợi ích chung, để thống nhất với một bộ mã duy nhất, nhằm cung cấp người dùng những giải pháp và công cụ hết sức tự nhiên và minh bạch để xử lý tiếng Việt trên máy tính.

Fiên Ai Quá

(FAQ: Frequently Asked Questions - Các câu thường hỏi)

Tại sao dùng Unicode ?

Ngoài lý do tuân thủ những yêu cầu có tính chiến lược của Việt Nam, trước mắt chúng tôi muốn chấm dứt hẳn việc các bạn đọc dùng duyệt trình (browser) Internet Explorer ấn bản (version) 5 trở lên (IE5) bị mất kí tự *ư* khi đọc các trang trên trạm trước tháng 9. Thí dụ : “ mưa trong mắt em ”. Với IE5, sẽ là : “ ma trong mắt em ”. Mặt khác với Unicode việc tìm các trang tiếng Việt qua các động cơ tìm kiếm (search engine) thông dụng có cơ may được giải quyết.

Ai cũng đọc được Unicode ?

Không. Hiện nay trong ngắn hạn, các duyệt trình (browser) trên máy Macintosh và các máy dùng hệ điều hành (HDH) Linux/Unix chưa được hỗ trợ. Tuy nhiên việc này sẽ thay đổi rất nhanh khi hệ điều hành Mac OS X ra đời (dự kiến đầu năm 2001). Trong cộng đồng Linux, các người dùng tiếng Việt cũng đang thực hiện chung việc cài đặt Unicode.

Trên PC, HDH Winx (x: 95, 98, Me, NT, 2000) việc đọc không có khó khăn với cả hai duyệt trình Netscape (NS 4.x, x: ấn bản 6 trở lên) và IE5 trở lên (thậm chí IE4, ấn bản cuối).

Trên PC, phải làm gì để đọc các trang Unicode ?

Phải có các phông (fonts) tuân thủ Unicode cài trên máy. Riêng đối với bạn đọc Diễn Đàn các bạn có thể vào trang Diễn Đàn, mục “lấy bộ chữ Times New Roman”

<http://perso.wanadoo.fr/diendan/compagne/unicode.html>

hay : <http://www.microsoft.com/typography/fontpack>

để lấy (download) phông Times New Roman. Sau đó chỉ cần chọn (select) và kích (click) con chuột hai lần vào tệp (file) vừa lấy (times32.exe). Phông Times New Roman trên máy sẽ cài đặt (thay thế) tự động.

Dùng NS 4.x, đã cài phông Unicode, vẫn không đọc được

Bạn cần làm thêm những thao tác sau đây trên màn ảnh giao diện của Nescape :

Menu tiếng Anh : *View/Character Set/Unicode (UTF-8)*.

Menu tiếng Pháp: *Affichage/Encodage/Unicode (UTF-8)*

Trên nguyên tắc trang tiếng Việt sẽ hiển thị thích ứng với thông số vừa chọn. Nếu không được, bạn thử bấm vào nút “Nạp lại” (Reload / Recharger).

Nếu vẫn không được, có thể trang bạn đang đọc dùng một phông mà bạn không có trên máy (trang Diễn Đàn hiện nay chỉ dùng Times New Roman). Trên trang chủ đã giới thiệu ở trên có thêm nhiều phông khác cho Unicode.

Muốn đặt câu hỏi thêm

Các câu hỏi có thể gửi về : diendan@wanadoo.fr

Xin cho biết bạn dùng HDH, duyệt trình, ấn bản nào.

Hiện nay BKT chỉ có điều kiện thử trên các HDH Winx, IE5.0 (Anh, Pháp, Đức), IE4, ấn bản 4.72.3612.1713, SP2 (Anh), NS 4.6 (Anh, Pháp), NS 4.7 (Anh, Pháp).

Các bạn sử dụng các duyệt trình khác hoặc cùng duyệt trình nhưng ngôn ngữ khác, chạy tốt xin cho chúng tôi biết qua email trên. Cũng xin cho biết nếu có bạn đọc nào có câu hỏi liên hệ, chúng tôi có thể chuyển đến bạn không ?

Không in được trang Unicode ra giấy ?

Cho đến nay chúng tôi không có kết luận tại sao. Chỉ ghi nhận một số bạn dùng Win98 không in được trên một số máy in nhất định. Xin các bạn dùng Win98 in được, giúp chúng tôi thêm thông tin : máy in gì, driver gì ? Trang nào có thông tin về chủ đề này ?

Tạm thời bạn đọc có thể in các trang tương ứng ở dạng PDF (Portable Document Format) qua phần mềm Acrobat Reader.

Tại sao không dùng duy nhất PDF trên trạm nhện ?

PDF không phải là ngôn ngữ của Internet, trang PDF chiếm một chỗ chứa lớn trên mạng và máy, nạp lâu khi truy nhập (access). Diễn Đàn giữ dạng PDF để các bạn dùng Mac có thể đọc, hoặc muốn có các bản in có chất lượng cao.

Tại sao không dùng Dynamic Fonts trên mạng nhện ?

Phông nạp tự động (dynamic fonts) là kỹ thuật nhằm nạp các phông đặc biệt đi kèm với bài, nhưng làm bài dài ra nhiều. Chúng tôi chỉ dùng một phông Times New Roman, bạn đọc để sẵn trên máy sau đó việc nạp bài đỡ mất thì giờ. Thêm nữa kỹ thuật này hiện nay còn gây nhiều vấn đề.

Muốn biết thêm về Unicode ?

Có thể xem ở :

<http://kimle.net/unicode>

Tiếng Anh. Các bạn có thể tìm thấy ở đây các hướng dẫn về :

- * Các phần mềm hỗ trợ việc gõ tiếng Việt với Unicode.
- * Các giới hạn hiện nay của các HDH khác nhau.
- * Các phông Unicode khác ngoài Times New Roman

Muốn hiểu biết sâu hơn về Unicode

Chữ Nôm và Unicode : “Chữ Nôm : Văn hoá cổ truyền và thời đại thông tin” của các tác giả : Nguyễn Quang Hồng, Ngô Thanh Nhân, Đỗ Bá Phước, Ngô Trung Việt.

Nhập môn về Unicode : “ The Unicode Standard, a technical introduction ” <http://www.unicode.org>

Cảm tạ

Các anh Trần Lưu Chương, Ngô Thanh Nhân, Nguyễn Hoàng, Đỗ Bá Phước, Ngô Trung Việt đã nhiều năm làm việc với tổ chức ISO nhằm mã hoá tiếng Việt. Các anh đã hướng dẫn tận tình và cung cấp chúng tôi các thông tin về mã hoá và Unicode. Cũng xin cảm ơn các anh chị ở nhóm thuật ngữ IT-Dict đã giúp chúng tôi dịch một số thuật ngữ.

Ban Kỹ Thuật Diễn Đàn

CHỮ NÔM VÀ THỜI ĐẠI THÔNG TIN

Nguyễn Quang Hồng, Ngô Thanh Nhân, Đỗ Bá Phước, Ngô Trung Việt

Tiếp theo số trước, chúng tôi đăng phần cuối của bài Chữ Nôm và Thời đại thông tin của bốn tác giả : giáo sư Nguyễn Quang Hồng (Viện Hán Nôm, Hà Nội), Ngô Thanh Nhân (Trường đại học New York), Đỗ Bá Phước (Mentor Graphics Corp, California) và Ngô Trung Việt (Viện Công nghệ Thông tin, Hà Nội). Toàn văn bài viết (gồm cả những phần đầu : 1. Khái quát về tiếng Việt và chữ Việt, 2. Chữ Việt, 3. Vai trò của chữ Nôm trong quá khứ) được công bố trên Diễn đàn điện tử (<http://perso.wanadoo.fr/diendan>).

5.3 Các vấn đề cần triển khai tiếp theo

Với sự phát triển của các phần mềm mới, có khả năng xử lý đa ngôn ngữ trên máy tính, khả năng máy tính xử lý cho chữ Nôm đồng hiện với chữ Quốc ngữ và các thứ chữ khác là có thể thực hiện được. Tuy nhiên, một số vấn đề cần có các hoạt động nghiên cứu triển khai cụ thể thì mới thúc đẩy công việc này trở thành hiện thực.

Các chữ Nôm xin đăng kí vào bộ mã chuẩn quốc tế của chúng ta hiện nay mới chỉ có các font chữ bitmap 96x96. Để đưa vào các hệ thống máy tính, cần có việc xây dựng và hoàn chỉnh, làm font đẹp hơn và chuyển sang các dạng PostScript, TrueType, TrueType Open.

Một điểm kĩ thuật cần xử lý là các chữ Nôm thuần Việt hiện bị xếp vào mặt phẳng 2, có nghĩa là hiện chúng chưa có mặt trong bộ mã Unicode. Để dùng được chữ Nôm với bộ mã Unicode, cần thiết phải đưa các chữ Nôm thuần Việt này vào vùng mã dùng riêng (Private Use Area) của Unicode. Do đó cần có phần mềm phụ thực hiện việc này khi các hệ điều hành chính không hỗ trợ cho khả năng này.

Khi các vấn đề về phông chữ và việc bố trí đưa chữ vào không gian mã Unicode đã được giải quyết thì tới vấn đề cần xây dựng cách đưa thông tin chữ Nôm vào từ bàn phím. Bối cảnh xem xét vấn đề bàn phím đưa vào cho chữ Nôm là đại đa số người Việt, quen thuộc với bàn phím chữ Việt hoặc bàn phím tiếng Anh thông thường, quen thuộc cách diễn đạt tiếng Việt, nay muốn đưa vào thông tin chữ Nôm. Do chữ Nôm và chữ Quốc ngữ thực chất đều dùng để diễn tả các từ tiếng Việt, cho nên theo thói quen thông thường là người dùng muốn sử dụng chữ Quốc ngữ để tra tìm chữ Nôm. Và qua quá trình này, người dùng cũng làm quen dần với chữ Nôm đã có thời bị lãng quên. Như vậy chữ Nôm sẽ được nhận dạng theo toàn thể hình chữ ứng với âm đọc, chứ không theo việc hình thành chữ từ cách viết tay, từ từng nét số.

Do đó cần phải phát triển các bảng tra tương ứng từ cách biểu diễn âm tiết tiếng Việt viết trong chữ Quốc ngữ sang các hình chữ Nôm và ngược lại, từ một hình chữ Nôm, cần có bảng tương ứng với tất cả các âm tiết viết trong chữ Quốc ngữ. Chỉ khi có hai bảng tra này thì việc đưa vào và sử dụng chữ Nôm mới có thể dễ dàng cho mọi người Việt. Khả năng đưa chữ Nôm vào theo bộ và số nét, theo cách viết chữ Nôm, trở thành khó khăn và bất tiện cho người Việt, và do đó khó mở rộng được phạm vi người sử dụng.

Khi đã có đủ các công cụ đưa chữ vào, thể hiện đưa chữ ra trên màn hình, máy in, thì có thể xem xét tới các ứng dụng soạn thảo văn bản chữ Nôm. Điều này có thể trông đợi ở các chương trình xử lý văn bản đa ngữ đang được phát triển và đưa ra thị trường. Với khả năng tổng quát xử lý cho mọi ngôn ngữ, có thể xem xét thêm yêu cầu phụ về việc cho phép soạn thảo chữ Nôm với cách gõ thông tin và hình chữ Nôm như đã xác định ở trên. Điều này đòi hỏi hoặc các chuyên gia CNTT trong các công ti lớn tham gia hỗ trợ, hoặc một nhóm chuyên gia CNTT độc lập phát triển các phần mềm phụ để giúp cho chương trình soạn thảo văn bản tổng quát xử lý chữ Nôm.

Tiếp đó là việc thiết lập cơ sở dữ liệu các văn bản chữ Nôm. Có hai hình thức tạo cơ sở dữ liệu chữ Nôm là kho các hình ảnh thật của các văn bản chữ Nôm (kho ảnh các trang sách) và kho các văn bản chữ Nôm được gõ lại vào máy theo từng chữ Nôm. Hai hình thức này bổ sung lẫn cho nhau và không loại trừ nhau. Tất cả các văn bản cổ đều cần được ghi vào các thiết bị lưu trữ dung lượng lớn. Tổ chức một hệ cơ sở dữ liệu cấp quốc gia về kho văn bản chữ Nôm này là việc rất xứng đáng và nên tiến hành. Tuy nhiên việc này cũng chỉ có thể làm được một khi đã có những công cụ xử lý đủ mạnh trên máy tính, đồng thời có một đội ngũ chuyên viên sử dụng thành thạo các công cụ đó.

Việc tổ chức lưu giữ hình ảnh của các văn bản chữ Nôm trong máy tính bằng việc dùng máy quét đưa tất cả các hình ảnh của văn bản cổ vào máy tính rồi sau đó có thể đọc lại các hình ảnh đó để sử dụng là một cách thức lưu trữ nhân bản (duplication, chú thích của ĐĐ) cần thực hiện. Việc này đòi hỏi nhiều đầu tư kĩ thuật và tổ chức thông tin. Tuy nhiên cần phải có các hệ thống phần mềm khai thác, cho phép đưa vào từng chữ Nôm, soạn thảo văn bản từ từng chữ Nôm nếu muốn khai thác được kho lưu trữ này, vì đây là việc xử lý về ngữ nghĩa, không chỉ hình ảnh. Toàn bộ hệ thống lưu trữ hình ảnh sẽ không thể thâm nhập tới được nếu không có việc tra cứu qua các hệ thống mục lục, chỉ dẫn trong chữ Nôm. Các trích dẫn cũng không thể thực hiện được nếu chỉ có hình ảnh. Và khi cần có các ấn bản chữ Nôm đi kèm các thứ chữ khác thì phần lưu trữ hình ảnh văn bản cổ không đáp ứng được.

Việc triển khai xây dựng các trang Web cho phép khai thác thông tin chữ Nôm cũng rất quan trọng và cần thiết để khuyến khích nhiều người tích cực sử dụng chữ Nôm trên máy tính. Công việc này có thể tiến hành ngay mà không nhất thiết phải

đội xây dựng xong cơ sở dữ liệu các văn bản chữ Nôm. Trang Web về chữ Nôm sẽ là nơi tập trung thể hiện được tất cả những thành tựu tin học hoá cho chữ Nôm, một nơi mở rộng giao lưu về chữ Nôm trên toàn cầu. Vai trò và vị trí của nó trong việc động viên và thúc đẩy việc sử dụng chữ Nôm là rất lớn trong tương lai nên cần có sự quan tâm thích đáng. Tất cả các vấn đề tổ chức thông tin trong các văn bản có chữ Nôm này đều có thể được xem xét dưới dạng tổ chức các thư viện điện tử để cho nhiều người thâm nhập tới được.

Trong vấn đề triển khai thông tin trên Web và tổ chức các cơ sở dữ liệu, do những tiến bộ nhanh chóng của công nghệ đang diễn ra, cũng cần phải tính tới việc tạo ra văn bản dạng XML với chữ Nôm và Quốc ngữ trong Unicode, tuân thủ các chuẩn quốc tế và công nghiệp để có tiềm năng phổ biến rộng rãi cho nhiều người dùng và tránh bị lạc hậu về những cách tổ chức và trình bày thông tin.

XML (eXtensible Markup Language) là một chuẩn mới nổi lên cho các văn bản có cấu trúc, để vượt qua giới hạn của HTML (HyperText Markup Language) nhưng vẫn cung cấp được sức mạnh của SGML (Standard Generalized Markup Language, ISO 8879) mà không phức tạp như SGML. Một văn bản có cấu trúc, có cả nội dung lẫn các đánh dấu, cung cấp một tiêu bản phong phú và linh hoạt cho việc xử lý cơ sở dữ liệu cũng như cho việc trình bày thông tin.

Như đã thảo luận trước đây, việc xử lý cho chữ Việt – cả chữ Quốc ngữ lẫn chữ Nôm – đòi hỏi một chuẩn mã hoá với các thông số hoàn toàn 16 bit. Các nhà cung cấp nội dung có dự định dựa trên hệ điều hành như Windows NT hay MacOS, sẽ hỗ trợ đầy đủ cho việc quốc tế hoá, bằng việc tôn trọng các chuẩn quốc tế như XML và Unicode, và các công nghệ như PostScript và TrueType. Nhà cung cấp nội dung có thể được lợi rất nhiều từ tuyến tập phong phú các công cụ đã có sẵn và phổ biến trên Internet, một số trong chúng có thể được may đo tùy theo nhu cầu đặc biệt của nhà cung cấp nội dung. Tuy nhiên không phải mọi người nhận tin tiềm năng đều có thể có được trong hệ máy tính của mình cùng các hệ điều hành và phần mềm của nhà cung cấp nội dung. Do đó, với thông tin được cung cấp cho người nhận, chẳng hạn qua trình duyệt Web, phải tiến hành chuyển đổi định dạng thích hợp cho họ. Tài liệu XML/Unicode cung cấp các khả năng như vậy. Việc dựa trên các chuẩn quốc tế và công nghiệp cũng làm giảm khả năng lạc hậu về định dạng dữ liệu trong tương lai.

Các nhiệm vụ cụ thể để tiến hành công việc đưa chữ Nôm lên các trang Web và tổ chức các cơ sở dữ liệu có thể được phác họa theo ba giai đoạn sau :

Giai đoạn thứ nhất

- * Xác định cách mã hoá **Vùng sử dụng riêng** (*Private Use Area*) cho chữ Nôm. Đăng kí việc mã hoá này với IANA.
- * Thêm các kí Nôm *bimap* 96x96 vào bộ thông số *Unicode*, như *Bitstream's Cyberbit*. Xây dựng thông số *outline* cho chữ Nôm.
- * Chuyển từng chữ Nôm thành các tệp GIF và JPEG.
- * Xây dựng bộ chuyển đổi từ tài liệu XML/Unicode Việt Nam cho TrueType sang tài liệu HTML cho GIF/JPEG

Giai đoạn thứ hai

- * Xây dựng phương pháp đưa vào cho chữ Nôm
- * Xây dựng một động cơ tìm kiếm cho Quốc ngữ và chữ Nôm

Giai đoạn thứ ba

- * Quét và chuyển đổi các tài liệu Nôm vào XML/Unicode

Cũng giống như quá trình hình thành chữ Quốc ngữ, khi mà đại đa số người Việt còn chưa biết gì mấy về cách ghi tiếng Việt, thì một số chuyên gia am hiểu vấn đề cần đi trước để tạo ra các công cụ thuận lợi cho mọi người về sau dùng. Nếu như trước đây công việc chủ yếu do các giáo sĩ - chuyên gia ngôn ngữ người châu Âu tiến hành, với sự trợ giúp của người Việt Nam, thì ngày nay công việc chủ yếu sẽ là những người biết chữ Việt Nam ở trong và ngoài nước, am hiểu kĩ thuật mới, tiến hành.

Để làm được những vấn đề đó, có hai khía cạnh cần xem xét tới. Khía cạnh thứ nhất sẽ là việc tập trung các chuyên gia am hiểu vấn đề và tạo nên đủ các công cụ thuận lợi cho người dùng. Khía cạnh thứ hai sẽ là việc huấn luyện người dùng sử dụng các công cụ mới để viết ra chữ Nôm, sử dụng chữ Nôm thành thạo. Quá trình phổ biến, phổ cập này chắc cũng cần nhiều thời gian, nhưng nhất thiết phải hình thành được đội ngũ những người biết dùng máy tính để sử dụng chữ Nôm và đưa thông tin chữ Nôm vào trong máy. Nếu như chữ Quốc ngữ có thể phải mất ba trăm năm để phát sinh và ổn định, thì sự “ tái sinh ” của chữ Nôm trên máy tính sẽ nhanh hơn nhiều.

6. Khó khăn và triển vọng

Mặc dầu đã thu được một số kết quả trong cố gắng bước đầu đưa chữ Nôm vào bộ mã quốc tế, song khả năng thực thi tiếp các vấn đề kĩ thuật tin học hoá ở trong nước vẫn còn là điều nan giải và khó khăn. Đội ngũ cán bộ tin học tại chính Viện Hán Nôm vẫn còn yếu và chưa có người đủ tầm cỡ để quán xuyến một công việc có tầm vóc lớn, chưa nói đến việc còn nhiều người khác chưa hiểu được hết công việc này. Khả năng kĩ thuật tin học của Viện Hán Nôm trong thời gian trước mắt chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhưng Viện có khả năng hấp thu và sử dụng các kĩ thuật, phần mềm công cụ mới nếu được trang bị và huấn luyện thích đáng.

Với tư cách là một viện nghiên cứu chuyên ngành về Hán Nôm, nếu cấp lãnh đạo của Viện thực sự đánh giá đúng ý nghĩa to lớn của công tác tin học hoá kho chữ Nôm thì có thể huy động được tiềm lực của viện và sự hỗ trợ của nhà nước cho công tác này. Cấp lãnh đạo Viện và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn đã có những quan tâm và quyết tâm theo đuổi việc đưa chữ Nôm vào bộ mã quốc tế. Tuy nhiên việc tin học hoá toàn bộ công tác nghiên cứu và bảo trì kho sách chữ Nôm thì cần có những quyết tâm dài hơi hơn và sự chỉ đạo sâu sắc hơn. Việc tin học hoá này gắn liền với việc thay đổi cách nghĩ, cách làm của mọi người trong Viện, và đây cũng vẫn còn là một vấn đề khó khăn và cần nhiều thời gian nữa.

Khó khăn lớn nhất là việc hiện chưa có khả năng thu hút lớp người trẻ năng động, giỏi về tin học mà lại quan tâm tới việc tin học hoá chữ Nôm nói chung trong cả nước. Các công ti CNTT trong nước không thể để ý đến khu vực này vì thị

trường hiện tại gần như là không có. Mà để giải quyết vấn đề sử dụng chữ Nôm thì cần phải có các phần mềm cho phép xử lý đa ngữ. Các cố gắng hiện tại của nhóm nghiên cứu tin học tại Viện Hán Nôm vẫn chỉ là xoay xở trong cái khung hạn hẹp của những phần mềm kiếm được, do đó không giải quyết được vấn đề mỗi khi có việc nâng cấp hay thay đổi phần mềm.

Các trở ngại về kĩ thuật để có thể sử dụng chữ Nôm trên máy tính, mặc dầu vượt khỏi tầm giải quyết và quan tâm của lực lượng chuyên viên tại Viện Hán Nôm, không phải là không giải quyết được trên bình diện quốc gia và quốc tế. Để giải quyết các vấn đề kĩ thuật này, cần thiết phải sử dụng tri thức chuyên ngành của các chuyên gia Việt Nam hiện đang tham gia vào các công ti CNTT trong nước và quốc tế. Với việc có công cụ đến mức nào đó thì sẽ có thể tạo nên mối quan tâm bên trong nước về việc sử dụng chữ Nôm. Cũng chỉ khi đã có công cụ đủ mạnh thì việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu các văn bản, sách chữ Nôm mới được tiến hành có hiệu quả. Trong những việc này, cần tìm ra các nguồn kinh phí để có thể phối hợp sự đóng góp của các chuyên gia trên toàn thế giới nhằm đưa chữ Nôm vào hệ thống máy tính. Nhu cầu trước mắt có thể là một hình thức phối hợp nào đó giữa các chuyên gia quan tâm tới việc phát triển phần mềm cho chữ Nôm trên một số môi trường tính toán phổ biến như Windows hay Mac. Một khi có môi trường thuận lợi này thì có thể thúc đẩy sự phổ biến trong nội bộ Việt Nam, từ đó dần hình thành thị trường và lớp người phát triển phần mềm chữ Nôm trong nước.

Có thể cần xem xét tới việc hình thành ra một phong trào hiện đại hoá công nghệ dùng cho chữ Nôm để động viên giới công nghệ thông tin tích cực tham dự và hậu thuẫn cho việc sử dụng kĩ thuật mới. Nên đề cập tới vấn đề treo các giải thưởng tin học để khuyến khích cho các tài năng trẻ phát triển các phần mềm xử lý cho chữ Nôm, thậm chí cả với việc đưa văn bản chữ Nôm vào trong máy tính. Việc tổ chức các đại hội văn hoá chữ Nôm để khuyến khích các gia đình giới thiệu những tài liệu cổ trong chữ Hán-Nôm mà mình còn giữ và sau đó giúp đỡ họ trong công tác in ấn là điều rất nên làm. Tất cả những điều này sẽ được mọi người dân hưởng ứng nếu có chủ trương và sự động viên của Nhà nước.

Có thể dần dần xây dựng một tổ chức liên kết tất cả các chuyên gia Việt Nam trong và ngoài nước xoay quanh việc khôi phục và nghiên cứu, phát huy giá trị của di sản văn hoá chữ Nôm. Sau khi hình thành đủ công cụ xử lý cho chữ Nôm thì công việc tiếp sẽ là tổ chức thư viện điện tử, đưa lên mạng máy tính các tác phẩm chữ Nôm quan trọng, tiến hành phiên chú sang chữ Quốc ngữ. Một liên kết rộng rãi các học giả quan tâm tới chữ Nôm trên quy mô toàn Việt Nam và thế giới như vậy có thể giúp ích rất nhiều cho việc khơi dậy sự quan tâm đến chữ Nôm trong nước. Các trung tâm dịch thuật các tác phẩm Nôm sang Quốc ngữ nên được phát triển rộng rãi.

Hơn nữa những công việc này nên được tiến hành phổ cập trên mạng máy tính để cho tất cả mọi người quan tâm đều có thể thâm nhập tới và sử dụng được những văn bản chữ Nôm. Các tổ chức có khả năng in ấn cả chữ Hán Nôm lẫn chữ Việt sẽ đáp ứng cho nhu cầu in ấn trong quảng đại quần chúng. Và sẽ càng tốt hơn nếu tại từng máy tính, mọi người đều có khả

năng in ấn ngay những công trình của mình trong cả chữ Hán Nôm lẫn chữ Quốc ngữ.

Tất cả những việc này sẽ có thể giúp ích cho việc hình thành một tầng lớp trí thức “ Nôm học ” hiện đại, am hiểu cả chữ Quốc ngữ, chữ Nôm lẫn công nghệ thông tin, để làm việc chuyển tải các giá trị văn hoá tinh thần cổ của lịch sử sang chữ Quốc ngữ. Một khi đội ngũ những người biết chữ Nôm trên máy tính này đã được hình thành thì nó sẽ tự phát triển trong lòng các gia đình và các thế hệ người Việt mới. Lúc đó vai trò gìn giữ và phát huy chữ Nôm lại có thể trả về cho nhân dân. Nhưng rõ ràng là hiện nay đang cần có một chủ trương sáng suốt và mạnh bạo, một định hướng rõ ràng, một sự thúc đẩy mạnh mẽ ban đầu cho công cuộc lớn lao này.

*

Các chính quyền tại Việt Nam trong lịch sử không phải đã rất chú trọng tới việc bảo tồn và phát huy chữ Nôm như một thứ chữ của dân tộc. Chính nhân dân trong lịch sử mới là người đứng ra gìn giữ và phát huy chữ Nôm như một công cụ diễn đạt tư tưởng, văn hoá của mình. Kĩ thuật khắc ván trong dân gian đã cho phép in ấn nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật trong chữ Nôm và phổ biến. Nhưng từ khi chữ Quốc ngữ nổi lên thay thế cho chữ Nôm thì việc in ấn và phổ cập chữ Nôm mất dần. Từ năm 1895 đến nay, hầu như không có nỗ lực và khả năng nào từ phía các chính phủ ở Việt Nam để in các chữ Nôm. Kĩ thuật ngày nay đã tốt hơn rất nhiều lần việc khắc ván in chữ ngày xưa, thế nhưng thực sự chưa có những dự án dù là nhỏ để in ấn và phổ biến chữ Nôm. Và kĩ thuật khắc ván in chữ Nôm thực tế cũng đã bị mai một, kết quả các tác phẩm trong chữ Nôm không còn được phổ biến nữa. Cũng đã có xuất bản một số sách, văn bản hiện đại trong đó có chữ Nôm viết tay, hay gần đây hơn, dùng máy tính để sắp chữ và in chữ Nôm. Tuy nhiên đó chỉ là những cố gắng của từng cá nhân, của từng công ti, chưa có những xem xét của Nhà nước trong vấn đề này.

Các cuộc chiến tranh lớn với Trung hoa, Pháp, Nhật và Mĩ cũng không thể nào phá huỷ được cây cầu nối chúng ta với lịch sử dân tộc qua chữ Nôm, chúng chỉ phá huỷ được một phần nhỏ di sản vật chất của vốn văn hoá tinh thần này. Nhưng nếu chúng ta không có ý thức gìn giữ, không làm gì để khôi phục và phát huy chữ Nôm, thì thực sự chính chúng ta là người phải chịu trách nhiệm cho sự sập đổ của cây cầu này. Vai trò của giới trí thức và trong công việc này rõ ràng rất lớn, trách nhiệm của Nhà nước trong công việc này là không nhỏ. Nếu trong lịch sử, nhân dân (kể cả nho sĩ) là người cuu mang, gìn giữ và phát huy chữ Nôm, thì ngày nay trách nhiệm này dồn vào tầng lớp trí thức và nhà nước, bởi vì tầng lớp nho học trong nhân dân không còn nữa. Nếu trong nhân dân không hình thành nên được một lớp người am hiểu và ham thích khai thác nghiên cứu về chữ Nôm, thì sự sập đổ cây cầu nối với quá khứ qua chữ Nôm là điều chắc chắn.

Nguyễn Quang Hồng
Ngô Thanh Nhân
Đỗ Bá Phước
Ngô Trung Việt



Từ Byzance đến Ravenne

Văn Ngọc



Nữ hoàng Théodore, vợ hoàng đế La Mã phương Đông Justinien (bích hoạ ghép mảnh, Basilique de Saint Vital, Ravenne, thế kỷ 6)

Nếu Florence và Sienna là những cái nôi của nghệ thuật tạo hình thời Phục Hưng và Tiền Phục Hưng Ý, thì Ravenne và Byzance có thể được coi là hai trung tâm quan trọng của nghệ thuật ghép mảnh (mosaïque) ở những thời kỳ phồn thịnh nhất của nó (Ravenne, thế kỷ 5-6 ; Byzance, thế kỷ 9-12).

Đứng trước những bức bích hoạ ghép mảnh ở Ravenne, người ta không thể không nghĩ tới những bức icônes trong nghệ thuật Ki-tô giáo, đến phong cách nghệ thuật *byzantin*, sử dụng nhiều chất liệu óng ánh, lộng lẫy, đặc biệt là chất liệu kim loại vàng. Rất có thể, nghệ thuật icônes *byzantin*, mà niên đại khởi đầu lên tới thế kỷ 4, đã có một ảnh hưởng nào đó đến nghệ thuật ghép mảnh ở Ravenne về mặt thẩm mỹ, song, điều chắc chắn là nghệ thuật ghép mảnh ở Byzance (*Sainte Sophie de Constantinople*), có sau Ravenne hàng mấy thế kỷ, thì không thể nào ảnh hưởng được đến nghệ thuật ở Ravenne.

Tuy vậy, người ta vẫn thường nói nghệ thuật ở Ravenne là nghệ thuật *byzantin*. Vậy đâu là mối quan hệ đích thực giữa Ravenne và Byzance ?

Xuất phát từ vấn đề từ ngữ, tính từ *byzantin* có thể hiểu theo cả hai nghĩa lịch sử và nghệ thuật của nó.

Về mặt lịch sử, Byzance trước kia thuộc đế quốc Perse, sau trở thành thuộc địa của Hy Lạp trong nhiều thế kỷ, mãi đến thế kỷ 1 tr. C.N. mới thuộc quyền cai trị của đế quốc La Mã. Do đó, Byzance có một cái phong văn hoá của vùng Tiểu Á (Syrie, Perse, v.v.), và đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền văn hoá Hy Lạp - La Mã.

Nghệ thuật "*byzantin*" thực ra đã chỉ hình thành và phát triển từ sau khi hoàng đế La Mã Constantin qui theo đạo Ki-

tô, lấy Byzance (Constantinople) làm kinh đô mới của đế quốc La Mã, đồng thời làm thủ đô mới của Ki-tô giáo, thay thế cho Rome. Bắt đầu từ đó, thành phố này mới được mở mang thêm, song những công trình tiêu biểu cho nghệ thuật *byzantin* như *Sainte-Sophie de Constantinople* chưa có điều kiện để ra đời. Mãi đến thế kỷ 6, dưới triều Justinien (527-565), hoàng đế La Mã phương Đông, công trình này mới được thực hiện, và từ đó cho đến thế kỷ 12, các thế hệ sau mới tiếp tục tô điểm thêm cho nó, nhất là về mặt nghệ thuật ghép mảnh. Tuy nhiên, những bức hoạ ghép mảnh hoàn mỹ nhất ở đây cũng chỉ có niên đại từ thế kỷ 9 đến thế kỷ 12.

Nghệ thuật ghép mảnh vốn có một truyền thống lâu đời. Ngay trong các nền văn minh cổ : Mésopotamie, Ai Cập, Hy Lạp, Trung Mỹ, Nam Mỹ, v.v..., đã có những dấu tích của nghệ thuật này. Thí dụ xưa nhất mà người ta biết được cho đến nay là bức bích hoạ *L'Etandard d'Ur* ở Suse (Mésopotamie, 2500 tr. C.N.), trên đó những hình người và vật được thực hiện bằng đá quý, trong khi cái phông là những mảnh ghép bằng đất nung nhuộm màu.

Dựa theo những phát hiện khảo cổ học gần đây, kỹ thuật ghép mảnh xưa nhất bằng đá cuội (mosaïque de galets), để lát sàn, đã xuất hiện ở vùng Tiểu Á từ thế kỷ 8 tr. C.N., sau đó đã được truyền sang Hy Lạp vào thế kỷ 6 tr. C.N. Song, nghệ thuật ghép mảnh bằng những mảnh đá vuông nhỏ đã chỉ xuất hiện ở Sicile vào thế kỷ 3 tr. C.N. (lúc đó đảo này thuộc Hy Lạp). Sau đó một thế kỷ, ở Pergame, thuộc vùng Tiểu Á, đã xuất hiện những tác phẩm ghép mảnh tinh vi hơn. Người La Mã, sau khi chinh phục được các nước vùng Địa Trung Hải, đã rập theo truyền thống của người Hy Lạp để tạo nên những tác phẩm nghệ thuật ghép mảnh có giá trị ngay từ thế kỷ 1 tr. C.N. Ở Pompéi, Palerme và ở đảo Malte, người ta đã tìm thấy nhiều tác phẩm thuộc thời kỳ này. Người La Mã đã đem đến cho nghệ thuật này một quan niệm mới về nội dung và chức năng : từ chức năng trang trí, chủ yếu để phục vụ kiến trúc và tùy thuộc vào ngành này, nó đã trở thành một ngôn ngữ nghệ thuật độc lập, bằng vai với hội hoạ, có khả năng diễn đạt những đề tài có nội dung phức tạp. Ở những trường hợp, nó đã tỏ ra thích hợp hơn hội hoạ, do chỗ những chất liệu của nó dễ hoà nhập với kiến trúc, lại bền vững hơn.



Bích hoạ ghép mảnh La mã ảnh hưởng Hy Lạp, Pompéi, thế kỷ 1 tr. C.N.

Từ thế kỷ 2 sau C.N. trở đi, nghệ thuật bích hoạ ghép mảnh Hy-La được phổ biến đi khắp mọi nước dưới quyền cai trị của La Mã, tuy nhiên mỗi địa phương đều có phong cách riêng biệt của nó.

Không phải tình cờ mà nghệ thuật ghép mảnh đương thịnh vào thời kỳ này đã tìm thấy đất dụng võ ở Ravenne.

Năm 402, để đối phó với quân Visigoths tràn xuống xâm lược nước Ý, Honorius, hoàng đế La Mã ở phương Tây, cho rời kinh đô từ Milan về Ravenne, vì Ravenne có vị trí chiến lược thuận lợi hơn, lại có cảng Classe ở ngay kề bên. (Trong khi đó, thì Byzance vẫn là



Hoàng đế La Mã phương Đông Justinien (527-565), chi tiết bích hoạ ghép mảnh (Saint Vital, Ravenne, thế kỷ 6).

kinh đô của đế quốc La Mã ở phương Đông). Cảng Classe đã đóng một vai trò quan trọng trong việc giao dịch, thông thương giữa Ravenne với Byzance và các cảng khác ở phương Đông.

Dưới triều hoàng đế Valentinien III, hoàng thái hậu Galla Placidia, con gái của Théodose le Grand, hoàng đế La Mã phương Đông, được đưa từ Byzance về giữ quyền nhiếp chính ở Ravenne.

Trong suốt một phần tư thế kỷ, dưới thời Galla Placidia, nhiều công trình tôn giáo quan trọng đã được xây lên ở đây : nhà thờ *Basilique de Saint Jean l'Évangéliste*, *Baptistère des Orthodoxes*, lăng mộ của Galla Placidia, trong đó có những bích hoạ ghép mảnh xưa nhất. Những nghệ sĩ, nghệ nhân thực



Hoàng đế La Mã phương đông Justinien (527-565) và đức tổng giám mục Maximilien (Nhà thờ Saint Vital, Ravenne, thế kỷ 6).

hiện các tác phẩm này đều là những người, hoặc được đưa từ Byzance sang, hoặc lấy từ người bản xứ, trong đó có nhiều người gốc Hy Lạp, Perse, hoặc Byzantin.

Khi Théodoric, vua Ostrogoth, đánh chiếm được Ravenne (479), rồi qui theo đạo Ki-tô, thì Ravenne lại càng được mở mang, xây dựng thêm. Nhiều công trình kiến trúc Ki-tô giáo đã được thực hiện vào thời kỳ này : các nhà thờ *Saint Apollinaire Nouveau*, *Eglise du Saint Esprit*, *Chapelle*



Hoàng hậu Théodore vợ hoàng đế Justinien, chi tiết bích hoạ ghép mảnh (Saint Vital, Ravenne, thế kỷ 6)

tức trực thuộc quyền cai trị của Justinien, hoàng đế La Mã phương Đông (mặc dầu vị hoàng đế này sẽ không bao giờ đặt chân tới Ravenne !).

Justinien (527-564) là một tín đồ cuồng nhiệt của đạo Ki-tô chính thống (orthodoxe). Dưới triều vị hoàng đế này, nhiều công trình kiến trúc tôn giáo và nhiều tác phẩm nghệ thuật ghép mảnh, mà tôi cho là đẹp nhất ở Ravenne, đã được thực hiện ở đây : *Saint Vital*, *Saint Apollinaire de Classe*, và một bộ phận của nhà thờ *Saint Apollinaire Nouveau*. So với những tác phẩm ghép mảnh ở thế kỷ trước, thì những tác phẩm này đã có một phong cách khác hẳn, và đã có những nét thật đặc thù so với truyền thống nghệ thuật Hy-La cổ điển.

Nghệ thuật ghép mảnh ở Ravenne, trên thực tế, đã không rập theo một khuôn mẫu nào có sẵn từ trước, ngược lại nó đã đem lại nhiều ý tưởng sáng tạo mới mẻ, tuy nhiên không thể nào phủ nhận rằng, thông qua Byzance, nó đã kế thừa một truyền thống được đúc kết bởi nhiều thế kỷ giao lưu văn hoá giữa Hy Lạp, La Mã và một số dân tộc ở phương Đông, chủ yếu là các dân tộc Perse và vùng Tiểu Á.

Nhìn với quan điểm nghệ thuật hiện đại, người ta lại càng thấy rằng Ravenne có một giá trị đặc biệt đứng về mặt nghệ thuật, và lịch sử nghệ thuật.

Trước hết, về mặt nội dung, tất cả các tác phẩm này đều mang nội dung tôn giáo,

Archiepiscopale, Baptistère des Aryens, lăng Théodoric, v.v....

Năm 535, Justinien, hoàng đế La Mã phương Đông, sai tướng là Bélisaire đem quân sang đánh chiếm lại nước Ý, đến năm 540, thì chiếm lại được Ravenne, và đến năm 554, thì đánh đuổi được hoàn toàn quân đội Goths ra khỏi bờ cõi.

Từ đó, Ravenne lại trở thành một trung tâm chính trị và tôn giáo quan trọng hàng đầu của nước Ý, trực thuộc Byzance,



Sự tích bà Samaritaine múc nước giếng mời đức chúa Giê-xu uống ở Samarie, (St Apollinaire Nouveau, Ravenne, thế kỷ 6)



Đức Giáo hoàng Léon VI, bích hoạ ghép mảnh ở nhà thờ Sainte-Sophie de Constantinople (886-912).

với những đề tài lấy từ những truyện tích trong Kinh thánh và trong Phúc âm ra. Về quan niệm thẩm mỹ, cũng như về hình thức biểu hiện, nếu trước kia, các bức bích hoạ thực hiện bằng kỹ thuật ghép mảnh, hoặc bằng kỹ thuật hội hoạ của người La Mã mang nặng ảnh hưởng của nghệ thuật cổ điển Hy Lạp (sao chép thiên nhiên, phân biệt đối tượng vẽ và những gì không phải là đối tượng vẽ, v.v...), thì ở Ravenne, những quan niệm này, dường như đã bị phủ định : các đối tượng đều được cách điệu hoá (stylisation, déformation), mặc dầu vẫn rất hiện thực và được đưa lên phía trước (frontalité) ; khái niệm chìm nổi (relief) tuy chưa bị phủ định hoàn toàn (vẫn có những mảng màu đậm nhạt để thể hiện hình khối, nhưng tất cả các đối tượng trên tranh đều gần như nằm trên cùng một mặt phẳng : bức hoạ gây một ấn tượng đầy đặn và giàu tính chất hoành tráng (monumentalité).

Ngoài ra, người ta còn thấy một sự quan tâm về nhịp điệu (rythmes) trong nét vẽ và trong các hình thể.

Nét vẽ và màu sắc vẫn tách biệt một cách rõ ràng các hình thể với cái phông, nhưng do cái phông cũng như các đối tượng vẽ đều được thể hiện bằng những mảnh làm bằng cùng một chất liệu, với cùng một kích thước, cho nên cả cái phông đến các đối tượng vẽ đều có cùng một giá trị tạo hình như nhau. Do đó, từ các bức hoạ toát ra một sự hài hoà, nhất quán về chất liệu, màu sắc, cũng như về đường nét, nhịp điệu. Thêm vào đó, toàn bộ bức hoạ gây cho ta một ấn tượng sống động, vì mỗi mảng màu đều được thực hiện bằng những mảnh đậm nhạt khác nhau, tạo nên một chất liệu phong phú, gây nên một sự rung động (vibrations rétinienne) giàu hiệu quả thẩm mỹ.

Những khái niệm nói trên, chính là những khái niệm thẩm



Đức bà và chúa Giê-xu ở ngôi giữa, hoàng đế La Mã phương Đông Jean II Commène và nữ hoàng Irène ở hai bên, bích hoạ ghép mảnh ở Sainte-Sophie de Constantinople (1118-1143).

mỹ hiện đại, mà các hoạ sĩ hội đầu thế kỷ 20 đã ra sức bênh vực và chứng minh qua các tác phẩm viết và vẽ (Cézanne, Gauguin, Picasso, Braque, Mondrian, Malévitch, Léger, Matisse, v.v...). Điều không thể tưởng tượng được, là những khái niệm hiện đại đó, đã có thể xuất hiện sớm như thế, trước thời đại của chúng ta đến 13, 14 thế kỷ !

Dấu sao, Ravenne cũng là một dấu tích hiếm hoi còn sót lại của nghệ thuật Ki-tô giáo thời kỳ sơ khai ở Âu châu - thời kỳ byzantin, mà lại là ở ngay trên đất nước Ý !

Nó là một mắt xích không thể nào bỏ qua được của nền hội hoạ ở phương Tây, nói chung, và của nền hội hoạ Ki-tô giáo, nói riêng.

Về một mặt nào đó, cùng với nghệ thuật icônes byzantin (xuất hiện rất sớm, có thể từ thế kỷ 4, song những tác phẩm cổ đầu tiên này hiện nay không còn tìm thấy dấu tích nữa), nghệ thuật ở Ravenne chính là tiền thân của nghệ thuật ghép mảnh ở Sainte Sophie de Constantinople (Byzance, thế kỷ 9-12).

Nhìn chung, cả nghệ thuật icônes byzantin, cả nghệ thuật ghép mảnh ở Ravenne và ở Sainte Sophie de Constantinople, đều có một ảnh hưởng trực tiếp lên các trường phái hội hoạ ở Venise và Sienne vào thời kỳ Tiền Phục Hưng và Phục Hưng Ý, với truyền thống sử dụng rộng rãi chất liệu vàng, v.v...

Người ta vẫn lấy làm lạ, không hiểu vì sao các tác phẩm ghép mảnh ở Ravenne đã không bị phá huỷ, không phải bởi các cuộc chiến tranh triền miên, mà bởi lệnh cấm thể hiện hình tượng chúa Giê-xu và các thánh (iconoclasme) kéo dài trong suốt một thế kỷ, từ 725 đến 843 !

Ravenne ngày nay chỉ còn là một tỉnh lẻ khiêm tốn của miền trung nước Ý, bên bờ biển Adriatique, trong một vùng chủ yếu sống về nông nghiệp, song nó vẫn giữ được phần nào phong độ xưa, những ngôi nhà thờ, những cung điện và những tác phẩm nghệ thuật byzantin của nó vẫn thu hút được nhiều khách thập phương đến chiêm ngưỡng.

Nếu bạn có dịp đi chơi thăm vùng này của nước Ý, nhớ ghé qua ! Quanh vùng này còn có nhiều kho tàng nghệ thuật khác nữa cũng đáng coi, đặc biệt là thành phố Urbino, nằm trên một ngọn đồi, một trong những thành phố cổ, đẹp, tiêu biểu cho quan niệm của người Ý xưa về sự hài hoà giữa qui hoạch, kiến trúc, và cảnh quan !

Văn Ngọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Mừng Võ Phiến 75 tuổi

VÕ PHIẾN VỚI VĂN HỌC MIỀN NAM

Đặng Tiến

“*Sách, hể thích thì viết*”, Võ Phiến đã mở đầu ngon lành như thế cho bộ sách *Văn Học Miền Nam*¹, bảy cuốn tổng cộng 3230 trang, vừa mới được phát hành trọn bộ, lúc nhà văn sắp sửa tròn 75 tuổi. Cũng do nhà xuất bản Văn Nghệ chuyên in sách Võ Phiến, đã từng in Toàn Tập Võ Phiến 9 cuốn, chưa trọn bộ.

Cuốn đầu tiên là **Tổng Quan** in lần đầu năm 1987, tái bản năm 2000, có bổ sung, sửa chữa danh sách và tiểu sử của non bốn trăm tác giả. Sáu cuốn sau đã ra mắt từ cuối năm 1999 : ba cuốn dành cho bộ môn **Truyện**, một cho **Ký**, một cho **Kịch-Tuỳ Bút** và một cho **Thơ**. Võ Phiến lần lượt trích tuyển tác phẩm và giới thiệu 50 tác giả Truyện, 22 tác giả Ký, 14 người viết Kịch và Tuỳ bút, cuối cùng là 32 nhà Thơ. Có người được trích hai lần vì đã sáng tác trong nhiều thể loại. Trong từng bộ môn, mỗi tác gia được trích tuyển một tác phẩm tiêu biểu, trừ thơ có khi được trích nhiều bài.

Văn Học Miền Nam gồm có những sáng tác văn nghệ được in ấn, xuất bản trong địa phận Việt Nam Cộng Hoà, từ 1954 đến 1975. Dụng tâm và dụng công của Võ Phiến là khôi phục lại một nền “văn học bất hạnh” đã bị chính quyền mới chính thức bôi xoá bằng cách thiêu huỷ, cấm lưu hành tuyệt đại đa số tác phẩm, bắt bớ, giam cầm hay treo bút một số tác giả ; chính quyền mới xem đó là “văn hoá thực dân mới” “nô dịch”, “đôi truy”, ... đối lập với nền “văn học cách mạng”, “văn học giải phóng miền Nam”, với những Phan Tứ, Trần Hiếu Minh ... Sự phân biệt ấy, ngày nay, có bớt hẳn học, nhưng vẫn tồn tại. Võ Phiến quyết liệt phản kháng tình trạng đó, mà anh xem như là một cưỡng chiếm văn học, một nguy tạo danh từ.

Một công trình biên khảo Văn học, trên nền tảng chính trị như thế, lẽ ra phải được cộng đồng người Việt hải ngoại, nhất là ở Mỹ, đón tiếp nồng nhiệt. Nhưng dường như không phải như vậy ; dường như bộ *Văn Học Miền Nam* đã gây ở một đôi nơi, những phản ứng không thuận lợi trong “*dư luận*”, khiến tạp chí Văn Học², thân cận với Võ Phiến, đã tạo cuộc phỏng vấn để Võ Phiến có cơ hội trả lời những “*dư luận*” thành văn hay bất thành văn. Sau khi bực bạch suốt 18 trang báo, tác giả đã có lời tự nhủ :

Kiếp sau chớ khảo chớ bình

Làm cây dư luận chình ình giữa thế gian

Tha hồ quậy đục quơ ngang

Sao đến nỗi có tình trạng như vậy ? Theo báo Văn Học thì “*dư luận*” “*công khai hay ở chỗ riêng tư*” bất bình về

ba điểm :

1. Võ Phiến không khách quan khi chọn tác gia, và số bài thơ được trích tuyển,
2. Anh không công bằng khi phê phán người nọ kẻ kia,
3. Câu văn bông đùa không thích hợp với lý luận, biên khảo.

Võ Phiến sau khi giải bày hoàn cảnh biên tập khó khăn, đã trả lời bằng những luận điểm nghiêm túc. Nhưng nghiêm túc là để đối chất, tranh luận không nhất thiết phải phơi bày đúng tâm sự của người biên khảo. Văn chương không phải là chuyện hơn thua, nó khác với võ thuật.

Mục đích bài này là giới thiệu, thông tin, không đi vào chi tiết để phê phán : nếu có trao đổi ý kiến thì cũng chỉ dừng lại ở đôi nét đại cương.

*

Người đời thường sắp xếp sách vở theo thể loại, mỗi thể loại có cung cách riêng. Bộ *Văn Học Miền Nam* không theo một thể loại nào, tác giả nói rõ ngay từ đầu :

“*Trước hết mình không phải là một nhà phê bình, nhà biên khảo gì ráo mà lại tự dưng xông ra làm công việc biên khảo phê bình là chuyên không nên*” (tr.17) . “*Nhưng khi xong việc, không khỏi ngẩn ngơ tự hỏi : cái đã viết ra đó là cái gì vậy ? ... Rõ ràng nó không xứng đáng là lịch sử, là phê bình gì cả (...) chẳng qua chỉ có những nhận xét rất khái lược liên quan đến nền văn học và các văn gia một thời mà thôi. Thái thì của ít lòng nhiều vậy*” . (tr. 31)

Khổ nỗi : lòng mình, người đời mấy ai đã thấy. Thấy rồi, mấy ai đã nhận. Người nhận có khi chỉ vì ngộ nhận, có khi vì cơn trái gió trở trời. Chỉ cần nói : “*Sách, hể thích thì viết*” như lời khai từ, mà không cần câu nệ vào một hình thức, một thể loại. Có thể loại tạo ra tác giả, có tác giả làm nên thể loại. Võ Phiến là tác gia đã sử dụng tinh tường hầu hết các thể loại, nay tuổi cao sức yếu, anh viết ra cái gì, cái ấy tự nó là thể loại.

Tuy nhiên, anh cũng đã sáng suốt và từ tốn ghi nhận : “*Không phải chuyên gia khảo luận, bất quá mình chỉ có lấy cái kinh nghiệm của một người sáng tác mà bày tỏ dăm ba cảm tưởng về việc sáng tác và người sáng tác*” (tr. 506). Như vậy đã là nhiều quá, quý quá, chứ sao lại “*bất quá*” ? Lời chê trách chung là : Võ Phiến chủ quan. Thông cảm để thôi : đã viết văn thì khó khách quan ; đã là Võ Phiến thì lại càng không thể khách quan. Muốn loài người khách quan, ông trời sẽ không sinh ra Võ Phiến.

*

Trong thể tuỳ bút, Võ Phiến dành cho Vũ Bằng một chương rất hay. Có lẽ về Vũ Bằng, chưa ai đọc kỹ và viết hay bằng Võ Phiến. Được như vậy là nhờ chủ quan : viết về Vũ Bằng, vô hình trung, tình cờ và cao hứng, Võ Phiến đã gián tiếp nói về mình. Một nhân vật kịch của Ionesco đã đùa : bình giảng Shakespeare không ai sánh bằng Shakespeare. Về tác phẩm Vũ Bằng, từ tình cảm, tư tưởng đến lời ăn tiếng nói, Võ Phiến viết như tự bạch. Phải chăng vì các nhà phê bình chuyên nghiệp xưa nay viết về anh chưa thoả đáng, chưa sâu sắc, nay anh phải “*tự truyện*” . Ví dụ về lối viết *Văn Học Miền Nam*,

mà có người chê là “ tạp văn ”, chúng ta có thể áp dụng lời nhận xét của Võ Phiến về Vũ Bằng :

“ *Vũ Bằng có văn phong riêng. Lời văn có khi khinh bạc mĩa mai, có khi bóng bảy kiêu kỳ, có khi lại giản dị, thân mật ; có chỗ ông thậm xưng, ngoa ngữ ; có chỗ ông vắn tắt, cụt lùn. Ông đùa nghịch đấy, ông thê thiết ngay đấy. Ông hư đấy, ông thực đấy. Có lúc ông bảo người này đại thì không phải thực ông muốn chê đại. Hoặc có khi ông nổi lên khen món ngon nọ cả thế giới không bì được, thì trong bụng ông không hề thực sự có cái ý suy tôn cao đến thế (...). Những ai muốn có một bảng xếp hạng nghiêm chỉnh sẽ cuống cả tay, không biết đường nào mà mò, mà so sánh (...). Tội nghiệp, ông là nạn nhân của chính ngay cái duyên dáng tài hoa của ông. Lại đáng thương nữa ” (tr. 2408).*

Những nhận định trên đây có thể dùng lại nguyên con cho bộ **Văn Học Miền Nam** của Võ Phiến. Duy mấy chữ “ *tội nghiệp, đáng thương* ” ở Võ Phiến là ngoa ngữ, có khi cần hiểu ngược ; ở tôi, chữ thực, tình thực. Tội nghiệp Võ Phiến quá, nhất là khi viết những dòng này, tôi nhận được báo Khởi Hành số mới, tưởng niệm Vũ Khắc Khoan, nhà thơ Viên Linh, chủ nhiệm, đã lên án bài viết của Võ Phiến về Vũ Khắc Khoan (mất năm 1986) là : “ *lấy đề tài, cho sự dẫn bút, tựa như một anh bản chất quê kệch lại thích kể chuyện văn hoa, và tựa như thứ chuyện trò che miệng thủ thủ phía sau một đám tang* ”³. Thật ra, bài của Võ Phiến về Vũ Khắc Khoan viết đúng, hay và chí tình, hiếm vị bạn hiền (tôi nhấn mạnh ở chữ **bạn hiền**) Viên Linh hiểu ngược.

Cẩn thận và u hoài, tôi đọc lại Vũ Khắc Khoan và đã gặp câu này anh Khoan viết về tình bạn với Lê Quang Luật “ *Y có thể đùa đùa giễu cợt. Mà tình thì thật sự chân tình* ”⁴. Câu này lại có thể áp dụng vào nhiều trang trong **Văn Học Miền Nam**.

Những đoạn Viên Linh trích dẫn để chứng minh rằng Võ Phiến chê bai, mĩa mĩa Vũ Khắc Khoan, những câu ấy, đều có ý ngược lại, là ca ngợi Vũ Khắc Khoan. Ví dụ câu “ *Viết truyện mà viết như ông đời nay không viết thế* ” (tr. 2757) là câu khen “ *vì ông viết kỹ* ”. Câu sau “ *văn ông như dịch từ truyện Tàu thuở nào* ” cũng là lời ngợi ca tế nhị, riêng cho một cố nhân, thoát một cái đã là người một “ *thuở nào* ”. Bằng có là trong cuốn dành cho thể loại Thơ, Võ Phiến lại có một chương cho Vũ Khắc Khoan và nói rõ “ *Trong sách, ông viết câu kỳ diệu hơn hẳn thiên hạ. Câu kỳ hơn nữa, ông đùa ông giỡn với chữ, ông bày ra những trò lộng ngôn lộng ngữ, người đời hiếm kẻ theo kịp* ” (tr. 3219. Ít ai biết Vũ Khắc Khoan làm thơ, nhưng Võ Phiến trích những hai bài, với nhận xét “ *Vũ Khắc Khoan không là thi sĩ bao giờ cả . Nhưng ông làm thơ thì hay* ”. (tr. 3220). Vậy là khen nhau qua mức rồi, còn gì nữa (nhưng sẽ mang ân oán giang hồ với những ai là thi sĩ mà làm thơ ... không hay !).

(Nhà văn Vũ Khắc Khoan với chúng tôi là chỗ cố tri, Võ Phiến biết điều đó, nên trong bài viết ngắn đã trích dẫn tôi đến 3 lần, và xếp tôi vào hạng “ *bạn vong niên thân cận* ”. Vì vậy tôi mạn phép có ý kiến về sự “ *ngộ nhận* ” này. Ngoài ra, cũng muốn thông tin về một hiện tình, nhỏ thôi, trong báo giới Bắc Mỹ hiện nay. Tuy nhiên bài Võ Phiến cũng có chỗ cần được bàn luận. Tôi sẽ làm ở một dịp khác.)

Ngộ Nhận là tên một kịch bản của Vũ Khắc Khoan, mang âm hưởng một nhan đề của Albert Camus, *Le Malentendu*.

Văn Học Miền Nam là một “ *ngộ nhận* ” từ tên sách. Ngày xưa, các sách cùng loại như thế được gọi là trích yếu, trích điểm, sử yếu, sử lược, gì đấy. Gần đây còn những chữ sơ thảo, lược thảo, khởi thảo... Tựa đề **Văn học Miền Nam** ôm đồm, đúng với tình cảm của tác giả muốn khôi phục cả một thực tại văn học, mà không đáp ứng lại những đòi hỏi phức tạp của độc giả.

Trên mặt lý thuyết người đọc mong đợi một bộ biên khảo từ chương, hàn lâm về một thời đại văn học ; về tình : họ đi tìm những kỷ niệm với tác giả nọ, bài thơ kia. Họ đi tìm ánh lửa mà thời cuộc và thời gian chưa dập tắt trong tâm thức. Đọc Võ Phiến, có người toại ý thì thế nào cũng có người hụt hẫng. Những kẻ chung tình ít khi được mãn nguyện. Nói văn học, là văn học nào ? Nói Miền Nam, là Miền Nam nào ? Miền Nam của Võ Phiến chưa chắc đã là miền Nam của Mai Thảo, nói chi đến độc giả chung chung. Những *Đêm Màu Hồng* chưa chắc đã thỏa mãn kẻ đi tìm những *Chân Trời Tim*. Giá dụ Võ Phiến, thực tế hơn thêm vào chữ “ *ngộ nhận* ”, “ *quan điểm* ” gì đấy thì đỡ búa rìu thiên lôi thiên tướng. Cái tựa đề gắn với công trình Võ Phiến nhất là của ... Paul Claudel : *Positions et Propositions* (1928), tạm dịch là “ *luận nghị và đề nghị* ”.

Người đọc đòi hỏi một lối viết giáo khoa hơn, đã đành là câu nề hình thức. Còn lý do tâm cảm : lối viết kinh điển sẽ trung lập hơn ; tác giả cần lánh mặt để độc giả thần thơ đi tìm cảnh cũ, người xưa. Độc giả **Văn Học Miền Nam** như chàng Kim khi trở về vườn Thuý, không gặp cả cô chị lẫn cô em, tạt sang hàng xóm tìm cô Nhã Ca cái thời “ *Tay nhỏ che trời rét* ” thì gặp phải ông cụ giữ vườn cà kê kể chuyện ở Nữu Ước, nhà thờ Riverside có 72 cái chuông lớn nhỏ đủ cỡ, như là angelus, knell, carillon, ...v. v. (tr.2998) thì không bực sao được ? Nước Mỹ có bao nhiêu thứ chuông thì ăn nhằm gì đến **Văn Học Miền Nam** ?

Ngày xưa sách **Thi Nhân Việt Nam** ăn khách vì Hoài Thanh giỏi marketing, khéo “ *nhỏ to* ” nói thay Xuân Diệu, nói giúp Lưu Trọng Lư, nói giùm độc giả về *Tống Biệt Hành*, thỉnh thoảng lăm lăm mới lăm bàn về *Màu Thời Gian*, mà cũng chỉ vắn tắt. Ngày nay ông Ba Thê Đồng Thời cà rịch cà tang giảng giải *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền, ông đếm được 80 trang mỗi trang 300 chữ, và đánh giá rằng “ *Thanh Tâm Tuyền rất thông minh, năm 16 tuổi đã dạy học* ” (tr. 1405) thì bảo người đọc không sốt ruột sao được ?

Chưa nói đến vấn đề gai góc, là thừa với thiếu : thiếu danh gia nọ đại gia kia. Thiếu Cung Trầm Tưởng, không sao. Tôi có dịp hỏi tác giả *Lên xe tiễn Em đi*, khi sách mới in ra, anh đáp ngay thẳng, hồn nhiên là không quan tâm, vì điều ấy không quan trọng. Nhưng thiếu Du Tử Lê là rầy rà : anh ấy đã từng được giải thưởng văn chương Toàn Quốc về Thơ năm 1973, có tên trong nhiều tuyển tập quốc tế. Hỏi đương sự cũng trả lời không quan tâm, nhưng giới ái mộ Du Tử Lê, nghe nói đông đúc lắm, thì bất bình. Tuyển tập các bài ái mộ Du Tử Lê đã phát hành đến cuốn thứ tư⁵ dày hơn 400 trang. Võ Phiến không một dòng, không xưng thiên sao được ? Tuy nhiên những thiếu sót lớn lao như thế, nhìn dưới một khía cạnh nào đó, lại nói lên cá tính của Võ Phiến và đặc tính của tác phẩm.

Nhưng bên ngoài những phản ứng riêng lẻ nhất thời ấy, bộ **Văn Học Miền Nam** là một trước tác công phu và tâm huyết, một nguồn tư liệu thiết yếu, xuất hiện hợp tình hợp cảnh.

Những văn thơ trích tuyển, nói chung, là những tác phẩm đánh dấu một thời đại : một thời của văn học hay một thời của Võ Phiến. Riêng cuốn I *Tổng Quan* là một biên khảo về xã hội học văn học miền Nam, linh động, phong phú, cụ thể và xác đáng. Trong văn học Việt Nam xưa nay không nhiều công trình như thế ; ký ức tôi chỉ ghi nhớ một cuốn là *Văn Thơ Cách Mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX* ⁶ của Đặng Thai Mai, cũng về khoảng 20 năm văn học. Hai tác giả ở hai chân trời khác nhau và theo hai lập trường chính trị đối nghịch, nhưng cùng một quan niệm biên khảo và cùng một giọng kể chuyện cà kê dè dặt.

Cụ Mai, sinh thời danh cao chức trọng, mà cũng bị hậu sinh chê là “ *phiếm luận salon* ”, chữ ấy, thời ấy, ở Hà Nội, nặng lắm ! Bây giờ, mới đây, ai đó có chê Võ Phiến “ *chỉ là tác giả tạp văn* ” thì biết đâu, vô hình trung, đã tôn anh ngang hàng với ... với Lỗ Tấn.

Nhưng thôi, ta hồ văn chương chi sự ...

Một công trình biên khảo bề thế như *Văn Học Miền Nam*, từ một tác giả nghiêm minh, suốt đời tận tụy cho văn học như Võ Phiến, đòi hỏi những phân tích và thảo luận kỹ càng hơn. Chúng tôi có thể làm việc này nếu bạn đọc Diễn Đàn có yêu cầu.

Đặng Tiến

Orléans, Trung Thu 2000

Tái bút : Viết thêm cho bạn đọc Diễn Đàn số 100. Đọc Võ Phiến, có lúc bị tạp âm làm phân trí, phải bỏ cuộc, tôi đọc sang *Truyện Tàu* : đọc *Chiến Quốc Sách*, bản dịch, lời bàn của Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi. Hai cụ cho rằng những nhân vật *Chiến Quốc*, thời đó, không biết tổ quốc là gì, nhưng sẵn sàng hiến thân cho tri kỷ, như những Kinh Kha, Dự Nhượng. Lại chạnh nhớ những người bạn vong niên, người đã khuất bóng nơi Tân Lĩnh, người lặn đạn chốn Giang Nam, là hai ngài Vũ Khắc Khoan và Võ Phiến. Các vị ấy cũng là những con người *Chiến Quốc* gặp buổi Xuân Thu : Họ ghét Cộng Sản không bằng ghét tiểu nhân. Họ yêu chủ thuyết không bằng yêu tri kỷ. (Vớ vẩn ngoài đề)

Chú thích

- 1 Văn Học Miền Nam, trọn bộ 7 cuốn. Nxb Văn Nghệ, California. Cuốn I : *Tổng Quan*, tái bản năm 2000. 6 cuốn trước in năm 1999, khổ 13x21 cm, mỗi cuốn 18 Mỹ kim. Từ 1991 đến 1995 đã có xuất bản rời rạc, khổ nhỏ 11x17 cm
- 2 Văn Học, tạp chí hàng tháng, California, số 169, tháng 5/2000, tr. 3-20.
- 3 Khởi Hành, tạp chí hàng tháng, California, số 47, tháng 9/2000, tr. 20, cột 1
- 4 Vũ Khắc Khoan, *Đoàn văn Xa Nước*, Nxb An Tiêm, Paris, 1995, tr. 11
- 5 Du Tử Lê, *Tác phẩm và Tác giả*, HT Productions 2000, USA, 2000
- 6 Đặng Thai Mai, *Văn Thơ Cách Mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX*, nxb Văn hoá, 1960, Văn Học 1964 và 1974, Hà Nội, 200 trang hàn uyên, và 200 trang trích tuyển.

Một bài thơ nhiều bí ẩn

Hàn Thủy

Tặng những người bạn đã cùng đi bộ hè này ở Nữu Ước... và trong không gian xibe.

Nhân Diễn Đàn số 100, Ban chủ biên có hỏi : nhìn lại thời gian qua nghĩ gì ? Còn chưa biết tính sao thì nhận được từ một người bạn (*) chép gửi một bài thơ Đường, gọi là “ *tặng những người trên 50* ”. Bài thơ ấy đây :

Cắm sắt

*Cắm sắt vô đoan ngũ thập huyền
Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên
Trang sinh hiếu mộng mê hồ điệp
Vọng đế xuân tâm thác đồ quyền
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên
Thử tình khả đãi thành truy ức
Chỉ thị đương thì dĩ vọng nhiên*

Dịch nghĩa đen là :

Cây đàn gấm sắt (?) không có cán, có 50 dây
Mỗi dây, mỗi trụ, làm ta nhớ những năm còn thanh niên
Trang Tử mộng ban sáng thấy bướm
Vua Vọng (tên của vua nhà Thục, có bản chép “ Thục đế “)
chết lúc trái tim còn trẻ hoá thành chim quốc
Biển xanh trắng sáng, hạt châu nhỏ lệ
Ruộng lam mặt trời ấm, hạt ngọc thành khối
Tình cảm này có thể đợi thành nổi nhớ
Chính là lúc này quá khứ (đi : đã qua) vọng lại vậy

Sau hỏi thêm lại biết đây là một bài thơ rất nổi tiếng của Lý Thương Ẩn (813-858) thời Văn Đường. Truyền lại nhiều đời ai cũng khen hay. Mở cuốn *Đường thi* của cụ Trần Trọng Kim thấy cụ dịch như sau :

Đàn cắm sắt

*Đàn cắm sắt, mấy chục dây,
Một dây, một trụ, nhớ ngày thanh niên.
Trang sinh hồ điệp mộng quên,
Lòng xuân Thục đế, đồ quyền gửi mình.
Trăng soi, châu đỏ duềnh xanh,
Lam điền trời ấm, ngọc lành khối bay.
Tình kia còn nhớ có ngày,
Hiện nay chỉ thấy gắt gay nổi lòng.*

Cụ còn chưa thêm : “ *Bài này tả cái cảm tình của người nghe tiếng đàn hay. Nguyễn Tố Như tiên sinh, tác giả truyện Thủy Kiều, lấy ý bốn câu tam tứ ngũ lục mà dịch ra sáu câu lục bát như sau này :* ”

(*) Xin cảm ơn nhà ngôn ngữ học Ngô Thanh Nhân đã gợi hứng cho bài này và đã chỉ dẫn nhiều điều, mà tác giả nhận là của mình.

*Khúc đầu đầm ấm dương hoà,
ấy là hồ điệp hay là Trang sinh.
Khúc đầu êm ái xuân tình,
ấy hẳn Thục đế hay mình đẽ quyền.
Trong sao châu đỏ duyên quyền,
ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông.*

Đọc qua sừng sốt, thấy lạ quá, phải học, hỏi, và tìm hiểu thêm. Trước hết đàn “gắm sắt” là đàn gì? mà lại có tới 50 dây? Sau thấy hình như tác giả không phải chỉ khen tiếng đàn hay, mà còn gợi cảm một niềm tâm sự, mà các bản dịch của các vị tiền bối không bộc lộ được hết.

Mà lại hình như có nhiều khiên cưỡng: Thục đế mất nước rồi chết trẻ trong tuyệt vọng “*nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc*”, thật khó mà cho rằng *xuân tâm* là *êm ái xuân tình*; có lẽ nên hiểu *xuân tâm* (*thác*) theo nghĩa đen là “chết trong lúc trái tim còn xuân” mà thôi. Còn Trang Tử cảm giác ra sao lúc mê thấy mình thành bướm thì có lẽ... chỉ Trang Tử mới biết. Dĩ nhiên cụ Nguyễn Du có quyền thấy là “*đầm ấm dương hoà*”, nhưng ý đó không chắc có trong Lý Thương Ẩn.

Đến hai câu sau mới càng khó hiểu. Quả là một *công án* văn học: Biển xanh trắng sáng mà sao hạt châu phải nhỏ lệ? Mặt trời ấm trên ruộng mà sao hạt ngọc lại thành khói? Cụ Nguyễn Du đã không ngần ngại đảo ngược hiện tượng: ngọc không thành khói mà lại mới đông! cũng không dễ hiểu hơn.

*

Nhưng, trước khi tìm hiểu tiếp bài thơ này, có lẽ cũng nên học lại cách đọc thơ Đường luật, như cụ Trần Trọng Kim chỉ dạy trong **Đường thi**. Bài thơ tám câu có thể chia làm 4 đối theo thứ tự: *Khởi, thừa* (hay thực), *chuyển* (hay luận), *hợp*. Chúng nằm trong hai *giải*, theo như Thánh Thán phân tích, giải đầu (*khởi, thừa*) và giải sau (*chuyển, hợp*). Mỗi giải cần có sự thống nhất riêng thì bài thơ mới hay. Rồi 8 câu đó lại cần được đọc theo hai phần: một phần ý gồm khởi và hợp, một phần *từ* gồm thừa và chuyển. Phần ý dùng để biểu diễn cái ý tưởng, còn phần từ là dùng ngôn từ văn chương để minh hoạ cái ý. Vì thế phần ý không có đối ngẫu, còn phần từ thì phải đối ngẫu cho hay để tả tình và tả cảnh. Hai câu thừa và hai câu chuyển phải là hai câu đối. Nhưng mỗi cặp đều có thể chỉ đối lời mà tình cảnh theo nhau, hay đối lời mà cũng đối nghĩa, hai tình cảnh trái ngược. Chẳng hạn như trong bài thơ **Không chồng mà chữa** sau đây của Hồ Xuân Hương, hai câu thừa là theo nhau mà hai câu chuyển là ngược nhau:

*Cả nể cho nên hoá dở dang,
Nỗi niềm chàng có biết chằng chằng.
Duyên thiên chưa thấy nhỏ đầu dọc,
Phận liễu sao đà nảy nét ngang.
Cái nghĩa trăm năm chàng nhớ chữa?
Mảnh tình một khối thiếp xin mang.
Quần bao miêng thế lời chành lệch,
Không có, nhưng mà có mới ngoan.*

Tóm lại, không kể còn phải theo đúng niêm luật, bố cục thơ đường luật rất chặt chẽ: Hai câu khởi để lộ ra cái ý bắt đầu bài thơ, hai câu thừa tiếp tục một tình cảnh để minh hoạ cho cái ý đó, hai câu chuyển tiếp tục minh hoạ nhưng để chuẩn bị cho hai câu hợp đưa cái ý kết thúc bài thơ. Có thể có nhiều cách kết thúc khác nhau: hoặc hai câu hợp trở về làm rõ hơn

cái ý ban đầu (như trong bài thơ nôm trên); hoặc nó có thể mở rộng cái ý đó ra hơn nữa; hoặc nó có thể đi một bước ngoặt bất ngờ rất kỳ thú, rọi một ánh sáng mới trên cả bài thơ, mà một thí dụ tuyệt vời là bài **Chùa Trấn Bắc** cũng của Hồ Xuân Hương:

*Trấn Bắc hành cung cổ dải dầu,
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.
Mấy toà sen toả hơi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo châu.
Sóng lớp phế hưng coi vẫn rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.
Người xưa, cảnh cũ đâu đâu tá?
Khéo ngăn ngợ thay lũ trọc đầu!*

Qua những thí dụ trên ta thấy trong một bài thơ Đường luật có thể đọc riêng 4 câu theo giải đầu, 4 câu theo giải cuối, 4 câu theo ý, và 4 câu theo *từ*. Nhưng sau đó đọc lại cả tám câu mới thấy hết ý nghĩa của bài thơ.

*

Trở lại bài **Cắm sắt**. Dưới đây là những suy diễn chủ quan, có thể hoàn toàn sai, hay nằm ngoài bài thơ Lý Thương Ẩn. Nhưng phải chăng một bài thơ hay, như một bản nhạc hay, gợi lên cho người nghe những tình cảm của bản thân mình?

Trước hết về tựa đề **Cắm sắt**. Đây là vấn đề có lẽ dễ đặt ra nhất, mà những chuyên gia về từ nguyên hay âm nhạc học đã có thể có câu trả lời. Câu hỏi là ở chữ *Cắm*, vì chắc không phải là *gắm*, mặc dù viết giống nhau. *Sắt* trong từ điển chưa là “một loại đàn”, nghĩa đó đã có từ rất lâu, trong kinh Thi có câu “*ta có khách quý, đánh đàn cầm đàn sắt*”. Từ điển Khang Hi trong giải thích về chữ *sắt* có trích một đoạn văn cổ như sau: “*Vua Hoàng đế bảo Tố nữ đánh đàn 50 dây. Hoàng đế nghe buồn quá, ra lệnh chế thành 25 dây [từ đó] ra đàn sắt.*”

Đàn không cán mà lại nhiều dây thì chắc thuộc họ đàn *cithar* hay *zither*, như đàn tranh của Trung quốc hay Việt Nam ngày nay. Đàn *tam thập lục* (36 dây) hiện nay cũng còn được sản xuất và biểu diễn. Nhưng có phải *cắm sắt* là loại đàn 50 dây có từ thời Hoàng đế hay không thì còn nên đặt dấu hỏi. Vì nếu theo âm giai ngũ cung thì cứ 5 dây là một *octave* (quãng 8) và nếu cứ cho là mỗi nốt dùng hai dây cũng khó tưởng tượng với kỹ thuật cổ đại người ta đã làm được loại đàn có thang rộng đến 5 *octaves*. Đàn piano ngày nay cũng chỉ có 8 *octaves*. Câu chuyện 50 dây có lẽ chỉ là truyền thuyết, và trong bài thơ này nó có thể là hư cấu.

Nhưng thôi, sa đà mãi rất có thể... sa lầy. Cái chính trong hai câu đầu của bài thơ là ý nghĩa tượng trưng của nó “*Nhất huyền, nhất trụ, tứ hoa niên*”. Mỗi dây mỗi trụ làm tác giả nhớ đến một năm tháng, một biến cố hay sự việc quan trọng nào đó trong đời thanh niên của mình.

Đó là về hai câu khởi. Bây giờ có thể đi tiếp luôn phần ý. Sau khi nói “*tiếng đàn gợi nhớ thời thanh niên*” và mô tả cảm tưởng mình khi nghe đàn, có thể hiểu hai câu kết là: “*tiếng đàn này và tình cảm này có thể sẽ lắng đọng thành kỷ ức về sau, nhưng hiện nay chỉ thấy quá khứ vọng lại vậy*”. Đó là cách hiểu “mở ra tương lai” như cụ Trần Trọng Kim đã dịch. Nhưng như thế cũng có điều bí ẩn, vì nếu phân biệt giữa “*tình kia còn nhớ có ngày*” và cái “*dĩ vọng*” chỉ thấy hiện nay, thế thì cái dĩ vọng ấy ở đâu ra? Vì vậy xin đưa ra cách hiểu khác:

cách quay về (cũng cổ điển) ý của câu khởi : “ *những tình cảm này (mô tả trong phần từ) mới có thể (xin thêm chữ mới cho rõ nghĩa) lắng đọng lại thành ký ức, và hiện nay nó đang trở lại (khi nghe đàn) vậy* ”. Như thế tự nhiên hơn, và ta thấy ở đây niềm tự hào của tác giả trong những sự việc và tình cảm đã trải qua trong cuộc đời mình : chỉ có những tình cảm chân thực đó mới thành ký ức con người được. Nói theo kiểu hiện đại là “ có sống chân thực đầy đủ tình người, thì tôi mới là tôi ” vậy. Nhưng cũng xin mở ngoặc : bốn chữ đầu của câu cuối “ *chỉ thị đương thì* ” có vẻ hơi nặng nề và không cần thiết lắm.

Đến hai câu thừa, nhắc tới Trang sinh và Thục đế : Nếu hiểu theo cách “ đổi chữ mà không đổi tình ” như các cụ ngày xưa thì có thể là tả một ngón đàn hay, nhưng người ta không thấy cái chức năng *thừa theo* hai câu khởi, của hai câu thừa. Nếu chỉ “ *đàn nghe đậm ấm đương hoà...* ” thì không xứng với những mốc, những giai đoạn quan trọng trong đời tác giả mà hai câu khởi nói đến. Đến đây lại xin mạn phép các cụ hiểu theo cách khác : tiếng đàn này không đậm ấm chan hoà đâu, mà có lẽ nó chứa đầy nhịp ngược, gọi lại những đàn vật của tác giả. Như thế hai câu thừa này không phải chỉ đối từ mà còn đối tình. Tạm suy diễn như sau : “ *cũng muốn học theo Trang tử hoá bướm, vô vi với cuộc đời, nhưng sợ chết sớm như Thục đế, thành con cóc kêu* ”.

Cho đến đây thì tạm gọi là cách hiểu đó có thể sát với lời và trung thành với ý hơn cách hiểu cổ điển. Nhưng đến hai câu chuyển mới gặp công án đây. Trước hết các tiền bối cũng đã bị khó khăn : Cụ Nguyễn Du hiểu *Lam Điền* là tên ngọn núi Lam Điền bên Thiểm Tây, Trung Quốc, nơi có nhiều ngọc quý, nên không ngần ngại đảo ngược *ngọc sinh yên* thành *yên sinh ngọc*, theo cái ý là ngọc quý do khí thiêng của trời đất đọng lại, vì vậy viết : “ *ngọc Lam Điền mới đông* ”, hay tuyệt. Nhưng như vậy thì hoá ra hai câu thơ của Lý Thương Ẩn không được chính lắm, vì *Lam Điền* đối với *thương hải*, mà *thương hải* có phải là tên riêng đâu ? Cụ Đào Duy Anh, trong **Từ điển truyện Kiều**, sau khi giải thích hai chữ *Lam Điền* theo ý cụ Nguyễn Du như trên, lại giải thích riêng câu thơ trong bài “ *Cắm sắt* ”, và cho rằng *Lam điền* chỉ là *ruộng xanh* thôi, và đọc *ngọc sinh yên* một cách cũng hay tuyệt : ngọc đây là những hạt sương sớm đọng trên nhánh lúa, và bị hơi ấm mặt trời làm tan đi.

Nhưng vẫn không hiểu tại sao biển xanh trắng sáng mà hạt châu phải rơi lệ ? Để phá cái công án này chắc phải có những công trình văn bản học Trung Quốc, hoàn toàn vượt xa tầm tay người viết bài, xem có phải chữ *minh*, chữ *noãn* đã viết đúng như ngày nay viết không ? Mà nếu đúng thế thì cũng có thể hiểu đây là một trò chơi chữ oái oăm của tác giả, muốn liên tưởng đến những ý đồng âm khác. Thế thì chữ *minh* có thể hiểu là tiếng chim kêu, chữ *noãn* có thể hiểu là quả trứng, nay trứng nở. *Nhật noãn* đọc như *ngày mới nở*, rất thơ. Chắc là nếu bay bổng như vậy thì còn có thể có cách hiểu khác nữa. Đó là những ý mà người bạn rành chữ Hán đã chép tặng thơ cho biết.

Nhưng xin chịu thua, chẳng thà hoàn toàn chủ quan ở đây. Tôi hiểu châu ngọc của bài thơ muốn nói về số phận những con người. Tôi nghe bài thơ này như nghe những bản nhạc cho piano của Chopin, có bay bướm lãng mạn, có day dứt, đàn vật, có tiếng nổ của đại bác, có tiếng sóng găm. Tôi tưởng đến những người trai trẻ trong khẩu đội pháo phòng không, ngược

mặt nhìn và bắn thẳng vào những tiếng găm rú lao xuống từ trên trời cao, có thể là lần cuối. Tôi tưởng đến những thuyền nhân lênh đênh trên biển cả, bạn đồng hành chỉ có trăng soi và gió hú. Tôi nghĩ đến những đàn vật của mình trong giai đoạn đầy sóng gió làm ngọc nát, châu tan, của lịch sử Việt Nam hiện đại, và biết đâu sóng gió vẫn còn.

Kỳ lạ thật, một bài thơ từ hơn nghìn năm trước. Xin được phỏng dịch như sau :

Nghe đàn cắm sắt

*Năm mươi nút trụ, bấy nhiêu dây,
Không cần mà ngân những tháng ngày.
Bướm, mộng thấy Trang bay lãng đãng,
Cốc, hồn vua Thục khóc khôn khuây.
Biển xa, trắng hú, châu rơi lệ,
Núi dựng, trời găm, ngọc hoá mây.
Lắng đọng chân tình nuôi nỗi nhớ,
Âm xưa đưa vắng khúc vui đây.*

Phải chăng những người viết *Diễn Đàn* cũng chỉ là những chúng nhân của một thời đầy sóng gió, một trăm số rồi cũng vẫn tiếp tục đem chân tình của mình giải bày cùng bạn đọc, vì không thể ngoảnh mặt làm ngơ. Chỉ có một niềm tự hào rằng : chúng tôi không quên.

Hàn Thuỷ

Luật thơ đường 8 câu 7 chữ

Có thể thu gọn lại các niêm luật của thơ đường 8 câu 7 chữ như sau (không dấu hay dấu huyền gọi là âm bằng, còn lại là âm trắc) :

1. Vẫn nằm ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8, và luôn luôn là vần bằng, vì không có vần lưng nên cả bài thơ chỉ có một vần.
2. Nếu coi các chữ thứ 2, thứ 4, và thứ 6 và lập thành một ma trận 4 dòng 6 cột (mỗi dòng là hai câu thơ) thì ta chỉ được phép có hai ma trận như sau :

T B T B T B	B T B T B T
B T B T B T	T B T B T B
T B T B T B	B T B T B T
B T B T B T	T B T B T B

Chỉ có hai loại bài thơ thôi : loại luật bằng và loại luật trắc, tùy theo chữ thứ hai của câu đầu. Luật này rất dễ nhớ, vì đọc theo dòng hay theo cột của mỗi ma trận đều thấy trắc bằng liên tục theo nhau chứ không lặp lại. Các chữ khác thì tự do với điều kiện là theo luật 3 dưới đây :

3. Các cặp thừa và chuyển là hai cặp câu đối. Hai chữ đối nhau phải cùng loại : danh từ đối với danh từ, động từ với động từ, và hư từ với hư từ. Ngoài ra, hai chữ thứ bảy của các cặp thừa, chuyển, hợp, cũng phải đối âm.

Có rất ít ngoại lệ, nhưng thiên tài đôi khi phóng khoáng. Thí dụ như hai câu đầu một bài thơ Hồ xuân Hương :

*Một đèo, một đèo, lại một đèo,
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo...*

Bài này theo luật trắc. Cũng có bài nữa trên luật bằng và nửa dưới luật trắc hoặc ngược lại.

Summertime blues

ngày hè trôi chậm
bà cụ bách bộ trầm ngâm
áng mây lác đề thơ thần
sóng với cát vô tâm
cặp tình nhân xếp ghế cuốn khăn
mà chẳng biết mình đang làm
những nghi thức cuối cùng
phất phơ trên mấy cột buồm
lá cờ hai màu của thi nhân
xanh hơn biển
và trắng hơn quên lãng

Lập đông

nỗi lạnh
vất
 đông
tuyết ...
ba nghìn dấu chấm
trên nền trắng cảm xúc
mùa đông vẽ rồi xoá
những bình minh chết cồng
đập vỡ ký ức đóng băng
tôi tìm cặp cánh thiên di
có còn
nơi giếng mắt em
 một mặt trời hoài niệm ?

Chuyện cũ

khởi thi
là vòng tròn
xương thịt đuổi nhau
cuộc đua khép kín
sinh tử hai đầu
đôi khi cái hôn nghẽn lối
hun hút
đường hầm mắt nhắm
chiêm bao vút ngọn roi
trái tim bóp thắt
mưa rú gió gào
quạ lập cập nhắc tuồng
 chu kỳ máu

Chân Phương



*Tưởng nhớ anh Bùi Mộng Hùng
Nguyễn Hạo, 1999 (vẽ theo trí nhớ)*

Cởi

Lúc ngôn ngữ thành thừa thãi
Chúng ta không thể tiếp tục sống mãi bằng biểu tượng
Cởi quần áo
Biến mất như những làn sóng
Cởi những lần ranh
Như đất nước đang có hòa bình
Cởi màu da
Chúng ta đều trù tượng
Cởi em
Là một
Cởi lịch sử
Để các vĩ nhân trở thành hư cấu
Dưới đám tro tàn của biểu ngữ
Để lại từ các cuộc tranh giành
Chúng ta chỉ là những kẻ khờ
Đọc tiểu thuyết bằng cả đời sống.

Nhưng từ đó tôi đã có thể cởi quần áo cởi ngôn ngữ cởi
tổ quốc cởi tôn giáo
Cởi hết.

Như con khỉ vô nhiễm
Chưa thành người.

Lúc nào cũng có thể cởi

Để là mỗi chúng ta

Một

Một

Một

Và mỗi đêm tôi tiếp tục đếm những vì sao

Ở bên dòng thơ chưa chịu chết.

Lê Bi

Xuống Mê Trô, Sáng Đầu

Với Mai Ninh

Ngày rụng sương mưa xanh Vĩ Dạ
Áo tôi thừa ló vạt thiên thân
Một chữ *Mai* tháng Năm Sáu Tám
Đi xa thêm quê quán *Biển Đầm*
Phố đánh mùa làm reo cung mã vĩ
Mất thu tâm tư lự đá thu âm
Trời hội sáng đi đủ đây chim lẽ muộn
Mê rô xanh thêm một chuyến ân cần

2/5/2000

Bài Thơ Khi Rời Berlin

Với Trần Sa

Phố hàng hàng bao ô
để tối
trần cao tôi tưởng
một người
tay để trên
công tác
điện

mắt khép đóng
người tự hỏi
Chuyến tàu đã sắp đi
qua chưa ?
Lá đen lay ngoài
cửa sổ
trẻ muộn bầu trời
vào tối
trẻ muộn tiếng chim đen
và rồi người ấy đang
kéo chân
lên ngang ngực
như là em
khi hân trên chuyến tàu
đi qua
nhìn thấy mặt sau
(chỉ mặt sau thôi)
những ô phố cũ
chờ đợi một điều gì
xúc động
vì một niềm gì
khi biết
đây rất có thể là
lần nhìn thấy cuối
con phố tối này
những ô cửa
những đường dốc của mái
những rèm màn vắng
một hai chậu *geranium*
ban công
những đường ống xối xiêu đổ
chập choạng
mùi hương đêm trận
gió bất chợt
từ hotel nhà ga trung ương
lật ngược lá
trần và bạch dương
Những đứa con khi già từ
những người anh khi
bất ngờ
chút thẳng thốt
hàng bao người như kẻ

đứng ô cửa
tối nay
nhìn ngược vào mặt sau
phố mình
tìm kiếm em
trong
vùng bóng tối
em tay vẫn để trên
công tác điện
tắm chân đã thực
kéo ngang tâm ngực
em tay vẫn để yên
như thế
rất nhiều lần
trong một chiều tối chiến tranh
tưởng tượng
đã chấm
dứt
để được khóc
mà biết

5/5/2000

Hành hương tới Chartres

Với anh Kiến Văn

Tôi hành hương tới Chartres để thấy màu xanh kiếng đá
cửa thuẫn dài gô-tích
để nhớ về một màu *xanh gaz* bấp sáng lúc rạn trời
Phương Đông ngày cạn nước
Lửa cháy đỏ đây trong thôn làng rạ rạc
đói khổ *veins* gân tay
cầm nắm, thả buông, chốc chốc, kiếm tìm không khí
một thời huyền thoại thuần hậu hát ca có lẽ là không có thực
mà tôi vẫn tin
cuộc hành hương tới một bệ đá thờ rạn nứt, bên kia
Trên ấy là một bó rom, chẳng rõ lúa gạo hay lúa mì
một bó cột dây điều hai nghìn năm lẻ một cọng
rơi rớt một chú chim se sẻ
ngoài hiên mưa dột
đá tượng âm gì em bé hát
ậm ừ không rõ em cầm
hay sự điếc tôi mà trong mưa nghe ra vẫn được
chẳng bằng tai (ôi thế giới tốt ôn ào)
tôi ghé màu xanh ấy nghe mây kéo suốt một cánh đồng
monochrome Yves Klein trút cả xô xuống *toan* ngà trắng
Xin lỗi những thớ vải thô đang kín lấp
Làm sao người thờ, cổ ơi
Màu xanh ấy cũng là
của những bông *corn flower* ngày hạ
mềm mại dưới cỏ rom trưa im trung nguon đứng gió
cánh đồng sau một trận càn
bên những viên đá vỡ sứt cô độc
mà tôi vẫn ao ước
gối lên một, đặng bình an
cho thực hiện ý người
Lúc mà người
như một con người
cô độc nhất

6/2000

Thường Quán

1.

Sau dãy núi là mặt trời hoàng hôn
Sau màu vàng thu là những cuộc đời lá.

Nước mắt có khi rơi, sau một lần hạnh phúc.
Hay miệng cười như không,
sau năm tháng toi bời.

Mai,
mặt trời lại lên,
phía bên kia dãy núi ?

2.

Bên chiếc đu quay
trong ngày hội tháng mười

Chiếc đu quay trong ngày hội tháng mười
thong thả và giản đơn,
quay những vòng bất tận.
(Thấy cả nóc nhà thờ
khi vòng đu lên cao.)

Chiếc đu quay trong ngày hội tháng mười
lấp lánh trong đêm một góc trời thành phố
khách bộ hành đi chơi như nước
cuộc vui không biết đến nỗi buồn của mình.
(ở đây không có chỗ cho những niềm ẩn ức.)

Mắt mở to trước những vòng rộng rãi
của chiếc đu quay trong ngày hội tháng mười.

Đỗ Quang Nghĩa

Không tên

Vinh quang xưa như tấm da lừa
Người tiêu pha không tiếc
Anh nắm ngón tay tôi mỉm cười mơ hồ

Bài ca xưa thổi về lửa một thời
Ưu tư đam mê
Ngón tay anh gõ nhịp day dứt
Có những niềm tin làm ta xót xa

Người đánh bóng nổi đau đón cũ thành
vòng hào quang mới
Vòng hào quang nào chẳng là số không
Khi bên trong cái đầu thôi bốc lửa

Anh lặng lẽ rời phòng

Ở ngoài kia là nắng tơ non
Ở ngoài kia là một bóng hoa không biết tên
sẽ sàng nở trong cỏ

Ở ngoài kia là gió

5.4.2000, Diêm Tuyên Hồng Lĩnh

Lê Minh Hà

Bình võ

Trộn chiếc bình
Chỉ còn những mảnh vụn trộn lẫn với đất
Những cành tản mát tiếng kêu thưa :
“ Hãy cứu chúng tôi khỏi thảm sát ! ”

Di sản

Con bồ câu trắng cánh bay đi
Để rơi một chiếc lông trắng
Này em nhỏ
Em đã thừa hưởng được gì
Từ máu mẹ ?

Nước mắt

Nước mắt có vị muối
Biển đời vươm tới đâu ?
Ước chi mọi kẻ sống
Cười tiếng cười chân thật
Khóc cho đã nước mắt.

Hoà âm

Rừng và tôi
chúng tôi quán quít lấy mảnh hồ nhỏ bé này
bàn tay tôi phóng xuống nước
khuấy động những giấc mộng thâm kín của loài di sê
gió mờ cõi
biển thật xa xôi

Tôi đi ngoài đường phố
tiếng ồn ào huyền não ở bên đây những ánh đèn đỏ
chiếc bóng xe ra như cây quạt
dấu vết những bước chân ở mọi hướng
bờ dốc mờ cõi
biển thật xa xôi

Một khung cửa sổ bật sáng
ở bên dưới là những người trai trẻ
hát nho nhỏ và gây đàn
những điệu thuốc lá nhấp nháy
con sơn miêu mờ cõi
biển thật xa xôi

Trên bãi sạn em thiệp ngủ
làn gió nhẹ đậu trên khoé môi
những lớp sóng tiến tới thăm lên
xếp lại đường cong thoải thoải
mộng mờ cõi
biển thật xa xôi

Bắc Đảo (Bei Dao, nhà thơ Trung Quốc)
bản dịch của **Diêm Châu**
(*Tuyển tập Thơ Bắc Đảo*, Trình Bày)

Mai Rinh

Nền trong kẻ liếp

Lúc ấy, đầu buổi trưa, sau cửa liếp. Tôi vẫn yêu khoảng tranh tối tranh sáng của căn phòng cài bằng những song cửa gỗ. Chúng để lọt các vạch nắng hắt qua khe, tạo cảm giác một không gian khép, vừa ngăn chia nhưng vẫn còn chút tương giao với thế giới hở tung hỗn độn bên ngoài. Ở đó, hơi nóng nhiệt đới bốc lên hùng hục từ mặt lộ nhào nhựa đường. Cả nhà, anh Vân và chị Hạc, sau bữa ăn trưa hẳn đang thiếp ngủ. Tôi lăn từ tấm nệm giường xuống sàn đá hoa tìm hơi mát, lẩn thẩn sờ tay lên những làn sáng kẻ vệt trên các ô gạch in đường cong cong mà màu sắc chỉ còn nhờ nhờ khó định. Chiếc quạt máy trong góc phòng lay nhẹ tấm màn chị Hạc đã căng lên hai hôm trước. Bóng màn rơi cùng khe sáng, tôi nhòm dậy kéo tuột chiếc áo vải phin ra khỏi người. Đúng lúc ấy, anh Vân đẩy cửa. Anh nhìn sững vào thân thể tôi đang chơi đùa với những vằn nắng vẽ trên da.

Chiếc trục thẳng thả tôi xuống phi trường quân sự. Tên phóng viên Mỹ ngồi cạnh từ thành phố ra, lăm lăm chiếc Nikon kênh cằng, giơ lên bấm lia lịa khi tôi bước xuống ba bậc thang sắt. Gió từ cánh quạt thổi bay những sợi tóc tôi cố nắm lại, vạt áo dài trắng bật tung quần cả vào chiếc xách tay mà người phụ tá của anh Vân đến đón đang cầm hộ. Tôi xấu hổ cuống quýt kéo gờ, tự trách mình sao chẳng mặc quần *jean* cho tiện. Gã phóng viên đã đứng sau lưng, to lớn chùng đờ xuống là lấp kín cả tôi nhỏ bé, lại lách tách cố thâu khuôn mặt tôi vào ống kính. Tôi vội vàng quay đi, hấn cười: – *Sorry*, tại cô em đẹp quá. Tôi cúi gập muốn nói câu gì, nhưng chẳng tìm ra chữ. Thì ở trường tôi nào học đủ ngoại ngữ để thốt ra những lời lẽ cộc cằn. Anh chàng phụ tá liền thoáng giọng Đà Nẵng nhiều âm chữ a và e, giúp tôi trèo lên xe *jeep* và bảo, Trung úy chờ cô bên kia cầu. Bên kia cầu? Tôi mừng rỡ tưởng rằng anh Vân sẽ đưa đến gặp Đăng ngay. Màu xi măng xám ngắt của phi đạo chợt sáng nắng trong lòng mắt tôi mong đợi.

Không như tôi nghĩ, anh Vân mặc thường phục, trẻ và đẹp trai hơn Đăng đã tả. Hai hàng mi cong cười cùng với hàm răng trắng. Nhưng anh nhìn lơ đãng, chỉ một cái gật đầu. Tiếng nói miên trung của anh trải trải, không ấm và lai giọng bắc như Đăng, cũng chẳng giống anh hạ sĩ phụ tá.

– Đăng bắt ngờ bị hành quân. Tôi đưa Miên về nhà trước.

Câu nói ngắn đủ làm mắt tôi cay cay. Những háo hức mê muội lúc chân trước chân sau rời nhà, lúc ngại ngùng đối mẹ đi thăm con bạn tận Nha Trang, lúc gom những tờ thư luôn viết dở chừng cả tháng qua đem đi cho Đăng, bỗng chốc loà đi với

nắng trưa trải loang trên mặt nước con sông dưới chân cầu. Vậy mà Đăng réo gọi, vậy mà Đăng hứa, Anh sẽ có mặt ngay, khi anh Vân cho biết em đã tới. Dãy núi trọc bên kia bờ sông chắn ngang tầm mắt, cắt cái nhìn gãy gọn với chân trời xanh bản bản. Làm sao tôi có thể tưởng tượng ra vùng đồi núi mù sương mà Đăng từng kể cho tôi trên những hàng chữ chằm chằm dưới *bunker*. Đành lững thững theo chân anh Vân, lại trèo lên xe *jeep* băng qua cổng trại lính kiên cố, chung quanh hàng rào chất đầy bao cát chắn đạn. Phố phường lều tều hàng quán, không gian khô rang. Tôi đảo mắt tìm vài bóng cây xanh, chỉ bắt gặp những ống quần bà ba rộng dưới quang gánh, mấy tấm áo bông hoa của người con gái đạp xe mệt mỏi và dăm cặp mắt thiem thiem của cụ già ngồi dựa cột bờ hiên. Ở góc phố, rạp chiếu bóng tường vôi vàng đất hiện ra với tấm tranh che gần hết nửa mặt tiền, vẽ ảnh đôi trai gái màu mè rực rỡ nhưng mặt buồn rười rượi, lại cảnh chia ly. Bọn Mỹ mang sang đây phim cao bồi trình thám mới mẽ để chiếu xem trong trại, nhưng nhiều lần anh đã vào rạp xi-nê này, chỉ để nghe tiếng ghế kéo, và được ngồi bên em, ở Rex. Đăng đã bảo như thế, chàng đã kể bao nhiêu về cái tình lý nhỏ này, về những buổi chiều cuối tuần từ trên đồi cao trở xuống tìm một tách cà-phê bên bờ sông. Tiếng đại bác lúc ấy chỉ còn là âm thanh mơ hồ rơi rớt như những giọt mưa đầu thu trên thành phố xa lắc. Đã bảy tháng hơn, sau những ngày Tết khủng khiếp, Đăng chưa được về phép. Tin Đăng khi có khi không, lo âu, nhớ chàng điên dại, tôi gọi cho anh Vân, anh thu xếp chỗ trục thẳng cho tôi liêu lĩnh đi tìm Đăng. Sự liêu lĩnh của cô gái thành thị, mười bảy tuổi.

❖

Anh Vân vừa chỉ cho tôi căn phòng nhìn ra sân thì chị Hạc về. Chị reo vui như từng thân thuộc, tiếng Huế mềm không chờ đợi từ một dáng người khô gầy và mái tóc cắt ngắn. Nhưng cặp mắt chị to sâu đến nỗi tưởng rằng không bao giờ chúng khép lại và người đối diện có lúc không chịu đựng nổi, sẽ phải cúi nhìn thuận phục. Thế mà ai biết được điều gì gan đục đời người đàn bà ấy, ít nhất trong lúc tôi có mặt trên thị trấn này vào những ngày hè nung đốt, tiếp nối một mùa xuân rực lửa. Dắt tôi vào phòng, chị khoan thai mở to hai cánh cửa, khí trời còn hùng hục cuối chiều ập vào càng làm long lanh hai đồng tử đen nhánh. Những giọt mồ hôi ứa rịn mấy sợi tóc mai bên thái dương, chị Hạc mỉm cười nhìn ngắm tôi rồi chặc miệng :

– Yêu chi cho khổ ri trời. Răng gan dữ rứa, tiểu thư yểu điệu

thế ni, dám bỏ nhà bỏ cửa ra đây, rui mệnh hệ nào.

Lời than khiến tôi rùng mình. Bóng nắng sau lưng chị nhập nhoà với gương mặt nghiêm khắc và bàn tay thoăn thoắt búi lọn tóc chặt chẽ của mẹ tôi. Tôi áp úng định trả lời thì chị Hạc đã đưa hai tay ôm eo tôi kéo sát gần. Vẫn đôi mắt rút cuốn ấy, chúng đang nở lớn hơn nữa, choàng áp, bao phủ cả mặt tôi, chiếm cứ. Tôi cố gượng tránh né, chị bỗng buông ra, quay ngoắt nhìn ra sân, chỉ vào cái chòi lợp tôn sơn xanh dưới cây chuối hột, giọng thản nhiên :

– Đó là phòng tắm. Tắm nước mưa da mềm hơn nước máy.

Tôi ngẩn ngơ, nơi đây có đủ mưa để tắm ư với từng bãi cỏ vàng cháy trên con đường vừa đi qua.

Đêm hôm ấy tôi nằm co trên chiếc giường trải ra xanh mướt. Chị Hạc kêu với anh Vân, Con bé cứng đầu không chịu giăng mùng, ngày mai da dẻ mịn như xu xoa sẽ sần sùi đậu đỏ! Anh Vân, vẫn ít nói trong suốt buổi tối, cất tiếng ngăn ngừa :

– Hay đợi Miên đã ngủ, em vào treo mùng lên.

Lạ, anh Vân học ai, cứ gọi tôi bằng tên như người đồng hàng, vừa xa cách lại như cố tình gần gũi. Anh chỉ là người chỉ huy trung đội cũ của Đảng, từng giúp chàng chuyển thư từ về Saigon cho tôi được nhận nhanh chóng, mà sao họ quan tâm đến tôi nhiều thế. Tôi để cửa mở nhìn lên trời đen, nghe ngóng. Không có “ đại bác ru đêm ”, không cả ánh hỏa châu, chỉ tiếng oàm oạp, vo ve côn trùng, thỉnh thoảng ré lên chu chèo bọ mèo đang rượt đuổi tìm tình. Ở cõi này mà bình yên thế sao, trong khi nơi thành phố, chẳng đêm nào không bị đánh thức bởi những tiếng nổ chẳng đoán được xa gần. Có lúc chùng như mơ hoang đường, thế mà vẫn lo âu. Sáng mai vào lớp, tên đứa bạn nào sẽ bị xoá sổ vĩnh viễn trong gạch ngói tan tành đêm qua, một cái chết vô thường.

Gần sáng, tôi choàng thức với hơi thở ngắt dôn dập và chuỗi kêu sảng vọng qua từ bên kia vách tường mỏng. Vội tìm chiếc gối ôm đã rơi xuống đất, tôi xiết vào lòng, che chặt vành tai. Rộn ràng nhớ Đảng xa xót. Hai bàn tay chàng cuống quýt nhưng cuối cùng âu yếm vào cần cổ, có xa hơn chỉ là khoanh da thịt thật nhỏ bé bên hông, hé giữa hai vạt áo dài tôi, thiếu nữ. Bao giờ Đảng hành quân về, khi nào tôi nhìn thấy Đảng. Rồi những lúc được có nhau chúng tôi sẽ đi đến đâu, có dám bung toang tất cả những rào chắn, như Đảng đã điên cuồng khao khát trong những tờ thư gần kề cái chết, như tôi ngày thơ ọt tình tự hứa sẽ cho đi nếu Đảng sống sót. Hai chân quặp chặt chiếc gối, người và giường bên phòng anh Vân vẫn không ngừng gây tiếng động rập rình bồn chột, lấp cả mấy con chim cu đang rúc lên gọi sáng.



Ba bốn ngày đợi Đảng khắc khoải. Từng sáng anh Vân vào trại rồi chị Hạc lên xe máy đến trường dạy học. Nhìn vòng mông chị hẹp, xiêu trên yên với hai vai nhỏ xéch thân áo dài màu thiên thanh, tôi tự hỏi, với sức lực nào chị đã hò hét rồi van vỉ trong đêm. Chị vượt dọc theo sống lưng tôi rồi lên mái tóc, sau đó nheo mắt cười, xong đứng đỉnh dất xe ra ngoài đường cái. Vợ chồng họ giống nhau ở hàm răng đẹp lạ lùng. Nhưng nếu chị Hạc luôn nhìn tôi thẳng suốt bằng đôi mắt

trong thì anh Vân thường ngó qua rồi quay đi lẩn tránh. Điều đó đã xảy ra, ngay cả trước giấc trưa ấy, sau cửa liếp.

Khi họ đi, tôi bước ra phố thị, chỉ vài con đường là hết. Dân dả tôi tìm thấy mấy cây phượng còn sót ít lá xanh và vài cành vớt vát chùm hoa đỏ. Trên thân thỉnh thoảng đen xịt dấu vết trái nổ hay vệt đạn trụi cành. Từ đầu con đường chính đổ xuống bến tàu, quán phở, cơm bình dân rồi đến tiệm may âu phục với nửa hình nhân bằng nhựa không đầu, không tay, vạt áo vết bạc nhếch dưới tia mặt trời chiếu xuyên tủ kính. Người đàn ông duy nhất mặc quần đùi, ở trần, che tay ngáp bèn tắm bồn gỗ rộng và cao. Tuy thế, bỏ qua hai căn nhà đóng cửa im ỉm là gặp ngay những mảnh áo phụ nữ đầy hoa treo lủng lẳng ngay trên vỉa hè, chúng phát phới như reo cùng giọng cười rúc rích của đám cô thợ may. Có cô chú đầu đập máy, cô quì trên tấm phản, cong chòm ra trước gần như bò theo đường kéo cắt vải. Một bà nhiều tuổi hơn, ngồi ngay cửa vào, chẻ từng lọn rau muống xoắn xít, sau làn vải mỏng tanh hai vệt vú chảy dài xuống tận chiếc ghế đầu bé con. Bên kia đường, một cửa tiệm quan tài lớn choáng hai mặt tiền, và cạnh nó một mái nhà lụp xụp bán vàng mã. Chỉ bán thôi mà chẳng hiểu sao mới sáng đã mùi khói hương sục nức. Giấy tiền vàng bạc bày trong thúng, những khung tre dán giấy bồi hình xe gắn máy, nhà cửa, tivi, máy hát, xếp từng chồng. Dưới tấm bạt che mưa nắng chia ra hần lẻ đường, móc đầy quần áo, sơ-mi trắng quần tây đen, thêm vét-tông, gi-lê và cà-vạt hần hoi. Cả những bộ binh phục với sao bạc sao vàng, hoa mai, cứng ngắc giấy hồ. Đặc biệt, hàng mã ở thị trấn này toàn vật dụng đàn ông. Chợt vài chiếc xích lô và xe gắn máy đồ xịch, thảng rền rẹt, mấy người ùa xuống vội vã, kẻ vô tiệm hòm, người vào hiệu bên cạnh. Đám đàn bà của tiệm may cùng ngừng lên, nhìn sang. Cô trẻ nhất xì xào :

– Lại ở trong đó ra.

Cô cất vạt phụ vào :

– Thì mấy bữa trước đựng độ dằng trời, chết biết bao nhiêu.

Người đàn bà già chẻ rau nhếch nửa miệng :

– Cha mẹ nó, thời này chỉ bán quần áo cho ma là có lời. Cúng kiếng chi gấp gáp. Đem xác về trông, rồi cúng cũng được mà.

Chợt thấy tôi lóng ngóng trên vỉa hè, bà ta không biết nghĩ gì mặt hiện hần, hướng cái nhìn thương hại. Tôi lạnh người vội bước đi. Bỗng nghe mình bật khóc. Tôi quay trở về cùng lúc với hai người lính Mỹ từ đầu đường đi đến, phút chốc đã có mấy đứa trẻ từ đầu ào ra lệ làng, xì xỏ với những bàn tay ngứa.



Anh Vân khép cửa lại khi tôi vội vàng kéo tấm áo đầy người. Nằm im rất lâu trên nền gạch, tôi nghe anh nói nhỏ với chị Hạc :

– Đêm nay anh cấm trại.

– Khi mô Đảng nó xuống ?

– Chưa biết, em cố giữ Miên lại thêm vài ngày.

Có tiếng chị Hạc thở dài, rồi gọi to hơn :

– Mai anh nhớ về sớm.

Chẳng hiểu khi tôi thức dậy là mấy giờ, chị Hạc để tờ giấy

trên bàn bảo đi công việc. Tôi ôm áo quần ra nhà tắm sân sau. Mấy cụm vụn vàng đầu của chị Hạc trông làm tôi lại rùng mình tưởng đến bàn thờ hương khói. Nắng chiều đã nhạt đi trên nóc tôn của những căn nhà thấp thoáng sau bụi chuối. Lu nước mưa nổi văng nhưng tôi đã quen, mức dội ào ào. Nhớ vành trăng gần rằm tối qua óng ánh những bọt xà phòng bong trắng trên nửa thân người thẳng đẹp và chiếc quần đen thông ướt. Chẳng hiểu sao chị Hạc thích mặc quần để tắm ngoài sân như thế. Nhưng đầu gối, hai trái ngực đàn ông màu sữa, chỉ đoán được nhờ hai núm nổi rất hồng, nghiêng nghiêng đường rãnh lưng không đủ trũng, cùng phân sa tanh đen bóng của mảnh vải ấp cập chân dài, lại vương vương liêu trai, kích thích lạ lùng. Không rõ chị nhìn thấy tôi sau khung cửa chãng mà thỉnh thoảng chị quay về phía ấy, mỉm cười.

Tắm vào, tôi mở toang hai cánh cửa gỗ song, mắt bắt ngay vùng đất trống bên kia con đường. Chính giữa chổng trơ cái chòi gác bằng gạch xây vôi vữa. Vòng kẽm gai quấn dưới chân, lan thành thang trên mặt bãi lồi khơi từng cụm cỏ khô vàng. Một lần, anh Vân đã thản nhiên :

– Dấu tích của những ngày chiến tranh chưa tràn tới thị trấn. Người ta chỉ cần cái chòi này để thỉnh thoảng leo lên ngòi ngó trời là đủ. Bây giờ, Miên sẽ thấy dàn súng phòng vệ trên đồi, oai lắm.

Chị Hạc lúc ấy đang dọn cơm trong nhà, nói với ra, mai nữa :

– Không chỉ dàn súng, còn nhiều thứ khác, em bảo anh Vân chỉ cho coi, ở bến tàu đó, ảnh rành lắm.

Anh Vân nghiêm ngay nét mặt, ném điếu thuốc hút dở ra mặt đường rồi bước mạnh, thẳng lên con lộ dẫn về phía tiệm may. Tôi ngồi xuống trước đĩa cá nục hấp và những cọng rau thơm xanh bông. Bỗng thấy no ngang, hơi lợm mùi mắm nêm đáng lẽ phải bốc thơm cùng ớt chín đỏ nhừ. Chị Hạc long lanh khoẻ mắt, nhếch miệng:

– Ăn đi em, kệ ảnh.

Không rõ chị Hạc đi đâu giờ này, lũ trẻ con mấy nhà bên cạnh đã đi học về, xúm xít búng đạn đánh bài, tiếng la hét cãi cọ ồn ã chen với giọng cải lương từ đài phát thanh trung ương toang toang, lên bổng xuống trầm não nuột. Tự nhiên tôi xót nhớ căn gác nhìn ra cây gòn và vườn chùa im vắng. Mới mấy ngày tôi bỏ nó đi thế mà hình ảnh đã loang theo ánh sáng trống trên bãi đất cằn trước mặt. Trong căn gác ấy, còn lật nửa chừng trang truyện Kim Dung. Anh chàng Dương Qua đương tuyệt vọng gục xuống vực sâu gào gọi, nhưng Tiểu Long Nữ không đáp trả cái hẹn mười sáu năm, làm cô bé Miên quặn nấc. Vẫn trên chiếc giường đầy gối cuốn văn phạm Pháp mà con Miên phải ôn lại cho kịp ngày phỏng vấn đi du học, mẹ bảo vậy. Có cả tấm màn voan mong manh vượt ve trang thư Miên viết cho Đăng, gọi chàng về gặp trước khi Miên buộc phải nghe mẹ đi xa. Chuông mõ buổi kinh chiều lóc cóc boong boong từ dưới chùa ngân lên hoà lẫn với tiếng mưa Đăng thì thầm kể chuyện. *Mấy hôm rồi không tiếng súng, họ chạy đâu chẳng biết trong mưa lũ chợt đổ trắng núi rừng này em ạ. Hình như cả hai bên đều mỏi mệt, đều thêm thương một chút dưng nghĩ. Một khoảnh khắc chỉ để bình an trông mưa, ngủ nắng,*

nghe thiên nhiên động tĩnh hiền hoà. Nhìn, nghe và thương nhớ. Để thấy không phải chỉ toàn mùi tử khí mà còn hương sự sống và màu sắc tươi sáng lẫn nghẹn ngào của ước mơ. Chiều hôm nọ anh xuống làng chân đồi. Mấy cụm nhà lều tèo còn ươm khói. Đám trẻ con lếch thếch chạy theo, tranh nhau nhặt bất cứ cái gì của mấy người lính Mỹ lẫn Việt từ trên xe vớt xuống. Bao tử anh dội chất chua nhồn lẫn cay xé. Nhưng sau những khuôn mặt choắt khô, những bàn tay đen đũi, anh đã bắt gặp một đôi mắt tròn mở sáng và nụ cười đồng tiền rạng rỡ của cô gái mặc áo bà ba trắng đứng bên vách tường của ngôi trường duy nhất. Cô giáo làng ấy chừng không hơn em bao tuổi, nhưng cao lớn bởi phong thái điềm đạm, sẵn sàng ngọt ngào với lũ trẻ. Thành trung sĩ Mỹ vung xuống hộp kẹo, một đứa nhỏ chụp được. Cô gái gọi lại để phát chia cho cả đám. Tên trung sĩ thấy vậy nhảy xuống xe, hể hể đến gần gờ tay vuốt má cô ta. Không ngờ bị nàng quất mạnh hộp kẹo vào trán. Hấn lạng quạng, ôm mặt rít : Shit ! Bọn lính còn lại trong xe cười ngất nghẻo. Hấn cúi, đưa chân đá tung đám bàn ghế gãy chất ở gốc cây. Chợt tiếng đại bác 155 ly dội toang từ phía đồi. Cả bọn tức khắc rút súng, nhào xuống đất. Cảnh mái hiên trường, người thiếu nữ giang hết cả cánh tay như muốn ôm trọn những đứa bé nằm đẹp trên sân. Đấy em, một chiều trời trong và thanh bình với những dòng mây mỏng tanh của thứ hồn người không được quyền mơ ước một thực tế lành lặn. Anh trở lên đồi khi trăng nở chỉ còn là âm vang mơ hồ. Nhưng khuôn mặt cô giáo trẻ càng lúc càng rõ nét trong đêm. Xin lỗi em Miên ạ, lần đầu tiên, anh cảm thấy một người đàn bà gần cận đến độ có thể chia sẻ cả bóng tối của núi rừng thẳm hoặc.

Tiếng nấc ức nghẹn buồn tê điếng dồn trong ngực tôi. Nơi Đăng đóng quân xa mù với thành phố tôi sống, với căn gác tôi nằm. Làm sao tôi đến với Đăng để núm má lõm đồng tiền kia đừng thay thế mình trong giấc mơ hoang của chàng. Tôi đau đớn di ngòi bút trên trang giấy những dòng thương cảm và hờn giận. Những tiếng súng đoàng đoàng rầm rầm vang bên tai tôi như một bản nhạc nền. Thỉnh thoảng có hợp âm đập bùng bùng, tung bùng ngời sáng ánh hỏa châu. Lần đạn rít qua đồi trại của Đăng thốt lẫn với giọng mẹ tôi gọi từ lầu dưới:

– Con Miên làm gì chưa đem cháo sang cho bà kéo muộn.

Con Miên vội bỏ tờ thư, rớt hẫng khỏi giấc mơ đại bác, chực nhớ tới bà nội nằm ngay ngắn trên chiếc giường kê gần cửa sổ trông ra cây trứng cá đỏ hồng trái quanh năm. Bên cạnh đó, bà cô lờ thì gục gặc mân mê mũi kim thêu những bông hồng nhỏ tươi thắm như nhan sắc ấy, một thuở nào.

Lần này, tôi bước qua tiệm bán áo quan và đồ mã, đi dọc theo dầm quán nước vắng tanh thả xuống bờ sông. Vẫn tấm biển vẽ cặp trai gái hoen lệ choáng ngợp rạp chiếu bóng thấp tẻ, đám học trò mút kem và cắn hạt dưa lau chau đợi giờ mua vé. Dấu sao chổi này cũng sống động hơn vùng đất khô bụi trước căn nhà anh Vân. Nhưng làm sao tưởng được Đăng từng vào đây để tìm một ảo giác? Gió sông chiều nay nổi mát, tôi đi xa hơn và bấy giờ nhìn thấy những quán ba nhấp nháy ánh đèn. Tiếng nhạc ngoại quốc rần rật chen giọng tình ca tiền tuyến hậu phương suốt suốt. Mặt trời ngả đỏ trên đỉnh núi đen bên kia khúc sông mở rộng để sẵn sàng tìm biển. Đói

thuyền đánh cá thả cảm giác an bình trên mặt nước lạnh bạc. Tôi tìm chỗ ngồi trên đùm cỏ khuất sau vòm bàng rộng lá. Vài đốm sáng lóe lên rồi vụt tắt từ núi trọc, chắc chắn đó không phải nơi Đấng đóng quán. Đồi núi chằng cây cỏ mù đường, vây nhìn thung lũng có ngôi trường làng và cô giáo trẻ, mà *mortier* có thể bay qua hay rớt xuống phá tung bất cứ lúc nào. Sau lưng tôi, bắt đầu xuất hiện những người lính *marine* Mỹ, bộ binh Đại-Hàn và cả đàn ông xứ tôi cười nói cùng các cô gái váy ngắn, nũng nính mấy câu ngoại ngữ vô tội. Dĩ nhiên lũ trẻ con như ruồi bu tới với thùng đánh giầy, khay kẹo và thuốc lá, không kể những bàn tay lật ngửa xin tiền. Anh Vân đã dặn dò đừng đến bờ sông mà tôi chẳng nghe. Anh nào nghĩ rằng những cảnh tượng tự cũng có mặt giữa trung tâm thành phố, tôi từ đó ra đây. Nhạc ở mấy quán ba đập ồn lên theo bóng tối đổ. Mây từ núi chùng xuống, phủ thảm mặt nước đang ngả sắc thạch đen. Tôi đứng dậy đi về, nhìn qua lòng đường chợt bất gặp dáng anh Vân ôm lưng một người đàn bà đầy đặn, tóc quấn dài che nửa khuôn mặt bày cặp môi cam đỏ .

Chị Hạc chờ cơm dưới ngọn đèn nê-ông xanh rợn. Tôi vẫn ghét thứ ánh sáng lộ trần này. Tối nay nó càng làm bộ mặt và thân hình gầy guộc của chị Hạc tóp lại như những cọng cải luộc lọc xẹp, lạnh ngắt trên bàn. Tôi rùng mình nhưng chị Hạc vui, giục:

– Ăn đi em, cả nguội hết chừ. Anh Vân cấm trại tối nay.

Tôi nhìn mắt chị, chờ đần nhai những hạt cơm rời rạc. Đến đêm bất ngờ đổ mưa, bức nóng khí đất, chị Hạc bước vào nằm cạnh hít hà :

– Người thơm như vậy răng muối không thối hè ? Chẳng lẽ không đánh hơi ra mùi trinh nữ.

Tôi bật cười :

– Sao chị biết ?

– Răng không biết. Nè, ráng giữ nghe, đừng có vội cho đi. Chắc chi thằng Đấng xứng đáng. Mí ngu rứa Miên ơi.

– Chị Hạc à, chị khôn hay dại ?

– Khôn ba năm, dại một giờ cũng đủ. Hồi xưa dù đâu hấp dẫn bằng em nhưng chị không đẹp lép như ri, cũng mông đùi đầy đặn. Lấy nhau sáu năm rồi mà chẳng có con. Đàn bà không con, khô đét thành mả.

– Tại chị hay anh Vân ? Tôi tò mò.

Mưa đã nhẹ đi, nhưng nặng tiếng thở chị dài :

– Chị thèm con lắm, anh Vân còn hơn nữa. Chị vào tận Saigon chữa trị nhưng cóc hiệu quả. À, sáng mai em đi với chị tới chỗ nì, thôi chừ ngủ đi.

Tôi muốn hỏi thêm nhưng lặng lẽ gặt đầu, nằm nghe chị Hạc trần trở. Chốc sau, một bàn tay rờ rẫm lên vai tôi rồi luôn xuống tìm lật tà áo ngủ, giật mình tôi nhích ra, quay mặt vào tường. Chị Hạc xoay người, đầu lưng thở hắt. Những con mối đục gỗ lục cục rầm rì cùng mưa nhỏ đều trên ngói đường đưa chị vào giấc ngủ. Ngoài đường vẫn còn xe gắn máy thỉnh thoảng rồ ngang, không có đèn hay trăng rọi qua song cửa. Cũng những tiếng đạn nổ đầu từ xa, mơ hồ trong đồi núi, chẳng khác gì nằm trên căn gác nghe pháo kích và mấy chiếc

L19 lượn vòng mấy vùng ngoại ô thành phố. Mưa như đêm mẹ khêu đèn thăm thì với ảnh bố. Gió kêu tiếng rên đau của bà nội khô queo cứ kéo tằm chần che kín hai bàn chân bó chặt chỉ bằng nắm tay nhỏ thó. Luôn luôn thế, dù giữa tháng hè nóng bức. Bà không muốn ai nhìn thấy chúng, ngoài mấy người con gái của mình. Thỉnh thoảng bà đòi đỡ dậy đi ra phòng khách, nhìn lên bàn thờ bày toàn ảnh đàn ông. Ở giữa là ông nội áo mũ cân đai, chung quanh là ba đứa con trai yếu mệnh của bà. Ba khuôn mặt đàn ông trẻ tươi, bác, ba và chú tôi đều qua đời trên dưới tuổi ba mươi. Bà run rẩy cầm mấy nén hương khấn khứa, cầu giải một lời nguyên, bằng thứ ngôn ngữ mà tôi không hiểu nổi, rồi gục xuống tú thờ. Người bà cao dài, nên miệng ngang tầm những tấm hình, bà hôn dễ dàng lên ảnh những đứa con. Trong khi tôi phải kiễng chân mới chạm được ánh mắt người cha chết quá sớm, chẳng hề biết mặt. Chẳng biết mặt đã đành, tôi phải thay người gánh vai trò đứa con trai trong dòng họ, vì những thằng bé cháu nội của bà cũng qua đời non nớt. Tôi tự hỏi lời nguyên bí hiểm khủng khiếp, mà theo bà đã đưa đến sự yếu tử của tất cả những người con trai và những thằng cháu ấy, có phải chỉ tuyên là sự tưởng tượng huyền hoặc trong trí óc một người đàn bà vương giả nhưng bị bức uất bởi định mệnh cay nghiệt. Hay lời nguyên đó xuất phát từ một thảm kịch nào? Bà chẳng nói cho tôi hiểu đã đành, ngay cả mẹ tôi là con dâu cùng những người con gái đẹp và yếu điệu còn lại của bà ngày ngày ra vào, ẩn hiện như bóng ma cô độc. Mẹ tôi thì thào lặp lại :

– Bà nội bảo : Đừng cho con Miên để tóc dài, cắt ngắn đi. Con Miên học giỏi, cho nó đi du học, nó phải đỗ đạt thành danh như ông nội hồi xưa.

Rồi mẹ rướm nước mắt :

– Con cứ để tóc nhưng gắng học rồi bay đi, nhất quyết phải thoát cảnh mấy bà cô già của mày ngồi chong ngọn nến.



Sáng sớm anh Vân về, cởi chiếc áo mang hai hoa mai máng lên cột gỗ. Tôi thốt nhớ màu vải ca-rô xanh anh mặc tối qua ở bờ sông. Chị Hạc đã dắt hai chiếc xe đạp ra ngoài hiên, giục tôi xỏ giầy. Xoay người, tôi chạm ánh mắt bám chặt của anh Vân. Anh không quay tránh như mọi lần, tiếp tục nhìn chăm vào dáng tôi cắt trên nền cửa sáng. Khi chúng tôi đã ngồi lên yên, anh mới chạy ra hỏi :

– Hai chị em đi đâu ?

Chị Hạc cười đáp gọn :

– Nhà thương. Chút về em sẽ kể.

Tôi chẳng thèm ngạc nhiên, cố gắng đạp sau xe chị. Chị ngồi lưng thẳng tắp, lái thật khéo qua con đường đất đá ngược hướng con sông. Tôi suýt ngã mấy lần vì bạn ngó nhìn những con người lảng quăng vật vờ dưới các mái che bằng lá hay tôn dựng vội vàng. Trận mưa đêm qua đọng vũng sinh lây lội. Người lớn và con nít chạy đi chạy lại hai bên đường cùng với mấy con heo đen nhớp và bọn gà lúc tức xòe cánh dưới bánh xe tôi. Chị Hạc đạp chậm lại để nói nhỏ :

– Họ từ trên núi xuống tránh pháo kích.

Thế là tôi hốt hoảng nhìn kỹ hơn những bộ mặt đăm đăm

cần côi. Chăm chăm tìm ở đó một núm đồng tiền và đôi mắt to tròn của cô giáo trẻ, cho Đăng.

Nhà thương dân y cách trung tâm chừng ba cây số. Kẻ ra người vào, gập gáp lăm bầm hay lệt bệt thần thờ. Chị Hạc ra đầu dùng xe trước một hàng rào dây người ngồi dưới đất, rồi dẫn ngay tôi đến một người đàn bà mù ôm đứa bé độ ba tháng trên tay. Chị sà xuống vạch cái mũ rơm rách che mặt đứa trẻ trằm trồ nựng nịu :

– Coi nì Miên, con nhỏ dễ thương không. Cỡ này được sữa đây đủ thì phải biết.

Xong chị quay sang người mẹ :

– Hộp sữa hôm qua hết chưa ? Còn gói xôi ?

Bà ta nướng nướng hai tròng mắt trắng dã, làn da sạm tái không đoán nổi tuổi:

– Cô cho bao nhiêu thì ló dí ngộ ăn hết dôi.

Giật mình, tôi nhận ra mái tóc thường cắt bùm bê của những người đàn bà Tàu, giọng nói lớ ngợng đã từng nghe đâu đó. Chị Hạc gỡ gói bánh mì và hộp sữa buộc ở cần xe đặt vào tay bà ta, rồi nâng đứa bé lên :

– Tui bông nó chút. Có mấy trăm nữa đó, bà giữ kỹ kẻo bị giựt mất.

– Cô ui, đem ló đi đi. Ngộ không cần liêng đâu. Cô cho ló ăn, sương ló như con là đủ dôi.

Chẳng thể chịu đựng hơn, tôi quay đi, ngừng nhìn những vệt nắng ứa trên màu ngói cũ của bệnh viện. Tôi nhin hơi thở, tôi chặn đứng những sợi thần kinh, tôi bít chặt hai tai để đừng cảm, đừng nghe, đừng nhìn thấy khung cảnh quanh mình.

Sốt trưa tôi nằm vật vờ trong căn phòng khép cửa chần song, người hâm hấp nóng. Chị Hạc bỏ dạy học, ló đầu vào hỏi han, đưa thuốc và nước cam ép uống. Chị lại leo nằm cạnh, nhưng lần này thuận người ngay ngắn, tay vắt qua trán :

– Chị đem con nhỏ về nuôi Miên oi, em thấy sao. Bà Tàu đó tội quá, mang thai mà bỏ Chợ Lớn ra đây thăm chồng rồi bị trúng mìn mù mắt, nghe tin chồng tử trận trước đó mấy tháng. Chẳng hiểu rằng không ai trong nớ ra đây đưa bà về.

Tôi không đáp trả, chị ngỡ tôi ngủ, bỏ đi ra. Có biết đâu tôi chỉ muốn gào lên : Đừng nói tới bà Tàu. Đừng đụng đến máu huyết tôi. Đừng dựng lại trong trí não tôi hình ảnh người đàn bà Trung Quốc, từ xa xưa, vì tình yêu bỏ lia xứ sở và cuộc sống nhưng lựa, phải làm dâu và bị hành hạ trong một gia đình phong kiến Việt Nam. Người đàn bà còn xuân sắc đã sớm mất chồng, chỉ ngợng nghịu vài câu nói nước người. Bằng hai vai gầy và đôi bàn chân còn bó chặt thời công nương, dẫn dắt sáu đứa con trên đường đi tản từ bắc vào nam. Để rồi mất dần, mất hết những hòn máu thừa tự quý giá nhất. Quên cả mình trốn mẹ ra đến tỉnh lẻ chấy thiêu cỏ vàng này để làm gì, tôi lịm đi trong những ý nghĩ nhức đau bưng bưng, giữa buổi trưa hè oi đến sủi nhựa trên người.

Đầu chiều anh Vân ở trại về. Tôi tỉnh dậy với tiếng hát Thái Thanh từ bên hàng xóm, xé tim : *Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại. Anh trả lời mai một anh về. Anh trở về trên đời*

*ngang gổ, anh trở về dang dở đời em...*Tôi lại định bịt tai nhưng thoáng nghe tiếng chị Hạc phòng ngoài :

– Con nuôi mà mình thương thì cũng như con ruột. Cha nó cũng lính như anh. Tội nghiệp nó dễ yêu lắm anh à.

Anh Vân gất :

– Tự dung nuôi con Tàu lai, ăn xin ngoài phố. Điên.

Chị Hạc phản đối ngay :

– Không phải ăn xin, anh đừng đổ oan cho người ta.

Rồi hạ giọng, thần thờ :

– Thế thì... không bao giờ mình có con.

Tôi chẳng ngờ anh Vân tàn ác :

– Vấn đề là ở cô. Tinh trùng tôi tốt, tại sao phải xin con!

Chị Hạc gào lên :

– Chẳng biết ai hơn ai. Mấy mẹ đàn bà anh hẹn hò ở bến sông, anh gập gờ trong thành phố mỗi lần đi phép, đã ai cho bằng chứng là tinh trùng anh tốt.

Không có tiếng anh Vân trả lời, chỉ có tiếng xe rồ máy ào đi. Tôi vượt lại tám áo nhàu nát, bước ra. Chị Hạc gục đầu trong cánh tay nơi thêm cửa ra vào. Bụi trên đường cái bay mù với mấy chiếc xe vận tải và xe đồ chạy qua. Tôi cảm tưởng chúng tung lên rồi sẽ tỏa thành sương phủ xuống thân hình đã gầy hao đi vì những chịu đựng âm thầm của chị Hạc. Thì ra chị đã biết hết. Có thể chị thấu hết tất cả bản chất và thân phận đàn bà mà không nói ra. Goá bụa đơn độc như mẹ, các cô tôi, đau đầu như mấy cô thợ may hàng ngày ngóng sang cửa tiệm đối diện để đếm từng người đi mua hòm đón xác. Can cường và hiền hậu như cô giáo làng vui nhất tuổi xuân trong thung lũng rì rầm bom đạn. Và cả bà nội già của tôi cùng người mẹ mù, hai người đàn bà Tàu một đời lạc bước. Tôi ngồi xuống bên chị, nhìn sang bãi đất. Những vòng kềm gai dưới chân chòi gác chạy tròn tròn, thoáng chốc rủ nhau vượt qua mặt đường, ùa đến quán xoắn lấy tôi và chị Hạc.

Nhưng chúng tôi mệt nhoài, không vùng vẫy, lặng im như thế cho đến lúc anh Vân lái xe *jeep* trở về. Anh chẳng thấy gì, cứ chỉ lại nhẹ nhàng thường lệ, đỡ chị Hạc dậy và nói với tôi :

– Đăng đã hành quân về nhưng có lệnh cấm trại.

Đầu óc tôi mù mịt, chẳng còn một khái niệm về thời gian, ngay cả sự thương nhớ, đợi chờ. Chị Hạc ngáp ngừng :

– Hay... anh đưa Miên lên đó gặp Đăng.

Anh Vân chớp mau cặp mắt nãy giờ vẫn đậu trên vai tôi :

– Nếu Miên muốn, mình đi ngay.

Tôi vội vàng bước theo anh Vân. Chiếc xe *jeep* bỏ nhanh đường phố, băng qua đồng ruộng héo hắt cạn queo để leo lên đồi núi ấy. Chiều buông rất nhanh, vài đợt sáng sấp rút đi sau rặng cây. Chẳng biết lũ chim lạ đang xúm xít rĩa rói gì trên những đám đất bán tung giữa vùng cỏ dại. Thật sự cũng không muốn ngó nhìn kỹ lưỡng, đôi mắt chập chờn, chúng khờ đi vì những sợi thần kinh bị căng chùng đột ngột bởi bao điều vượt quá tâm hồn tôi mười bảy. Quên cả mơ ước được nhìn thấy không gian Đăng sống thờ, chỉ còn quay quắt một điều mau lên đến dãy trại trên ngọn đồi, choàng lấy cổ Đăng, oà khóc. Anh Vân lẳng lặng suốt từ lúc lên xe, thỉnh thoảng ném cái

nhìn lên tôi lọt tòm vịn cứng hai vành ghế. Chiếc jeep tung lên đội xuống theo những vũng hố lỗ chỗ cày suốt con đường. Chúng tôi đi qua vài khu nhà dưới chân hay lưng chừng đồi. Chẳng nhà nào nguyên vẹn, thưa vắng như bỏ hoang dù vài sợi khói và mùi củi rạ vương thơm. Bầy quạ vụt bốc bay từ một hốc đá, quang quác, hỗn loạn. Tôi co rúm người cùng lúc với máy truyền tin của anh Vân báo hiệu. Anh Vân nhắc nghe rồi vội quặt tay lái :

– Báo động, chúng ta phải quay lại.

Xe vừa trở ngược đầu đã ùng ùng mấy tiếng nổ nghe rất gần. Chú người ra trước tôi đưa tay ôm lấy mặt. Anh Vân dừng xe nghe ngóng, nhưng sau đó lại thình lặn, chẳng một tiếng quạ kêu. Tôi chưa kịp ngược lên đã thấy một bờ môi mềm áp trên cổ, vòng tay bện qua vai. Một vài giầy chao đảo mông lung, không phản ứng, rồi tôi vụt ngồi thẳng dậy, xô anh Vân ra. Tôi nghe rõ giọng mình chững chặc đến chẳng ngờ :

– Về mau, không chết cả.

Anh Vân ngồi ngay lại, anh nuốt gì mà trái táo Adam trôi thụt dón dập. Xa xa, từ lưng đồi bên phải, cột khói bốc lên mang theo ánh lửa. Nhưng lặng im chẳng bao lâu, lại râm một phát nổ toang vỡ đầu óc, tôi nín chặt lấy thành xe, để dừng bán tung với cột gỗ mái tôn đang bung xuống từ xa trên trời. Anh Vân vừa nhún ga lao về phía trước vừa cuống quýt :

– Đùng sợ Miên, Miên. Anh sẽ đưa em về đến nơi an toàn.



Ngọn nê-ông đã sáng trưng trên lưng chị Hạc đang mân mê mấy cuộn len màu hồng. Tôi kêu mệt bỏ ngay vào phòng. Hình như hai vợ chồng những nhắng vài câu và anh Vân lại lên xe. Rồi chị Hạc đẩy cửa, sờ tay lên trán tôi la hoảng :

– Úi chà, nóng ri trời. Cởi áo ra, chị cạo gió.

Tôi ngần ngại, nhưng chị không tha :

– Ta cạo bằng gừng, có đụng tới da thịt mi đâu, nằm sấp lại.

Chất dầu Nhị Thiên Đường ran rát trên da, chắc đang trở đỏ mấy dọc sườn từ vai xuống cạp lưng. Chị Hạc vừa đẩy cục gừng vừa nói :

– Chị quyết định rồi, anh Vân không chịu kệ ảnh. Ngày mai chị lấy con bé về, em đi với chị nghe. Cùng quá, thì nuôi một mình. Chị mới mua len đan áo cho nó, coi vậy cứ mưa là con nít dễ bị lạnh. Nì, để yên yên vài bữa, rồi thế nào Đãng cũng xuống.

Tôi úp sấp cứng đờ cho chị cạo gió, nghe tiếng chị than vãn mang mang trong căn phòng bình yên. Nhưng hồn tôi thì co quắp, tôi vẫn ngửa nghiêng hoảng lạc giữa ruộng đồi bốc cháy. Lần đầu tiên cô học trò thành phố mới bằng hoàng sát cận chiến tranh đến độ này, dù đấy chỉ là một phần nhỏ trên bề mặt. Chẳng mở miệng nổi để trả lời chị Hạc một câu là dù sao, thì ngày mai tôi cũng tìm cách trở về thành phố, tôi không chờ, không tìm Đãng nữa. Thoáng chốc, thấy mình nhỏ nhoi, bất lực, lạc đàn. Chắc chi giữa bom đạn này Đãng còn nhớ đến tôi, hay sự sống chết của cô giáo trẻ đáng thương kia mới là quan trọng. Tôi không hờn giận Đãng, mà lao đao dần vật. Đúng như khi về đến giáp giới tỉnh lỵ, anh Vân đỗ lại chỗ khúc sông cạn lờ, vắng vẻ, để ngó đăm một ánh mắt trĩu bóng chiều. Lần

này giọng anh trầm, nặng chát:

– Tại sao Miên ra đây ? Tâm hồn và thân thể tươi mát của Miên không đập nổi lửa khói súng đạn, chẳng hề tươi sống một cọng cỏ khô. Chúng chỉ khơi bùng trong chúng tôi, những thàng đàn ông trên đất cát nơi này, ngay cả cho Đãng, nếu hần được về, sự cón cào khát bỏng, thèm thường sự sống, tuổi trẻ, bình an lành lặn. Để làm gì, làm gì ? Đây không phải là chỗ của Miên. Đùng hành hạ chúng tôi bằng sự có mặt của em.

Có phải chính lời Đãng đang cảnh cáo : Đây chẳng phải là chỗ của em. Lặng nhìn bóng núi tím lịm, tôi cố hình tượng nơi Đãng đang trú quân lần cuối. Máy bay và trực thăng ồn ồm cất cánh, những mắt đèn diên của loài dã diều rục rồ từ phi trường quân sự. Chất bột đắng ngắt ở đâu nghẽn cổ họng, mới vài bữa trước tôi hơn hờ liễu thân bước xuống nơi ấy. Quay mòng một ý nghĩ học đầu lãng mạn “ Nhụy đào thà bẻ...”, trong khi thơ ngây vụng dại, có đâu một khái niệm rõ rệt nào về những gì có thể xảy ra.

Bây giờ hơi thở gấp, lưỡi hôn xoáy của Đãng trong Rex hay trước cổng tối nhà tôi đã mơ hồ như chưa từng hiện hữu. Có áp vào ngực chàng, chắc khác gì mùi ngai ngái trộn nắng và mồ hôi trên cổ áo anh Vân đã cúi sát mặt mình. Cả núi rừng, mưa lũ và nắng ngàn Đãng từng dựng lên, đổ ngập, trải dài trong hồn tôi bằng những dòng thư, cuối cùng cũng vô cùng xa lạ. Lạ như dây phớ với những bán buôn ảo dị nơi này. Nhưng làm thế nào để xoá chúng đi trong trí nhớ? Bởi vì dù muốn dù không, chúng đã trở thành một phần đời tôi, bất ngờ, ám ảnh, cửa đau.

Đêm ấy, trăng mười bảy đứng lâu ở hướng tây, chiếu qua song gỗ. Chị Hạc vắt tay qua người, thỉnh thoảng mân mê hai núm ngực tôi ngừng sau làn vải. Tôi thương xót để yên cho chị ú ở một cơn mê, rồi cũng chìm lịm đi, rồi rã. Đường như tôi đã trở về nhà bà nội. Chẳng còn thân người nằm ngay ngắn trên giường với tám chân mỏng đắp che chân, mà hai ngọn bạch lạp đang lập loè bên tám áo quan chưa đậy nắp. Những nén hương thấy tôi, chợp bùng bắn những tia lửa. Mấy bà cô mặt trĩu dài hơn năm tháng, cặm cụi cất may những mảnh sớ trắng. Trí óc tôi sao còn sáng suốt để tự hỏi thăm: người Tàu có mặc thứ này ngày đại tang, hay bà tôi đã khép mình làm người đàn bà Việt ? Đến cạnh quan tài, tôi cúi xuống khuôn mặt khép, đôi môi mỏng và vành tai đeo hạt vàng. Hai bàn tay dài chấp trên nền áo gấm đỏ cài nút một bên tuyệt đẹp và sang cả. Cũng bàn tay này từng cho tôi phong bao lì xì ngày Tết. Bao giờ tôi cũng được nhiều hơn những đứa cháu gái khác của bà. Nó tỉ lệ với vai trò thành con trai bà đã đặt lên tôi. Quay lại, mẹ đang quấn vòng gai để con gái mình đội ngày mai, đưa đám. Hình như tôi hiểu, chẳng thể nào khác hơn số mệnh, tôi sẽ đi học xa, sẽ cắt băng những sợi tóc ngang vai trước khi rời xứ sở.

Nén cháy mãi, cháy mãi cho đến lúc ánh bình minh lọt vào khe cửa.

MAI NINH
(giữa hạ, 2000)

thập niên ngũ tuần

NGUYỄN HƯƠNG

“ Em thì làm sao biết trượt băng ? ”
“ Thì tập. Cô có thể lướt phăng trên sông hồ.”
“ Cho đến khi băng tan ? ”
“ Không bao giờ tan. Sáu tháng trời, mỗi sáng tôi thức dậy băng đều không tan.”
“ Anh làm gì ở tận trên Alaska ? ”
“ Tôi đi làm cua, hồi mới sang đây.”
“ Anh nói bây giờ anh cần tiền làm gì ? ”
“ Tôi cần tiền để xăng đi tìm nhà bạn.”

Sổ tay Tân

24 tháng 5, 00

Xe tôi chạy phăng trên xa lộ đoạn cong đoạn thẳng lơ lửng trên thành phố Los Angeles đang bò tràn ra các vùng phụ cận. Nắng đỏ.

Đêm qua tôi đứng ở cửa căn phòng phủ bụi trắng có chiếc divan bằng kim loại bọc da nằm chênh ở giữa. Tôi hỏi mua. Không phải mọi thứ trên đời à trong phòng đều để bán hay sao ? Bà chủ vỗ tay. Hai con tắc kè trên divan nhảy phóc xuống cắn nghiêng hai mu bàn chân tôi. Tôi rầy rầy và hai con tắc kè quất qua quất lại. Quất qua quất lại.

Bây giờ thì xe tôi đang chạy phăng trên xa lộ. Mặt trời đứng lại ở cuối chân trời một giây. Mưa nắng. Tôi duyệt lại câu văn : tôi đi làm về chiều nay trời mưa máu. Mà hồng thủy trong thánh kinh thì màu gì ?

“ Mà em tên gì ? ”
“ Sâm. Tên Mỹ là Samantha, tắt là Sam.”
“ Trầm Sâm Trầm Sâm ơi / Anh ngâm ngãi lên non mà hồng thủy bắt ngờ.”
“ Thôi đi cha nội. Tóc anh bạc lẩn lộn. Bữa nào có tiền lại em nhuộm rẻ cho.”
“ Nhưng em làm nail mà. Với anh qua đây có một lần. Em cho anh mượn 5 đô chứ ? ”
“ Nói qua có một lần làm sao trả ? ”
“ Kiểm ra nhà thằng bạn nó trả. Nè em, phấn đổ trên giày anh.”
“ Thì như bụi trắng. Giày anh có sạch gì ? Khách em vô làm nail kìa. 5 đồng đây cha. Có trở lại thì dạy em trượt băng. Sân băng ở bên kia đường Knott.”

Sổ tay Tân

24 tháng 5, 00

Tôi kiểm lại một ngày làm việc ở toà án : Bị can tên

Đại, ở Mỹ từ năm 15 tuổi, năm nay 18. Nó đeo dây chuyền mặt Phật đầu cạo sát quanh chòm để ngán một phân. Nó nhìn tôi :

“ Nhà em đụ mẹ có nuôi một con chó.”

Tôi dịch lại :

“ Sáng nó kêu gấu gấu.”

Quan toà :

“ Chiều nó kêu gấu gấu.”

Biện lý :

“ Đại, mày đứng ở góc đường Baston và Fifth vào đêm 3 tháng 8, 99 có phải không ? ”

Đại :

“ Tôi đứng trong đêm.”

Biện lý :

“ Để bán bạch phiến.”

Luật sư toà chỉ định :

“ Phản đối. Biện lý suy diễn.”

Quan toà :

“ Tối nó kêu ... ”

Biện lý :

“ Tối nó kêu con em chúng ta từ những mái nhà ngoại ô êm ấm bằng sức quyến rũ của bạch phiến như gã thổi sáo thành Hamlin.”

24 tháng 5, 00

Đêm qua tôi thấy hán ngồi giữa căn phòng ngổ ngang bàn ghế cũ. Tôi mang đến cho hán hai điều thuốc. Một ngắn, một dài. Tôi chở hán trên xe mô-tô dài theo con đường có nhà cửa nghèo nàn và lá điệp rủ ở hai bên. Bên phải là dãy phòng trống không bỏ ngõ. Mỗi căn phòng chứa một tủ quần áo đàn ông. Mỗi căn phòng phía sau mở ra con lạch nước đục ngầu. Chúng tôi muốn dừng lại một căn phòng nào đó mà cả hai vẫn cứ đi. Qua dãy lều tị nạn ai nói : Để phải mười năm. Lều như trại tị nạn đảo Guam. Tôi chở hán ra bãi sông nước lấp sấp trống trơn trải dài ra mãi.

Hán ôm lưng tôi. Cả hai chờ nhau mà không ai tới. Cách một căn phòng ngổ ngang bàn ghế cũ. Cách ai nói đó Mười năm. Hai hàng cây điệp bông chùm vàng lụi lại. Cả hán và xe mô-tô của tôi đều biến mất. Chưa bao giờ tôi thấy hán đi cạnh tôi ra tới mé nước, tới biển, tới nơi. Đường ngắn đường dài hán đều biến mất ở nửa đường.

Đường ngắn đường dài anh đều biến mất ở nửa đường. Mười năm trước tôi đi làm về trễ như thế này là anh đã nói Tân ơi Tân ơi có cơm anh dọn sẵn.

Tôi hôm nay về trễ vì mưa. Mà trời có mưa không ?

Sổ tay Tân

24 tháng 5, 00

Tân ơi trời có mưa. Mưa mà nắng. Hồi trước mẹ tôi nói mưa nắng như vậy hanh lâm. Bức rúc mà choá hết mắt. Vậy nên tôi không thấy Tân lúc ở tiệm nail ra. Tôi đâm vào Tân mà Tân cứ xin lỗi. Tôi nói tôi tên Cang. Tân nói xin lỗi ông, tôi mãi nhìn ra bãi sông nước lấp sấp.

“ Xin lỗi ông. Tôi mãi nhìn ra bãi sông nước lấp sấp.”

“ Tôi tên Cang.”
“ Xin lỗi.”
“ Quanh đây đâu là bãi sông ? ”
“ À tại tôi già rồi. Mười năm trước còn bãi sông nước lấp sấp.”
“ Vậy sao ? Bà tên gì ? ”
“ Tân.”

“ Trăng năm mươi tuổi trăng già / Tân năm mươi tuổi vẫn là Tân ơi.”
“ Mười năm trước chồng em cũng nói những câu tương tự.”
“ Mười năm trước thì Tân đâu đã năm mươi.”
“ Nhưng chồng em cũng nói bằng tiếng Việt và anh ấy dọn cơm những lúc em đi làm về trễ.”
“ Giờ chồng em ở đâu ? ”
“ Chồng em ký giấy ly hôn bằng tiếng Anh. Chồng em không bao giờ đi cạnh em ra tới mé nước tới biển tới nơi. Chồng em luôn biến mất ở nửa đường như... Tay anh lạnh lắm nhưng mông anh ấm.”
(Tân ơi mười năm trước anh có thể hoạ chằng đụ em lần nữa. Bây giờ thì sờ mông đủ ấm. Mà tới nơi thì có cái gì ngoài bãi nước lấp sấp trơn trơn trải dài ra mãi ?)

Sổ tay Tân

24 tháng 5, 00

Mười năm lê thê dài Tân ơi. Trong mười năm, anh đi làm cua ở Alaska (À anh chưa kể em nghe về chỗ này, vì là anh lạnh quá, không thấy gì hết tới ngày trùm chăn thức thức ngủ ngủ tưởng tượng ra băng tuyết và những vũ công Eskimo cho tới khi bọn thẩu làm cua phải quẳng anh lên máy bay cho về Cali) ; anh làm thợ ráp điện tử xong lên chuyên viên điện tử ở Irvine ; anh làm thợ đi dây điện cao ốc ở Houston ; anh làm gác đêm cho hãng viết phần mềm điện toán ở Silicon Valley ; và bây giờ thì anh lãnh hết tiền thất nghiệp rồi chưa biết đi đâu đây. Buổi sáng trong tuần anh lang thang ở khu thị chính những thành phố ngoại ô có công viên vườn cỏ mà vắng teo, chỉ thấy những thân hình cong queo của người không nhà và người tàn tật. Còn thì người lành lặn có công ăn việc làm chỉ lướt qua trong xe đóng kín.

Tóm lại là khoảng cách thời gian đo vậy không ra gì. Em thấy anh mười năm vẫn loay hoay không từ đâu tới đâu.

Và em thử tưởng ra cảnh tượng sau đây :

Tiếng bíp và chấm sáng trên màn ảnh ra đa. Họ liên lạc nhau qua máy truyền thông rất bình thường. Toạ độ, cao độ gì đó. Những con số thôi. Xong thì không nghe gì hết. Em thử hỏi :
“ Bao lâu ? ”
“ Khoảng 10 phút.”
“ Rồi sao nữa ? ”
“ Chiếc máy bay không có đó.”

Em không biết 10 phút không nghe gì hay 10 phút không có gì lạ. Em nghĩ trong 10 phút tiếng con gái gọi em từ phòng ngủ – à em có con gái không nhĩ hay lớn cả và đi rồi ? 10 phút, tiếng gọi đứa nhỏ đi xuyên qua khoảng không giữa những bức tường, xuyên qua độ đặc của gạch, vôi, hay gỗ và bột giấy.

10 phút đủ khoảng cách thời gian để 217 hành khách đi từ sống tới không có gì, từ độ đặc của thể xác tới không có gì, từ đau sướng tới không có gì, từ thanh âm tới không có gì. Từ có đó tới không có đó.

Em thử nhìn xem hành khách có người đàn bà từ Victorville, Cali. Bà ta vừa nhớ ra nét mặt tươi cười của cặp vợ chồng Á Rập trong tấm ảnh dán trên vách quán Bagdad Café mà thật ra là Roadside Coffee Shop. Bà ta thấy bụi dầy lên dưới bánh xe Chevy của tên bồ 30 năm trước ngoài cửa quán. Đám bụi dầy lên trong trí nhớ bà ta cùng lúc người đàn ông ngồi cạnh té khỏi ghế ngồi, làm căng ống plastic mặt nạ dưỡng khí treo từ trần máy bay. Một người đàn ông khác ngồi ở dãy ghế sau cùng vừa ném lại mùi mặt xanh lúc ông ta chồm qua mạn thuyền ới thốc xuống biển Nam Hải mà thật ra là Biển Đông. Thân máy bay đang bể. Tiếng động xé tai nhưng ông ta không nghe nữa vì ông đang nhìn thấy phẩm chất màu xanh của Thái Bình Dương.

217 hành khách biến mất trên, dưới Đại Tây Dương. Không ai, có mặt hay không có mặt, nhìn thấy quá trình nát thây hay mất xác.

10 phút từ có đó tới không có đó.

Tân ơi, 10 năm của em chỉ là nhăng nhố. Ở cuối đường và cuối 10 năm không tới đâu. Bãi nước lấp sấp hay khu thị chính vắng người trải quá ngũ tuần của anh và của em.

Cám ơn em bao ăn bữa bò lúc lắc ngon và bao ngủ buổi đùi em ấm.

Bưu Thiếp

Sâm à,

Anh chạy xe kiếm nhà anh Kiệt cả ngày. Những cầu vòng xa lộ chạy ngoằn ngoèo, nhảy múa như những đường kẻ trên bản đồ Los Angeles và vùng phụ cận. Anh cứ nghĩ lơ mơ đến điệu múa Eskimo. Cô vũ công để lại những đường ngoằn ngoèo trên tuyết như cua bò. Anh lại lơ mơ nghĩ tới những con King Crab khổng lồ, mấy con Snow Crab que càng lêu khêu. Cái dạo rửa thịt cua, tối nằm ngủ anh cứ thấy mình đang vác búa nện xuống mu con King Crab bể nát. Máu cô vũ công tràn xuống, lan trên tuyết. Cô ấy có người em gái cũng đi múa. Anh chắc phải trở lên đó kiếm cổ. Anh nghĩ nên học múa thay cổ để vẽ lên tuyết những đường cua bò cũng hay.

À cuối cùng rồi anh cũng không kiếm ra nhà anh Kiệt. Lên tới Alaska anh sẽ gửi bưu thiếp về cho Sâm.

Cang,

24 tháng 5, 00

NGUYỄN HƯƠNG

HÀNH TRÌNH CỦA MỘT CON BƯỚM

Trần thị NGH.

Bốn năm sau ngày đất nước trở thành Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc, tức cách đây 20 năm, tôi viết truyện này.

Bướm xanh

Không cần biết năm nay là năm Quốc Tế Thiếu Nhi, mẹ chỉ biết bé An sắp được 4 tuổi, 4 lần ăn Tết Nhi Đồng. Càng lớn con càng biết thưởng thức các trò chơi và những ngày vui. Con càng lớn thấy mẹ cần làm bạn. Suốt buổi trưa nằm quạt cho con ngủ, mẹ tính nát óc buổi chiều chủ nhật của hai mẹ con. Để coi, nếu trời không mưa như vẫn hay mưa định kỳ vào buổi chiều, con sẽ ngủ dậy lúc 3 giờ theo thói quen, và mặc dù con hơi suyễn, mẹ vẫn nhất định đưa con đi chơi, tất nhiên sẽ mặc cái áo dài kín cổ cho đỡ gió. Mẹ sẽ đạp xe nhanh từ Phú Nhuận ra khu triển lãm Phố Đức Chính, để con khỏi phải mỏi lưng lắm vì đường xa.

Chương trình không thay đổi, chỉ hơi trễ nhỉnh một chút vì con ngời bô sau giấc ngủ trưa. Xem nào, một đồng rưỡi một cái lồng đèn ở gian hàng phục vụ thiếu nhi, giá đồng hạng cho bướm bướm, chim cá và máy bay, xe tăng... con định chọn cái nào? Chưa tính gian hàng bán đồ chơi bằng gỗ và nước ngọt – nếu nửa chừng con kêu khát. Hai mẹ con nói chuyện như bấp rang suốt đoạn đường dài. Trời gió lớn, trông buổi chiều mênh mông nhẹ hẫng, không có vẻ chuyển mưa, nhưng buồn. Rồi, mẹ lại sắp sửa lãng mạn. Bé An, con đừng giữ lưng áo mẹ lên thế, nghịch dữ quá! Ôm chặt bụng mẹ kéo té. Mẹ à, tại sao con ngựa đi chân không? Mẹ nó đâu? Mẹ nó ở nhà nấu cơm chờ nó về ăn. Nhà nó ở đâu? Ở Phú Nhuận. Cô kia là ai vậy mẹ? Cô nào? Cô che cây dù đằng kia. Cô ấy là người ta lạ đi ngoài đường, mẹ không quen. Cô ấy là mẹ của ai? Trời ơi, Bé An! Con nghĩ một lát đừng hỏi nữa. Có thể cô ấy là mẹ một em bé 4 tuổi mà con không quen. Sao cô không dắt em bé đi chơi?

Mẹ bí. Nhiều khi mẹ quạu, bực mình. Con không để mẹ nín thinh riêng tư. Nhiều khi con kéo mẹ ra khỏi những lo nghĩ, nhiều khi con đánh thức mẹ từ mơ mộng. Thực sự trong trí óc non nớt của đứa trẻ 4 tuổi, con chỉ muốn biết có mỗi một điều về mọi sự: Nó có mẹ nó không và nhà nó ở đâu? Con yêu, có phải con đang rất yên tâm có mẹ và một ngôi nhà ở Phú Nhuận để hai mẹ con trở về sau những buổi ứ hơi?

Khu triển lãm buồn thiu. Gian hàng đồ gỗ chỉ còn lèo tèo mấy cái xe lửa dài ngoằng giá đắt mẹ không đời nào chịu mua. Leo hai ba tầng lầu qua các phòng triển lãm thể dục, thể thao, giáo dục, thương nghiệp... hai mẹ con lục tìm gian hàng phục vụ thiếu nhi. Hết lồng đèn. Trong tủ kính chỉ còn mấy cái đèn gầy, trên tường một số đèn mẫu treo không bán. Bé An muốn khóc. Sao mẹ nói dối con? Đừng giận Bé An, mình đi chỗ

khác mua. Hay mẹ mua cho con hộp viết chì sáp để con học mẫu giáo? Bé An, hàng cần giấy giới thiệu.

Dĩ nhiên con không hiểu. Mẹ kéo con xuống mấy lượt cầu thang, con thở khò khè nghe tội ùng giận mẹ. Mình về Tân Định, con nhớ không, gần chỗ mẹ mua bánh cho con mỗi buổi sáng đi học đó. Con không chịu. Đường về con thôi nghịch, không nói chuyện với mẹ. Chiều xuống sậm sì. Mẹ thuyết phục, Tân Định có nhiều lồng đèn hơn khu triển lãm, giá đắt hơn nhưng mình tha hồ chọn. Bé An ôm lưng mẹ đi chớ. Con đi chơi về đừng bệnh nghe, sao tay con lạnh ngắt à. Bé An...

Sau cùng con cười úp mặt sau lưng mẹ. Rồi kìa, con thấy không? Cả một khu liền mấy gian phố rực rỡ đèn lồng. Những đứa bé có mẹ và ba dẫn đi chơi, và cũng có nhà để mang lồng đèn về. Bé An chọn chiếc tàu. Không, con gái không chơi tàu. Sao con không chọn bướm hay chim? Chim, bướm bay mất sao? Con mang tàu về nhà thả dưới nước chơi. Mẹ cười ngặt nghẽo. Ngọn đèn-ông hắt ánh sáng qua những lớp giấy bóng màu, in trên má con những vệt sáng nhoã nhợt ngũ sắc, hai con mắt tròn như hai dấu chấm hạnh phúc, vầng trán thom đây lông măng và tóc tơ. Dĩ nhiên mẹ chủ quan, và mẹ không ao ước gì hơn.

Hai mẹ con sau rất đồng ý chọn con bướm nhỏ xíu, vừa xinh vừa rẻ. Mẹ lại tính. Nếu không mẹ đã không chở bé An ra Phố Đức Chính để tìm mua cho được lồng đèn quốc doanh giá đồng hạng 1đ50 xu. Bao nhiêu cái này? Ba đồng! Một đồng thôi. Làm gì có giá đó? Một đồng rưỡi. Chưa tới giá. Thôi một đồng rưỡi đi. Đã bảo chưa tới giá. Mẹ không muốn mặc cả niềm vui của con. Một niềm vui 2đ bạc, để thấy con cười toe, khoe hàm răng sữa.

Hình như con đứng bé xíu trong đám đông, tay cầm cái lồng đèn bướm bướm và màu sắc của các gian hàng bán đèn lồng, mẹ thấy đẹp như nhìn qua cái ống kính vạn hoa. Bé An giống hệt nhân vật cổ tích của Perrault.

Có một điều mẹ không tưởng tượng được, ngay chính trong khung cảnh tuyệt vời đó, với con là một niềm cảm xúc vô tận của mẹ lúc ấy một cánh tay nhỏ gầy guộc, một cái đầu bù xù, chiếc áo rách không cài nút... mẹ chỉ thoáng nhìn thấy chú bé sau khi cái lồng đèn bướm bướm đã bị giật khỏi tay con. Chú bé chạy tung ra đường, vương xe té chồm tới trước, gượng ngồi dậy tiếp tục chạy băng qua phía chợ và mất hút trong hẻm chợ tối đen. Mẹ chỉ vụt nhìn thật nhanh màu xanh của con bướm bướm nhỏ bay loáng theo chú bé qua ánh điện trước hiên chợ. Còn bé An, ôi người bạn nhỏ của mẹ. Con đứng ngơ ngác, rồi mếu máo oà khóc nhìn quanh.

Ngày chủ nhật đã hết. Mẹ chở con về lại ngôi nhà nhỏ ở Phú Nhuận. Tại sao nó giật lồng đèn của con? Mẹ nó đâu? Nhà nó ở đâu? Đó là những câu hỏi chính mẹ cũng muốn hỏi. Mình còn có chỗ để về, phải không bé An. Còn con bướm kia bay về đâu?

Tháng 9/1979

Truyện được gửi đến báo X và Y, nhưng cả hai nơi đều từ chối đăng. Mặc cảm, từ dạo đó đến nay tôi chỉ thích đọc và viết truyện loài vật.

Tháng giêng 1999

Một độ khóc cười

Vũ Hôi Nguyễn

Cái tuyệt diệu trên đời này là đàn ông đàn bà, không sớm thì muộn, cũng từ những bó dưa lớn xẻ ra thành từng cặp từng cặp, trông đều ra phết. Ông trời xếp đặt mọi chuyện đâu ra đấy, cặp nào cặp nấy không đến nỗi tệ. Kể ra thì dễ thôi, bàn chân nào rồi chẳng tìm được chiếc dép xỏ vào vừa vặn, thân hình béo gầy méo mó ra sao đi nữa đều có bộ quần áo che thân. Đùng bày trò khác chỉ với vẫn mất thì giờ, kết dưa xong rồi mới cơm cháo được chứ. Cứ việc chung chân chung chiếu cho tới khi có một hai tí nhau dang hoàng. Sau đó nếu lủng củng quá thì lại đổi, làm cặp khác. Bị tắc ở đâu đó đã có vài mụ làm mối đẩy vào một chút là thông ngay. Mấy mụ quét dọn sạch những trường hợp ầm ớ, gái ảm trai mốc. Nói chung là vậy. Bây giờ thỉnh thoảng ông trời làm khác, tùm đôi lại hai đứa cùng giống, nhưng cái chính vẫn là không có chiếc dưa nào trợ trợ một mình. Chứ dưa lẻ thì gặp được gì? Dĩ nhiên còn lại một vài cá nhân ở giá. Con người đông quá, để xoành xoạch giống như gà ngỗng, có trời nào lo cho xuể hết mọi người. Chút ít ngoại lệ đâu có gì đáng nói, bữa ăn thịnh soạn phải có món này món khác. Quan trọng là cái quy luật chung.

Mà nhìn những đôi lứa thành hình thì không bao giờ thấy chán. Thế mới biết đời sống không lúc nào ngừng nở nụ. Người ta gọi hiện tượng phổ biến này là tình yêu. Nghĩ tới nó ai cũng lâng lâng, lời nói hết hẳn những câu văng tục, mặt không còn nhăn nhó xung xĩa, tim đập thình thình như nắp nổi không chịu nổi nước sôi. Chỉ cần bốc đại một cặp đàn ông-đàn bà, như Đỗ Trấn Hưng và Nguyễn Thị Ngân Vi chẳng hạn, là thấy cả một câu chuyện tình ngọt ngào hương thơm, đẹp hơn cả những đoá hoa đại trong rừng.



Trấn Hưng và Ngân Vi nào còn trẻ trung gì cho cam. Trấn Hưng đã 20 tuổi cái năm chạy từ Pắc Xế qua Paris, bây giờ nhẹ lấm cũng trên dưới 40. Ngân Vi thì không thể nào đoán. Ở nàng tuyệt đối không có gì đoán được. Thấy bói có thêm ngoại cảm và internet cũng không chọc thủng được những bí mật của nàng. Phải khờ lắm mới mong lật ngửa tuổi thật của người ta. Nhưng Ngân Vi kiểm chồng cuống quít như vậy chắc đã khá muộn. Thời nói nàng khoảng 35 cho xong.

Nhìn Ngân Vi không ai nghĩ nàng có thể một ngày thành gái già. Nếu tả cái đẹp của nàng thì đọc giả lại tưởng là nhân vật tiểu thuyết. Nên chỉ nói đến cái khôn lanh toát ra từ người đàn bà này. Đôi mắt to tròn của nàng không bao giờ mất cảnh giác. Đôi mắt quan sát không ngừng, không bỏ sót một chi tiết nào quan trọng trong tâm nhìn. Đôi mắt đã hiểu từ đời nào bao nhiêu chuyện trên trần gian này. Vậy mà khi cần, chúng dụi hiền hiền lại, tràn đầy ngay trêu mếu. Đàn ông từ đó tha hồ tưởng tượng đủ mọi thứ chuyện.

Ngân Vi hấp dẫn bao nhiêu thì Trấn Hưng tẻ nhạt bấy nhiêu. Anh chàng trông mệt mỏi lừ đừ. Làm như từng bị cuộc đời già cho hết trận này đến trận khác, chẳng biết hẳn còn thiết tha gì nữa không. Ấy thế không chừng tất cả là một kiểu cách. Có lý thuyết cho rằng bất cứ ai lúc yêu cũng tươi đẹp ra. Nhưng khi Trấn Hưng yêu tới đa, yêu căng tim, mặt hẳn chỉ chuyển từ màu xám đậm qua màu xám nhạt. Mắt hẳn chỉ thoáng một tí hồng, phải để ý thật kỹ mới thấy. Nụ cười hẳn bớt nhàu nát, nhưng vẫn phải đợi qua hết một mùa thu.

Trấn Hưng và Ngân Vi sống ở Paris đã lâu, vẫn minh nơi đây không còn làm họ sợ. Xa lắm rồi xứ Lào hiền hoà hay thành phố Sài Gòn vênh vao của thời trước. Bây giờ Ngân Vi nói năng có xen tiếng Tây, Trấn Hưng văng tục bằng cả tiếng Tàu. Hai người đều lang thang ở ngoài cộng đồng của mình, mù tịt về những nơi tụ tập, giới hội này nọ của người đồng hương. Hồi đó Trấn Hưng và Ngân Vi qua Pháp một mình, gia đình bị kẹt ở lại, qua đây lại chẳng có mấy bạn bè, thành hai thân phận đơn độc trong một thành phố 10 triệu người. Thử hỏi làm sao ông trời không mỉm lòng, không đặt chuyện cho họ gặp nhau?



Trấn Hưng làm việc trong một công ty người Tàu, phân phối thịt bò cho các siêu thị và tiệm thịt Á Đông trong Paris. Công ty chuyên về bò, các loại thịt khác không lo. Và chỉ có khách mua khối lượng lớn, những khách này sẽ chia tiếp cho các tiệm ăn và cửa hàng nhỏ. Công việc của Trấn Hưng là chuyên chở hàng. Nói cho rõ, lái xe, nhận hàng và giao hàng là chính, khâu vắt thịt là phụ. Vào được chỗ làm này không phải dễ. Nó thường dành cho các thanh niên từ lục địa Trung Hoa đi chui vào Pháp, nhận lương rất thấp và mạnh khoẻ hơn Trấn Hưng. Chỉ tội những thanh niên này có lẽ sẽ không bao giờ biết ngoại ngữ. Hăng thiếu những kẻ như Trấn Hưng, đã học sơ sơ tiếng Tây trong các chương trình tiếp đón tỵ nạn, đủ để tiếp xúc với dân thổ địa giao hàng. Cả hăng chỉ có Trấn Hưng không phải là Tàu. Thế mà hẳn lại được một công tác tương đối sạch sẽ, có cả phần giao tiếp. Phân phối thịt bò là một lãnh vực không sợ tương lai. Trừ khi cái chuyện bò điên, mới xuất hiện gần đây, trở thành thực sự trầm trọng.

Giờ giấc của Trấn Hưng không giống những nhân viên văn phòng. Mỗi ngày hẳn thức dậy lúc 3 giờ sáng. Sau ly cà phê và điều thuốc, hẳn sẽ lấy ra chiếc xe gắn máy cũ rích hẳn mua để đi làm. Bắt buộc phải có nó, giờ ấy chưa có metro hay xe buýt. Hăng của hẳn nằm ở Vitry-sur-Seine, phía ngoại ô Nam của Paris. Xưởng rộng mênh mông, bãi đậu xe đủ cho cả chục cam nhông lớn nhỏ. Hẳn sẽ đổi chiếc xe gắn máy thô tả lấy chiếc RVI 802D. 12 thước chiều dài, 4 thước chiều cao, dư sức chứa 20 con bò, cabin lái cao lêu nghêu khác gì máy bay. Giá loại xe này không thể dưới 3 triệu quan Pháp, cả hăng chỉ có 3 chiếc. Ba chiếc sẽ cùng lên đường trực chỉ cảng bộ Rungis, trung tâm phân phối thực phẩm lớn nhất vùng Paris.

Sáng tinh sương là lúc trung tâm Rungis tưng bừng nhộn nhịp nhất trong ngày. Cả trăm chiếc xe vận tải khổng lồ nối đuôi nhau tứ phía, vào ra các khu thịt bò, thịt heo, các loại thịt khác, cá tôm đồ biển, rau cỏ, trái cây. Không gian sáng rực, đèn xe, đèn bãi đậu, đèn nhà kho.Ồn ào khắp nơi, tiếng động cơ xe, tiếng động cơ máy đủ loại, tiếng loa phóng thanh âm

âm, át hết tiếng người. Cả một màn vũ vĩ đại diễn ra không ngừng một phút, không vấp vấp một chỗ nào. Khu bò là khu lớn nhất trong trung tâm Rungis. Bò ở đây đã được chặt đầu, cắt đuôi, lột da, cưa đôi theo chiều dài và rỗng bụng. Trong các nhà kho, xác bò chồng chất lên nhau thành những đống cao ngút đến gần trần. Các chiếc xe trục quay quân chung quanh, cắm sâu hàm răng sắt vào những khối thịt, nâng chúng lên cao, gom chúng lại từng xấp có ngọn, đem ra ngoài. Khi đến phiên Trần Hưng, các chiếc xe trục áp tới gần, các hàm răng sắt đưa từng nửa bò vào tận trong xe hán. Những gã lực lưỡng đứng sẵn trong đó chỉ còn việc dựng đứng bò dậy, treo chúng vào những móc trên trần xe. Trần Hưng phải đếm kỹ số khách hàng lên xe mình, giá của một nửa bò đầu phải nhỏ. Đã vậy luật lệ của Cộng đồng Âu châu còn rắc rối, bắt hán dí mắt vào đời tư của mỗi con bò, kiểm soát là mỗi đứa đều được xăm đầy đủ về những chặng đường nó đi qua. Đàn bò cứ từng con trình diện hán, thịt đỏ lôm, mỡ nhẽ nhãi, xương cứng ngắc. Trần Hưng chưa bao giờ biết cần bao nhiêu bò mỗi ngày cho một thành phố 10 triệu người.

Khi xe Trần Hưng về tới hăng, tất cả nhân công làm việc tại chỗ đã có mặt. Hán chờ người ta tải hàng trên xe vào xưởng, xong rồi sẽ đi Rungis chuyển thứ nhì. Một ngày phải làm hai chuyến, ông chủ chưa đủ tiền mua thêm xe.

Trước đây Trần Hưng đã từng làm những công việc trong xưởng. Nằm giữa xưởng là một sàn gỗ trông như một sân khấu. Khoảng 50 thước chiều dài, 30 thước chiều ngang, 1 thước chiều cao. Sàn làm bằng những thanh gỗ bẻ ngang không quá 20 phân, luôn luôn có khe hở giữa hai thanh. Ở dưới là một bể xi măng cùng diện tích với sàn gỗ. Đó là một cái thớt khổng lồ để cắt thịt, nằm trên một bồn hứng máu. Nhân công đứng trên sàn có tới mười mấy mạng. Mỗi người trùm một áo mưa màu đậm, loại che phủ hết thân và cả đầu, chân đi giày cao su cao tới gần đầu gối, tay mang găng dài, mắt có kính che kín. Khi bò được bày đầy đủ trên sàn, họ lấy ra những máy cưa điện to tướng, giầy điện bắt đầu chàng chặt tứ phía. Xưởng sống dậy nhanh chóng. Chỉ chốc lát là âm ì tiếng rít của cưa, tiếng gầy nát của xương, tiếng hét chửi của bọn trẻ bị kích thích. Xương, thịt và mỡ văng lung tung, làm mịt mù cả không gian, vung vãi khắp quần áo và mặt mũi nhân công. Thịt tung lên từng mảng, thịt ngã đổ nghiêng ngửa, thịt quần quai đau đớn. Máu phun tứ phía, nhuộm đỏ mặt người, chảy ào ào xuống bể hứng. Bãi chiến trường giữa người và bò bầy nhầy máu, mỡ và rác xương. Chỉ khi nào các máy cưa ngừng hẳn, người ta mới tháo gỡ giầy điện, tung ra những tấm nhựa lớn, bao bọc kết quả của cuộc tàn sát, kéo dài những ống tưới nước. Thế là thêm được một bước trong tiến trình thu nhỏ con bò cho vừa mồm con người.

Đợt bò thứ nhì của Trần Hưng về tới nơi là một số thịt cưa xong đã chờ sẵn trên cam nhôm, loại nhỏ hơn chiếc RVI 802D. Hán chỉ cần đi từ tay lái 802D qua tay lái Cumbo. Cứ chiếc Cumbo nào đây là ra đi liền. Chúng lữ lượt lên đường, phân công đưa đi khu Belleville, đưa đi khu Choisy, đưa đi quận 18.

Các phố Tàu, cũng như mọi khu buôn bán, giờ ấy nhận hàng đủ loại. Giao thông kẹt cứng, xe nhích từng bước một. Cam nhôm giao hàng thay phiên nhau chặn hết lối đi. Thiên hạ ngồi đợi suốt thời gian hạ hàng. Còn phải cho tài xế thời

gian tán phết hay chửi lộn với người nhận, thời gian giễu dờ với đồng nghiệp ở xe khác, thời gian làm cử chỉ khó tả về phía các đuôi xe cá nhân bóp còi inh ỏi phía sau. Tại mỗi nơi giao hàng, Trần Hưng cố tránh phụ vào việc khâu vác thịt. Hán chỉ muốn kiểm soát, ký giấy tờ và giao tiếp với khách hàng. Trong lúc thiên hạ lằng xằng khiêng hàng, hán chọn thế đứng nghiêng nghiêng, cặp hai tay sau đít, cầm điều thuốc trên môi, mặt khó đăm đăm, thỉnh thoảng phát biểu vài câu tiếng Tây cho mấy chú Tàu nề phục.

Coi vậy mà đến cuối ngày lao động, vào khoảng 1 giờ trưa, Trần Hưng mệt đừ. Chỉ muốn lẹ lẹ ra về với chiếc xe gắn máy. Nếu là thứ năm thì trước đó lấy phần thịt của mình do hăng tặng, 500 gam thịt mỗi tuần, món quà rộng lượng của một ông chủ mến thương nhân viên như con cháu trong nhà.



Thịt bò, trong chuyên môn của Ngân Vi, chỉ là một mã số mặt hàng. Nàng làm việc tại một siêu thị rất lớn nằm ngoài Paris. Nàng ngồi ở một trong 20 quầy thu tiền, nơi người ta nối đuôi nhau tạm biệt siêu thị. Cái chỗ có những khuôn mặt thoải mái, thấy đời mình đầy đủ hơn với chiếc xe đẩy ngập đồ tiêu dùng.

Sống xứ này có ai chưa từng vào một siêu thị cấp cao, cung điện tiêu biểu của xã hội văn minh? Đầu còn phải tả một diện tích mấy ngàn thước vuông, một bãi đậu xe mấy ngàn chỗ, những dãy sản phẩm không làm sao coi hết, mặt hàng vượt cả sự tưởng tượng của khách mua, vô số bảng giá đủ màu đủ cỡ. Ở đây, những mồi mọc dụ dỗ bám vào từng bước đi của người đến thăm. Siêu thị là nơi cuộc đời lên hương mỗi lần đồ hàng xuống giá. Là nơi bất cứ túi tiền nào cũng có những hạnh phúc chờ đợi. Là nơi vật chất độc quyền ngự trị, đồng nghĩa với sự giàu sang và sức mạnh. Vẫn biết chỗ nào người ta cũng tiêu thụ. Nhưng siêu thị có đám đông khuyến khích nhau tiêu thụ, không phân biệt người giàu kẻ nghèo, người nhu cầu nhiều, kẻ nhu cầu ít, người kiếm đồ hảo hạng, kẻ tìm đồ rẻ dums. Ngày hôm nay, các siêu thị ra xa những thành phố thiếu chỗ. Chúng mọc lên, càng ngày càng lớn, giữa những vùng đất trống hoang. Chúng là những khu rừng mới của thời đại. Hàng hoá thay thế cỏ cây, chất đông lại cũng thành một chỗ thoát trần cho những con người của thành phố.

Công việc của Ngân Vi rất quan trọng đối với siêu thị. Quầy thu tiền vừa là miệng ăn của nó, vừa là hình ảnh tiếp khách tại đây. Công việc của Ngân Vi rất giản dị, không đòi hỏi hiểu biết và tài năng, đầu óc khỏi cần suy nghĩ. Chuyện làm không thay đổi bất kể loại khách, loại hàng, ngày giờ. Chỉ vồn vện một số động tác trước mỗi người khách. Bắt đầu là: hướng mặt về phía khách, cười tối thiểu, nói « *Bonjour* ». Chấm dứt là: hướng mặt về phía khách, cười tối thiểu, nói « *Merci et au revoir* ». Ở giữa là một chuỗi thao tác cần giữ nhịp độ đều đặn cho lâu mệt. Đạp để nệm đặt hàng đi tới, bóc một món hàng phía tay mặt, tìm mã số trên đó, đưa món hàng đi qua mặt kính đọc mã số, lắng tai nghe tiếng bíp, thả món hàng xuống phía tay trái, nếu là quần áo thì gỡ miếng nhựa chống trộm, bóc món hàng sau và làm lại, xong món hàng cuối thì coi xem có đủ bao nhựa phía tay trái, bấm nút tính tiền và mở ngăn kéo tiền, nhận các phiếu trừ giá, nhận tiền mặt và thối tiền, hay sử dụng máy đọc thẻ tiền điện tử, máy diễn ngân

phiếu, máy đọc thẻ trung thành, gom lại đưa cho khách các loại thẻ, biên lai và hoá đơn. Lúc đầu óc cần tập trung nhất là lúc thối tiền, cuối ngày có thiếu hụt thì nhân viên phải lấy tiền mình ra trả. Ngân Vi không khi nào được mất bình tĩnh. Cho dù khách có cả núi đô, khách xếp hàng đã lâu, khách vội vàng hay chậm chạp, khách cầu nhau vô cớ, khách tâm sự nói nhiều, khách tán tỉnh vô duyên. Mặt Ngân Vi không khi nào được buồn, mệt hay quá vui.

Giờ này qua giờ khác, thân nàng quay đi quay lại trên ghế, tay bốc hàng, tay bấm nút máy, mắt đi từ màn ảnh này qua màn ảnh kia. Khách và những món hàng chỉ là những hình ảnh trừu tượng đi qua nàng. Nhờ nhiều năm ngồi quầy, Ngân Vi giữ được eo thon và đếm tiền lệ thoăn thoắt. Nếu thiếu khách thì Ngân Vi phải rời quầy làm chuyện khác. Nhân viên thu tiền ngồi không là một hình ảnh xấu cho siêu thị. Nàng sẽ mang ngân tiền của mình đi cất, rồi đến phụ giúp ở một khu hàng. Người ta sẽ ghi lại ngày giờ lúc đó như một sai lầm trong quản lý quầy. Phải tính rất kỹ số nhân viên có mặt ở quầy, làm sao bảo đảm lúc nào khách cũng xếp hàng. Không có đười ươi là có hiểm hoạ dư nhân viên.

Phải kể đến những ngày hải hùng, dịp Giáng Sinh và các thời kỳ đại hạ giá. Ngân Vi phải làm việc nhiều giờ hơn và lạ hơn. Con mua sắm những ngày đó lên cao độ, đám đông tràn ngập siêu thị, không khí hô hấp cuồng loạn, máy phóng thanh gào thét cho ra hội chợ, khách hàng bị kích thích say khướt, những đười ươi khách trở thành những con rắn ngoằn ngoèo tới tận đầu đầu. Ngân Vi không ngừng tay trong nhiều giờ liên tiếp. Những sóng hàng ập tới như nước lũ, thiếu hết tiền giấy lại tới tiền các, máy phải đọc thẻ liên miên làm sao không có lúc nghẹn họng, những cuộn giấy in cứ phải thay dài dài. Cuối ngày, tay chân Ngân Vi mỏi dừ, thân thể rã rời, đầu óc tỉnh mãi không xong cái ngân tiền của mình, mắt không còn chịu nổi các ánh đèn, tai sợ bất cứ tiếng nhạc nào. Những ngày hôm ấy, Ngân Vi thấy siêu thị ngả hết lòng về khách, thật bội bạc với nàng.

Giờ giấc làm việc của Ngân Vi càng ngày càng thất thường. Số là cạnh tranh giữa các siêu thị đã trở thành gay go, và cái lời thì mỗi năm lại bắt buộc phải nhiều hơn. Ban giám đốc siêu thị tìm mọi cách tăng giờ mở cửa. Thêm những tối, những ngày chủ nhật, những dịp đặc biệt. Đồng thời, số nhân viên có mặt phải bám sát theo sự tới lui của khách hàng. Theo mùa không đủ, bây giờ thành theo tháng, theo ngày, theo giờ. Những giờ ở ngoài giờ lao động bình thường có tiền thưởng và thời gian bù trừ hết sức phức tạp. Khác nhau tùy khoảng giờ, tùy ngày lễ hay không, tùy số giờ liên tục, vân vân... Siêu thị có một tài liệu về giá trị các giờ đặc biệt này. Tài liệu có ý gây hoả mù, đọc vào là vỡ đầu như chơi.

Vậy mà Ngân Vi nghiên cứu nó rất kỹ, biết giá trị chính xác của từng giờ đặc biệt. Nàng xung phong lấy tối đa những giờ loại này khi chúng xuất hiện. Còn thương thuyết thay thế những đồng nghiệp bị gọi đi làm những giờ giá cao nhất. Với những ngày nghỉ bù, cuối cùng Ngân Vi làm việc ít hơn người khác nhưng lại được thêm một số tiền không nhỏ đối với nàng. Phòng quản lý nhân viên còn thấy nàng đáng làm gương, không quên thưởng thêm. Thật ra, nàng làm nổi chuyện này vì không có những ràng buộc gia đình. Và các đồng nghiệp nhường phần thưởng để cố gắng giữ một phần nào đời sống ổn định.

Ngân Vi tương đối hài lòng về siêu thị của mình. Công việc không thể nói là hứng thú, nhưng khá hơn những việc nặng làm trước đây. Đám đông nghiệp có nhiều đứa dễ thương, cho nàng thay thế trong những giờ có thưởng cao, chia cho nhau cả những món đồ lấy trộm của siêu thị. Đàn bà thì có chuyện tục về đàn ông. Đàn ông thì không thiếu đứa sai khiến được. Ngân Vi còn có thể hãnh diện về siêu thị. Người ta đến từ cả chục cây số chung quanh, và cuối tuần thường hết chỗ trong bãi đậu xe.



Sau ngày làm việc, Trấn Hưng ngủ trưa khoảng 1 tiếng. Những giấc ngủ không bao giờ mơ, có tiếng âm ỉ của cái xa lộ vòng đai tưởng xa. Tỉnh dậy hần ăn qua loa, mì gói hay trứng, nửa tiếng là xong. Bữa cơm tối cũng sẽ không thịnh, chỉ cá, gà, rau, trái cây. Hần thường bán rẻ những miếng thịt của mình cho một đứa bạn. Không ăn thì chẳng lẽ vứt đi. Chuyện trường chay này không dính dáng tới tôn giáo, Phật hay Chúa còn phải chờ hần thêm một thời gian nữa. Phần ngày còn lại của Trấn Hưng không dài lắm đâu. Tối trễ nhất là 9 giờ đã phải vào giấc ngủ. Buổi chiều hần không coi truyền hình, chương trình vợ vắn, dành cho đàn bà nội trợ và các vị cao niên. Mà thật chán cái máy bây giờ tuyết rơi hết cả bốn mùa. Khi nào tiền gửi về gia đình bên Lào bớt nặng, nó sẽ bị thay thế. Rồi sẽ có thêm đầu video cho các phim gái Thái Lan hay Bắc Âu.

Cái thú nhất của Trấn Hưng là sửa chữa đồ hư. Cẩn nói ngay, hần không mê làm gì mới, thí dụ như tân trang chỗ sống của mình. Hần chỉ thích hồi phục lại những đồ cũ bị hỏng. Vật trong nhà hay của người quen đã đành, hần còn mang về vật linh tinh nhặt ở ngoài đường. Hần có thể ở cả ngày chủ nhật trong phòng với một chiếc máy gõ tung ra từng bộ phận. Căn phòng trọ không nhỏ nhưng đã chật chội. Đồ tốt và nguyên vẹn thì không nhiều, vì hần tiêu xài tận tiện. Đồ hư thì đầy dẫy. Có thứ chờ được cứu, có thứ chờ cống hiến một bộ phận nào đó cho vật khác. Nhìn chúng mới thấy tài sửa chữa của Trấn Hưng đa diện, đi từ đủ loại máy điện tử qua các thiết bị cơ khí, từ đồ gỗ qua các đồ sắt đồ chì đồ hàn. Cái hay ở đây là có nhiều ý độc đáo tránh tốn kém. Một bộ phận thay thế không ai nghĩ tới. Hoặc xa hơn nữa, một đồ vật bề ngoài như cũ nhưng cái ruột đổi khác. Cứ thế, qua bàn tay hần, bao nhiêu vật đã định bỏ cuộc, cuối cùng lại kéo lê cuộc sống. Lại một điều, không thể nghĩ hần muốn tiết kiệm, sửa để khỏi mua mới. Hần sửa luôn cả những đồ không cần, không thích. Sửa xong hần bán hay tặng người khác, cùng lắm đặt đại chúng nó ở ngoài đường cho đỡ chật nhà. Đến chỗ đó thì không chừng Trấn Hưng cao thượng như một bác sĩ chăm lo không kể công sức cho các đồ vật ốm đau và tàn tật, đáng lý ra đã bị sa thải. Nhưng đừng vội vàng tô đẹp. Biết đâu hần chỉ là một kẻ khó tính lật vật, hay bết hơn, một đầu óc bảo thủ, muốn thứ gì cũng phải trở về cái tình trạng lúc ban đầu. Chưa kể là làm như hần không tốt cho một xã hội cần tiêu thụ đồ mới. Làm như hần chỉ có hại cho các siêu thị.

Những giải trí của Trấn Hưng không nhiều. Có giới hạn của đồng lương, số bạn bè, ngày giờ trùng hợp với thiên hạ. Hần muốn sách Việt đều đặn, chương, trình thám, gián điệp, truyện dâm. Thịnh thoảng mua băng ca xét, Chế Linh, sáu câu tân thời, hài hước, nhạc mới thì Như Quỳnh, Đôn Hồ. Luẩn

quần vài đứa bạn, quen từ hồi xưa tại các nơi tiếp đón ty nạn. Gặp nhau càng ngày càng ít, hoàn toàn giữa đực rựa, sót lại mấy thằng chưa hoặc hết đàn bà. Nhậu ở nhà cho rẻ, vậy chứ thời trước đâu được whisky, thịt bò thượng hạng của Hưng Đụ. Vẫn chủ đời đảng hoàng tử tế, chủ chủ, chủ Tây, chủ Ta, chủ mày và cả chính tao, vẫn có đứa say tới mửa, vẫn có đứa khóc. Khác trước là bây giờ có đứa về nước gần đây, mang đến anh em kiểu nở mồm trong cách nói, chuyện kể. Còn không cứ việc chủ đàn bà thoải mái, lâu lâu đổi không khí, nhường cho một thằng, mắt bỗng nhìn xa, giọng chột mùi hần, tả về một hình bóng đẹp tuyệt trần, thật hay không chẳng quan trọng.

Chưa có đàn bà nào ở lại lâu với Trấn Hưng. Hần chỉ mới gặp những người có lúc thương hần, nhưng không đủ để ngừng hẳn nhìn về phía khác. Bà goá chồng người Thái, chủ một tiệm thịt, chỉ cần một anh nhân tình cho những lúc bà thoát khỏi sự bận bịu. Đời sống của bà đầy đủ, không muốn có ai bước vào, tiệm của bà khó lo chung với người khác. Bà có tình cảm với hần thật đấy, nhưng tình yêu không thể là tất cả. Trong một thời gian khá dài, hần đã gặp đều một cô gái của toà nhà cao tầng, nơi mấy bạn Tàu của hần giới thiệu. Cô gái người Việt. Cô muốn hần hạnh phúc, nhưng tiếc là không đóng góp vào hạnh phúc đó được. Cô ở tạm bên Pháp, chỉ còn ở đây một thời gian ngắn. Nghề cô là tạm, hần đừng khinh cô. Tất cả cuộc sống của cô lúc đó là tạm. Một ngày rất gần, cô sẽ trở về cái thôn của mình, có những đồng lúa xanh trời và con sông nước đục. Hần đã đem đến cô gái nhiều hơn là những tờ giấy bạc. Cô vẫn còn đó, nhưng biết tới khi nào mới sống ở đây.

Trấn Hưng vẫn thiếu một người đàn bà. Nào hần có đòi hỏi gì ghê gớm. Chỉ muốn có một người đi lại hàng ngày trong căn phòng trọ. Tính với hần xem mua sắm thế nào với tiền sẽ tiết kiệm. Ngồi chờ với hần những ngày tươi vui hơn. Hần sẽ cho người đàn bà ấy nhiều lắm. Sẽ sửa chữa tất cả những gì nàng thấy hỏng hay không đẹp. Sẽ làm vui từng ngày nàng nhận được. Sẽ thực hiện cho nàng một cái gì đó để đời có ý nghĩa. Trấn Hưng thiếu một người đàn bà. Hần cần có hai người cùng với nhau khóc cười.



Những ngày không làm việc, Ngân Vi vào Paris đi tìm những công viên. Thật ra đâu cần đi xa đến thế, ngoại ô nàng ở cũng có một vài vườn hoa, không phải chỉ toàn những dãy chung cư neoh nhóc và những xưởng máy xám xịt. Tội tình gì phải đi xe lửa, đổi *metro* mất cả giờ để tới những không gian xanh, nhiều khi chật người, trong một thành phố ồn ào ô nhiễm. Nhưng căn hộ của Ngân Vi ở ngoài Paris, chỗ làm cũng ở ngoài Paris, nàng muốn thay đổi. Đặt mình vào lòng cái thành phố sống ham hở, có những nét duyên bất ngờ trên một đại lộ, nơi một góc phố. Ngân Vi không chọn những công viên lớn, nổi tiếng thế giới, đầy du khách đứng chụp hình choáng cả lối đi. Nàng tìm những vườn nhỏ, nhỏ tới đâu cũng được, vắng vẻ và kín đáo. Không thể thiếu cuốn sách chỉ đường Paris, trình bày bản đồ chi tiết của từng quận, 20 quận lớn nhỏ. Nàng kiếm ở mỗi quận những ô khuôn màu xanh tản rác giữa những con đường chằng chịt.

Những vườn hoa nhỏ không hẳn tĩnh mịch. Vẫn nghe rõ tiếng xe cộ phố phường, vẫn nhìn thấy những toà nhà trong lá

cây. Có sao đâu, hoa và cỏ cây như vậy càng tươi màu, nắng ở đây càng ấm áp dịu dàng. Hơi thở sát gần của thành phố không thay đổi gì trong này, những băng ghế sồn gỗ chẳng buồn đánh thức người ngồi, những lối đi sỏi mòn chẳng thiết giục giã những bước chân. Ngân Vi sẽ ngồi rất lâu tại một chỗ nắng. Ngoài nắng ra, công viên chỉ lẻ tẻ một vài cặp già đỡ nhau đi chuyển, hai ba người đàn bà với chiếc xe chở con. Nàng sẽ có một cuốn tiểu thuyết dày, một túi đồ ăn trưa và một chai nước suối. Đâu óc và cái nhìn sẽ đi lại giữa những bãi hoa trước mặt và những thế giới tuốt tận nơi đâu.

Ngân Vi là khách quen thuộc của cái thư viện gần nhà. Bà quản lý biết rõ loại sách nàng thường mượn. Nàng mê nhất là tiểu thuyết kể về những tình yêu oan trái, diễn ra tại những miền đất xa lạ phía châu Phi, Nam Mỹ, châu Úc. Những chuyện tình cháy bỏng dưới mặt trời gay gắt, ừ thì có lúc làm người ta rụng rời, nhưng hơi đầu mà tin. Cái hấp dẫn là chúng được lồng vào những khung cảnh thân tiên, cho nàng khám phá những nơi chốn xa hơn cả tưởng tượng của mình. Phải nhiều tiền mới đi du lịch được những chân trời đó, Ngân Vi chỉ có những trang truyện để đi xa.

Tiểu thuyết, chuyện tình, mặt trời, nơi hoang dại, từng đấy đủ rồi. Có thể kết luận Ngân Vi là một đàn bà mơ mộng lãng mạn, chân không đụng đất. Ế chồng là phải. Nhưng thế mà lại không phải thế.

Ngân Vi chân không đụng đất? Trái lại, nàng thực tế chẳng thua ai. Đàn bà một mình trong một thành phố lớn như Paris bắt buộc phải thực tế. Khi những khó khăn nhiều hơn ở người khác, người ta càng không được phép thiếu thực tế. Sống hàng ngày tại một siêu thị, giữa vật chất dư thừa không phải của mình, bất cứ ai cũng thành thực tế. Ngân Vi muốn có một chỗ cho mình ở đất này, và giữ được nó, thì lúc nào cũng phải sáng suốt, tính toán kỹ, rút kinh nghiệm, chen lấn với người khác, tìm cách ngoi lên. Chính vì vậy nàng chọn những tiểu thuyết cho mình một không gian khác. Một không gian làm nhẹ bớt sức nặng quá lớn của thực tế ở trong nàng. Nó cần thiết cho sức chịu đựng của nàng. Ngân Vi không muốn thoát ra khỏi thực tế. Nàng chỉ tìm cách làm sao cho nó dễ thở hơn.

Ngân Vi ế chồng? Nàng chưa có chồng chẳng qua vì phải đi kiếm sống ngay từ những ngày mới tới đây. Và những công việc có được cứ đẩy ra xa cái cộng đồng của mình. Đàn ông Việt Nam thì chưa gặp, nhưng đã có những đàn ông khác yêu Ngân Vi, kể cả hỏi cưới. Anh chàng khuân vài người Thổ mát trử tình, thời nàng làm lậu tại xưởng may quần áo khu Sentier. Anh chàng bán *fromages* thích triết lý Đông phương, thời nàng đứng chợ ở phía Kremlin-Bicêtre. Anh chàng nhà văn nhà báo gì đó hơi mát mát, thời nàng hầu bàn ở tiệm ăn trên Grands Boulevards. Văn văn. Ở siêu thị bây giờ, gã trình trọng trách nhiệm khu đồ chơi vẫn chờ đợi nàng. Có kẻ thể xác nàng đã từng thân thuộc, trí nhớ nàng vẫn giữ lại sự trìu mến. Nhưng tiếc thay Ngân Vi đã rớt vào những đàn ông không sống nổi với xã hội chung quanh, đứng ngoài lề vì thất bại hay yếu đuối, cần một người đàn bà họ không sợ. Những cá nhân này định phủ lên nàng một hình ảnh sơ sài về người đàn bà Á Đông. Một phụ nữ chỉ phục tùng và chịu đựng. Không phải là nàng. Kinh nghiệm không may và hạn chế đã đưa tới Ngân Vi cả một thành kiến xấu, một cái nhìn hẹp hòi về đàn ông không cùng quê hương với nàng.

Ngân Vi sẽ lấy cho bằng được một ông chồng Việt Nam. Mau mau lên, trẻ lắm rồi, chỉ vài năm nữa là hết có thể có con. Nàng nhất định không khó tính. Ở bất cứ ai, đào cho thật kỹ cũng tìm ra vài khía cạnh chấp nhận được. Chỉ cần sống với những khía cạnh đó, phần còn lại rồi cũng quen. Tham vọng vừa vừa thôi. Một cô ngồi quây siêu thị với làm sao tới một anh nhân viên văn phòng. Ngân Vi đã nghĩ nhiều về gia đình. Chồng chỉ có việc về nhà mỗi ngày, nàng sẽ lo hết. Từ chuyện pha nước mắm ớt tỏi, chuyện sửa ngắn tay áo, cho tới tất cả những chuyện tiền bạc.



Bà Tâm làm mối mát tay kể gì, đầu heo đối với bà thường như cơm bữa. Người khác làm mối nhằm kiếm phúc đức cho mình, hay vì dư thừa một chút tình người. Còn bà Tâm phải hoàn thành nhiệm vụ Trời Phật giao phó. Chẳng cần ai mang ơn, bà mát mát gì đâu, khi ra tay biết mình sung sướng đến chừng nào. Mà con Ngân Vi thành Trấn Hưng bà thương thật tình, tội nghiệp, tội nó cô đơn quá. Con bé dễ thương ơi là dễ thương, coi bà Tâm như người mẹ nó thiếu bên Pháp này. Mỗi lần bà đi cái chợ của nó, con bé tại quây cứ đọc hột giá một số đồ, biểu tặng bà món này món nọ. Còn thằng Trấn Hưng, nó bán thịt cho con bà với giá thực sự tình nghĩa. Mặt hơi du còn ai ngờ lễ phép đáo để.

Trước khi cho đương sự gặp nhau, bà chuẩn bị hai đứa rất khéo. Câu chuyện nào cũng chỗ này chỗ kia nhắc tới người yêu sắp xuất hiện. Ngân Vi xinh không tả được. Lại khâu vá giỏi, hồi xưa là thợ may hẳn hoi chứ bộ, thời buổi này có mấy cô đảm đang được như vậy. Trấn Hưng thì đẹp tính, không la cà các quán nhậu, sáng ra gà chưa gáy đã dậy đi kiếm cơm. Cả hai đều không thích dấm dớ bậy bạ, muốn xây dựng một hạnh phúc bền vững lâu dài. Rồi một hôm bà Tâm rủ cô cậu đến nhà, ăn cơm thanh đạm thôi với vợ chồng bà. Đến mà coi bà đâu có xạo về người kia. Thế là Ngân Vi và Trấn Hưng gặp nhau lần đầu trước một mâm chả cá nhớ đời, đầy đủ cả cuống mắm tôm.

Hôm ấy bà Tâm nói chuyện như mưa, ông chồng phụ họa nhịp nhàng. Mắt Ngân Vi liếc nhìn Trấn Hưng từ nhiều vị trí. Quả thật mặt hắn không tìm đâu cho ra một nét đặc biệt, coi chừng mình ngáp lúc nào không hay. Nhưng chớ quên, quan trọng là cái tính tình, phải một thời gian mới thấy. Bà Tâm nói còn nhẹ, nàng đẹp hơn là Trấn Hưng tưởng tượng. Cái cười trời đất hồi, cặp mắt điệu này lấy hết hồn thiên hạ. Nhưng vui thật, chàng ta bị dao động mạnh thấy rõ, gấp bún bữa bãi rót cả vào ly rượu. Ở chỗ Ngân Vi ai mà chẳng cảm thấy khoái khoái. Trấn Hưng chú ý cái vẻ hiền dịu của nàng, giọng nói nhẹ như một đường tơ. Nàng lịch sự ý tứ, quý phái cũng nên. Đũa gấp e thẹn, miếng cá nào cũng nhỏ, khi nhai đôi môi khép chúm chỉ hơi rung rung. Lúc bà Tâm bỏ trái sầu riêng nồng nàn là lúc Ngân Vi đã thấy đối tượng không đến nỗi nào. Liệu hắn có dám gặp lại mình ?

Bây giờ phải đi lẹ một đoạn không có gì đáng ngạc nhiên. Hai ba lần Trấn Hưng đến đón Ngân Vi khi tan siêu thị. Hai người ra quán giải khát gần đó, kem 3 hương vị ở đây không quá 10 quan. Một buổi sáng Trấn Hưng hẹn Ngân Vi ở phố Tàu. Nàng leo lên chiếc cam nhông Cumbo, họ dư thì giờ ngồi cabin lái nói đủ thứ chuyện trong khi giao thông tắc nghẽn. Có

ngày chủ nhật chiếc xe gắn máy chở cặp uyên ương chạy dọc sông Seine. Con sông nhìn theo, tùm tùm cười đồng tình. Những câu chuyện trao đổi lúc đầu là đời sống siêu thị và giới người Tàu ở Paris. Tiếp theo là những tò mò của Ngân Vi về hắn, và bao nhiêu câu hỏi của Trấn Hưng trên từng điều nàng kể. Rồi cũng phải nói hết cho nhau, những bề bối trác táng của người này, những mối tình nhẹ dạ của người kia. Mỗi cố gắng lại làm họ gần nhau hơn. Hoá ra cuộc sống khó không chỉ cho riêng ai. Trấn Hưng thiếu những lời hay câu đẹp, nói chuyện nhạt như nước lã. Chẳng sao, mặt hắn đã nói nhiều lắm rồi còn gì. Ngân Vi cần tỉnh bơ như không có chuyện gì, vậy mà thỉnh thoảng nhìn hắn lạ lạ. Đến nhà Trấn Hưng chơi thì để bữa khác, nhưng hình như lời từ chối càng lúc càng không yên.



Ngân Vi bất chợt muốn về coi những đồ Trấn Hưng sửa chữa. Trước đó không có gì lạ, chắc chắn như vậy. Mọi thứ khi rõ khi mờ chỉ tại nắng không đều. Buổi trưa làm xôn xao một chút, khi nào chẳng thế ở giữa ngày. Đâu phải lần đầu có trạng thái hoang mang bồn chồn. Có lẽ nó tới từ một chi tiết đầu đó không đáng quan tâm. Nó chỉ đi qua. Chẳng có chuyện gì khác thường. Những khuôn mặt bên cạnh vẫn thản nhiên, đường phố không sống động hơn. Đừng thắc mắc, đừng im lặng. Từ một thời gian rồi, cái thân cái gân lâu lâu gây choáng váng, sau đó là một cảm giác rạo rục kỳ lạ. Làm như, vì đám đông dày đặc chung quanh, da với da thân mặt nhau lâu quá, bàn tay cứ la cà chỗ mềm mại không vải, vai cứ xích lại gần đôi thêm hơi ấm. Gân thế nào là đủ ? Bao lâu rồi đã thiếu ? Chờ gì nữa bây giờ ? Thôi chẳng hiểu làm gì, mặc kệ, để xem sao, đâu biết chừng. Lối về may là còn nhớ. Những trạm *metro* đổi tên không ngừng, đường còn dài mà không chịu đi nhanh, sắp tới mà vội vàng làm chi. Người nói không có người nghe.

Hắn đánh sai mật số ở cửa nhà, vào phòng nàng hỏi gì đó không rõ, hãy khoan, hắn tìm đôi môi, nàng đã chờ, cái mềm bất ngờ, lưỡi hấp tấp, lưỡi tham lam, có gì vùng dậy đến đón, lưỡi lẫn lộn vào nhau, quấn lấy nhau không chịu rời, rồi những cánh tay muốn siết chặt, siết chặt thêm nữa, bỏ chỗ này chạy tới chỗ kia, ở trên ở dưới ở đâu, ai đó uốn người lên cho phía dưới cạ vào nhau nhiều hơn, có bàn tay ôm lấy hết mông giúp vào, có bàn tay lên vào sau áo khoác, có bàn tay sờ soạng khắp ngực, vải vướng víu, vải cản trở, da thịt thềm khát hẳn lên đằng sau, khuy áo không cưỡng lại, bàn tay mở thêm đi vào, bàn tay luôn dưới áo đi lên, núm vú tìm được chột cứng, khiến lưỡi cuồng dậy phía trên, ở đó nó cố cản bước tiến phía quần jean, quá trễ, những ngón tay đã lọt vào trong, toả ra trong vùng rậm, sà tới chỗ sâu. Rồi hắn bị chặn lại bất thành linh. Nàng vùng vẫy, vụt thoát ra. Hai người thở hổn hển, lảo đảo một lúc, mặt bơ phờ, mắt tránh nhìn nhau.

Họ đứng đó bất động, áo quần tội lỗi, chờ nhịp thở đều lại. Một hồi sau nàng bước tới cửa sổ, mở rộng màn. Nàng quay trở vào, đi tới đi lui vô định, vấp phải đồ đạc chỗ này chỗ kia. Hắn nhìn theo, quờ quạng dọn phòng. Chỉ một lúc là nàng không còn chịu nổi. Nàng đi tới giường, cởi giầy, nằm vật ngửa trên nệm. Hắn cúi xuống gân, mới biết hơi thở nàng không dịu. Một lần nữa đôi môi hở gọi. Lưỡi thiếu nhau từ nãy giờ, thiếu nhau biết chừng nào. Nhưng hai người phải ngồi đây. Thời gian dừng lẹ quá như vậy. Họ cố gắng cởi quần áo

từ từ. Từng cử chỉ thật chậm, thật chậm, cố tách khỏi con côn cào trong người cứ tăng dần. Rồi hần nhìn thấy trọn vẹn thân thể nàng. Trần trướng nằm mở. Tất cả thân thể nàng đang chờ đợi, kêu gọi, thúc giục.

Buổi chiều hôm ấy, nắng tràn vào căn phòng từ cửa sổ màn không khép. Nắng bao trùm hai thân thể yêu nhau mãi không nguôi. Nắng để ý những quần áo rải rác trên sàn. Nắng lê ra đến tận hiên ngoài, quá cửa phòng quên đóng.



Người ta đã tả quá đầy đủ về tình yêu, từ cả chục thế kỷ rồi còn gì. Những kẻ sinh sau đẻ muộn chỉ có thể sao chép lại cách nào cho đỡ nhàm chán. Tình yêu bất hủ có khi nhờ những nhân vật lịch sử, hay những nhân vật nhiều tài, nhiều tiền. Trần Hưng và Ngân Vi không có gì hơn người. Tình yêu ly kỳ khi đầy những đung độ khốc liệt, những thảm kịch kinh hồn. Giữa Ngân Vi và Trần Hưng chỉ leo tèo vài ba xích mích nghèo nàn. Ngân Vi bực mình về tính gàn dở của hần, chỉ chực sửa mọi thứ, kể cả những đồ mới toanh trong nhà. Và đầu óc an phận của hần, không có tham vọng một ngày nào thôi làm công. Trần Hưng khó chịu về cái tật lạnh vật của nàng, cứ tưởng mình khôn hơn thiên hạ. Nhìn thấy một vài điều đã nghĩ thế giới và cuộc đời không còn bí mật, chuyện nào mình cũng biết cũng hiểu. Đấy, mâu thuẫn giữa hai người lắm lắm có thể, lấy gì làm một câu chuyện sóng gió. Tình yêu cao siêu khi xảy ra giữa những con người đam mê hay khác loài. Nhưng có lẽ phải nhiều học thức và văn hoá mới tới mức đó. Trần Hưng và Ngân Vi chỉ yêu lặt vặt. Yêu những rung động nàng để lộ. Yêu những trêu mếu nhỏ nhoi đến từ hần. Cuộc sống chật vật giữ họ dính chặt mặt đất. Chỉ biết Ngân Vi yêu đến độ bỏ cả giờ làm thêm khi họ được ở nhà với nhau. Và Trần Hưng thương tới cả những vườn hoa tầm thường của nàng. Hai người chưa giàu, nhưng đã bớt được một thiếu thốn lớn, đã được một người ở gần. Hoàn cảnh không dư dả của họ trừ được một cái nghèo.

Chuyện tình của Trần Hưng và Ngân Vi, kém gì ai, cũng dẫn tới hôn nhân và con cái. Đám cưới của họ không lớn. Chỉ được một thôi 12 người, ở một tiệm ăn Việt Nam có nhạc sống và sàn nhảy hần hoi. Tiệc tân hôn ít người nhưng quan khách có Tây Đâm và Tàu. Cô dâu đêm đó được cả nhà hàng sang trọng chú ý. Nàng đẹp quá trong chiếc áo dài trắng thêu, hở cổ, có hoa trắng trong tóc vẫn buồng thả. Chú rể mặt gần như tươi. Côm lê cà vạt không thiếu mù xoa ở túi vét. Bà Tâm, áo nhung, hột xoàn và chuỗi ngọc, có lúc xúc động đến phải chấm mắt. Hình ảnh đáng ghi nhớ nhất là khi cô dâu chú rể ra sàn nhảy lần đầu tiên trong đời họ. Họ chỉ biết nhìn nhau và ôm nhau cho bớt lúng túng mắc cỡ. Ngân Vi và Trần Hưng về sau có hai đứa con béo tốt. Thằng nỏ giống hệt mẹ. Đẹp như thiên thần, mắt láo liêng, suốt ngày tìm bạc các. Cái nường chẳng khác gì bố. Mới sinh ra đã làm về chán ngán cuộc đời, đung một chút là nhè. Nó thích bẻ gãy búp bê rồi lắp lại. Nhưng còn chỗ đâu để kể về chúng nó.

Vũ Hồi Nguyên

tháng 8 năm 2000

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- 5 Tin / Thời sự
- 10 Vài ý kiến về bão lụt ở VN Nguyễn Đạt
- 13 Quan hệ Việt - Mỹ Phong Quang
- 15 Dioxine và trách nhiệm con người Phạm Quang Thọ
- 17 Kinh tế tri thức Vũ Quang Việt
- 22 Thảo luận về bài VQV (nhiều tác giả)

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- 24 Đọc hồi ức Võ Nguyên Giáp Bùi Trọng Liễu
- 28 Giới thiệu sách mới Kiến Văn & Nguyễn Văn Ký
- 30 Chữ Việt theo Unicode Đỗ Bá Phước
- 32 Chữ Nôm và thời đại thông tin (nhiều tác giả)
- 35 Từ Byzance đến Ravenne Văn Ngọc
- 38 Võ Phiến với văn học miền nam Đặng Tiến
- 40 Một bài thơ nhiều bí ẩn Hàn Thuỷ
- 46 Nén trong kẽ liếp (*truyện ngắn*) Mai Ninh
- 52 Thập niên ngũ tuần (*truyện ngắn*) Nguyễn Hương
- 54 Hành trình một con bướm (*truyện ngắn*) Trần thị NgH
- 55 Một độ khóc cười (*truyện ngắn*) Vũ Hồi Nguyên
- 43 Thơ : Bắc Đảo (Diễm Châu dịch), Chân Phương, Đỗ Quang Nghĩa, Lê Minh Hà, Thường Quán
- 1 bìa : Khánh Trường (tranh sơn dầu)
- 43 tranh : Nguyễn Hạo

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 35 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 3.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)